



KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

Nguyễn Đồng Chi

Nội Dung (Trích Truyện)

- [Lời dẫn](#)
- [Cùng một tác giả](#)
- [Bản chất truyện cổ tích](#)
- [Lai lịch truyện cổ tích](#)
- [Truyện cổ Việt Nam qua các thời đại](#)
- [Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam](#)
- [Sự tích dưa hấu](#)
- [Sự tích bánh chưng, bánh dày](#)
- [Sự tích trầu, cau và vôi](#)
- [Sự tích trái sầu riêng](#)
- [Sự tích cây huyết dụ](#)
- [Sự tích Hồ Hoàn Kiếm](#)

- [Sự tích chim hít cô](#)
- [Sự tích con dĩa tràng](#)
- [Gốc tích bánh chưng và bánh dày](#)
- [Sự tích hồ Gươm](#)
- [Sự tích đá Vọng phu](#)
- [Sự tích núi Ngũ Hành](#)
- [Thạch Sùng còn thiếu mẽ kho hay là sự tích con mối](#)
- [Yết Kiêu](#)
- [Lý Ông Trọng hay là sự tích Thánh Chèm](#)
- [Lầy bầy như Cao Biền dây non](#)
- [Nợ như Chúa Chỗm](#)
- [Lê Lợi](#)
- [Lê Văn Khôi](#)
- [Nguyễn Khoa Đăng](#)
- [Tú Uyên](#)
- [Tùng Đạo Hạnh hay là sự tích Thánh Láng](#)
- [Thánh Gióng](#)
- [Tám Cám](#)
- [Mỹ Châu - Trong Thủy hay là truyền nỏ thần](#)

LỜI DẪN

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM, kể từ lần in thứ bảy, in cùng lúc trọn bộ cả năm tập. Rất tiếc, ở những lần in toàn vẹn này tác giả đã không còn được tự mình xem lại bản in thử, như ông đã từng làm việc đó một cách hứng thú và kiên trì trong sáu lần in lẻ từng tập trước đây. Tuy nhiên, từ sau khi tập V ra mắt (1982), thân phụ chúng tôi đã có dịp chỉnh lý kỹ cả năm tập, nhất là phần Tổng luận, nhằm chuẩn bị cho một lần in đầy đủ sau này. Chúng tôi cố gắng trung thành với những sửa chữa trực tiếp của ông, kể cả một đôi chỗ ông ủy thác cho tôi soát lại chút ít ít câu chữ, trong khi đọc bộ sách.

Mặt khác, trong lần in thứ tư (1972), tác giả có một thay đổi đáng kể trong kết cấu cuốn sách của mình: ông bỏ đi 2 truyện và thay bằng 2 truyện khác để giữ nguyên số lượng 200 truyện. Cần nhắc kỹ lại trong lần in thứ bảy, chúng tôi đã mạnh dạn đưa một truyện trong số đó trở lại bộ sách: truyện Giết chó khuyển chồng, số 50. Để bạn đọc dễ nhận ra truyện này đã được bỏ đi, chúng tôi đặt chữ số 50 đứng đầu tên truyện trong dấu []. Tôn trọng ý nguyện của tác giả, các quy tắc viết hoa và phiên âm tên người, tên đất vẫn giữ nguyên như trong mấy lần in trước chứ không thay đổi. Tuy vậy, để giúp các nhà nghiên cứu có thể tra tìm nhanh chóng khối lượng tài liệu nước ngoài hết sức lớn mà tác giả đã tham khảo, ở các chú thích xuất xứ, bên cạnh tên người phiên âm trước đây chúng tôi có ký chú thêm nguyên văn, hoặc chuyển ngữ tiếng Pháp. Đối với tên một số dân tộc, hay một số địa danh trên thế giới được nhắc đến trong mục Khảo dị, nếu thấy cần thiết, chúng tôi cũng làm như vậy. Cuối bộ sách, chúng tôi còn thêm vào một Bảng tra cứu tên truyện sắp xếp theo trật tự a b c. Tất cả

những việc này đều do các bạn bè thân thiết trong Ban văn học Cổ cận đại Viện Văn học góp sức thực hiện vào năm 1992.

Xin ghi lại ở đây tình cảm biết ơn chân thành của gia đình tác giả. Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục đã có nhã ý đưa Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam vào trường học, để bộ sách đến thẳng với một đối tượng đông đảo từ mấy thập kỷ nay vẫn là người bạn gần gũi của nó: học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên ngữ văn ở các trường đại học.

Về mặt văn bản, có thể nói đây là bản in hoàn chỉnh nhất.

Hà Nội, ngày 31 - XII - 1998

Con trai tác giả

Gs. NGUYỄN HUỆ CHI

LỜI NÓI ĐẦU

Nghiên cứu và sưu tầm vốn văn nghệ dân gian của dân tộc nói chung và truyện cổ tích nói riêng là một trong những công việc được Nhà nước ta đặc biệt khuyến khích. Trước Cách mạng cũng từng có một vài học giả lưu tâm làm những việc đó, và họ đã công bố kết quả của mình trên sách báo. Gần đây hơn thì những công trình sưu tầm, nghiên cứu cũng như các cuộc thảo luận giữa các bạn Vũ Ngọc Phan, Trần Thanh Mại và Văn Tân gợi ra nhiều điểm bổ ích cho việc tìm hiểu truyện cổ dân gian.

Nhưng nói chung, chưa nấy ai điều tra thật đầy đủ truyện cổ tích Việt-nam để dựng lên một hệ thống hoàn chỉnh, và trên cơ sở đó, đi sâu nghiên cứu chúng một cách toàn diện. Thực ra, kho tàng truyện cổ tích của chúng ta có không ít loại hình, trong mỗi loại hình có khá nhiều dạng kết hợp rất phong phú, nhưng hiện vẫn còn nằm lẫn lộn trong các kho sách cũ, trong mọi trí nhớ, mà khả năng cá nhân chưa tìm tòi khai thác hết được. Do đó, việc nghiên cứu chỉ mới là bước đầu, thiên về khái quát mà thiếu phong phú, cụ thể.

Theo chúng tôi, công tác nghiên cứu và sưu tầm vốn văn nghệ dân tộc quá khứ nếu chưa thành một công việc tập thể, được khơi động thành một phong trào rộng lớn trong cả nước, thì vẫn chưa thể gọi là toàn diện, do đó cũng chưa thể đạt kết quả dứt điểm như ý muốn. Cần phải có một cơ quan chuyên môn hoặc một hội nghề nghiệp để hướng dẫn sưu tầm, trao đổi ý kiến và tập trung tài liệu như ở nhiều nước đã từng làm, thì việc bảo tồn và phát huy vốn cũ mới mong thực hiện tốt được.

Trong khi chờ đợi sự kiện lớn lao và cần thiết đó, chúng tôi bạo dạn đem khả năng tìm tòi cá nhân thu góp những truyện cổ tích Việt-nam nghe được, đọc

được và nhớ được từ trước tới nay, chỉ mong cung cấp một tài liệu tham khảo cho những bạn yêu truyền thống văn học của dân tộc.

Bộ sách này là bộ thứ hai trong những công trình nghiên cứu của chúng tôi về truyện truyền miệng, tiếp theo bộ đầu tiên nhan đề Lược khảo về thần thoại Việt-nam. Nó gồm có ba phần:

Phần đầu, tìm hiểu một ít nét về bản chất, lai lịch và lịch sử phát triển của truyện cổ nói chung và cổ tích nói riêng.

Phần thứ hai, chiếm một khoảng rất lớn trong bộ sách là những truyện cổ tích Việt-nam đã chọn lọc và sắp đặt theo một hệ thống riêng

Phần cuối là những nhận xét sơ bộ về đặc điểm tư tưởng, nghệ thuật, qua đây tạm đánh giá tổng quát truyện cổ tích Việt-nam.

Tôn trọng chủ đề và kết cấu đã có của những truyện cổ tích, trong đời sống truyền miệng từ xưa, chúng tôi cố gắng trình bày nguyên, không sửa chữa: Trường hợp những truyện có nhiều địa phương kể khác nhau về chi tiết hay toàn phần, chúng tôi sẽ ghi tóm tắt ở mục Khảo dị để tiện tham khảo. Nếu truyện nào có nội dung tương tự với truyện của các dân tộc khác ở trong nước hay nước ngoài, chúng tôi cũng làm như vậy.

Mục đích bộ sách này là tình hiểu và giới thiệu những [truyện cổ tích Việt nam](#), mong đáp ứng phần nào nhu cầu trước mắt. Nó chỉ giới hạn trong phạm vi truyện cổ tích của người Việt mà chưa đề cập tới kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú của đồng bào thiểu số chúng ta.

Trong khi khôi phục lại cốt truyện của người xưa, trong khi tìm hiểu vốn cũ của dân tộc, chắc không tránh khỏi lầm lẫn và thiếu sót, chúng tôi mong các bạn xa gần kịp thời chỉ bảo cho.

Sau hết, chúng tôi có lời cảm ơn các bạn đã giúp cho tài liệu, đặc biệt ông bà Nguyễn Văn Nghĩa là những người đã nhen nhóm cho chúng tôi từ cái say mê nghe truyện cổ tích lúc còn trẻ cho đến hứng thú tìm tòi nghiên cứu nó sau này.

Hà-nội, tháng VI năm 1957

NGUYỄN ĐỒNG CHI

LỜI NÓI ĐẦU LẦN TÁI BẢN THỨ TƯ

Các tập I, II, III của bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam này từ khi lần lượt ra mắt đến nay đã ngót 15 năm. Trong thời gian qua, chúng tôi nhận được nhiều ý kiến và tài liệu của các bạn xa gần có lòng yêu gửi tới, kể cả ý kiến và lời giới thiệu trên các báo chí, trong nước và ngoài nước[1]. Chúng tôi hết sức cảm

kích về sự quan tâm đó của các bạn. Mặt khác, thời gian qua, chúng tôi cũng có để ý tìm tòi thêm những di bản trong nước và trên thế giới qua các tài liệu sách vở cũ và mới. Cho nên trong lần tái bản này chúng tôi đã có thể bổ sung những dị bản mới vào phần Khảo dị mà chúng tôi nhận thấy - cũng như một số bạn góp ý - là hãy còn ít ỏi, và cách kể chuyện quá vắn tắt. Như vậy, phần Khảo dị có sự bổ sung phong phú hơn trước; còn phần truyện chính, nói chung vẫn giữ nguyên, trừ một vài truyện cá biệt: hoặc thay truyện khác vì nội dung không còn thích hợp (ví dụ các truyện số 50, 77), hoặc có bổ sung ít nhiều vì vài bản cũ chưa hoàn chỉnh (ví dụ các truyện số 69, 99, 100), v.v...

Tóm lại, lần tái bản này đã khắc phục được một số thiếu sót trước đây vấp phải. Tất nhiên do kiến thức có hạn, do chúng ta còn bận chống Mỹ cứu nước, nên việc sưu tầm văn học dân gian nói chung, truyện cổ tích nói riêng, của cả hai miền đất nước vẫn còn chưa được nhiều, và việc bổ sung của chúng tôi cũng chỉ mới có thể thực hiện trong một chừng mực nhất định. Chúng tôi rất lấy làm ân hận sẽ được các bạn gần xa chỉ bảo thêm cho những sai sót khác.

Hà-nội, ngày 21 tháng XII năm 1971

NGUYỄN ĐÔNG CHI

Chú thích:

[1] Trong 1 tập san của Pháp quốc Viễn đông học viện (BEFEO), tập LII, số 1, năm 1964, xuất bản ở Pa-ri, có hai bài giới thiệu và phê bình, của Mô-ri-xơ Đuya-răng (Maurice Durand) và của Tiến sĩ dân tộc học Lê Văn Hảo. Ngoài ra, một số giáo trình đại học và luận văn nghiên cứu cũng giới thiệu kỹ những luận điểm cũng như hệ thống truyện cổ tích của chúng tôi.

Cùng Một Tác Giả

Kho sách bạn trẻ. Truyện thiếu nhi, 5 tập, Vinh, 1932 - 1 933.

Yêu đời. Truyện (giải nhì báo Tiểu thuyết thứ hai), Vinh, 1935 (ký tên Nguyễn Trần Ai).

Mọi Kontum. Nghiên cứu dân tộc học, cùng Nguyễn Kinh Chi, Huế, 1937.

Túp lều nát. Phóng sự, Vinh, 1937 (ký tên Nguyễn Trần Ai).

Việt-nam cơ văn học sử. Q.I. Hà- nội, 1942 (in lại Ở Sài-gòn, 1970 và 1993).

Hát dặm Nghệ - Tĩnh. Hà-nội, 1943.

Đào Duy Từ. (Giải thưởng Học hội Alexandre de Rhodes, 1943). Chưa in, mất bản thảo.

Phạm Hồng Thái. Hà-nội, 1945 (ký tên Bạch Hào).

Lược sử các cuộc cách mạng trên thế giới. 3 tập, Hà-nội, 1946 (ký tên Bạch Hào).

Gặp lại một người bạn nhỏ. Truyện, viết 1949, in tại Hà-nội, 1957, tái bản 1985.

Lược khảo về thần thoại Việt-nam. Hà-nội, 1956, tái bản 1957.

Sơ thảo lịch sử [văn học Việt Nam](#). 5 tập, cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1957 - 1960.

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. 5 tập, in nhiều lần, Hà-nội, 1957 - 1982.

Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài. Cùng Mai Hanh, Lê Trọng Khánh, Hà-nội, 1958.

Hát giặm Nghệ - Tĩnh. 3 tập (riêng tập I nghiên cứu, tập 2 và 3 sưu tầm cùng Ninh Viết Giao), Hà-nội, 1962 - 1963.

Vè Nghệ - Tĩnh. Chủ biên, Hà-nội, 1965.

Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn. Cùng Cao Huy Đình và Đặng Nghiêm Vạn, Hà-nội, 1969.

Thư mục và sách dẫn Tập san Văn sử địa và Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Hà-nội 1973.

Thời đại Hùng Vương. Cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1973.

Chiến thắng Rạch-gầm, Xoài-mút. Tp. HỒ Chí Minh, 1977.

Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc. Cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1980.

Văn học Việt-nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-quốc xâm lược. Cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1982.

Lọ nước thần. Tp. Hồ Chí Minh, 1983.

Ca dao Nghệ-Tĩnh. Cùng Ninh Viết Giao, Vinh, 1985.

Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu. 4 tập, cùng Đoàn Thị Tịnh, 1962 - 1969, chưa in.

Lịch sử phong trào nông dân thời Trung đại. Tập I và tập II, 1965 - 1978, chưa in.

Góp phần tìm hiểu phong trào nông dân Việt -nam trong lịch sử xã hội phong kiến. 1973, chưa in.

Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh. Chủ biên, 1 982 - 1983, Vinh - Hà Nội, 1995.

Từ điển thư tịch Hán Nôm. Chủ biên, 1982, chưa in.

NGUYỄN ĐỒNG CHI NHÀ VĂN - NHÀ KHOA HỌC

Trong tâm trí bạn đọc chúng ta, có lẽ không mấy ai không quen biết Kho tàng [truyện cổ tích Việt nam](#). Đó là một bộ sách dày 5 tập, lần lượt ra mắt độc giả trong 25 năm, từ 1957 đến 1982, và trong 25 năm đó, sự xuất hiện lần lượt của từng tập đã gây hứng thú, hơn thế nữa, gây những tình cảm đẹp đẽ cho nhiều người, từ trẻ em đến người lớn. Bộ sách đó cũng được trích dịch ra nhiều thứ tiếng từ Âu sang Á: Nhật, Đức, Nga, Pháp... Tác giả bộ sách quen biết đó là Giáo sư Nguyễn Đồng Chi, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng, cũng là một nhà sử học, nhà khảo cổ học, nhà Hán học, nhà dân tộc học, và nhà văn... mà ngòi bút có mặt trên văn đàn đã 50 năm nay. Với 70 tuổi đời nhưng tinh thần còn rất tráng kiện, Nguyễn Đồng Chi đã ra đi một cách quá đột ngột trong ngày 20-VII-1984, khi sức khỏe và sức làm việc của ông còn sung mãn, gây bàng hoàng sửng sốt không riêng cho người thân thuộc và hết thảy những ai quen biết ông. Còn nhớ ngày 6 tháng Giêng năm nay, nhân sinh nhật 70 tuổi của mình, trước các bạn bè cũ, các bạn văn cũng như các đồng chí cùng hoạt động với ông thời tiền khởi nghĩa, trong đó có người viết bài này, ông có đọc một bài ca trù tự vịnh mà mấy câu mở đầu nay đọc lại cứ tưởng như một lời báo trước, một sự linh cảm:

Đồng Chi nhất lão,

Mới ngày nào còn lơ láo biết chi chi;

Cho đến nay đầu nhuộm bạc, gân đang suy,

Cười một tiếng: "Cổ lai hy không mấy chốc".

Cuộc đời Nguyễn Đồng Chi là cuộc đời một người cầm bút phong phú, sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, và cũng là một cuộc đời đầy hoạt động. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước ở xã Ích-hậu, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh, ông là con thứ ba của cụ Nguyễn Hiệt Chi, tức Đầu xứ Thuận, biệt hiệu Mộng Thương, tác giả Sách mẹo tiếng Nam, Hán văn tân giáo khoa thư nhiều tập, Hán văn tân giáo pháp, Ba-xã địa dư... và nhiều thơ, văn khác, một nhà giáo có uy vọng. Học trò cụ nay còn lại đều là những bậc thức giả đáng kính - như các ông Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Giáp, Phạm Thiều... - vẫn thường nhắc đến đức độ của cụ. Nguyễn Hiệt Chi từng có chân sáng lập Công ty Liên Thành và trường Dục Thanh ở Phan-thiết là nơi tập trung khá nhiều chí sĩ yêu nước buổi đầu thế kỷ. Năm 1910, trước lúc xuất dương tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau năm 1945) có ghé lại Phan-thiết dạy ở trường này một thời gian, và một trong những học trò của ông là người anh

tra đầu của Nguyễn Đồng Chi, tức Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, Thứ trưởng Bộ Y tế hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Đồng Chi còn có người chú ruột là Nguyễn Hàng Chi, người cầm đầu phong trào Duy tân và Chống thuế ở Nghệ - Tĩnh. Tuy học rất giỏi, ông đã kiên quyết tẩy chay thi cử và cùng bạn bè tổ chức vụ phá trường thi Hà-tĩnh (1906) trong một cuộc khảo hạch để được miễn thuế thân mà ông cho là làm hèn hạ con người. Nguyễn Hàng Chi cũng là người thanh niên đầu tiên cắt "búi tóc" trong vùng với một bài thơ tự trào cũng bằng thể ca trù:

Hàng Chi ơi hỡi Hàng Chi,

Cõi trần hồ dễ như mi trọc đầu...

Năm 1908, Nguyễn Hàng Chi tổ chức nông dân các huyện kéo vào tỉnh thành Hà-tĩnh chống thuế, ông bị Pháp bắt và xử tử.

Nguyễn Đồng Chi sinh ra ở Phan-thiết, nhưng lại lớn lên giữa những ngày sôi động và dòn dập phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh. Vào những năm 1931 - 1932, mới 17 tuổi, đang học trung học, nhưng ông đã muốn tự mình làm một cái gì để thử thách nghị lực của mình. Nhân gặp một người làm thuốc rong có môn thuốc bó xương gia truyền đến chữa bệnh cho bà nội, ông đã cặm cụi học cách chế thuốc "gật" chữa bong gân gãy xương của người đàn bà không quen biết này và táo bạo ra Vinh mở... "Bình Ân dược phòng". Ông còn lần mò đi chợ Vinh nhiều buổi, tìm hiểu các hàng đồ tre chạm rất tinh tế của người vùng Nghi-lộc và sau đó mở hiệu chạm đồ tre gửi đi bán các nơi đề cổ động hàng mỹ nghệ của đất nước. Rồi ông mở "Kho sách bạn trẻ tự mình viết, dịch, phóng tác các loại "sách hồng của nước ngoài, cho ra mắt những cuốn Chí quả quyết, Tài trẻ nước Nam, Một nhà tan họp, Vườn xuân bạn trẻ, Tìm ra châu Mỹ... nhằm giáo dục nghị lực cho thiếu niên. Ông lại mở "Mộng Thương thư trai" ở làng quê, cho nhiều người đến đọc, để phổ cập những tư tưởng tiến bộ trong nhân dân.

Dần dần, lớn hơn ít nữa, ảnh hưởng của các phong trào khởi nghĩa Yên-bái, Xô-viết Nghệ - Tĩnh, Mặt trận Dân chủ thấm sâu trong ông. Khi được theo người anh lên làm y sĩ ở Buôn Mê-thuật và Kon-tum, Nguyễn Đồng Chi đã có dịp chứng kiến tấm gương của các tù nhân chính trị bị đày ải nơi đây, và mối quan hệ giữa hai ông với họ nảy nở nhanh chóng. Một người trong số các chiến sĩ đó sau ngày được tha về sẽ là con rể của gia đình cụ Hiệt Chi. Trở về Hà-tĩnh, Nguyễn Đồng Chi gặp gỡ các bạn trong phong trào Mặt trận Dân chủ; ông lao vào hoạt động tích cực hơn. Ông tổ chức ra "Phường tập phúc", một hình thức "hội kín" biến tướng. Bị mật thám Hà-tĩnh đe dọa về việc này nhưng ông không lui bước. Cùng một vài thanh niên yêu nước trong vùng như Nguyễn Chung Anh, Đặng Giá, Nguyễn Đồng Chi đã ra Hà-nội (1942), lách cớ đi đọc sách ở Trường Viễn đông bác cổ, tìm gặp Nguyễn Đắc Giới (tức Thôi Hữu) để bắt liên lạc với Mặt trận Việt minh. Năm 1943, các anh trở về Hà-tĩnh tổ chức cơ sở đầu tiên của Mặt trận Việt minh ở tỉnh. Lúc này một người tù cách mạng là Chu Huệ đã vượt ngục Buôn Mê-thuật ra Hà-tĩnh, tìm đến để phối hợp hoạt động.

Phong trào cứu quốc từ đây càng phát triển một cách vững chắc. Cuối năm đó bị địch khủng bố, một số anh em bị bắt, nhưng Nguyễn Đồng Chi vẫn giữ vững mối liên hệ với các bạn còn lại. Đến cuối 1944, tổ chức được phục hồi; sau cuộc họp ở chân núi Hồng Lĩnh, Đoàn thanh niên cứu quốc đã gặp gỡ ông Nguyễn Hiền từ Huế cử ra, lại liên lạc được với ông Nguyễn Tạo từ Tổng bộ Việt minh về lập căn cứ Tràng-sim, xây dựng phong trào ở Nghệ - Tĩnh. Cùng các anh em trong Đoàn thanh niên cứu quốc, Nguyễn Đồng Chi hăng hái dẫn mình vào mọi hoạt động cách mạng trong vùng, và khi có lệnh Tổng khởi nghĩa, ông đã tham gia lãnh đạo cướp chính quyền huyện Can-lộc vào một ngày sớm nhất trong tỉnh: 16-VIII-1945. Hồi tưởng lại việc này, ông viết những câu thật sáng khoái:

*Chân non Hồng nhóm họp dăm bảy bạn anh hào,
Dân quần chúng dám tấn công vào Can-lộc.
Cờ ứng nghĩa đầu tiên sao vàng tung bay sáng rực,
Tiếng reo hò hả nổi nhục non sông...*

Những ngày này dường như ở trong Nguyễn Đồng Chi đã có hai con người cùng gắn bó làm một: con người cách mạng và con người văn hóa. Say mê, xông xáo, ông dồn hết sức trẻ vào hoạt động, với niềm mong muốn chân thành xây dựng nền văn hóa mới Việt-nam.

Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đồng Chi ra Vinh nhận công tác văn hóa, tuyên truyền. Ông làm Trợ bút báo Kháng địch (1945), Chủ bút báo Truyền thanh (1946) rồi Chủ tịch Hội văn hóa cứu quốc Nghệ-an (1946). Ít lâu sau ông được điều động sang Ban kinh tài của Trung-bộ và ra Hà-nội công tác. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các cơ quan ở Hà-nội lần lượt tản cư, Nguyễn Đồng Chi tình nguyện ở lại gia nhập Đội tự vệ khu Bảy-mẫu và chiến đấu ở các khu phố chợ Hôm, Nhà máy diêm, chợ Đuối, Nhà thương Cống-vọng, Trường bay Bạch-mai... cho đến cuối tháng Hai 1947 mới cùng rút với các chiến sĩ Vệ quốc đoàn. Trở về lại khu IV, ông sẵn sàng nhận bất kỳ công việc gì mà trên giao phó, từ việc đi trồng trầu tại nông trường Bà Triệu (Nghĩa-đàn), đến công tác Chánh văn phòng Ban kinh tài Liên khu ủy IV, cho đến Giám đốc Nhà xuất bản Dân chủ mới Liên khu IV...

Còn nhớ thời kỳ ở nông trường Bà Triệu, ông phụ trách thanh niên. Đêm đêm ông đã đi ngựa hàng chục cây số vào các làng bản trong rừng dạy bình dân học vụ cho đồng bào Mường. Một mình một cây súng hai nòng, đội thêm một chiếc đèn sắn, đêm nào như đêm ấy ông hăng hái đi sâu vào những cánh rừng âm u của vùng đất đỏ Phủ-quỳ nhiều thú dữ, đôi khi sau buổi dạy học còn đem về một con cây, con mèo rừng, có lần cả một con hoẵng. Ông được kết nạp Đảng vào cuối năm 1947, cũng tại nơi rừng núi này. Những năm tháng hoạt động sôi nổi trên đây đã nung nấu trong ông ý muốn cầm bút ghi lại cuộc kháng chiến của dân tộc, và vào mấy năm sau, khi đã trở về công tác ở vùng xuôi Nam-đàn, ông bắt tay thực hiện. Ban ngày làm việc văn phòng, nhưng đêm đến, với một ngọn đèn dầu lạc con con, ông ngồi ghi lại câu chuyện một Tiểu đội tự vệ khu Nam Hà-nội đã luồn qua các lỗ đục tường, quấy rối tiêu hao các đồn bốt địch trong thành phố. Ông đã sống với tất cả cảm xúc bồng bột, say

đắm của một người trong cuộc", và cuốn truyện Gặp lại một người bạn nhỏ giàu tính chất tự truyện của ông, là những bức ký họa sinh động về những người dân Thủ đô thuở ấy, rất say sưa, dửng dưng, đánh giặc bằng mọi hình thức, không hề tiếc thân mình, nhưng đó cũng là một tập hợp phần nào còn luộm thuộm, phức tạp: có người là dân nghèo, là sinh viên, tiểu tư sản, có người là thợ nhà máy, là đầu bếp, có những chị buôn bán nhỏ ở chợ Hôm, lại có cả những tay anh chị" quen chuyện "khoét vách trèo tường... Họ đã đem vào cuộc kháng chiến những tính cách khác nhau, hợp thành một tập thể đông đảo, nửa tự giác nửa tự phát, và tạo nên cái màu sắc đầy hoạt động, vừa lãng mạn, nhiều vẻ, vừa rất đời "Hà thành.

Còn nhớ những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, khi tiếng súng bùng nổ ở Thủ đô thì tại Hà-tĩnh, nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc chúng tôi thường tìm về làng quê Nguyễn Đồng Chi để trao đổi tình hình chiến sự và hỏi thăm tin tức về ông. Rồi đột ngột đầu tháng Ba 1947, ông từ ngoài Bắc trở về, người đen xạm nhưng rất vui, kể những chuyện mà mình sống thực: về những cái lỗ đục tường, những ụ chướng ngại vật, về đêm nổ súng cả thành phố đột nhiên tắt ngấm điện và mỗi người đều trong tâm trạng nôn nao đến nghẹt thở trước giờ phút lịch sử trọng đại; rồi những trận cầm cự với xe tăng giặc Pháp, những trận đánh tầng lầu, những chuyến đi du kích, những cái xác người rịn nước dựng đứng trong hẻm, những vụ trấn áp "Việt gian" đến rợn gáy, những lần quần nhau suốt đêm giữa nó và mình... Bản tính điềm đạm ông rất tiết kiệm lời, nhưng chính vì thế càng gây hứng thú cho chúng tôi, nhất là cái sự thật giản dị chứa bên trong câu chuyện, nó có một khả năng lay động người khác rất mạnh, giúp người ta hình dung tất cả không khí rùng rợn của Hà-nội chiến đấu, mà tin tức và báo chí lúc bấy giờ chỉ nói được một phần.

Ấy thế mà khi bản thảo Gặp lại một người bạn nhỏ của Nguyễn Đồng Chi hoàn thành, chúng tôi lại bị ngạc nhiên một lần nữa. Không phải vì câu chuyện ông viết tở mỷ, mạch lạc hơn, mà chính là vốn sống phong phú của ông lần này đã được chất lọc, kết tinh lại, nâng lên thành nghệ thuật, nhưng mặt khác vẫn giữ được nguyên một câu chuyện kể nóng hổi, chân chất hồn nhiên. Theo tôi, đó chính là dấu hiệu của một người cầm bút chân chính, biết sử dụng đúng chỗ mặt mạnh của ngòi bút sáng tạo của mình.

Lúc bấy giờ ở vùng tự do khu IV ít có điều kiện để gửi một tập bản thảo dày ra Việt-bắc mà không bị thất lạc, nên viết xong Gặp lại một người bạn nhỏ, Nguyễn Đồng Chi chỉ có thể hội họp số ít bạn bè quen biết công tác ở gần, để nghe đọc và bình phẩm cuốn truyện của ông. Trong cuộc họp ở cái thị trấn Sa-nam nhỏ nhắn này vào cuối năm 1949, có cả một thầy giáo dạy văn trường cấp II Tân Dân trong huyện. Chúng tôi đã bàn cãi rất nhiều về thể loại của cuốn sách: không biết nên gọi nó là "truyện" hay "ký", bởi vì hồi ấy chúng tôi cứ nghĩ muốn gọi được là "truyện" thì phải có một cốt truyện hư cấu với nhiều tình tiết phong phú và giằng nổi chặt chẽ với nhau, với những nhân vật có vận mệnh gắn liền với diễn biến của cái cốt kể trên. Tiếp thu ý kiến của anh em, Nguyễn Đồng Chi đã sửa lại chút ít - và vào năm 1957, khi sách được Hội nhà văn Việt-nam xuất bản, như để thuyết minh thêm tính cách đặc thù của tác phẩm, tác giả đã ghi

một dòng phụ đề ở dưới tên sách: Ký sự kháng chiến Thủ đô. Nhưng giờ đây, đọc lại Gặp lại một người bạn nhỏ mới ngày càng nhận rõ hơn những ý kiến đơn giản hồi đó của chúng tôi. Quả là trong các thể loại tiểu thuyết khác nhau, có loại tiểu thuyết với những cốt truyện hấp dẫn, màu mè, bắt người ta phải tập trung sự chú ý vào đây. Nhưng cũng có loại tiểu thuyết mà cốt truyện chỉ là yếu tố phụ - mà sự có mặt của từng mảng sống xù xì đưa vào tác phẩm mới làm nên sức mạnh chủ yếu của nó. Viết về đề tài Hà-nội kháng chiến trong một khoảng thời gian rất ngắn và diễn ra mãnh liệt như trong những ngày cuối năm 1946 đầu năm 1947 ấy, Nguyễn Đồng Chi đã biết chọn một thể loại thích hợp cho việc khai thác đề tài, cũng phù hợp với bút pháp của mình. Ông đã dùng thể truyện - ký, nhằm giữ được đến mức tối đa chất liệu thực vô cùng quý của mảng sống mà ông từng chứng kiến, nắm bắt. Ông không muốn uốn nắn, đẽo gọt, làm mất đi cái hồn của nó là bản sắc lịch sử. Bản sắc lịch sử ấy hiện ra từ trong dáng dấp, ngôn ngữ, hành vi của nhân vật, từ không khí của toàn câu chuyện được tạo nên bởi nhiều chi tiết có thực mà tác giả dựng lại, và cả từ phong cách ngôn ngữ của người dẫn truyện - cũng là ngôi thứ nhất trong truyện - nó khiến người ta liên tưởng tới ngôn ngữ kể chuyện từng từng" mà rất giàu suy nghĩ của Rômac (Remaque) trong Phía Tây không có gì lạ. Và tất cả những yếu tố đáng kể ấy, hợp lại, đã giúp người viết tạo thành một bức tranh chính xác, như được đẽo bằng những nhát rìu sắc mà thô, về hình ảnh của một Hà-nội anh hùng, đã sống, đã chiến đấu, đã dũng cảm hy sinh, trong những ngày một đi không trở lại. Theo tôi nghĩ đó chính là một trong những yếu tố hấp dẫn của Gặp lại một người bạn nhỏ, một thể loại tiểu thuyết mà giá trị lại là ở chỗ, người đọc không được phép hồ nghi rằng đây là chuyện bịa.

Dĩ nhiên, không vì thế mà Nguyễn Đồng Chi bỏ qua việc khắc họa tính cách, điều mà tiểu thuyết bao giờ cũng đòi hỏi. Tuy mới là phác họa, tính cách các nhân vật đã hiện lên khá rõ, được ông theo dõi khá chu đáo, từ quá trình hình thành nên cuộc đời, nghề nghiệp, sở trường, cốt tính của mỗi con người, cho đến con đường riêng mà mỗi người đi đến với cách mạng. Đây là những Hân, Giáp, bác Phiêu, anh Lai, cô Môn, Linh rồi, lão Hoa "anh chị", và nhất là nhân vật "tôi" vừa là người dẫn truyện, lại vừa đóng vai trò nhân vật tự truyện - một mạch quan trọng thứ hai của tác phẩm. Tất cả, mỗi nhân vật là một lối sống, với ngôn ngữ, cá tính, không ai giống ai. Chúng góp thêm vào cái khí hậu lịch sử rất thực của cuộc kháng chiến Thủ đô. Giá thử ngày trước, sau cuộc họp góp ý của chúng tôi, Nguyễn Đồng Chi đã không vưng vàng mà đem gọt đi tất cả, rồi nhào nặn lại, rồi "hư cấu", tưởng tượng nên một câu chuyện tình yêu gắn với lý tưởng, gắn với chiến đấu... gì gì đấy, thì cuốn sách sẽ mất mát đi bao nhiêu là tài liệu sống và cái cốt truyện "có truyện" đó sẽ nhạt biết chừng nào. Càng nghĩ lại càng thấy ông quả là một nhà văn có bản lĩnh.

Nhưng thực ra, không phải Gặp lại một người bạn nhỏ là cuốn sách chững chạc đầu tiên của Nguyễn Đồng Chi về văn nghệ. Từ những năm 1934 đến 1935, khi đang làm phóng viên cho các tờ báo Thanh Nghệ Tĩnh tuần báo, Tiểu thuyết thứ hai, Bạn trẻ, ông đã có dịp thử thách năng khiếu sáng tác của mình. Cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội Yêu đời (1935), gồm hai truyện vừa của ông đã được giải thưởng của báo Tiểu thuyết thứ hai. Đặc biệt, trong phong trào Mặt

trận dân chủ, ông đã để lại được một tập văn xuất sắc. Đó là tập phóng sự Túp lều nát gồm 13 chương phơi bày không chút thương xót bộ mặt đều cáng, quý quyết, những thủ đoạn cướp bóc tinh vi cũng như hèn hạ của bọn tổng lý, cường hào. Ông không chỉ khuôn câu chuyện của bọn chúng lại trong phạm vi đình làng. Ông dựng chân dung của chúng một cách đa diện, từ việc bóp nặn dân đen, việc cho vợ con khoác áo rách rưới, đội tên những người dân trong sổ đinh của làng để đi lính chần... cho đến những việc tranh nhau một hộp thuốc lá cũ, chiếc bút-tất thủng... khi đến tiễn quan Tây rời hạt mình đi nhậm chức nơi khác" và đứng ngoài cửa sổ tình cờ thấy quan vút ra. Chỗ đặc sắc là tập phóng sự của Nguyễn Đồng Chi hầu hết đều là chuyện "người thật việc thật" ở trong vùng Nghệ - Tĩnh. Đây cũng vẫn là chỗ, theo tôi, làm nên cái sở trường, cái đặc điểm của phong cách sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Đồng Chi: ông không lia xa những mẫu người có thật mà mình đã gặp, mà chỉ làm cho chúng nổi đậm hẳn lên, bằng vào khả năng tạo dựng của mình. Chương sách cuối là một tấn bi kịch đẫm máu: một người nông dân ở Vạn-phần (Diễn-châu) bị áp bức đến quần kệ, đã phải làm cái việc phản ứng tự phát và liều lĩnh, "mạng đổi mạng" với một tên Chánh tổng, gần giống như truyện [Chí Phèo](#) của nhà văn [Nam Cao](#) viết mấy năm sau. Việc in tập sách này đã làm cho tác giả bị mật thám Hà-tĩnh gọi vào chất vấn, làm phiền nhiễu không chỉ một hai lần. Không những mật thám đe dọa, làm phiền, mà ngay cả một số địa chủ, hào lý ở Hà-tĩnh cũng khó chịu với ông, kể cả những người bà con thân thích, vì Nguyễn Đồng Chi đã đưa chuyện của họ công khai lên mặt giấy mà không... "xin phép". Nguyễn Đồng Chi có kể cho chúng tôi nghe, bản thân ông cũng không giữ được một bản in nào cả. May sao, ngày mới chân ướt chân ráo trở lại Hà-nội cuối năm 1954 để công tác ở Ban nghiên cứu Văn sử địa, còn ở nhờ nhà một người bạn công nhân trong một túp lều tranh ở xóm Thanh-nhàn (ô Đống-mác) một lần Trưởng ban Trần Huy Liệu mời đến nhà, rút tặng một cuốn sách mà ông cất giữ rất trân trọng, và nói: "Biết anh đang tạm phải ở lều tranh, nhưng xin tặng lại anh một "túp lều" của chính anh mà không có ngôi nhà nào sánh được, và tôi đã giữ nó trong nhiều năm nay". Nguyễn Đồng Chi vội cầm lấy và mở tờ giấy bọc bì ra: Đúng là cuốn Túp lều nát do ông vẽ bì, in năm 1937. Đối với nhà sử học Trần Huy Liệu, từ sau những sự việc đó, ông vẫn coi là người mà mình chịu ơn "tri ngộ".

Ngoài cuốn Túp lều nát, cũng trong năm 1937, Nguyễn Đồng Chi còn cho ra mắt bạn đọc cuốn Mọi Kon-tum viết chung với người anh ruột Nguyễn Kinh Chi từ một vài năm trước. Đây là một công trình điều tra dân tộc học, đánh dấu cái thiên hướng nghiên cứu khoa học của Nguyễn Đồng Chi. Toàn bộ tài liệu trong tập sách đều được hai tác giả ghi chép trong những ngày sống ở Kon-tum. Sách vừa là một cuốn địa lý học lịch sử, khảo sát đất đai, cương vực, kinh tế, chính trị tỉnh Kon-tum qua các thời kỳ, vừa là một chuyên khảo dân tộc học, tìm hiểu các tộc người cộng cư ở đây, nguồn gốc chủng loại của họ, và phong tục tập quán, bao gồm "thân thể tâm tính, triết lý tín ngưỡng, thiên văn địa lý, hương thôn giao tế, gia tộc cư xử, sinh tử giá thú, sĩ nông công thương, du hí mỹ thuật"... rất tỷ mỉ. Điều lạ là ngay từ bấy giờ, quan điểm của các tác giả đã rất tiến bộ, chẳng hạn ở đầu sách, họ đã giải thích rằng từ mọi vốn bắt nguồn từ từ tơmoi - có nghĩa là người khách - quen dùng trong đồng bào thiểu số, chứ

không có ý gì là khinh miệt. Hoặc họ xác nhận dân tộc Ba-na (Bahnar) giàu tinh thần yêu nước, đã dám nói với chính các tác giả rằng, từ khi có "người Phalang" (Pháp) đến thì "con Mọi sướng mà cực", vì "bị làm đường, nộp thuế, mất cả sự tự do". Các tác giả còn nhấn mạnh: "Tục lệ của họ (người Mọi) chẳng những không mọi rợ chút nào mà lại có nhiều điều còn thuần túy hơn ta", và quả thực, tinh thần chủ đạo nghiêm túc này đã làm cho cuốn sách vượt lên trên các loại sách ghi chép "chuyện lạ đường rừng" vốn không hiếm gì vào thời ấy. Điều đáng lạ nữa là tập sách còn dành một phần cuối để ghi những tục ngữ, câu đố và truyền thuyết dân gian gắn với tín ngưỡng của đồng bào Thượng, chứng tỏ ngay từ cuốn sách nghiên cứu đó, xu hướng nghiên cứu văn hóa dân gian nguyên hợp đã sớm định hình trong Nguyễn Đồng Chi. Cho mãi đến những năm gần đây, một nhà dân tộc học người Pháp, Công-đô-ni-nax (Condominas) trong một dịp sang thăm Việt-nam, vẫn còn nhắc đến cuốn sách trên với thái độ kính trọng.

Sau các cuốn Túp lều nát, Mọi Kon-tum, một phần cũng vì tránh mật thám quấy rầy, Nguyễn Đồng Chi về ở hẳn nông thôn cặm cụi đọc sách.

Cũng theo người em ruột kể lại thì đây là thời kỳ anh học chữ Hán một cách hệ thống với một người chú họ là nhà nho Nguyễn Lợi, người đã từng dịch Thoái thực ký văn và Giới Hiền thi tập. Ông học chữ Hán với quyết tâm nghiên cứu đến nơi đến chốn vốn văn hóa thành văn cổ truyền, để chống lại quan niệm xem thường di sản tinh thần của cha ông, của một số người tự xưng là "Tây học". Vốn là người táo bạo, nhất là còn ở tuổi thanh niên, Nguyễn Đồng Chi đã biểu thị quyết tâm học chữ Hán bằng một hành vi có vẻ cực đoan: ông cạo trọc đầu, để tóc trái đào, để khỏi phải giao du, vui chơi, do nhu cầu tất nhiên của tuổi trẻ. Và cứ thế, ông vừa học, vừa hoàn thành bộ sách dày Việt-nam cổ văn học sử, nghiên cứu lịch sử văn học Việt-nam trong gần năm thế kỷ đầu thời phong kiến tự chủ, nhằm khẳng định nền văn hóa mang bản sắc riêng của người Việt so với văn hóa Trung-hoa. Cuốn sách ra đời được nhiều người chú ý. Việc tác giả lần đầu tiên đưa dòng văn học chữ Hán của cha ông vào văn học sử, hơn nữa lại dám khẳng định tinh thần "quyết đánh" của Hội nghị Diên-hồng là đặc trưng cơ bản nhất, chi phối lâu dài sự phát triển của văn học Việt-nam: "Đánh có nghĩa là tiến bộ và tiến bộ mãi mãi... lịch sử tư tưởng, văn học Việt-nam trước nay và sau có thể tóm tắt bằng một chữ ấy vậy", trong điều kiện bị o ép đến ngột thở dưới chế độ thực dân phát-xít lúc ấy, đã làm cho không ít người bỡ ngỡ lạ lùng. Trần Văn Giáp viết lời đề tựa, nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng viết lời bạt, các học giả Nguyễn Văn Tố, Đặng Thai Mai viết giới thiệu, phê bình, tuy không nhắc đến luận điểm rất "bạo" này nhưng ít nhiều đều tỏ rõ thiện cảm với tác giả. Ngày nay bình tĩnh xét lại, phải nói những luận điểm đó so với đương thời không phải chỉ có ý nghĩa tiến bộ mà thôi, mà còn là một cống hiến mới mẻ, có giá trị gợi mở về lý luận. Nhà sử học Văn Tân kể rằng, bấy giờ ông đang ở tù, và cùng một số chiến sĩ cách mạng khác đang rất bức bối trước cuốn Hai bà Trưng bồi họ lịch sử của Nguyễn Tế Mỹ. Cuốn sách của Nguyễn Đồng Chi xuất bản đã chiếm được cảm tình sâu sắc của ông và các đồng chí vì nó xác định rõ, dân tộc ta vừa có một tinh thần quật cường lại vừa có một truyền thống văn hóa quý báu mà chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn

kết, cộng đồng, là linh hồn cốt tủy. Mấy năm trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đồng Chi còn viết một số công trình khác: Hát dặm Nghệ - Tĩnh, nghiên cứu tổng hợp từ đặc trưng đến hình thức diễn xướng, cho đến việc điều tra tiểu sử, sinh hoạt, giao du... của các nghệ nhân dân gian, xung quanh loại hình dân ca cổ truyền "hát dặm" của vùng Nghệ - Tĩnh; Đào Duy Từ, nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp đắp thành xây lũy, và văn nghiệp của một con người lừng tiếng vốn xuất thân từ "con hát" (cuốn này được giải khuyến khích của Học hội Pháp - Việt A-lê-xăng đơ Rốt (Alexandre de Rhodes) cùng với [Lều chõng](#) của [Ngô Tất Tố](#)); Việt-nam cổ văn học sử, tập II và III nghiên cứu những tác giả tiêu biểu nhất của thời đại Lý, Trần, Hồ. Cả hai cuốn sách sau đều chưa kịp in thì cách mạng nổ ra. Hiện nay, một trong hai bản thảo trên còn được lưu giữ ở Viện Sử học.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu văn học, Nguyễn Đồng Chi cũng có dịp thử thách mình trên địa hạt lịch sử. Vài năm đầu sau cách mạng, ông lập Nhà xuất bản Ngân Hồng, và viết các cuốn Phạm Hồng Thái, Lược sử các cuộc cách mạng trên thế giới... Cuốn sách sau gồm nhiều tập (mới ra được 3 tập) nhưng chỉ là viết lại từ tài liệu của nước ngoài, để giới thiệu với công chúng của nước Việt-nam mới các phong trào cách mạng đã diễn ra khắp Âu, Mỹ, Á, Phi. Nhưng cuốn sách trước, ký tên Bạch Hào, tuy rất mỏng lại là một tài liệu đáng giá: đó là kết quả một chuyến đi thực tế của các anh em trong tòa báo Truyền thanh về tận làng quê nhà chí sĩ Phạm Hồng Thái, một làng nhỏ và rất nghèo nằm sát bờ sông Lam mà dòng nước của con sông hung dữ mùa lũ lụt cứ xói dần, xói vào đến nghĩa địa, làm phơi ra cả những chiếc quan tài chôn sát bờ sông... Tất nhiên, những công trình sử học, khảo cổ học bề thế của Nguyễn Đồng Chi phải là những công trình xuất hiện từ sau khi ông ra Hà-nội công tác tại Ban nghiên cứu Văn sử địa trung ương, sau hòa bình lập lại. Ông đã cùng các tác giả trong Ban văn của Ban Văn sử địa hoàn thành nhanh chóng 5 tập Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam khổ lớn mà ông phụ trách một phần văn học dân gian và toàn bộ phần văn học chữ Hán vốn lúc bấy giờ bạn đọc đông đảo chưa biết gì nhiều, vì chưa mấy cuốn được dịch. Bộ sách Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam ít nhiều vượt lên những bộ văn học sử trước đó không phải chỉ vì độ dày của nó, vì sự phong phú của các chương mục, mà con ở phương pháp và quan điểm, trong đó có quan điểm coi văn học chữ Hán là một thành tố quan trọng của văn học dân tộc. Và nếu trước đó một năm, đọc Lược thảo lịch sử văn học Việt-nam người đọc đã có một ý niệm khá rõ ràng về lịch sử văn học lâu đời viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt, thì đọc đến bộ Sơ thảo... người ta lại hiểu thêm rất nhiều về đẹp trong tư duy thẩm mỹ của cha ông, thông qua một hình thức ngôn ngữ - chữ Hán - được coi là điển phạm của phương Đông lúc bấy giờ, cũng như vai trò của ngôn ngữ Hy - La trong văn học trung đại châu Âu vậy. Có thể nói, chỉ với Nguyễn Đồng Chi, lần đầu tiên bạn đọc mới thật sự tiếp xúc với cái hay của những tập thơ đặc sắc của thế kỷ XV như Ưc Trai tập (Nguyễn Trãi), Chuyết Am tập (Lý Tử Tấn), Lã Đường di cao (Thái Thuận), Cửu Đài tập (Nguyễn Húc). Châu Khê tập (Nguyễn Bản)... hoặc nụ cười lạc quan của Ninh Tôn, tâm sự u hoài của Trần Danh Án, thái độ hãnh tiến của Đặng Trần Thương. "tiếng nói trữ tình bi phẫn" của Cao Bá Quát, tinh thần "khoa ngọn đuốc vào chốn tối tăm oan khốc trong lũy tre xanh" của Nguyễn

Hàm Ninh... cho đến cả nét đặc sắc khác nhau trong những tập truyện truyền kỳ của nhiều thời đại, như Thánh Tông di thảo, Truyền kỳ mạn lục, Truyền kỳ tân phả, Lan Trì kiến văn lục, Công dư tiệp ký, Sơn cư tạp thuật... mà không phải đến nay đã được dịch và giới thiệu tất cả. Nhận xét của Nguyễn Đông Chi bao giờ cũng gọn gàng mà làm bật ra cái mới, cái lý thú của tác phẩm. Đó là công lao của một người đi đầu.

Nguyễn Đông Chi còn là một trong những tác giả chính các cuốn Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài (1957), Thời đại Hùng Vương (1973), Nông thôn Việt-nam trong lịch sử, 2 tập (1977 - 1978), Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc (1980), Văn học Việt-nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-quốc xâm lược (1982)... Tham gia nhiều đợt khai quật khảo cổ học, ông là một người chủ chốt trong 3 người có vinh dự phát hiện di chỉ đồ đá cũ Núi Đọ nổi tiếng (1960) mà Giáo sư tiến sĩ Bô-rix-côp-xky (Boriskovsky) từng viết rằng: "Các học giả này đã lấp một khoảng trống quan trọng trên bản đồ khảo cổ học Việt-nam". Ông cũng nghiên cứu sâu vấn đề nông dân trong lịch sử Việt-nam thời trung đại. Với nhiều nguồn tư liệu xác thực, ông trình bày các kiến giải độc lập về những vấn đề sở hữu ruộng đất của làng xã, quan hệ nhà nước và làng xã, quan hệ thân tộc và các biện pháp tương trợ trong làng xã Việt nam dưới thời trung đại... Đặc biệt, ông còn ứng dụng phương thức sản xuất châu Á để tìm hiểu quy luật vận động của các phong trào nông dân trong lịch sử dân tộc từ xa xưa cho đến gần đây. Các công trình Lịch sử phong trào nông dân Việt-nam dưới thời trung đại (tập I và II) và Góp phần tìm hiểu phong trào nông dân Việt-nam trong lịch sử xã hội phong kiến, theo cách nhận định khiêm tốn của chính tác giả, tuy là kết quả nghiên ngẫm trong nhiều năm và có nhiều khám phá đặc sắc không giống người khác (1965 - 1978), song cũng chỉ mới là một cách nêu vấn đề và một giải đáp bước đầu chưa thể gọi là hoàn chỉnh, những bản thảo thao thức rất lâu của ông và của cả giới sử học trên vấn đề rất quan trọng này.

Nguyễn Đông Chi vốn là con người chân chất. Ông sống gần gũi với nhân dân lao động, và yêu họ với những tình cảm đôn hậu, xuất phát tự đáy lòng. Còn nhớ vào khoảng tháng Tư 1945, ít lâu sau đảo chính Nhật, nạn đói khủng khiếp bắt đầu hùng lên dữ dội ở Nghệ - Tĩnh. Nhìn những người chết đói nằm xám ngắt bên đường, và hàng đoàn người đói kéo đi lủ lượm, lóc thốc, ai mà không đau lòng. Nhóm thanh niên Cứu Quốc Can-lộc được lệnh tổ chức cứu đói. Chúng tôi vừa lo xây dựng những nhà trẻ mồ côi, chuyển các em còn sống sót từ vùng biển lên vùng trên, vừa lo đi quyên góp thóc gạo để cứu tế. Nguyễn Đông Chi là một người kiên trì và hăng hái nhất. Ông được phân công cùng tôi đi khắp các làng xã trong toàn huyện, tìm đến các nhà giàu để lạc quyên. Chỉ cần mang theo một cuốn sổ, để hễ thuyết phục được nhà nào quyên cúng bao nhiêu là ghi vào sổ, mời họ ký vào, hôm sau sẽ có những anh em khác đến thu nhận hiện vật. Ngày này qua ngày khác, từ sáng đến chiều, hai chúng tôi cứ đi bộ khắp mọi nẻo đường xa tắp từ biển lên núi, để đến với những ngôi nhà tường cao, dậu kín, và đàn chó dữ, để nói mãi nhưng lời lặp đi lặp lại mà không thấy nhàm, và để ghi chép cho đầy cuốn sổ, đầy bao nhiêu hay bấy nhiêu. Chúng tôi làm việc, đi bộ liên miên mà không thấy mệt, cứ thoáng thấy bóng

những đoàn người đói lê la khắp nơi là đã quên cả mệt. Một ngày nọ đến nhà Bát X. ở vùng Thượng Can. Nhà này nổi tiếng giàu nhất vùng, nhưng cũng nổi tiếng keo kiệt. Khi nghe chúng tôi trình bày, bà vợ Bát X. cũng làm bộ đói khổ, bảo chúng tôi: - "Nhà tôi cũng đang phải ăn cháo trừ bữa đây, lấy gì mà quyền với góp". Cả hai anh em cùng bị bắt ngờ, lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Nhưng Nguyễn Đồng Chi đã lên tiếng kịp thời: - "Nếu thế thì cũng xin cứ ghi tên vào danh sách và ký vào đây, để mai kia còn cho con cái đi lính chẵn" - Nhà Bát X. mà lại đi lính chẵn(!). Câu trả lời đầy vẻ châm biếm, trái hẳn với tính cách của ông thường ngày. Tôi chỉ biết cười để chia sẻ sự khoái trí ngầm với ông vì không ngờ ông lại trả miếng được nhanh như vậy. Còn bà Bát X. thì bị tẽn, im bật, và cứ đứng trơ ra không biết đối xử thế nào. Quả nhiên người con gái từ trong nhà chạy vội ra, xin nhận lời quyền góp, và phân trần rằng rằng bà mẹ lỡ lời. Từ đấy tôi càng biết Nguyễn Đồng Chi rất yêu mến nông dân nghèo và vì họ, ông có thể trở thành người xông xáo, sắc sảo trong mọi hoạt động.

Nguyễn Đồng Chi cũng là người biết nói chung một thứ ngôn ngữ với nông dân. Trong 50 năm quen biết và hoạt động chung với nhau, tôi chưa bao giờ thấy ông tỏ ra mình là "trí thức" khi sống cùng quần chúng. Không phải ông cố tập cái giọng "bình dân" như một vài người nào đấy. Có thể nói trong khi tiếp xúc với họ, ông vẫn không hề thay đổi cách nói năng, suy nghĩ, thậm chí vẫn giữ nguyên cả tác phong vốn có của mình, vậy mà ông lại hoà nhập thoải mái được với người đang cùng mình đối thoại, y như đã biến thành một người nông dân thực thụ, một người "thợ cày" chất phác hiền lành. Mà sự cố gắng này ở ông chẳng phải là cái gì khó khăn hay kiểu cách. Đối với ai, ông cũng cởi mở hồn nhiên như thế, như cái bản tính đôn hậu vốn đã có ở trong ông. Tất nhiên, đấy chính là kết quả của quá trình rèn luyện lâu dài, gian khổ, cộng với quá trình sống nhiều ở nông thôn, hiểu biết người nông dân từ chân tơ kẽ tóc. Có khi ông cùng họ đi lao động cày bừa, cấy hái và cùng họ dự các buổi hát giặm, hát ví trong các mùa cấy gặt. Có những ngày rỗi rãi ông đã cùng anh em tổ chức các cuộc đi chơi đến các làng xã khác vừa để tìm hiểu phong cảnh, phát hiện các di tích lịch sử, tìm tòi các hòn đá, mảnh sành, mảnh bát, vừa để tìm hiểu sâu về đời sống nông dân. Chính những cuộc "đi điền dã" đó với cách sống giản dị, rất bình dân của ông, đã từng bước tạo nên cái vốn và thúc đẩy ông đi vào nghiên cứu văn hóa dân gian mà rồi đây sẽ là nguồn yêu thích lâu bền nhất, là nơi ông có thể kết hợp hài hòa giữa tình yêu cách mạng và tình yêu văn hóa, tình yêu khoa học sâu đậm. Cùng với các nhà phon-clo (folklore) có tên tuổi khác, ông đã đưa bộ môn này trở thành một khoa học xứng đáng với tên gọi của nó.

Hơn hai mươi năm trước, trong một hội nghị khoa học của Viện Sử học, Nguyễn Đồng Chi đã đọc một bản báo cáo nổi tiếng: Vấn đề viết xã chí trên toàn miền Bắc (1961) một yêu cầu cấp bách của công tác nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương. Bản tham luận được nhiều nơi và nhiều ngành văn hóa theo dõi, được nhân bản để tham khảo ở nhiều Ty, Sở văn hóa, và đó cũng là gợi ý để sau này các bộ địa chí có tầm cỡ tỉnh, huyện hoặc xã lần lượt ra đời. Say mê văn hoá dân gian từ những ngày còn rất trẻ trong đó có tình cảm gắn bó với đời sống nông dân, với tâm hồn dân tộc, Nguyễn Đồng Chi đã viết lại Hát giặm

Nghệ - Tĩnh (3 tập, trong đó có một tập là chuyên luận, và hai tập là sưu tầm), chủ biên Về Nghệ - Tĩnh (2 tập), Viết Ca dao Nghệ - Tĩnh, Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu (4 tập, 1962 - 1969, chưa in). Đặc biệt 2 công trình nghiên cứu được nhiều người biết tiếng cũng khẳng định uy tín nổi bật của ông trong nghiên cứu văn hoá dân gian, là Lược khảo về thần thoại Việt-nam và bộ sách 5 tập Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam đã nói ở trên. Hệ thống thần thoại Việt-nam do những điều kiện nhất định, đã bị mai một nhiều. Làm cách nào để dựng lại cho hợp lý, không khiên cưỡng, bịa tạc? Nguyễn Đồng Chi đã tham khảo các trường phái thần thoại học châu Âu cũng như châu Á, nhưng ông không bắt chước họ một cách máy móc. Ông không vội dựng ra các đồ biểu, các cấu trúc rắc rối. Tuy vậy, đọc ông sẽ thấy ông đã khéo dẫn dắt để thần thoại Việt-nam được nhìn nhận như một hệ thống, tuy đã vỡ đi và chỉ là những mảnh còn sót lại nhưng vẫn mang bóng dáng của một hệ thống có bản sắc, trong quan hệ giao thoa phức hợp với các hệ thống thần thoại láng giềng, với thần thoại các dân tộc anh em. Sau khi sách của Nguyễn Đồng Chi in ra, một số cuốn đã lọt vào miền Nam và có một học giả Sài-gòn lấy gần như nguyên xi các luận điểm cũng như cả hệ thống truyện đã thành một kết cấu trọn vẹn của tác giả, để cho vào một cuốn sách của mình. Kết quả họ bị dư luận tố cáo, thậm chí bị đưa ra tòa án văn chương.

Bộ Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam cũng được xây dựng trên một nguyên tắc gần giống với cuốn Lược khảo về thần thoại Việt-nam. Nguyễn Đồng Chi rất tâm đắc với anh em Grim ([Grimm](#)) người Đức trong khi xây dựng hệ thống truyện cổ. Ông không hề sa vào quan điểm máy móc, đôi khi hiện đại hóa một cách lộ liễu, như vẫn thường thấy trong một số bộ cổ tích xuất bản những năm sáu mươi trở về trước. Và 200 truyện cổ mà ông tìm tòi, xây dựng, sàng đi lọc lại, với một phong cách ngôn ngữ riêng, giản dị, truyền cảm, với sự khảo dị so sánh rất dày công kho tàng truyện cổ đồ sộ trên thế giới, có thể nói đúng là kho tàng mang rõ nét tâm hồn Việt-nam, kết tinh những gì tiêu biểu của tư duy nghệ thuật tự sự dân gian Việt-nam, qua phong cách kể chuyện truyền cảm, sinh động, dí dỏm, mà nhiều nhà nghiên cứu phân-clo như Lê Văn Hảo, Vũ Ngọc Khánh, Tạ Phong Châu đều thống nhất đánh giá rất cao. Trong một bài giới thiệu hai tập I và II của bộ sách, trên tạp san B.E.F.E.O. số 1 - 1964. Tiến sĩ dân tộc học Lê Văn Hảo đã viết: "Mặc dù chỉ mới công bố được một phần, phần thứ hai này của bộ sách đã có nhiều phẩm chất đáng lưu ý: trước hết là văn phong của tác giả trong khi kể chuyện, giản dị, linh hoạt, sôi nổi, lúc hóm hỉnh, lúc hiện thực, rất thích hợp với loại hình truyện kể. Về phương diện này phải thừa nhận sự ưu việt của Nguyễn Đồng Chi so với những tập truyện cổ của các tác giả đương đại khác. Ông có cái tư chất của một nhà văn biết ghi lại trung thành niềm hứng khởi, nét ngây thơ và sự cảm động của người kể chuyện và nhà thơ dân gian. Một số truyện, dưới ngòi bút của ông, đã trở thành những kiệt tác ngắn gọn và tinh khiết, ở đó sự hiện diện của chất thơ và chất hiện thực được hòa tan vào nhau trong một thể thống nhất (chẳng hạn: truyện thuyết về đá Bà-rầu, I, tr.205 - 207; truyện thuyết về chim hít cô, I, tr. 80 - 82). Một số truyện khác lại tuyệt diệu ở sự trào lộng và tính cách hóm hỉnh, nó lộ ra từ những tình tiết có ý nghĩa châm biếm đối với một thực tế đầy sóng gió kịch tính,

hoặc chen lẫn cả bi và hài (chẳng hạn: truyền thuyết giải thích cái nốt dưới cổ con trâu, I, tr. 136 - 138; truyền thuyết giải thích nguồn gốc ruộng Thác đao; truyền thuyết về người anh hùng nông dân Chàng Lúa, II, tr.125 - 132)". Hiểu biết sâu sắc tình cảm cộng đồng của người dân Việt nên trong phân loại truyện cổ, Nguyễn Đồng Chi còn khám phá ra một loại hình cổ tích lịch sử mà nhiều nước không có. Kể từ những năm 60, các giáo trình ở một số trường đại học trong nước đã đề cập và chấp nhận quan điểm phân loại truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đồng Chi, xác nhận nhiều ý kiến đúng đắn cũng như phương pháp trình bày của ông về đặc trưng, bản chất và tiến trình lịch sử của sự hình thành nên kho truyện phong phú đó. Trên các tờ tạp chí nước ngoài, có những bài giới thiệu trang trọng về nó, thậm chí có tờ như B.E.F.E.O trong cùng một năm 1964, có hai bài giới thiệu.

Rõ ràng sức làm việc dẻo dai không biết mệt và sự say mê tìm tòi phát hiện đã đưa Nguyễn Đồng Chi lên vị trí một nhà nghiên cứu khoa học xã hội có uy tín và một trong những nhà phân-clo học bậc nhất của nước ta.

Ngay từ giữa những năm 60, một công trình nghiên cứu dân tộc học của Sài-gòn cũng đã có những lời đánh giá nghiêm túc: "Phần đóng góp phong phú nhất vào dân tộc học Việt-nam sau 1955 có lẽ là sự nghiệp sưu tầm và nghiên cứu của Nguyễn Đồng Chi với những tác phẩm về Thần thoại, Cổ tích, Hát giặm Nghệ - Tĩnh, những thiên khảo luận về tục lệ người Việt trong Tết nguyên đán và mùa xuân, về chế độ gia đình của người Việt-nam dưới thời cổ đại...".

Nhưng Nguyễn Đồng Chi không chỉ là một học giả vùi đầu vào học thuật. Ông còn là một nhà khoa học tận tụy với việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước, không hề biết mệt mỏi là gì. Trước khi vấn đề quần đảo Hoàng-sa trở thành một vấn đề thời sự nóng bỏng, theo yêu cầu của trên, ông đã cặm cụi nghiên cứu các tài liệu và có bản tường trình đầy đủ về quần đảo Hoàng-sa, mảnh đất lâu đời nằm trong lãnh thổ dân tộc, cũng có mặt từ lâu trong thư tịch chí Việt-nam (1970). Vào hai năm 1973 - 1974, theo lệnh Phủ Thủ tướng, ông đã hăng hái khoác áo quân nhân, luồn rừng, trèo núi, đi dọc biên giới phía Tây và phía Bắc Tổ quốc, ròng rã trong 18 tháng để hoàn thành bản điều tra khoa học về biên giới Việt-nam. Cũng từ 1968 - 1974, nhận lời đề nghị của Tổng cục chính trị, ông thường xuyên viết những bài bình vận có lý có tình, viện dẫn các chứng cứ lịch sử sâu sắc, để đọc đều kỳ trên Đài tiếng nói Việt-nam. Sau giải phóng 1975, ông có mặt ngay trong ủy ban đổi tên đường phố Sài-gòn. Ban Hán Nôm cần có bước chuyển lên thành một cơ quan khoa học đỉnh đạc hơn, ông nhận lời đứng ra xây dựng nó và đề xuất một kế hoạch lâu dài cho một Viện nghiên cứu Hán Nôm trong ủy ban Khoa học xã hội mà chính ông được cử làm Viện trưởng đầu tiên. Khi quê hương Nghệ - Tĩnh cần đến ông để biên soạn Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh, ông có mặt không chút ngần ngại. Chỉ trong hai năm 1982 - 1983, sau nhiều chuyến đi khảo sát thực địa giữa gió Lào và nắng gắt, bộ sách dày hơn 900 trang đã hoàn thành với sự phong phú về tài liệu mà như Phó giáo sư Vũ Ngọc Khánh cho biết, người chủ biên không những trực tiếp viết phần lớn nhất mà cũng tỏ ra chặt chẽ nghiêm khắc nhất trong khi thẩm tra, duyệt, và viết lại cho người khác. Ông còn hoàn thành phần lớn bộ Từ điển thuật ngữ văn hóa dân gian mà ông được Viện Văn hóa dân

gian tín nhiệm giao trọng trách chủ biên. Ông cũng mơ ước được sớm bắt tay biên soạn Từ điển thư tịch Hán Nôm mà ông khởi sự khá lâu trước khi về làm Viện trưởng Viện Hán Nôm. Hàng kho phiếu tư liệu chồng chất trên bàn ông với đủ các loại mực khác nhau, kiểu giấy khác nhau... nói lên điều đó.

Có thể nói Nguyễn Đồng Chi còn mang trong mình nhiều dự định khai phá bao nhiêu cái mới, cũng như tổng kết thành quả bao nhiêu điều hay mà ông đã một đời tích lũy:

*Thân tuy lão, đầu đã cam lão đại,
Số về hưu vẫn ngần ngại chưa đăng tên
Hãy còn dan díu bút nghiên!*

Mấy câu kết trong bài ca trù của ông đã nói đầy đủ phẩm chất hoạt động của con người ông. Nhưng có một điều ông không nói ra mà ai cũng thấy, và hôm nay, khi ông đã vĩnh viễn nằm xuống rồi thì càng thấy rõ hơn, đó là tấm lòng trung hậu của Nguyễn Đồng Chi đối với bạn bè, đồng nghiệp, cũng như sự tôn trọng thanh danh ngòi bút của mình. Nhũn nhặn, ít nói, gần như nhường nhịn người khác, và cũng ân cần giúp đỡ người khác chí tình, có thể nói Nguyễn Đồng Chi là người không biết nghĩ xấu về một ai, cũng không hề biết nói dối trong học thuật. Đúng như Giáo sư Phạm Huy Thông từng viết: "Anh biết trọng nhân cách của ngòi bút, không nói những điều mình không biết, cũng không biết cách che giấu cái "không biết" của mình". Chính vì thế mà những điều ông viết ra ai cũng trọng và tin. Tâm hồn giản dị, không màng lợi danh, sự xa lạ với những gì hoa hòe, đao to búa lớn, luôn luôn thấm quyện trong phong cách sống cũng như trong ngòi bút của nhà học giả. Và nhìn vào sự nghiệp của ông, những giá trị sáng láng mà sự đó để lại, ta khó phân biệt ra đâu là tiếng nói của nhà văn, một người sống hết mình vì công việc với cái say sưa của một nghệ sĩ, với tiếng nói khúc chiết, không ngừng tìm tòi phát hiện, cũng không ngừng dũng cảm phủ định mình, của một nhà khoa học chân chính. Và cả tiếng nói kiên định của một con người có tấm lòng trong sáng, có lối sống bình dị, có tình yêu sâu bền đối với cách mạng.

NGUYỄN CHUNG ANH

Bản Chất Truyện Cổ Tích

1. PHÂN LOẠI TRUYỆN CỔ, MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ LÂU, NHƯNG VẪN CÒN RẤT MỚI MẸ

Khi nói đến mấy tiếng "[truyện cổ tích](#)" hay "truyện đời xưa", chúng ta đều sẵn có quan niệm rằng, đây là một danh từ chung bao gồm hết thảy các loại truyện do quần chúng vô danh sáng tác và lưu truyền qua các thời đại. Trong đó, có truyện được tính chất hoang đường, có truyện gần với sự thật, có truyện ngụ một ý nghĩa sâu xa, có truyện không quan tâm đến đạo đức triết lý, có truyện

mang tính nghệ thuật cao, có truyện hầy còn mộc mạc chưa được gia công tô điểm, có truyện nghiêm trang, có truyện buồn cười, có truyện dài, có truyện rất ngắn, có truyện từ ngàn xưa để lại, có truyện mới đặt gần đây, v.v...

Khái niệm "truyện cổ tích" như vậy thật rộng và phức tạp. Chẳng khác gì nhìn vào một khu rừng trong đấy có nhiều loại cây: cây to, cây nhỏ, gỗ tốt, gỗ xấu, mọc chằng chịt lẫn lộn. Cũng vì thế, xác định đặc trưng từng loại truyện cổ khác nhau để đi đến phân loại truyện cổ, vẫn là một công việc hứng thú và luôn luôn có ý nghĩa đối với nhiều nhà nghiên cứu và sưu tầm văn học dân gian từ trước tới nay. Tuy nhiên, cho đến lúc này, công việc đó vẫn chưa hoàn thành, và chưa có một kiến giải nào khả dĩ gọi là thỏa đáng.

Nghiêm Toàn và Thanh Lăng cũng như một số người đã không dựa trên một tiêu chuẩn xác đáng nào trong khi chia truyện cổ thành những loại truyện như truyện mê tín hoang đường, truyện ma quỷ, truyện thần tiên, truyện ái tình, truyện luân lý, truyện tòa án, truyện nói về người, truyện nói về vật, v.v...[1] Bởi vì trong những loại truyện luân lý ngụ ngôn, truyện phúng thế hài đàm đầu phải không có những truyện có tính chất mê tín hoang đường. Và ngược lại, trong những loại truyện ma quỷ, truyện thần tiên, cũng chẳng phải là hiếm những đề tài có tính chất ái tình, luân lý?

Cách chia của Nguyễn Văn Ngọc trong bài "Mào đầu" quyển Truyện cổ tích nước Nam cũng chưa đem lại cho ta một sự phân biệt dứt khoát[2]. Ông quan tâm nhiều đến tính thống nhất về mặt hình thức của những loại truyện cổ khác nhau. Chẳng hạn những truyện có kết thúc bằng những câu phương ngôn lý ngữ được ông liệt vào một loại, những truyện có xen lẫn câu ca hài hát lại được chia thành một loại khác. Nhưng quá thiên về hình thức, thậm chí không quan niệm được tính chất linh động của truyện cổ về mặt hình thức, tác giả rốt cuộc đã không vượt khỏi chủ nghĩa hình thức đơn thuần.

Có người không phân loại nhưng có ý sưu tập riêng một số truyện, cho đây là những truyện của trẻ em (đồng thoại) để mặc nhiên phân biệt với truyện của người lớn. Nếu có thể cho đây là một tiêu chuẩn thì cái tiêu chuẩn phân loại theo đối tượng thưởng thức ấy kể ra cũng không có gì là phân minh, nhất là đối với truyện cổ Việt-nam! Vì khác với các dân tộc phương Tây, người Việt-nam trước đây sáng tác truyện cổ dường như không có ý định dành một loại nào riêng cho trẻ em cả.

Có lẽ do chỗ khó khăn trong việc phân loại nên đã có người dựa vào tính chất ảo tưởng khá phổ biến trong các truyện cổ mà chia đại khái làm hai loại lớn: một loại trong đó ảo tưởng chiếm ưu thế, như các truyện động vật, truyện ma quái, truyện thần tiên, v.v... và một loại truyện tương đối ít nhân tố ảo tưởng hơn như các truyện về sinh hoạt, truyện cười, truyện triết lý, v.v...

Trong sách Văn nghệ bình dân Việt-nam[3], Trương Tửu cũng theo lối này. Ông chia toàn bộ truyện truyền miệng thành hai loại: thần kỳ và thế sự. Mỗi loại lại được chia thành nhiều hạng. Ví dụ, loại thần kỳ có bốn hạng: truyện thần tiên, truyện anh hùng, truyện ma quỷ và truyện nói về con người. Loại thế sự thì có

các hạng: truyện tiểu lâm, truyện khôi hài, [truyện ngụ ngôn](#), truyện nói về nhân tình thế thái, v.v...

Cách sắp xếp này có sự khái quát cao hơn hẳn những người đi trước, song khi đi vào các hạng mục nhỏ cũng vẫn còn dấu vết hình thức. Một truyện triết lý, ngụ ngôn hay khôi hài không nhất định phải ít nhân tố ảo tưởng hơn một truyện anh hùng, truyện động vật. Ngược lại cũng không phải cứ truyện động vật, truyện anh hùng nào cũng đều phải có sự can thiệp của yếu tố thần tiên. Để đạt tới một kết luận định sẵn, tác giả của truyện không từ một biện pháp nào: có thần kỳ hay không thần kỳ đều dùng được cả.

Như vậy, cũng không thể lấy tính chất ảo tưởng làm tiêu chuẩn cơ bản trong việc phân loại truyện cổ. Phân loại như thế, dễ dẫn chúng ta đến một tình trạng khó xử: càng sắp xếp chi li thì những đặc điểm riêng về loại hình, về kết cấu nghệ thuật, và cả những mối liên hệ trong nội dung tư tưởng... của từng loại truyện càng dễ bị lẫn lộn.

Thế thì phải chăng không thể phân loại truyện cổ tích một cách rành mạch được. Chắc chắn không phải. Nhưng để có một ý niệm xác đáng, trước khi phân loại cần tìm hiểu thấu đáo những đặc trưng cơ bản nhất của từng loại truyện truyền miệng. Đó là phương pháp cần thiết trong khi nghiên cứu văn học dân gian.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH KHÁC VỚI NHỮNG LOẠI CHUYỆN NÀO?

Trước tiên, chúng ta hãy kiểm điểm lại danh từ "truyện cổ tích" hay "truyện đời xưa" nhiều khi vẫn thường được dùng một cách quá rộng rãi. Người ta dùng danh từ đó để chỉ bất cứ loại truyện nào có thể gắn lên đầu hai tiếng "ngày xưa...". Bây giờ đây chúng ta nên trả lại cái tên truyện cổ tích cho môn loại của nó. Còn cái tên dùng để chỉ chung cho tất cả các loại truyện truyền miệng, chúng ta tạm gọi nó là truyện khi chưa tìm được tiếng nào thích hợp hơn. Khái niệm "truyện đời xưa" thật ra vẫn không được bao quát, vì ngoài những truyện đời xưa đúng nghĩa ra, không phải không có những truyện mới được sáng tác hôm qua hôm kia, những truyện "đời nay" mà vẫn cứ là truyện như thường.

Xác định như thế rồi, chúng ta sẽ gạt ra mấy loại truyện sau đây mà phạm vi bộ sách này không nói tới:

Một là ngụ ngôn. Ngụ ngôn là một loại truyện đơn giản, có mục đích rõ rệt là kết cấu câu chuyện phải nói lên một ý nghĩa gì. Cũng có khi nó được người ta dùng để so loại như ca dao, tục ngữ: lấy cái gần nói cái xa, lấy cái dễ nói cái khó, lấy cái cụ thể nói cái trừu tượng. Truyện ngụ ngôn thường rất ngắn, bằng văn vần hay văn xuôi, có một kết luận định sẵn, đó là một bài học luân lý hay một quan niệm về triết lý. Nếu trong cổ tích, dung lượng phong phú của những câu chuyện kể không bắt buộc phải bỏ qua nhiều chi tiết, mà nhiều khi ngược lại, thì đối với ngụ ngôn, do yêu cầu làm sáng rõ cái ý nghĩa đã chuẩn bị sẵn trong truyện, lại cần phải lược bỏ bớt những chi tiết rườm rà. Nói ngoa, nói phóng đại là phương pháp thuyết phục của ngụ ngôn. Tuy nhiên, ẩn sau những

hình thức thuyết phục có vẻ vô lý, nội dung ý nghĩa của truyện ngụ ngôn thường lại hợp tình hợp lý. Nhiều truyện cổ tích cũng có ý nghĩa ngụ ngôn nhưng cách xây dựng câu chuyện thì theo một thể tài khác hẳn. Truyện ngụ ngôn có phần giống với truyện tiếu lâm về nghệ thuật, về ý nghĩa và cả về cười cợt nữa, nhưng lại khác tiếu lâm ở chỗ nó không chuyển thành cái cười phũ phàng, hơn nữa không dâm tục.

Hai là khôi hài hay hoạt kê. Loại này đặc biệt ở tính chất gây cười. Ngày xưa, những truyện khôi hài được sáng tác có kết thúc trọn vẹn, nghĩa là nhiều truyện cũng có bố cục chặt chẽ, trước sau ăn khớp nhau, có nhiều chi tiết, nhiều sự kiện rườm rà không khác gì thể tài cổ tích.

Chỉ có khác với cổ tích là mỗi tình tiết của truyện đều có ý gây cười hoặc mỉa mai bằng cười cợt. Nhưng về sau này thể truyện khôi hài thường ngắn gọn, có khi không đầu không đuôi.

Ba là tiếu lâm. Theo đúng nghĩa của nó thì cũng là loại truyện gây cười. Nhưng nếu cái cười ở khôi hài đã có tính chất châm biếm đả kích thì cái cười ở tiếu lâm, châm biếm đả kích còn có phần trắng trợn hơn. Ở khôi hài thì người ta thường kiêng dè những điều dâm tục, nhưng với tiếu lâm, điều đó không thành vấn đề nữa. Khác với nghệ thuật của cổ tích, truyện tiếu lâm cũng như truyện ngụ ngôn thường kết thúc giữa chừng. Nghĩa là câu chuyện bao giờ cũng dừng lại khi mục đích của nó đã đạt cũng như hình tượng của truyện bao giờ cũng bó hẹp trong khuôn khổ và mục đích quy định.

Điều cần đề ý là trong kho tàng truyện cổ tích của bất cứ dân tộc nào cũng đều có một số truyện chứa đựng tính chất vui tươi cười cợt có khi pha lẫn cả tục nữa, nhưng vẫn không có tác dụng gây cười như truyện khôi hài và tiếu lâm. Những truyện đó vẫn là truyện cổ tích vì trước sau chúng vẫn đầy đủ những đặc trưng của truyện cổ tích.

Bốn là loại truyện tạm gọi là truyện thời sự. Loại này khác với truyện cổ tích và các loại truyện khác ở chỗ, tác giả của nó không dùng đến tưởng tượng hoặc chỉ dùng rất ít. Nó là truyện có thật, xảy ra ở trong một nước hay một địa phương nhất định. Dưới hình thức một câu chuyện kể ngắn gọn, nó bộc lộ rõ rệt một thái độ. Thường thì bao giờ câu chuyện cũng được chủ quan tác giả hướng tới một kết luận nào đấy. Đó chính là truyện đời chứ không phải mô phỏng, nhại lại truyện đời. Sở dĩ không gọi là truyện đời hay truyện thế sự mà gọi là truyện thời sự vì loại truyện này vốn xuất hiện nóng hổi và trung thực ngay sau khi sự việc xảy ra, nhanh như một tin báo. Nó cũng là lịch sử mà lại là lịch sử ít bị phóng đại hóa hay thần thánh hóa. Nó khác ngụ ngôn ở chỗ: ngụ ngôn thì châm biếm một cách kín đáo, nhẹ nhàng còn nó khi đả kích thì đả kích táo tợn, nói thẳng nói thật tên tuổi đối tượng mà không sợ vạ miệng chút nào.

Truyện thời sự thường có hai hình thức: có truyện kể bằng văn xuôi, không có hình thức thành văn cố định. Ví dụ những truyện có đề tài về kháng chiến, rào làng, đi dân công, thi đua... gần đây hay là những truyện như: Tán Cao mổ ruột,

Bảo Đại bị Tây bắt què chân[4] ngày trước. Có truyện đặt bằng văn vần mà ta thường gọi là truyện về, như về Sai đạo kể chuyện bọn khâm sai núp sau lưng giặc Pháp làm hại đồng bào, hay như về Cô Thông Tầm, về Con gái chữa hoang, v.v... Nên nhớ là không phải bất cứ truyện về nào cũng đều là truyện thời sự. Có truyện là ngụ ngôn (về Con cua), có truyện là cổ tích (về Chàng Lía).

Đó là bốn loại truyện có hình thức và mục đích rõ ràng, dễ phân biệt.

Ngoài bốn loại này, còn có thể nói đến một số loại truyện khác trong kho tàng truyện của chúng ta. Nhưng thời gian và quá trình truyền miệng đã làm cho các đặc trưng của chúng trở nên gần gũi nhau hơn, ranh giới hầu như bị xóa nhòa, nên rất dễ lẫn lộn.

Tuy nhiên nếu đi sâu vào từng truyện, ta vẫn có thể phát hiện ra thần thoại và tiên thoại, phật thoại. Những loại này tuy giống nhau về hình thức nhưng lại khác biệt về nội dung.

Về thần thoại chúng tôi đã có dịp xác định đặc trưng trong quyển Lược khảo về thần thoại Việt-nam[5]. Còn tiên thoại, phật thoại hay nói chung là truyện tôn giáo là những loại truyện rất dễ nhìn nhận dù của bất cứ dân tộc nào, vì chúng mang theo dấu ấn rõ nét của một thứ tôn giáo nhất định. Chúng thường xuất hiện từ miệng tăng lữ với mục đích tuyên truyền dẫn giải về chủ nghĩa yếm thế. Chủ đề của truyện thường là việc nhân quả báo ứng, thoát ly cuộc sống trần tục, v.v...[6].

Gạt tất cả các loại truyện trên ra, chúng ta sẽ chỉ còn lại những loại truyện với cái tên quen gọi là truyền thuyết, cổ tích.

Vậy truyền thuyết, cổ tích là gì? Ranh giới giữa truyền thuyết, cổ tích như thế nào?

3. RANH GIỚI GIỮA TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH

Truyền thuyết, cổ tích đều là những truyện tự sự nằm trong loại hình tự sự dân gian, do quần chúng tưởng tượng nên, cốt truyện tương đối dài, kết thúc trọn vẹn, các tình tiết được thuật theo trình tự thời gian, và trong không gian ba tầng của người thời cổ: cõi người, cõi trời (bao gồm cả cõi tiên), cõi đất (âm phủ và thủy phủ). Nội dung của chúng, hoặc hoang đường, huyền diệu hoặc không, thường thường đề cập đến những mối quan hệ giữa con người trong xã hội có giai cấp nhiều hơn là giữa con người với tự nhiên. Mục đích là gây hứng thú thẩm mỹ cho người nghe, người đọc, đồng thời cũng để giáo dục họ, nhưng không cốt gây cười, cũng không ngụ ý như các thể loại tự sự dân gian khác. Truyền thuyết và cổ tích tuy giống nhau trên đại thể, nhưng thật ra vẫn là hai khái niệm cần phân biệt.

Danh từ "truyền thuyết" có một hàm nghĩa cũng khá rộng rãi. Nó thường được dùng để chỉ những câu chuyện cũ, những sự kiện lịch sử còn được quần chúng

truyền lại nhưng không bảo đảm về mặt chính xác (có thể do truyền miệng mà sai lạc, đồng thời cũng có thể do tưởng tượng của dân chúng phụ họa thêm dệt mà càng sai lạc hơn). Vì thế, trong quan niệm của nhân dân ta trước tới nay, mấy chữ truyền thuyết có khả năng bao trùm lấy nhiều loại truyện. Cũng do phạm vi quá rộng rãi của khái niệm đó mà đôi lúc người ta còn lẫn lộn nó với cả truyện cổ tích và truyện thời sự nữa.

Cho nên, nếu chỉ giới hạn việc định nghĩa truyền thuyết là những truyện trong đó lịch sử bị biến tướng bởi óc tưởng tượng và lãng mạn của nhân dân, nói cách khác những truyện do tưởng tượng cấu thành nhưng có gắn liền với một ý nghĩa lịch sử như quan niệm của một số nhà nghiên cứu nước ngoài[7], thì e không thích hợp với thực tiễn văn học dân tộc. Tình trạng nhập nhằng thường thấy giữa truyền thuyết và cổ tích như trên đã nói, đòi hỏi chúng ta phải có một định nghĩa rạch ròi, dứt khoát hơn.

Giả định rằng truyền thuyết là sự thật được hoang đường hóa còn cổ tích thì hoàn toàn do tưởng tượng tạo nên, nhưng ai mà không nhận thấy có những truyền thuyết như Sự tích con muỗi, Sự tích hồ Ba-bể, là hoàn toàn bịa đặt, v.v... Ngược lại, cũng không hiếm gì những truyện cổ tích vốn lúc đầu dựa vào một sự thật khách quan nào đó rồi được tác giả nâng lên thành một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh. Lại giả định rằng truyền thuyết có dính dấp đến lịch sử, còn cổ tích thì không phải như vậy, nhưng trên thực tế, nào hiếm gì những truyện cổ tích có quan hệ ít nhiều đến lịch sử, như các truyện Chàng Lía, Bùi Cầm Hổ chẳng hạn?

Theo chúng tôi, điều cần chú ý trước hết là phần nhiều các truyền thuyết đều chưa được xây dựng thành truyện. Chúng chỉ mới là từng mẩu truyện. Ví dụ truyền thuyết về Lý Công Uẩn chỉ gồm có hai tình tiết: mẹ vua không chồng mà chửa, sau cho vua làm con nuôi sư Lý Khánh Văn; lúc ở với sư, vua đã đề vào lưng tượng Phật mấy chữ "đày đi viễn châu", đến nỗi hòa thượng trụ trì chùa này nằm mộng thấy Phật từ giã mình đi đày theo lệnh của thiên tử.

Có nhiều truyền thuyết chưa có kết cấu trọn vẹn, chưa nhuần nhuyễn tính nghệ thuật. Ví dụ truyền thuyết ông Đùng bà Đà là chuyện hai anh em ruột lấy nhau bị xử tử, chết thành thần.

Cho nên, trên từng bước tiến triển của loại hình, nếu truyền thuyết - hiểu theo nghĩa rộng - đạt đến chỗ hoàn chỉnh thì tùy theo nội dung, nó có thể trở thành cổ tích hay thần thoại. Bởi xét về mặt nghệ thuật, về nội dung ý nghĩa thì tuyệt không có gì khác giữa một truyền thuyết với một cổ tích hay một thần thoại.

Văn học truyền miệng Việt-nam không có loại anh hùng ca như văn học truyền miệng của đồng bào thiểu số, nhưng có một số truyền thuyết phần nào có mang phong cách anh hùng ca. Theo tìm hiểu của chúng tôi thì có thể ngờ rằng, ngày xưa chúng ta cũng có anh hùng ca với hình thức văn vần. Nhưng có lẽ trải qua bao nhiêu biến thiên lịch sử, đặc biệt là những biến thiên về ngôn ngữ văn tự, loại anh hùng ca đó mất dần đi, chỉ còn lại đây đó những cốt truyện kể bằng

văn xuôi mà ta gọi là truyện thuyết. Truyện Thánh Gióng, truyện Khổng Lồ đúc chuông, truyện Bó Cái đại vương, chẳng hạn, có thể nguyên xưa đều là những anh hùng ca. Nhưng đã từ lâu, sự lãng quên, sự chuyển hóa của lịch sử làm cho những thiên anh hùng ca đó chịu những số phận không chút giống nhau. Truyện Thánh Gióng trở thành một thần thoại hay một thần tích; truyện Khổng Lồ trở thành một cổ tích, còn truyện Bó Cái đại vương chẳng hạn thì được các nhà chép sử gạn bớt những yếu tố hoang đường mà trở thành một sự tích lịch sử. Cùng một hiện tượng "thần hóa" kiểu như thế, ngày nay, chúng ta còn có thể lọc được trong thần tích của các làng một số truyện thuyết có dấu vết của phong cách anh hùng ca như Sự tích thần làng Võng-la[8], Sự tích Thánh Chèm, v.v...

Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, nếu truyện thuyết có thể đứng được thành một thể loại riêng biệt thì phải gồm những truyện xưa chuyên nói về anh hùng lực sĩ trong thời khuyết sử và thời Bắc thuộc đã được kỳ vĩ hóa, thần thánh hóa. Nhưng số lượng hiện nay biết được cũng không nhiều. Những truyện anh hùng lực sĩ sáng tác trong thời phong kiến tự chủ đương nhiên không thể liệt vào loại truyện thuyết này vì nói chung, trong quan niệm nghệ thuật về con người của chúng, đã có sự khác biệt về chất. Con người ở đây không còn có phong thái chất phác vô tư và khảng khái như các nhân vật anh hùng thời xưa. Nhân vật Lê Phụng Hiểu là một lực sĩ có sức khỏe tuyệt trần, nhưng cái ước muốn của Lê Phụng Hiểu thì chung quy không ngoài ước muốn phục vụ vua chúa phong kiến để cầu danh lợi. Vẻ đẹp của ông đã được một hệ quy chiếu thẩm mỹ khác trước quy định.

Tuy phân biệt truyện thuyết với cổ tích như trên, nhưng ở đây, khi sưu tập chúng tôi vẫn xếp chung truyện thuyết với cổ tích và coi như là những truyện cổ tích. Bởi vì không những số lượng của chúng ít ỏi, mà về nội dung, những truyện thuyết này cũng đượm ít nhiều phong vị của cổ tích, nếu như không đượm phong vị của thần thoại.

4. ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI CỦA CỔ TÍCH

Như vậy, đặc trưng của cổ tích biểu hiện ở những chỗ nào? Thực cũng khó mà vạch một cách thật dứt khoát ranh giới của thể loại này; vì như ta đã biết, tất cả mọi loại hình tự sự dân gian đều được sáng tạo nên bằng cảm quan nghệ thuật của quần chúng, nên đều mang những kết cấu khá thống nhất, có những mô-típ tương đối ổn định. Thêm vào đó, chúng lại được sáng tác, chỉnh lý và truyền tụng bằng miệng nên cũng ảnh hưởng qua lại với nhau một cách mật thiết. Tuy nhiên, tìm hiểu cho sâu, vẫn có thể phân biệt được loại hình này với loại hình khác trên những nét căn bản. Theo chúng tôi, có ba đặc điểm đáng chú ý hơn cả để nhìn nhận loại hình cổ tích:

Một là, tính chất cổ của sự việc. Truyện cổ tích được xác định trước tiên ở phong cách cổ của nó. Gần như bất cứ cổ tích nào cũng không ra ngoài những quy ước về màu sắc cổ của nhân vật và không khí cổ của câu chuyện. Không khí truyện kỳ hoang đường của một số truyện cổ tích, xét cho cùng cũng xuất phát từ tính chất cổ. Giá thử ngày nay có người phỏng theo cổ tích dựng lên một câu chuyện thậm chí rất hoang đường nhưng lại có những nhân vật ăn

mặc theo lối tân thời, đi ô-tô hay xe đạp chẳng hạn, thì dù không hiểu đặc trưng cổ tích thế nào đi nữa, chắc cũng khó có ai ngờ nghệch nhận đây là một truyện cổ tích được. Dù cho phạm vi hai khái niệm "cổ" và "kim" trong cổ tích không khỏi có lúc lẫn lộn, nhưng mỗi nhân vật, mỗi tình tiết mỗi hình ảnh của cổ tích đều nhất thiết phải là một nhân vật, một tình tiết, một hình ảnh vốn có trong truyền thống nghệ thuật xa xưa của văn học dân gian, được nhân dân coi là quen thuộc, đã thấm sâu vào tiềm thức mọi người. Cũng giống như những miếng trò kiệt tác trong tuồng hay chèo cổ luôn luôn được các đời sau sử dụng lặp đi lặp lại, những mô-típ nghệ thuật đã trở thành tiêu biểu của văn học dân gian, nhất là nghệ thuật vắn vè hay truyện kể, cũng thường xuyên được tái sinh có chuyển dịch ít nhiều trong nhiều thời đại, làm thành kiểu tư duy nghệ thuật đặc trưng của văn học dân gian, và đó là điều kiện thuận lợi để truyện cổ tích sinh sôi nảy nở theo phương thức ứng diễn và tìm thấy mối liên hệ loại hình với nhau.

Như vậy, vấn đề xác định tính cổ của truyện cổ tích là căn cứ chủ yếu vào phương thức cấu tạo hình tượng, sự sắp xếp, khâu chuỗi cốt truyện và mô-típ, mà không nhất thiết căn cứ vào thời điểm lịch sử của câu chuyện. Những truyện như Vợ ba Đề Thám tuy cách ta trên nửa thế kỷ và mang thề tài cổ tích rõ rệt nhưng trong đó có những tên giặc râu xồm, mũi lõ, có súng trường, súng lục... nên vẫn chưa thể nào thừa nhận là truyện cổ tích.

Nó là câu chuyện đã qua nhưng chưa hoàn toàn "cổ". Nó thuộc về loại những truyện mới. Mặc dầu không có mốc giới hạn về thời gian rõ rệt, nhưng một truyện cổ tích cố nhiên không thể là một truyện đời nay và cũng không thể là một truyện dĩ vãng nhưng phù hợp với đời nay hơn là đời xưa, phù hợp với trạng thái sinh hoạt hiện đại hơn là trạng thái sinh hoạt của xã hội cũ. Cái chất liệu dĩ vãng chứa đựng trong đấy thực tình chưa lắng xuống, và chưa được đại đa số nhân dân công nhận là ở bên kia biên giới của cái "mới". Sở dĩ có những câu chuyện mới sáng tác gần đây có thể liệt vào truyện cổ tích là vì bối cảnh, khí hậu xã hội, phong cách sinh hoạt và tâm lý nhân vật mà chúng được xây dựng, so với bối cảnh, khí hậu, phong cách sinh hoạt và tâm lý của người đời xưa tuyệt không có gì là trái ngược. Cho nên, tính chất cổ là một tiêu chuẩn không thể thiếu được khi nhận định một truyện cổ tích.

Hai là, trong sự việc được kể đừng có yếu tố gì quá xa lạ với bản sắc dân tộc. Nghệ thuật cổ tích cho phép tác giả bịa đặt mọi tình tiết, thậm chí bịa đặt những tình tiết không hợp lý. Nhưng đã là cổ tích của một dân tộc thì sự bịa đặt không thể vượt ra khỏi bản sắc dân tộc. Hãy đặt một giả thuyết là có một câu chuyện không kém lý thú và màu sắc cũng rất cổ, lưu hành phổ biến trong khá nhiều người. Có điều, nhân vật trong truyện đáng lý là Bụt, Tiên, hay Ngọc Hoàng thượng đế, thì ở đây lại là... Đức Chúa Trời hay Đức Mẹ Đồng trinh. Chỉ cần thế thôi, câu chuyện đã trở nên xa lạ, đã nhạt đi mất nhiều ý vị của một cổ tích. Nhưng nếu đấy là một truyện ngụ ngôn hay khôi hài thì lại khác. Vai Đức Chúa hay Đức Mẹ vẫn không ảnh hưởng gì đến đặc trưng loại hình của chúng. Miễn câu chuyện có ngụ một ý tưởng sâu sắc hay gợi được cười cợt cho người nghe, người đọc là đủ.

Chúng ta thấy cái tên Đức Chúa hay Đức Mẹ truyền vào Việt-nam từ thế kỷ thứ XVI kể đến nay đã hơn bốn trăm năm mà vẫn chưa thể nào quen thuộc với tâm lý dân tộc. Trái lại, cái tên Bụt, Tiên cũng là mượn của những thứ tôn giáo ngoại lai nhưng đã thành truyền thống, vì từ đã rất xưa, những tôn giáo này từng hóa thân vào đời sống dân tộc, chấp nhận những sự thanh lọc gay gắt, trở thành tôn giáo chung chi phối cuộc sống tâm linh của cả cộng đồng. Đặc điểm này cốt nghĩa tại sao khi một truyện cổ tích của dân tộc này truyền vào một dân tộc khác, thì phải chuyển hóa thành một truyện mới, hay ít nhất cũng phải mang những mô-típ mới, những màu sắc quen thuộc hoặc gần như quen thuộc với điều kiện sinh hoạt, với tâm hồn của dân tộc mới.

Cần phải nói thêm là truyện cổ tích thường giàu tính cộng đồng. Giá thử trong truyện có in dấu cá tính của người sáng tác thì cá tính đó cũng phải phù hợp hoặc không phương hại gì đến tính chất chung của tập thể. Có thể, nó mới được tập thể thừa nhận và lưu truyền. Tính cộng đồng tuy không đồng nhất nhưng có quan hệ khăng khít và là cơ sở của tính dân tộc. Tất nhiên, trong cùng một giai đoạn lịch sử, giữa các dân tộc khác nhau, các tập đoàn người khác nhau vẫn có những ước mơ, hy vọng giống nhau, cho nên thế giới trong truyện cổ tích Đông Tây vẫn thường có những nét gần nhau. Mặc dù thế, truyện cổ tích của mỗi dân tộc vẫn phản ánh xã hội, đất nước, cuộc sống, phong tục, những vấn đề lịch sử cụ thể của dân tộc mình. Dân tộc tính đối với cổ tích quả là một tiêu chuẩn khá quan trọng.

Ba là, truyện cổ tích ít nhiều phải thể hiện tính tự tưởng và tính nghệ thuật. Nay ta kể cho nhau nghe một câu chuyện rất xưa về ma. Một con ma gốc đề hiện hình là lưỡi nhát người chẳng hạn. Câu chuyện ấy sẽ không bao giờ trở thành truyện cổ tích được nếu trong đó không bao hàm một ý nghĩa gì về cuộc đời, về con người, hay không có những tình tiết gợi hứng cảm cho người nghe. Không những truyện ma mà ngay cả truyện người, truyện thần, truyện vật cũng chưa hẳn là cổ tích nếu chúng không hướng đến một mục đích nhân sinh cao cả, hoặc có mục đích nhân sinh nhưng lại không tan biến vào trong từng tình tiết của truyện để trở thành một mục đích tự thân, một nhận thức thẩm mỹ sâu sắc. Rõ ràng, truyện cổ tích không phải là một loại truyện suông vô ý nghĩa, cũng không phải là một loại truyện "ngụ ý" tầm thường. Nếu là một truyền thuyết theo nghĩa rộng như trên đã nói, thì lại khác. Truyền thuyết không bắt buộc truyện nào cũng phải có yêu cầu nhân sinh hoặc thẩm mỹ đó.

Tất nhiên, nếu là truyện có ý nghĩa mà lại chỉ đơn thuần chép lại sự thật như truyện thời sự thì cũng không thể gọi là cổ tích. Như chúng ta đã biết, văn học nghệ thuật gắn liền với cái đẹp và do đó nó đòi hỏi sự gia công, sự nỗ lực sáng tạo. Là một loại hình tự sự hoàn chỉnh nhất trong các loại hình tự sự dân gian, yêu cầu sáng tạo này đối với cổ tích rõ ràng là nghiêm nhặt hơn các loại "truyện" dân gian khác rất nhiều. Tác giả truyện cổ tích phải vận dụng trí tưởng tượng, xếp đặt nội dung, bố trí tình tiết, làm cho mạch truyện tiến triển theo một kết cấu nghệ thuật nào đấy để đạt tới kết luận định sẵn. Nói cách khác, truyện cổ tích phụ thuộc rất nhiều vào ý định và tài năng của tác giả chứ không tùy thuộc hoàn toàn vào những câu chuyện xảy ra tự nhiên trong đời sống hàng ngày.

Sở dĩ những sự tích Cổ Bu, Ba Vành... không còn mang tính chất lịch sử nữa là nhờ thông qua hư cấu nghệ thuật của tập thể quần chúng nên câu chuyện thực đã được cải biên hoặc cách điệu thành những thiên truyện anh hùng, những nhân vật anh hùng đúng như quan niệm lý tưởng của quần chúng. Tất nhiên, tưởng tượng và hư cấu ở đây sẽ không hạ thấp mà càng làm cho nghệ thuật truyện cổ tích có giá trị chân thật hơn hẳn các loại truyện tự sự dân gian khác. Xét về mặt quan niệm nghệ thuật, điều này có khác với phương Tây. Trong cách kể truyện cổ tích của phương Tây, người kể thường vẫn dùng một câu kết nói rõ mình đã "tán dóc", đã "bịa" trong suốt quá trình kể chuyện. Nghĩa là cả người kể lẫn người nghe không ai tin đây là chuyện thật. Còn ở Việt Nam thì khác: người kể chỉ thực sự thành công khi làm cho người nghe tin rằng chuyện do mình kể đã xảy ra ở đâu đó, tại một địa phương phiếm chỉ nhưng không xa nơi họ đang sống. Cũng chính nhờ tính chân thật này mà sau khi đã ngừng kể, câu chuyện vẫn còn sống động, được biến hóa từ địa danh này sang địa danh khác, và truyền đi, qua trí nhớ của nhiều người.

Tóm lại, đặc điểm thứ ba này cho phép ta phân biệt truyện cổ tích với các loại truyện dân gian khác, ở chỗ, nó là một tác phẩm văn học hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh. Nó là một thể loại đã đạt đến cấp độ cao trong nghệ thuật tự sự truyền miệng, trước khi chuyển sang giai đoạn toàn thịnh của văn xuôi tự sự trong nền văn học viết.

5. CÓ MẤY LOẠI TRUYỆN CỔ TÍCH?

Truyện cổ tích bao gồm nhiều thứ: truyện nói về người, truyện nói về vật; về ma quỷ, về Tiên Phật, cả những truyện về Thần Thánh nữa. Nhưng không nên dựa vào đấy mà phân loại. Thực ra đối với cổ tích và ngay cả đối với truyện cổ dân gian nói chung, bất kỳ một sự phân loại nào cũng chỉ có ý nghĩa chính xác tương đối. Nếu cần phải chia, thì theo ý chúng tôi nên chia làm ba loại sau đây:

1. Truyện cổ tích thần kỳ[9].
2. Truyện cổ tích thế sự.
3. Truyện cổ tích lịch sử.

- Cổ tích thần kỳ là loại truyện tương đối có nhiều nhân tố ảo tưởng nhất. Những truyền thuyết thần bí, kỳ quái, những truyện người, truyện vật nhưng bên trong đầy dẫy những sự can thiệp của huyền diệu đều có thể xem là cổ tích thần kỳ. Truyện cổ tích thần kỳ còn có một phần là tàn dư của những tưởng tượng gắn liền với mê tín, ma thuật, đồng bóng, và các hình thức tôn giáo của con người nguyên thủy. Tác giả loại truyện này nhiều khi đã dùng những lực lượng siêu tự nhiên để thắt nút, mở nút câu chuyện mà không cần biết có hợp lý hay không. Nhưng chính cái nhân tố ảo tưởng đó tạo nên biết bao tình tiết kỳ thú: nó kích thích cực mạnh trí tưởng tượng của người nghe người đọc, bằng cách đem một thế giới không thực thay thế cho thế giới có thực. Mà trong thế giới không thực đó lại bao gồm những cái nên xảy ra, đáng lẽ phải xảy ra,

cho nên chính nó còn giúp người ta hiện thực hóa những ước muốn không tưởng, nghĩa là chỉ trong khoảnh khắc có thể quên bằng những cái đang xảy ra giữa cõi đời thực để nhập thân vào một thế giới hoàn toàn xa lạ nhưng vốn có những điểm đồng cảm về lý tưởng thẩm mỹ với chính mình. Điều đó giải thích vì sao người nông dân xưa kia có thể tạm quên hết mọi mệt nhọc để theo dõi một cách hứng thú con đường Từ Thức đi tìm động tiên, hay là cùng xuống thăm âm phủ với Thủ Huồn[10].

Trong kho tàng truyện cổ tích nước ngoài, truyện thần kỳ chiếm một phần khá lớn. Đó là đặc điểm của truyện cổ tích dân gian trên thế giới. Hơn nữa có khá nhiều truyện trong đó chứa đựng tàn dư của thần thoại, như truyện cổ tích Ấn-độ, Khơ-me (Khmer) và của một số các nước phương Tây.

- Cổ tích thế sự hay sinh hoạt, trái với loại truyện trên, là những truyện không có hoặc có rất ít nhân tố ảo tưởng. Đây là những truyện bịa nhưng rất "gần đời thiết thực"; chúng giữ được khá nguyên vẹn sắc thái, âm hưởng, thậm chí, đôi khi cả những hình thức diễn biến chủ yếu của muôn nghìn câu chuyện vẫn xảy ra trong cuộc sống đa dạng của xã hội loài người. Đây là những truyện như Cửa trời trời lại lấy đi... Trộm lại gặp trộm, Ông già họ Lê, Trọng nghĩa khinh tài, những truyện mang đề tài kiện cáo, chiến tranh, những truyện phiêu lưu v.v... hoặc cả những truyện thuyết rất gần với sự thật kiểu Sự tích dưa hấu, Sự tích ông đầu rau... Truyện cổ tích thế sự chẳng những không làm cho người nghe, người đọc quên mất cõi đời trước mắt mà lại dẫn họ xuyên sâu vào mọi ngõ ngách cuộc đời. Nó không nói đến những cái phi thường, những cái "quái đản bất kinh", nhưng trong cái tầm thường, cái bình dị của các tình tiết, vẫn ẩn giấu một khả năng gây hứng thú mạnh mẽ, hoặc một điều gì đáng thương đáng cảm rất mực.

Nếu có những truyện mà nhân tố ảo tưởng được đem dùng để mở nút hay kết thúc câu chuyện nhưng toàn bộ mạch truyện vẫn không chút xa lạ với lô-gích của đời sống, như truyện Sự tích chim hít cô chẳng hạn, thì vẫn có thể xếp vào cổ tích thế sự. Thật ra, tuy kết cục của truyện Sự tích chim hít cô có nói đến một đứa bé hóa thành chim, song mạch sống của toàn câu chuyện vẫn không hề chịu chi phối bởi một yếu tố thần kỳ nào. Tác giả vẽ một bức tranh xã hội vẫn thường thấy trong thời đại cũ: hình ảnh thảm thiết của hai cô cháu nhà nghèo giữa tình cảnh đói kém trầm trọng. Tất nhiên, cũng cần phân biệt nó với loại truyện thời sự nói trên kia: một bên là sự thật, một bên là mô phỏng, nhào nặn lại sự thật.

Trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam có khá nhiều truyện loại này. Đây là một đặc điểm mà chúng ta sẽ nói ở phần sau.

- Cổ tích lịch sử là những truyện vốn dựa vào một nhân vật lịch sử hoặc một sự kiện lịch sử nào đấy nhưng lại được phát triển thành một câu chuyện hoàn chỉnh, độc lập đối với sự kiện lịch sử ban đầu. Có khi chỉ mới là một truyền thuyết, một sự tích. Có khi là một truyện hoàn toàn tưởng tượng nhưng nhân vật chính trong đó lại được đội tên của một nhân vật lịch sử. Cũng có thể đây

là một sự thật trăm phần trăm, nhưng không ai bảo đảm phần chính xác. Cố nhiên, cái cốt lịch sử trong truyện phải mang một ít nét đặc biệt phi thường, gọi trí tò mò say mê của người nghe, người đọc.

Loại cổ tích này có mấy hình thức đáng chú ý: có truyện, nhân vật và sự việc bị cường điệu hay phóng đại lên một mức độ nhất định nào đó như truyện Rắn báo oán. Có truyện, yếu tố truyền thuyết vẫn không lấn át mấy yếu tố lịch sử. Yếu tố truyền thuyết chỉ là một ít nét thần kỳ nhẹ nhõm được đem tô vào hay viền vào xung quanh những con người, những sự việc vốn xảy ra trong đời sống thực. Truyện Bùi Cầm Hổ là một ví dụ. Có những truyện khác, trái lại, yếu tố truyền thuyết đóng vai trò chủ đạo, còn yếu tố lịch sử thì chỉ chiếm một tỷ lệ rất ít ỏi, như truyện Khổng Lồ đúc chuông.

Ngoài ra, như trên đã nói, có một số truyện hầu như không có yếu tố truyền thuyết. Bởi vì nội dung câu chuyện mặc dầu có gắn vào những tình tiết có thể ngờ là bịa đặt, nhưng trước sau cũng rất gần sự thật.

Như truyện Chàng Lía, Hầu Tào, Quận He... Những truyện ấy phần nào giống với dã sử, hoặc giống với loại truyện thời sự đã lâu ngày biến thành truyện có tính chất lịch sử. Truyện cổ tích lịch sử có thể là một thể loại mang đậm nét đặc thù của truyện dân gian Việt-nam, bởi lẽ con người Việt-nam xưa nay, do điều kiện lịch sử luôn luôn phải chống ách đô hộ xâm lược để bảo vệ nền độc lập, nên trong tâm thức vẫn gắn bó với "xã tắc", và do đó thường xuyên có cái nhìn "lịch sử hóa" đối với mọi hiện tượng, sự vật.

Chú thích:

[1] Nghiêm Toản trong Việt-nam văn học sử trích yếu (Nhà sách Vĩnh Bảo, Sài-gòn, 1949, tr.36), chia làm bốn loại: truyện mê tín hoang đường, truyện luân lý ngụ ngôn, truyện phúng thế hài đàm và sự tích các thánh. Thanh Lăng trong Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân (Phong trào văn hóa xuất bản, Hà-nội, 1954; tr.35-60) thì chia làm bảy: truyện ma quỷ, truyện anh hùng dân tộc, truyện ái tình, truyện luân lý, truyện thần tiên, truyện phong tục và truyện khôi hài. Tác giả sách Truyện cổ dân gian Campuchia chưa hề in (F. Martini và S. Bernard: Contes populaires inédits du Cambodge. G.P. Maisonneuve, Paris, 1946) thì chia những truyện do các ông sưu tầm làm truyện kỳ diệu, truyện về gốc tích (sự vật), truyện ngụ ý, truyện tòa án, truyện vui, truyện nói về vật, truyện vật, v.v...

[2] a) Những truyện thuộc về cái lối cổ tích hoặc dã sử, cha mẹ hay ông bà tôi tôi thường kể cho con cháu nghe; b) Những truyện mà kết cục đã thành câu phương ngôn, lý ngữ, hoặc trái lại xuất xứ từ những câu lý ngữ phương ngôn ấy ra; c) Những truyện thuần về văn chương trong có những câu ca lời hát nôm na mà vui thú, giản dị mà tự nhiên xưa kia đâu đó vẫn thường truyền tụng; d) Những truyện ngụ một cái ý cao xa thuộc về triết lý may ra so bì được với Bách tử bên Trung-quốc và sau này có thể đem vào môn học cổ điển của nước nhà; e) Những truyện vui chơi cười đùa có lý thú để tiêu sầu khiến muộn, nhưng chưa quá thuộc về cái thể "tiểu lâm", các nhà đạo đức nghiêm ngặt vẫn quen chê là nhảm nhí..." (Truyện cổ nước Nam (A. Người ta), Thăng Long xuất bản, 1952).

[3] Hợp tác xã Văn hóa mới xuất bản, Thanh-hóa, 1951; tr.92.

[4] Truyện kể khác với các báo hồi ấy đã đăng. Đại khái: Bảo Đại lên Đà- Lạt tặng tịu với vợ một viên quan người Pháp, bị chồng nó ghen bán què chân. Để che đậy việc đó, Pháp phải cho công bố là Bảo Đại đi săn voi bị sủa hằm.

[5] Nhà xuất bản Văn sử địa, Hà-nội, in lần thứ nhất 1956, lần thứ hai 1957.

[6] Tiên thoại ở Tây phương (contes des fées) không phải là truyện tôn giáo, đó là cổ tích.

[7] Cắt nghĩa theo Bách hoa từ điển La-rút-xơ (Larousse).

[8] Truyện kể rằng có một ông lão đánh cá có ba người con trai đặt tên là Linh, Minh và Cung. Họ có sức khỏe tuyệt trần, có tài võ nghệ. Quân Thục đến đánh. Tản Viên bảo vua Hùng mời ba anh em cầm quân đi đánh. Nhiều trận ác chiến diễn ra. Trong một trận, họ bị quân Thục áp đảo về số lượng, vây bọc tứ bề trong ngoài không thông nhau được. Sau mười bốn ngày nhịn đói, một hôm họ cầu thần, tự nhiên thấy trời đất tối tăm, rồi bỗng xuất hiện trước mặt ba anh em một con bò cái. Anh cả là Linh sai lính hầu vắt được một chậu sữa. Uống xong sữa bò thần, ba anh em thấy sức khỏe tăng lên rất nhiều. Sau đó, hàng đàn bò xuất hiện trên núi cao. Lập tức họ ra lệnh cho mười lăm ngàn quân sĩ vắt sữa uống và sức khỏe quân đội bỗng trở nên vô địch. Họ xông ra đánh cho tan tác địch quân, giết hàng nghìn người, cướp được quân lương khí giới rất nhiều. Khi đoàn quân quay trở về thì chẳng thấy bò đâu nữa. Để nhớ ơn, ba anh em thề từ đây không ăn thịt bò và hạ lệnh cho dân làng Phao-vống (tức Vống la, huyện Đông-anh) không được giết thịt bò (X Vống-la thôn thần tích). Chúng tôi ngờ rằng những hình tượng uống (hoặc bú) sữa bò thần, và hàng đàn bò xuất hiện để giúp cho mười lăm ngàn quân có sức khỏe vô địch, v.v... là tàn dư của những mảnh thần thoại hoặc truyền thuyết xa xưa lưu lại trong bản thần tích này.

[9] Trong lần in thứ nhất bộ sách này, chúng tôi dùng khái niệm cổ tích hoang đường. Tiếp thu ý kiến của một số nhà nghiên cứu thống nhất với quan điểm phân loại của chúng tôi, chúng tôi xin đổi mấy chữ này thành cổ tích thần kỳ cho được rõ nghĩa hơn.

[10] Xem các truyện Sự tích động Từ Thức (số 130) và Sự tích sông Nhà-bè (số 30) ở phần sưu tập truyện.

6. PHÂN BIỆT TRUYỆN CỔ TÍCH VỚI LỊCH SỬ VÀ VỚI TIỂU THUYẾT

Truyện thuyết cũng như cổ tích lịch sử là những truyện có gắn liền với một ý nghĩa, một cái tên lịch sử (tên người, tên đất, v.v...) chứ không phải là lịch sử thực sự. Nhưng đối với người đời xưa thì truyền thuyết, cổ tích, cả thần thoại nữa, thường bị lẫn lộn với lịch sử. Khi chép tiểu truyện Chu An đời Trần, hay Nguyễn Trãi đời Lê, người ta không ngần ngại đưa cả Sự tích đầm Mực[1] hay truyện Rắn báo oán[2] xen lẫn với sử liệu thực.

Như chúng tôi đã nói "Truyện thuyết có khi là thần thoại bị sửa chữa cho gần với nhân tính, có khi là lịch sử bị thần thánh hóa hay lý tưởng hóa"[3]. Trong những giai đoạn khuyết sử của dân tộc, truyền thuyết, cổ tích lịch sử thường lẫn lộn với lịch sử và sự lẫn lộn này diễn ra từ đã rất lâu, khó lòng còn phân biệt. Có nhiều nhân vật trong thời Bắc thuộc được kể trong sách Việt điện u linh tập như Lý Ông Trọng, Lý Phục Man, Trương Hống, Trương Hát hay như bà

Bát Nàn, bà Lê Chân, bà Thiều Hoa (theo thần tích đều là nữ tướng của Hai bà Trưng), v.v... ngày nay vẫn làm cho chúng ta ngỡ vực không hiểu đó dễ thường là nhân vật lịch sử truyền thuyết hóa hay chỉ là nhân vật truyền thuyết mà thôi.

Điều cần lưu ý là không nên lẫn lộn truyền thuyết, cổ tích lịch sử với những truyện thuộc loại truyện thời sự đã chuyển hóa thành lịch sử, hay những truyện gần như là "liệt truyện" hoặc "giai thoại lịch sử" được ghi vào sách vở ngày xưa, nhưng đồng thời cũng được nhân dân truyền tụng. Về Âm Ninh khởi nghĩa, truyện Em Tám lượ tằm dầu đốt kho bom Tân-sơn-nhất đều là những truyện thời sự đã thành lịch sử, truyện Vua Ngọa Triều là một liệt truyện, truyện Công chúa Huyền Trân lấy vua Chăm là một giai thoại lịch sử.

Nhưng cổ tích lịch sử thường khi là tài liệu bổ ích cho lịch sử. Bởi vì nó là lịch sử do nhân dân kể, theo ý kiến và dư luận của nhân dân. Gor-ki từng nói: "Văn học dân gian có ý kiến riêng của nó đối với hoạt động của Lu-y XI, của I-van Hung đế, và ý kiến đó khác hẳn với cách đánh giá của những pho sử do những nhà chuyên môn viết ra, vì họ không quan tâm lắm đến vấn đề cuộc đấu tranh của các nhà vua chống lại bọn chúa phong kiến đã đem lại những gì cho đời sống của nhân dân lao động"[4].

Cho nên, cổ tích lịch sử cũng có khi được người xưa coi là dã sử. Có những nhân vật lịch sử như Chúa Thao (đời Mạc), Hầu Tào (đời Minh Mạng) ta hầu như chỉ được biết qua truyện cổ tích mà thôi. Cũng vậy, nếu không có truyện Chàng Lía thì ngày nay mọi người dễ đã quên một anh hùng nông dân khởi nghĩa sống vào khoảng trước thời Tây Sơn, mà sử gia triều Nguyễn chẳng ai buồn chép đến. Nếu khéo sử dụng - nghĩa là không quá lạm dụng - thì cổ tích lịch sử sẽ giúp ích trong một chừng mực nào cho quốc sử.

Sau hết, cũng nên phân biệt truyện cổ tích với tiểu thuyết. Giữa hai loại hình này tuy phương thức biểu hiện có những chỗ giống nhau, nhưng thật ra lại khác nhau trên nhiều nét căn bản.

Tiểu thuyết cũng giống như truyện cổ tích, có thể chia làm hai loại: một loại, câu chuyện bị chi phối bởi yếu tố hoang đường quái đản, và một loại gần với đời sống thực. Tiểu thuyết có khi là những truyện rất dài dòng, với rất nhiều tình tiết, nghĩa là những câu chuyện có một phạm vi bao quát hiện thực rộng lớn, một khả năng tái hiện rất cao mọi diễn biến, màu sắc phức tạp và phong phú của đời sống xã hội mà truyện cổ tích không bao giờ có thể so sánh được. Nhưng tiểu thuyết cũng có khi là những truyện rất ngắn, những cốt truyện đơn giản đến mức sơ sài, hay hơn nữa là những cổ tích được phóng tác.

Khác với truyện cổ tích bắt buộc phải bó hẹp trong tính chất cổ và tính chất dân tộc, tiểu thuyết có thể mở rộng hơn về thời gian và không gian; nhân vật và hoàn cảnh mà nó xây dựng, sống trong thời đại nào và ở bất cứ vùng nào trên trái đất, đều được cả. Nhưng cái "bìa" của tiểu thuyết phải hợp lý. Trái lại, truyện cổ tích gần như lại được phép "phóng túng" về điểm này. Nhiều hình tượng

trong cổ tích tưởng như là quá vô lý mà chẳng ai nghĩ đến việc giải thích tại sao lại như thế.

Nếu bằng vào thủ pháp nghệ thuật, chúng ta có thể phân chia tiểu thuyết thành hai loại khác nhau: một là "truyện kể" giống với cổ tích, hai là "truyện tả" khác hẳn với nghệ thuật cổ tích. Thường khi, hai loại vẫn được sử dụng xen lẫn với nhau mà thuật ngữ chuyên môn gọi là trần thuật phối hợp đặc tả. Nhưng dù phối hợp hay không phối hợp thì theo đúng nghĩa của nó, tiểu thuyết phải được tả nhiều hơn là kể. Mô tả tỷ mỉ nhân vật, sự việc cũng như đi sâu khai thác các cạnh góc khác nhau của cái thế giới bên trong của con người, nhà tiểu thuyết sẽ có vinh dự dựng lại những hình ảnh về đời sống đúng như nguyên mẫu. Và ở đây đặc trưng loại biệt của một ngòi bút tiểu thuyết trước hết phải là năng lực tạo hình. Mỗi nhà tiểu thuyết tạo ra một thế giới riêng, thông qua cái nét riêng không thể lẫn lộn trong thiên bẩm nghệ sĩ của tâm hồn anh ta; nhưng anh ta vẫn phải làm phong phú thế giới ấy bằng phong cách miêu tả, sao cho trong đó cũng đầy đủ mọi diện mạo khác nhau của đời sống, với những tình tiết phức tạp như thế giới ta sống hàng ngày.

Trái lại, thế giới trong truyện cổ tích không cần thiết phải miêu tả chi li. Vì thế mà chúng thường có tính ước lệ. Thời gian, không gian ở đây chỉ còn là những khái niệm phiếm chỉ. Và nếu đứng về một mặt nào đó, chúng bị bó hẹp so với tiểu thuyết, thì đứng về một mặt khác, chúng lại cũng quá rộng, đến nỗi không còn tính cụ thể lịch sử nữa. Cộng thêm vào đó là tính chất truyền miệng, đã làm xích gần thế giới của tất cả các truyện cổ tích Đông Tây lại, khoác lên cho chúng những màu sắc và không khí phẳng phát giống nhau. Tất nhiên, truyện cổ tích của mỗi dân tộc vẫn có những điểm đặc thù. Vì cổ tích khác với tiểu thuyết như thế cho nên những truyện cổ tích đã đứng vững xưa nay sẽ không chịu mang hình thức tiểu thuyết hóa. Dĩ nhiên, không phải truyện cổ tích nào cũng chỉ có thể biểu hiện dưới một hình thức khô khan, đơn điệu.

Nói tóm lại, truyện cổ tích là một loại sáng tác văn nghệ của nhân dân. Nó có đặc trưng nghệ thuật riêng biệt không giống với các loại truyện ngụ ngôn, khôi hài, tiểu lâm, cũng như có phần khác với thần thoại, truyện tôn giáo và truyện thời sự. Do tính chất truyền miệng, nó mang hình thức truyện kể chứ không mang hình thức truyện tả, và do đó cũng không đồng nhất với thể loại tiểu thuyết. Nhưng với khả năng hấp dẫn không kém gì tiểu thuyết, trong một thời kỳ mà tiểu thuyết chưa phải là thứ nghệ thuật phổ cập, thì nó là một trong những loại hình nghệ thuật quan trọng, làm nhiệm vụ giải trí cho dân chúng, đồng thời cũng thỏa mãn nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ, nhu cầu giáo dục và đấu tranh trong xã hội.

Chú thích:

[1] Xem truyện số 29, tập này.

[2] Xem truyện số 158, tập IV.

[3] Lược khảo về thần thoại Việt-nam, sách đã dẫn; tr.22.

[4] Báo cáo đọc ở Đại hội nhà văn Liên-xô năm 1934 (Gorki bàn về văn học, tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1970; tr.256 - 257).

Lai Lịch Truyện Cổ Tích

1. CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CỔ TÍCH

Truyện thuyết cổ tích xuất hiện vào thời kỳ nào?

Như ai nấy đều biết, truyền thuyết cổ tích xuất hiện không cùng một thời với thần thoại. Nếu chủ đề của thần thoại thường thiên về giải thích tự nhiên, mô tả cuộc đấu tranh giữa người và tự nhiên là chủ yếu, thì trái lại, chủ đề của truyền thuyết cổ tích thường thiên về giải thích xã hội, mô tả chủ yếu cuộc đấu tranh giữa người với người. Ấy là vì, thần thoại xuất hiện vào một thời kỳ mà mâu thuẫn sau đây nổi lên hàng đầu: con người sống lệ thuộc vào tự nhiên mà lại có khát vọng chinh phục tự nhiên. Trái lại, cổ tích cũng như truyền thuyết xuất hiện vào lúc con người nói chung đã lợi dụng được ít nhiều năng lượng của tự nhiên, nhưng lại vấp phải mâu thuẫn giữa người với người trong sản xuất. Hình thái xã hội mà truyện cổ tích phản ánh, sức sản xuất đã tương đối cao, đời sống con người đỡ chật vật hơn trước, tri thức phát đạt, tình cảm phong phú, nhất là cuộc đấu tranh giai cấp đã có phần gay go quyết liệt.

Nói một cách khác, những truyện cổ dân gian được sáng tác sau thời kỳ nguyên thủy, có nội dung xã hội khác biệt rõ với những truyện ra đời từ trước thời kỳ đó. Mác nói: "Khi con người đã có thể khống chế được thực sự những lực lượng tự nhiên thì thần thoại sẽ biến mất". Có nghĩa là khi mà chủ nghĩa thần linh không còn ngự trị lên mọi lĩnh vực của ý thức; khi trình độ hiểu biết của con người đã được nâng cao; con người đã tìm được quy luật của một số lớn hiện tượng tự nhiên, biết dùng cái nhân này để tạo thành cái quả kia; thì bấy giờ nghệ thuật thần thoại sẽ phai nhạt ý nghĩa và không còn chức năng thực tế nữa.

Nhưng mặc dù thần thoại mất đi, sự sáng tạo truyện truyền miệng vẫn cứ tiếp tục. Có dân tộc nào mà lại tắt được nguồn cảm hứng nghệ thuật của mình trên con đường phấn đấu gian nan để sáng tạo ra một lịch sử phong phú và một ngôn ngữ giàu có, sinh động? Đương nhiên con đường phấn đấu đó bao giờ cũng đầy huyền thoại, huyền tích. Một nhà nghiên cứu thần thoại có nhận xét: "Truyện thuyết đời cổ chúng ta gọi là thần thoại, thần thoại đời sau chúng ta gọi là truyền thuyết"[1]. Nhận định này về một mặt nào đó đã vạch được mối liên hệ hữu cơ giữa hai loại truyện ở hai thời kỳ. Đúng là đối với bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, ước mơ và khát vọng của quần chúng cũng vượt lên trên thực tại ước mơ và khát vọng ấy không những đã chấp cánh cho họ trong sáng tác thần thoại mà còn trong sáng tác cổ tích và truyền thuyết sau này. Mặt khác, đứng về phương diện thưởng thức thì bên cạnh thơ, truyện là một nhu cầu tất yếu của nhân dân. Loại truyện ngụ ngôn, truyện thời sự thường quá ngắn, thiếu những tình tiết ly kỳ, chưa kết tinh hiện thực một cách đậm đặc, nên không thỏa mãn cảm hứng của nhân dân bằng thần thoại hoặc cổ tích. Nhưng so với thần

thoại, thì truyền thuyết hay cổ tích cho phép người ta không những diễn tả dài hơn, mà trình bày được nhiều uốn khúc hơn, với những nhân vật phức tạp hơn, gần cuộc đời thực hơn. Nói cách khác, nội dung xã hội của mỗi thời kỳ chính là nhân tố hàng đầu quy định sự khác nhau về phương thức tư duy nghệ thuật giữa thần thoại và truyền thuyết và cổ tích. Ở thời đại của truyền thuyết và cổ tích, quan hệ giữa người với người ngày càng phức tạp, đấu tranh xã hội ngày càng gay gắt, thì, kết cấu nghệ thuật của truyền thuyết và cổ tích cũng đòi hỏi phức tạp, nhiều kịch tính hơn nghệ thuật thần thoại.

Truyền thuyết, cổ tích hiển nhiên phải xuất hiện sau thần thoại, tiếp liền với thần thoại. Truyền thuyết hoặc anh hùng ca ra đời vào giai đoạn cuối của thời nguyên thủy chuyển sang thời nô lệ. Truyền thuyết kế thừa nhiệm vụ của thần thoại và phát triển theo hướng xây đắp thêm, làm phong phú và sắc nét dần lên những hình tượng vốn còn mộc mạc của thần thoại. Đây là loại văn học truyền miệng thường được đặt bằng văn vần, có hình thức thành văn cố định. Đồng bào thiểu số nước ta, nhất là đồng bào Tây nguyên, hiện còn lưu truyền khá nhiều loại truyện cổ bằng văn vần mà họ gọi là tơ-đrong ha-mon hay tơ-lây a-khan (hay khan) mà chúng tôi coi là những truyền thuyết hay anh hùng ca. Vần của những truyện đó rất linh động. Vần liền, vần chân, vần lưng đều có cả. Cũng có những đoạn không cần thiết phải dùng vần. Có những đoạn kể rất vắn tắt, nhưng cũng có những đoạn miêu tả rất dài dòng và văn hoa. Nhân vật truyền thuyết của người Ê-đê, Ja-rai (Djarai), Ba-na (Bahnar), v.v... hầu hết là những anh hùng lực sĩ, con cháu của các nhân vật thần thoại, có khi chính là nhân vật thần thoại. Ghi-ông Ghi-ở, Rốc, Xét... trong truyền thuyết của người Ba-na đều là dòng dõi của hai ông bà Tạo thiên lập địa. Họ bay lên không trung để đánh nhau, bắt mặt trời mọc lùi trở lại để kéo dài sự sáng mà tiếp tục chiến đấu, v.v... Thế giới của truyền thuyết là thế giới người, nhưng còn đầy dẫy những lực lượng huyền diệu. Hai bản I-li-át (Ilyade) và Ô-đít-xê (Odyssee) của thi hào Ô-me (Homère)[2] thực chất là những truyền thuyết viết theo hình thức sử thi hay anh hùng ca, trong đó hình tượng thần thoại hãy còn rõ nét. Càng về sau, truyền thuyết càng gần với cổ tích. Đây là thời đại của những nàng công chúa, ông hoàng tử, thời đại của những tên trọc phú gian tham, những bác nông dân khờ khạo và nghèo khổ. Truyện cổ tích cũng tiếp thu truyền thống của truyền thuyết. Nó được xây dựng trên những mảnh vụn rời rạc của truyền thuyết và thần thoại. Cho nên Grim (Grimm) nhận xét về cổ tích nước Đức có nói: "Những truyện cổ tích dân gian là những tiếng dội cuối cùng của thần thoại ngày xưa". Một nhà nghiên cứu khác là Muyn-le (Max Müller) cũng nói: "Chúng ta biết một cách chắc chắn rằng phần nhiều những cổ tích về tiên là tàn dư của một thần thoại cổ đã quên mất một nửa, đã hiểu sai và đã xây dựng lại"[3]. Nói chung, tâm lý, tính tình của những nhân vật trong cổ tích đã trở nên phức tạp, không còn mang dáng dấp thô sơ, man rợ mà kỳ thực là giản dị, chất phác của những nhân vật thần thoại nữa. Họ văn minh hơn, đẹp đẽ hơn, thích hợp với những quy chế và lễ nghi của cuộc sống dưới chế độ phong kiến hơn. Nhưng một điều rõ ràng là cùng với những biểu hiện phức tạp trên đây, họ cũng đã mất đi cái bản sắc cũ của họ, những đường nét đẹp đẽ khỏe khoắn vốn có trong những nhân vật thần thoại. Có thể nói, so với thần thoại và truyền thuyết, tính chất chung của truyện

cổ tích là sự đa dạng của tâm lý, tính cách, đặt trong sự phức tạp của những tình tiết. Vì tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng của con người gửi gắm vào đây đã lăm vẩn khúc, không đơn giản như trước, và cuộc đấu tranh xã hội thì nhiều màu nhiều vẻ hơn cuộc đấu tranh với thiên nhiên rất nhiều.

2. TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH ĐÃ DỰA TRÊN VŨ TRỤ QUAN NÀO?

Truyền thuyết và cổ tích được thừa hưởng một vũ trụ quan phong phú do người nguyên thủy để lại trong các thần thoại. Nhưng thế giới thần linh lúc này không còn nguyên vẹn tính cụ thể và đơn giản như thời kỳ nguyên thủy. Người ta đem tôn ti trật tự mới có của xã hội loài người áp dụng vào xã hội vốn tự do bình đẳng của thần. Người ta sắp đặt thứ bậc theo chức vụ, phân phối ma quỷ thần thánh theo từng khu vực khác nhau. Lẽ tự nhiên, sau nhiều quá trình "cải tạo" lại, thế giới thần linh dần dần trở thành hình ảnh trung thực của thế giới con người. Vũ trụ quan tự phát của nhân dân kết hợp với hình thức triết lý chính thống, đã chuyển hóa thành một vũ trụ quan mới trong tưởng tượng của dân chúng.

Trước hết là quan niệm luân hồi. Quan niệm này xuất hiện với loài người từ rất xưa, lúc mới bắt đầu sống định cư bằng nông nghiệp. Từ việc quan sát sự sinh nở của cỏ cây người ta suy diễn ra quan niệm ấy. Con người, và muôn vàn sinh vật khác cũng sẽ cứ chết đi sống lại, hết kiếp này đến kiếp khác, mãi mãi như bánh xe quay! Ở Việt-nam, quan niệm này được bổ sung một cách đầy đủ bằng tư tưởng của đạo Phật. Người ta tưởng tượng ngoài thế giới hiện thực còn có hàng vạn thế giới cũng y hệt như thế giới trần gian, nếu có nơi là nát-bàn thì cũng có nơi là mười mấy tầng địa ngục. Đây là những chỗ an dưỡng hoặc đày đọa những kiếp người vốn đã có những quá trình tốt hay xấu về đạo đức.

Bên cạnh quan niệm luân hồi, lại có quan niệm không sinh không diệt, nảy sinh từ việc quan sát những vật vô cơ trong đời sống, rồi sau đó được đạo thần tiên phát triển thành một thứ tín ngưỡng. Người ta tưởng tượng một thế giới đẹp đẽ, sung sướng, giàu có (Bồng lai, Dao-trì, v.v...), trong đó những vị Ngọc Hoàng thượng đế, Nguyên thủy thiên tôn, Thái thượng lão quân, cho đến bát tiên, v.v... đều là những nhân vật thoát ra khỏi sự chi phối của luân hồi, trở thành vĩnh viễn không sinh trưởng mà cũng không tiêu diệt. Cõi thế giới đó, người trần nào dày công tu luyện cũng có thể gia nhập được.

Thứ ba là quan niệm vạn vật tương quan, có lẽ do tín ngưỡng tô-tem (Totémisme)[4] mà phát triển. Giữa con người với vũ trụ như trăng, sao, sông, núi, mạch đất, cỏ cây, v.v... đều có thể có những mối liên hệ vô hình mật thiết. Quan niệm này thịnh lên với chế độ phong kiến. ở Việt-nam, quan niệm về phong thủy, cụ thể là việc để mồ mả - một trong những hình thức biểu hiện của quan niệm vạn vật tương quan - có lẽ cũng do phong kiến nước ngoài đưa vào từ thời Bắc thuộc. Nó còn gắn bó với chế độ chiếm hữu ruộng đất. Chắc chắn ngoài ba yếu tố trên đây, truyền thuyết cổ tích còn mang nhiều quan niệm phức tạp khác. Tất cả hòa hợp với nhau tạo thành một hệ thống quan niệm thống nhất về thế giới mà ta có thể tóm tắt như sau:

a) Linh hồn bất diệt theo luân hồi.

b) Xác thịt con người cũng như cỏ cây động vật là chỗ trú ngụ của linh hồn.

c) Ngoài cõi trần, chủ yếu còn ba cõi nữa là cõi trời, cõi nước và cõi âm. Mỗi cõi đều có vua quan, có dân chúng, có kẻ giàu sang, có người nghèo hèn.

d) Cõi trần không phải là chỗ ở riêng của người và vật mà còn là nơi trú ngụ hoặc chỗ đi về của thần tiên, ma quỷ.

đ) Thần tiên, ma quỷ, v.v... cũng có phân biệt thiện và ác: có hạng đáng thương, có hạng đáng ghét, có hạng đáng tôn thờ, có hạng đáng sợ mà không đáng thân. Phần nhiều họ cũng chung cảnh vinh nhục sướng khổ như người.

Đó là vũ trụ quan chung của người Việt-nam từ thời kỳ bán khai lại nay. Tất cả mọi thể hệ tác giả và thính giả của những truyện cổ tích xưa và nay đều dựa vào đấy làm nền tảng cho tư duy, để đặt nên truyện và hiểu truyện. Dĩ nhiên, một quan niệm về vũ trụ như thế không còn hoàn toàn giống với vũ trụ quan của thần thoại. Nếu ở một vài truyện thần thoại nào đó có sự đồng nhất về cơ sở thế giới quan với cổ tích thì cũng chỉ là vì những thần thoại này đã được người đời sau tô điểm, thêm thắt, có khi xây dựng hẳn lại. Tuy nhiên, lại cũng cần phải thấy rằng Thần Thánh Tiên Phật hay ma quỷ trong cổ tích phần nhiều chỉ là phương tiện cần thiết để cho tác giả thắt nút, mở nút câu chuyện mà thôi. Cho nên, không lấy làm lạ khi chúng ta bắt gặp một số truyện về tiên ở châu Âu, trong đó gần như không biểu hiện một vũ trụ quan cổ truyền nào. Nên nhớ tiên thoại (contes des fées) của Tây phương so với tiên thoại của ta có phần khác. Tiên của họ có nhiều phép thuật rất huyền diệu: cưỡi lên chổi để bay, cầm đũa hay xoay chiếc nhẫn chỉ ra vàng bạc, nhà cửa, lâu đài và mọi vật... Họ có tiên tốt phù hộ người trong cơn nguy ngập, lại có tiên ác hãm hại người lương thiện. Nhưng nói chung, thế giới thần tiên của họ không được xây dựng một cách có hệ thống, cũng không liên quan nhiều đến tín ngưỡng như tiên trong tiên thoại hay cổ tích chúng ta.

3. SỰ XUẤT HIỆN VÀ SỰ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyền thuyết và cổ tích có quan hệ không ít đến tín ngưỡng, phong tục của một dân tộc, ăn sâu vào những tập quán của tư duy, tín ngưỡng và phong tục vốn bao giờ cũng có sức kích thích ảo giác rất mạnh. Cho nên xung quanh phong tục, nhất là tín ngưỡng, thường vẫn có truyền thuyết hoặc cổ tích lưu hành. Nhiều mô-típ hoặc hình tượng trong truyền thuyết và cổ tích còn lại đến nay, mặc dù đã phai nhạt dấu vết nguyên thủy nhưng nếu suy nguyên cận kề và thận trọng, cũng có thể tìm ra các lớp nghĩa tối cổ, phản ánh những phong tục, tín ngưỡng xa xưa mà con người hiện đại rất khó cảm thông (chẳng hạn tục hôn nhân đồng tính ở thời kỳ suy tàn trong truyện Sự tích đá Vọng-phu; tục chị em vợ lấy chung một chồng, anh em chồng lấy chung một vợ trong truyện Tấm Cám, truyện Lấy chồng dê, truyện Sự tích trầu, cau và vôi; tục thờ thần rắn và tín ngưỡng hiến tế thần linh trong truyện Thạch Sanh, truyện Tiều

diệt mãng xà, truyện Ao Phật; tín ngưỡng phồn thực trong truyện Hai anh em và con chó đá, Sự tích chim Bút-cô-trôi-cột (dị bản)...). Có thể nói tín ngưỡng là vú nuôi của truyền thuyết cổ tích, ngược lại truyền thuyết cổ tích là kẻ tuyên truyền đắc lực cho tín ngưỡng.

Đặc biệt ở Việt-nam, gần như mỗi một thắng cảnh, mỗi một đền thờ địa phương đều có gắn liền với một hoặc nhiều truyền thuyết, cổ tích. Những sáng tác dân gian đó, bên cạnh nội dung chủ yếu là những sự tích anh hùng hoặc sự nghiệp lớn lao kỳ vĩ của dân chúng địa phương, còn có giá trị là những "bài thơ" rất đẹp, những "tấm bia" nghệ thuật, trong đó ghi chép, ca ngợi, làm thi vị thêm cảnh trí thiên nhiên đất nước của từng vùng. Lẽ cố nhiên, các tác giả dân gian không giới hạn chủ đề tác phẩm ở tính địa phương chật hẹp. Trái lại, bao giờ họ cũng vươn đến những chủ đề có tầm bao quát rộng hơn. Và tính khái quát này không hề ảnh hưởng gì đến giá trị, sắc thái địa phương của câu chuyện. Chủ đề của các truyện Sự tích đầm Nhất dạ và bãi Tự nhiên, Sự tích đầm Mực, Sự tích bãi Ông Nam, Sự tích đền Cờn, v.v... hầu như là sự biểu dương phẩm chất cao quý của con người. Đó là tinh thần quên cái riêng vì cái chung, quên mình vì nghĩa vụ; đó cũng là tinh thần đấu tranh gian khổ với dục vọng, với bản tính tự nhiên.

Những ý nghĩa giáo dục có tính chất phổ biến như thế, đồng thời lại được biểu hiện trong những hình tượng có nét đặc thù rõ rệt, liên quan khăng khít với lịch sử dài lâu của một con sông, ngọn núi, bãi cát, cánh đồng...; mỗi câu chuyện gây nên lòng tự hào cũng như lòng yêu mến quê hương đất nước của người dân địa phương.

Cũng cần nhớ rằng truyền thuyết cổ tích là lịch sử truyền miệng của những dân tộc chưa có chữ viết; đây cũng là lịch sử truyền miệng của đại đa số quần chúng không biết chữ. Khi con người có ý thức về sự tồn tại và sự trưởng thành của mình thì việc tìm hiểu quá khứ, bảo tồn ký ức về quá khứ là một nhu cầu tự nhiên và cần thiết. Nhưng cổ tích chép sử theo cách của nó. Nó biết chọn hình ảnh để cô đọng sự kiện; nó biết dùng thủ pháp cách điệu để nhấn mạnh cái mà nó lưu ý. Cây gươm thần trong Sự tích Hồ Gươm đến với Lê Lợi và trả lại cho rùa vàng là hiện thân của sức mạnh đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm cũng như lòng yêu chuộng cuộc sống thanh bình. Con rắn trong truyện Rắn báo oán làm cho chúng ta thấm thía biết bao cái bạo tàn khủng khiếp của chế độ quân chủ chuyên chế đè nặng lên không phải một mà nhiều thế hệ. Cũng thế, những chòm lông xoắn của Ba Vành là một cách hình dung bằng nghệ thuật, cái nhược điểm chủ quan khinh địch của vị đầu lĩnh nông dân trong truyện Ba Vành.

Ngoài các sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử ra, một số đặc điểm của hình thái sinh hoạt xã hội đã qua cũng được giữ gìn trong cổ tích. Qua truyện Chàng rể thông minh, ta hiểu được tình cảnh gian khổ của người con trai lấy vợ ngày xưa; truyện Sự tích đình làng Đa-hòa cho thấy vai trò của cái đình đối với đời sống làng xã, và việc có được một cái đình đình đặc đối với những làng nghèo là một ước mơ, nhiều khi quá sức. Truyện Hoàng Tín hầu cho thấy chế độ cung đốn phục dịch trong một thái ấp là cực kỳ vất vả nhọc nhằn đối với người nông dân, v.v...

Cũng như ở thần thoại, trong truyện cổ tích con người vẫn tiếp tục cất nghĩa những hiện tượng thiên nhiên và xã hội, những hiện tượng lạ lùng bí ẩn mà những hiểu biết về khoa học bấy giờ chưa thể cho phép giải thích rành mạch được. Nhưng khác với cách cất nghĩa ở thần thoại, lúc này người ta lý luận một cách hóm hỉnh hơn, gần với "tính người" hơn. Nghĩa là đằng sau lời cất nghĩa có vẻ hoang đường, ngẫu nhiên, vẫn có ngụ một ý nghĩa sâu sắc về cuộc sống, hoặc có ẩn một mục đích giáo dục.

Dĩ nhiên, không phải những truyện cổ tích nói về thế sự, về sinh hoạt mãi sau này mới có. Nó xuất hiện cũng đã khá xưa, từ lúc con người biết lấy thực tiễn đời sống lao động của mình để trao đổi ý kiến với nhau, giải bày tâm sự với nhau. Mà cuộc sống lao động của nhân dân thì muôn màu nghìn vẻ, rất phong phú, phức tạp. Chính từ trong bao nhiêu truyện đời phức tạp ấy, người ta rút ra những nét có ý nghĩa điển hình nhất (tức là những nét phổ biến, dễ nhớ, dễ hiểu), những cốt truyện ly kỳ nhất (tức là những truyện dễ gợi tính tò mò say mê của mọi người) để xây dựng nên tác phẩm.

Nhờ những cuộc giao lưu văn hóa, những cuộc gặp gỡ giữa các dân tộc, truyện cổ tích cũng như thần thoại, truyền thuyết được lưu truyền rất rộng. Bằng chứng là có nhiều truyện của những dân tộc sống rất cách xa nhau vẫn mang những nét giống nhau, hoặc phỏng phát giống nhau. Truyện Tấm Cám không những quen thuộc với nhân dân Việt nam, mà còn là một cổ tích chung của đồng bào Cham-pa, đồng bào Tây-nguyên, Khơ-me (Khmer), Ấn-độ, Ai-cập, Pháp, Trung-hoa... và vô số dân tộc khác nữa. Nếu đem so sánh tất cả những truyện đó thì sẽ thấy, tuy có khác nhau về chi tiết, nhưng trên đại thể chúng đều giống nhau, chủ yếu là ở đề tài và chủ đề. Điều đó giúp ta phỏng đoán rằng ban đầu chúng đều có chung một cái cốt duy nhất rồi về sau mỗi dân tộc phát triển, hoàn chỉnh câu chuyện theo cách riêng của mình, bằng cách cải tạo và thêm thắt một số tình tiết, hình ảnh phù hợp với đặc điểm dân tộc.

Mặt khác, ngay trong văn học giữa các dân tộc này và dân tộc kia đôi khi cũng có những gặp gỡ đặc biệt lý thú, những sự phù hợp tình cờ ở tư tưởng, nội dung và nghệ thuật. Sự tương đồng giữa một số truyện như Gốc tích cái nốt dưới cổ con trâu, Sự tích đá Vọng phu... của ta với những truyện cổ tích dân gian ở các dân tộc châu Á, châu Âu, châu Phi[5] có thể không phải do chúng cùng chung một cốt truyện hoặc do các dân tộc gần gũi nhau nên ảnh hưởng lẫn nhau. Xét cho cùng, đây cũng là một hiện tượng có tính quy luật. Trong cuộc sống phải phấn đấu với thiên nhiên, phải chống chọi với những thế lực áp bức trong xã hội, nhân loại có những bước đường như nhau, những mục đích, khát vọng như nhau, cho nên trong sinh hoạt và trong tưởng tượng của từng dân tộc cũng tất yếu có những nét trùng nhau hoặc gần giống nhau.

Căn cứ vào đó mà người ta cho rằng trong truyện cổ tích, ngoài đặc tính riêng của từng dân tộc lại còn mang ít nhiều tính chất chung của cộng đồng nhân loại. Có người đã từng nghiên cứu truyện cổ để tìm hiểu bước đường phát triển chung giữa các dân tộc khác nhau. Do mang "tính nhân loại" mà nhiều truyện cổ tích có một giá trị phổ biến, được coi là vốn tinh thần chung cho cả loài

người. Mọi dân tộc có thể tìm thấy trong đó một nguồn thông cảm chung. Luôn luôn nó là một cái gì trong trẻ, xinh tươi và lành mạnh.

Hiển nhiên, nói thế không có nghĩa là trong bất kỳ truyện cổ nào cũng đều chứa đựng những nhân tố tích cực, kết tinh sức sống của nhân dân, và phù hợp với xu thế tiến bộ của nhân loại. Không quên rằng giai đoạn thịnh hành của việc sáng tác truyền thuyết cổ tích là thời kỳ công xã thị tộc tan rã, thời kỳ chiếm hữu nô lệ và phong kiến tiếp nối thịnh hành. Trong điều kiện một nền sản xuất lạc hậu, kéo dài triền miên từ cổ đại cho đến hết trung cổ, xã hội loài người đã phải trải qua nhiều nỗi nhọc nhằn vất vả, chịu đựng bao nhiêu thành kiến ngu muội, quần quại trong bao nhiêu tranh đoạt đầy máu và nước mắt, và bị đe dọa bởi bao nhiêu nỗi lo sợ hữu hình và vô hình. Có thể nói cả một không khí huyền bí tối tăm luôn luôn vây bọc và đè nặng lên đời sống tinh thần của con người. Tất cả những phương diện này đều để dấu vết lại trong các loại sản phẩm tinh thần mà con người còn lưu giữ lại được, trong đó có truyện cổ tích. Và nếu coi đó là hạn chế thì phần tư tưởng hạn chế rải rác trong kho truyện của ta không phải là hiếm.

Sự xuất hiện của truyện cổ tích thường gắn chặt với những đặc điểm về sản xuất, về sinh hoạt, tư tưởng của một thời đại lịch sử, cho nên cũng như thần thoại, nó có thời kỳ phồn vinh và có thời kỳ suy tàn. Thế kỷ của máy móc, của điện tử là thế kỷ suy tàn của truyện cổ tích. Lúc mà tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch bản, điện ảnh, v.v... xuất hiện và trở nên món ăn tinh thần hợp "khẩu vị" của quần chúng thì cũng là lúc cổ tích bắt đầu lùi xuống địa vị thứ yếu, nếu chưa phải là bước xuống khỏi văn đàn. Huyền tượng ngày càng được khoa học "giải mã" và tín ngưỡng tuy vẫn còn đầy sức hấp dẫn, cũng thường xuyên bị khoa học tranh chấp và "khoanh vùng" giới hạn. Việc sáng tác những câu chuyện hoang đường vì thế bị hạn chế dần, kết quả là nghệ thuật cổ tích cũng thu hẹp lại.

Tuy có một số ít tác giả bất chước người xưa đặt nên những truyện tương tự cổ tích, nhưng dù cố gắng đến đâu, nội dung của chúng cũng không tài nào còn mang được cái không khí, cái phong vị của truyện cổ tích nữa. Đó là nghệ thuật của truyện ngắn giả cổ tích, hơn nữa đó lại không phải là những truyện truyền miệng.

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích cũng chịu chung cái công lệ của văn học truyền miệng là mọi việc sáng tác, diễn xướng, truyền bá đều có tính chất tập thể. Tác giả của truyện không phải là người của cùng một thời, một xứ, mà là nhiều người, trong những thời gian và không gian khác nhau. Đây là một công cuộc sáng tác và chỉnh lý liên tục, người sau nối tiếp công việc của người trước. Có khi người sau dựa vào cốt truyện của người trước mà đặt ra một truyện khác mới hẳn. Cổ nhiên, trong hai truyện đó truyện nào khỏe mạnh hơn, gọi hứng thú người nghe hơn thì sẽ tồn tại lâu hơn. Cho đến một lúc nào đó, câu chuyện tương đối hoàn chỉnh hay đã được ghi vào sách vở, thì nó sẽ đứng lại.

Đầu tiên, câu chuyện thường xuất phát từ một truyện thời sự hay là một sự thực nào đó. Cốt truyện của nó thường khi rất đơn giản. Truyện Sự tích đầm Nhất-dạ, theo chỗ chúng tôi đoán thì ban đầu hình như là một câu chuyện tình éo le cũng như phần nhiều câu chuyện tình éo le khác vẫn thường xảy ra: con gái một quý tộc nào đó yêu một anh con trai thuộc tầng lớp dưới. Và khi thấy không được cha mẹ ưng thuận, hoặc biết không thể đường hoàng lấy được nhau, cả hai bèn trốn vào rừng hay tìm đến một nơi xa xôi nào đó. Trong khi ấy thì pháp luật triều đình hết sức truy nã họ. Sau cơn tuyệt vọng, họ nhảy xuống một vực sâu hay treo cổ tự tử.

Cốt truyện Sự tích đầm Nhất-dạ đầu tiên có thể ít hay nhiều tương tự thế thôi. Tất nhiên câu chuyện phải đập mạnh vào cảm xúc của nhiều người, và chủ yếu là làm thức dậy ý thức đấng cấp tiềm ẩn sâu xa trong lòng đại chúng. Cái chết của cặp trai gái được quần chúng coi là biểu hiện của tinh thần căm phẫn, của hành động chống đối. Sẵn có đầu óc tín ngưỡng, người ta cho là một cái chết linh thiêng. Từ đó họ lập miếu thờ; mặt khác họ truyền cho nhau nghe thiên tình sử bi đát. Thiên tình sử đó được các nhà văn nhân dân tô điểm và lưu truyền bằng miệng. Vì truyền miệng, nên quần chúng đời sau lại không khỏi thêm thắt sửa đổi ít nhiều cũng như có thể tước bỏ ít nhiều. Khuynh hướng chung là người ta thần thánh hóa nó đi. Rốt cuộc, cặp trai gái đó không chết nữa mà bay lên trời.

Nhiều truyện cổ tích khác như truyện Hai bà Trưng, truyện Vợ chàng Trương cũng được thần thánh hóa theo hướng ấy. Đó là mong muốn chủ quan của tác giả và cũng là nguyện vọng của nhân dân. Nhân tố chủ quan này đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành một số truyện cổ tích. Nói cách khác, một số chi tiết, một số hình tượng và mô-típ của truyện đều được sửa chữa, thêm bớt một cách có ý thức để tiến đến chỗ định hình. Và, đến đây, một truyền thuyết, một sự tích được nâng lên địa vị văn học.

Cho đến sau đời Triệu Quang Phục (ở thế kỷ thứ IV), truyện Sự tích đầm Nhất-dạ lại còn được thêm vào đoạn cuối kể chuyện Chử Đồng Tử cưới rồng giúp đỡ họ Triệu chiến thắng quân xâm lược. Tóm lại, trên cơ sở hiện thực và lãng mạn, nhân dân lao động trong một quá trình lâu dài đã dựa vào tưởng tượng, phối hợp giữa tín ngưỡng và nguyện vọng của mình, ảo hóa một câu chuyện thực thành một truyện cổ tích. Đồng thời, câu chuyện đó cũng được nhân dân dùng để giải thích hiện tượng biến đổi của tự nhiên. Trên thực tế, đầm Nhất-dạ^[6] có thể do ảnh hưởng của một cuộc địa chấn, hoặc do một con sông bị bồi lấp mà thành. Nhưng ở đây thực tế đó không có ý nghĩa gì và bị che khuất đi đằng sau một vấn đề xã hội. Nguyên nhân tự nhiên đã được thay thế bằng nguyên nhân xã hội.

Thiên tình sử Chử Đồng Tử - Tiên Dung được tô điểm sửa chữa đến đây hầu như là đã hoàn thiện. Nhưng từ ngày đạo thần tiên thịnh hành ở Việt-nam thì đám đạo sĩ bèn lợi dụng nó, đem tô điểm cho nó một nước sơn tôn giáo. Tiên Dung và Chử Đồng Tử vốn sẵn có một tâm hồn "coi tình yêu trên hết" sẽ khinh thị tất cả mọi của cải ở trên thế giới và như thế rất lợi cho việc truyền bá thứ

tôn giáo yếm thế của Đạo giáo. Hai nhân vật chính đó sau khi thông qua nhân quan của tầng lớp đạo sĩ bỗng trở thành những vị thiên thần bất tử, đi mây về gió, ra oai tác phúc trong nhân dân. Chử Đồng Tử thế là thành một vị tổ trong tôn giáo thần tiên, mà người ta gọi là Chử Đạo tổ. Giới đạo sĩ lại còn nối thêm vào truyện một khúc đuôi như sau: khi hai vợ chồng đã thành tiên rồi, một lần đi qua làng Ông-đình (Hưng yên) họ dùng gậy phép cải tử hoàn sinh cho một số người chết. Và cũng ở làng này, Chử Đồng Tử lại có lấy thêm một người vợ tiên thứ hai nữa tên là Ngải Hòa, v.v...

Ngoài những truyện có cốt cách hoàn chỉnh như Sự tích đầm Nhất-dạ ra, trong kho tàng truyện cổ của ta vẫn không hiếm những truyền thuyết đang giữ nguyên cốt truyện lúc ban đầu, chưa được trau chuốt tô điểm, hoặc đã được trau chuốt tô điểm, nhưng chưa chuyển hóa đầy đủ thành một áng văn có tính nghệ thuật. Hãy mượn một truyền thuyết của đồng bào Mường ở Hòa-bình làm ví dụ.

Truyện kể rằng có một đôi trai gái yêu nhau, từng ăn thề với nhau, nhưng không được gia đình hai bên đồng ý. Họ bèn đưa nhau vào rừng tự vẫn. Khi bỏ nhà ra đi người con gái có mang theo một rễ tầm. Vì gặp người, nên họ bỏ chỗ đã định trước, tiến vào sâu hơn rồi cả hai thất cổ ở Cồn Mòi. Bây giờ, ở nơi đó có nhiều hòn đá giống hình những con tầm và một hòn đá khác giống hình một cái rễ. Làng Khênh là làng sở tại có dựng miếu thờ đôi trai gái. Họ tôn làm thành hoàng của làng[7].

Đây là một sự thật đã bắt đầu được ảo hóa. Để giải thích hình thù lạ lùng của những hòn đá, người ta khéo thêm vào câu chuyện một cái rễ tầm là hình ảnh có sẵn trong sinh hoạt thực tế của nhân dân. Tuy nhiên, câu chuyện chỉ đến đó là dừng lại. Chưa có cơ hội để các nhà văn nhân dân cải biên, phát triển thêm nữa. Nó chưa phải là một sáng tác hoàn thiện.

Có thể nói tất cả những sự việc hoặc éo le hoặc kỳ lạ, v.v... xảy ra trong cuộc đời thực, trừ trường hợp hãn hữu, đều là tài liệu rất tốt cho nhà văn nhân dân xây dựng thành truyện cổ tích với nội dung và hình thức thường khi được nâng lên rất cao so với khuôn khổ của câu chuyện thực. Cũng có khi từ một số mẫu chuyện hay một số sự việc có thật xảy ra trong nhiều trường hợp cụ thể khác nhau, nhưng đều có tư tưởng và chủ đề tương tự, nghĩa là có những mô-típ đồng dạng với nhau, người ta đem kết hợp lại để thành một truyện dài hơn, sửa chữa cho thống nhất, rồi dùng một nhân vật lịch sử có thật nào đó làm nhân vật trung tâm cho toàn truyện, như một sợi dây hữu cơ gắn các tình tiết lại với nhau. Truyện Ông nghề Tân thuộc trường hợp này.

Ông nghề Tân trên thực tế chỉ là một người phóng dãng, không chịu ràng buộc theo lối sống quy củ của nhà nho. Sau khi đỗ tiến sĩ (1842), ông chỉ làm những chức tri phủ, giáo thụ, chứ chưa từng làm thanh tra. Nhưng từ lúc xin thôi chân giáo thụ ở một phủ thuộc Hải-dương, ông nay chơi hạt này, mai chơi hạt khác, quấy nhiễu bọn quan lại địa phương. Hồi ấy có lệ mỗi năm triều đình đặc phái ngự sử từ kinh đô ra xứ Bắc tra xét tình hình quan lại. Nghề Tân thỉnh thoảng đến các hạt làm thơ nôm dạy trẻ em chẵn trâu hát. Quan bản hạt nào đó vô

phúc để ngự sử sao chép được bài thơ đệ về kinh thì sẽ bị tội. Vì thế, tuy không có chức vụ gì, ông đi đâu ai cũng sợ, phải trọng đãi, tống tiễn hẳn hoi[8]. Tất cả những tài liệu đó đều là đề tài rất quý của nhà văn nhân dân thuở bấy giờ. Chả là hồi đó dân chúng đang vô cùng cực khổ vì nạn tham quan ô lại. Cho nên, ông nghề Tân trong truyện được cường điệu hóa một cách nhanh chóng và bất ngờ, vượt xa hành trạng của một nghề Tân bằng xương bằng thịt. Đó là một viên thanh tra của triều đình cải trang làm cho bọn quan lại sợ mất mật. Đó cũng là một anh chàng nho sĩ ranh mãnh, chơi chữ rất tài tình. Những hoạt động của nghề Tân qua các mẫu chuyện, các bài thơ như "giả danh phó cối đề thơ ở công đường", "ném cẳng quan phủ xuống bùn", "vịt biết nói", v.v... đều là những tình tiết biểu lộ tinh thần đối kháng của nhân dân đối với giai cấp thống trị mà tác giả phản ánh trung thành vào truyện, rồi cuối cùng người ta sẽ gộp những mẫu chuyện dân gian đó lại và tạo thành một truyện dài có nội dung tư tưởng thống nhất.

Do đấy, suy rộng ra một chút, ta thấy trong sách sử có nhiều câu chuyện hoặc thơ văn được trưng dẫn hiển nhiên như những sự kiện lịch sử có thật, nhưng thật ra có khả năng đấy là sáng tác của nhân dân từ mọi nơi gộp lại (tương tự truyện Ông nghề Tân) hơn là những sự thật lịch sử. Chẳng hạn như những mẫu chuyện và bài thơ có khẩu khí đế vương đã được gán cho Lê Thánh Tông; một số giai thoại và câu đối hóm hỉnh được gán cho Mạc Đĩnh Chi làm lúc đi sứ Trung-quốc...

5. TÁC GIẢ TRUYỆN CỔ TÍCH

Trước tiên chúng ta sẽ nói đến những phần tử trí thức tức là hạng nho sĩ hay tăng lữ. Bọn họ thuộc nhiều tầng lớp khác nhau và có những khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

Có hạng có vai vế trong xã hội: hoặc chịu tước lộc của triều đình, hoặc làm môn khách, gia thần cho quý tộc địa chủ ở một địa phương nào đó. Họ am hiểu tường tận tâm lý, tính cách tầng lớp thống trị cũng như có vốn kiến thức đáng kể về cuộc sống "hậu trường" sâu kín của tầng lớp này. Chính vì thế, họ sáng tác khá nhiều những truyện xung quanh một ông vua, một ông quan, một thổ hào, một ông sư, hoặc những truyện về thi cử đỗ đạt, về phong thủy, bói toán, cúng dàng, v.v... có khi khá ly kỳ huyền ảo. Nào truyện Gia Long khi bị quân Tây Sơn đánh đuổi đã gặp những cái may gì mà thoát nạn; truyện mã tổ nhà Trần đã "kết" như thế nào để từ một dòng họ đánh cá ở Tức-mặc mà trở nên đế vương, rồi vì sao cũng dòng họ ấy về sau lại trở nên suy đồi, cái ngai vàng lại về tay người khác; truyện Nguyễn Trật nhờ thần giúp đỡ ra sao để cho một kẻ học dốt như ông cũng có tên trên bảng tiến sĩ; truyện mười tám ông sư vì sao đã đâm đầu một lượt xuống nước để trở thành Phật La hán, v.v... Họ còn đứng trên quan điểm chính thống để sưu tập và chỉnh lý truyện cổ dân gian. Những truyện của họ nhìn chung thường mang dấu ấn khá nặng của chủ nghĩa định mệnh, chủ nghĩa sùng bái cá nhân... Chúng góp phần tuyên truyền cho chế độ quân chủ hay cho tôn giáo yếm thế. Tuy vậy, nhiều truyện cũng hé ra không ít những ý nghĩa tích cực về cuộc sống, mặc dầu có thể ý nghĩa đó đã trở thành kinh điển. Nhất là những truyện của các tác giả sống tương đối gần

gũi nhân dân thì vẫn phản ánh được ước mơ và quyền lợi của nhân dân đến một chừng mực nào.

Một hạng nho sĩ khác, thân phận nghèo nàn, sinh hoạt túng bấn, như chúng ta quen gọi là "hàn sĩ" hay "bần sĩ". Họ xuất thân ở nông thôn. Trong thời gian đi học, đi thi, cho đến lúc sinh nhai bằng một nghề nào đó họ thường sống cuộc đời của kẻ phiêu lãng. Trong cuộc đấu tranh âm ỉ giữa nông dân và địa chủ, họ thường đứng về phía nông dân. Họ rất giàu tưởng tượng, lại là những người hóm hỉnh, thích đùa nghịch, dám chĩa mũi nhọn vào những kẻ khác có khi quyền thế hơn, dám nhìn thẳng vào mọi thói xấu của chúng, dám đem nó ra mà đùa, mà châm chọc, mà thỏa mãn khoái cảm của mình. Những truyện do họ sáng tác nói chung có nhiều loại, kể cả ngụ ngôn, tiểu lâm, v.v... Trong ký ức của họ hẳn chứa rất nhiều những kinh truyện của bách gia chư tử, trong đó có vô số cổ tích, điển cố của nước nhà cũng như của văn học Trung-hoa. Vào thời gian sống lang bạt ở nông thôn hay ở đô thị, họ lại lượm lặt thêm được không ít tài liệu thực tế sinh động. Nhờ có vốn sẵn như thế cho nên họ sáng tác được nhiều truyện vừa ly kỳ vừa ý vị và nói chung được nhân dân ưa thích.

Truyện Tú Uyên có thể là một ví dụ. Đây chắc là sáng tác của một nho sĩ, hơn nữa một "bần sĩ". Những truyện cũ như "Người lấy ma", "Ma trêu học trò", những tích xưa như "Thư trung hữu nữ nhan như ngọc", "Lộng Ngọc Tiêu Sử", "Vu Hựu thả lá", v.v... đã gây nhiều cảm hứng rất đẹp cho tác giả và ảnh hưởng ít nhiều đến phương pháp nghệ thuật của câu chuyện. Nhưng điều quan trọng hơn là ở kinh đô Thăng long thuở ấy quả cũng chẳng hiếm gì những mỹ nhân làm mê hồn nhiều nho sĩ. Và tất cả, mộng và thực, tâm tình và ước vọng lãng mạn của họ, đã được nhào nặn lại để thành một câu chuyện tình duyên, trong đó ảo tưởng được nâng lên đến cao độ.

Truyện Ông nghề Tân như trên đã nói, có lẽ là do một số nho sĩ có tư tưởng chống bọn quan lại tham ô đặt ra. Tác giả dựa phần lớn vào các sự kiện có thực để tạo nên tác phẩm, chứ không dùng hay rất ít dùng đến nhân tố hoang đường.

Đáng để ý nhất là những phần tử trong tầng lớp nô tì, tôi tớ, trong đám người phải đi phu, đi lính cho bọn thống trị. Những người có phần được sống tập trung, lại có cơ hội đi nhiều nơi, tai nghe mắt thấy được nhiều sự việc. Nói chung, chẳng những họ là người có điều kiện lưu truyền mà còn có khả năng sáng tác ra truyện. Những truyện do họ kể có khi là sự thật đã bị biến tướng bởi tâm lý chủ quan của chính họ và những người xung quanh họ; có khi là những truyện cổ tích của những vùng xa xôi nào đó được họ sửa chữa cho hợp với phong tục, tín ngưỡng địa phương. Thôi thì phong phú không thể kể xiết!

Có những truyện bí mật từ trong cung cấm: nào là bà chúa nọ tư thông với đầy tớ (Hà Ô Lôi); nào là ông vua kia mê người nữ tỳ (Chị A). Có những truyện từ trên rừng xuống (Thần giữ cửa, Ma cà rồng); từ dưới biển lên (Giặc Tàu ô, Sự tích đền Cờn); truyện trong Nam, ngoài Bắc, truyện chiến tranh; truyện kiện

cáo; truyện dịch tễ, v.v... Tất cả những loại truyện đó, qua trí tưởng tượng của họ đều được dọn lại cho súc tích, tô điểm thêm cho hấp dẫn và có tính kịch, rồi lan đi rất nhanh. Một khi đã vào trí nhớ nhân dân, nhân dân không bỏ lỡ cơ hội xây dựng, sáng tạo thêm một số tình tiết nữa, rồi phổ biến khắp nơi trong nước.

Những người làm nghề hát xẩm, kể về cũng là những tay sáng tác và lưu truyền rất đặc lực truyền thuyết và cổ tích. Họ là những nghệ sĩ sống nhờ dân chúng và sáng tác theo truyền thống của dân chúng. Cái nghề của họ không phải mới xuất hiện gần đây mà đã có từ xưa. Giữa xã hội thị tộc trước kia, những người có khả năng hát và nhớ truyện rất được nhân dân quý mến chiều chuộng. Trong những buổi hội họp đông đúc, họ được mời ra biểu diễn, làm cái việc giải trí cho nhiều người. Những truyện mà họ kể cho người nghe có lẽ đều bằng văn vần, do chính họ hay những nhà văn khác, trước họ, sáng tác.

Thời kỳ của chế độ nô lệ, phong kiến, trong cung đình có một hạng nghệ sĩ chuyên phục vụ cho vua chúa, quý tộc. Bên cạnh những "thằng hề", "con hát", bọn họ được trọng dụng không kém. Quyển Nghìn lẻ một đêm cho ta thấy cái thói ham nghe kể chuyện của các ông vua Ả-rập, Ba-tư ngày xưa. Những truyện được đưa ra kể ở những nơi thâm nghiêm này thường là góp nhặt từ khắp mọi phương trong dân chúng, không loại trừ những truyện tục.

Trong thời kỳ cận đại, ở Việt-nam cũng như ở Trung-quốc, hạng nghệ sĩ chuyên môn kể chuyện cho dân chúng không hiếm gì. Thường ở nông thôn chúng ta trước Cách mạng, mỗi làng mỗi xóm thế nào cũng có một vài người hát tốt giọng và hay nhớ truyện. Những lúc rỗi rãi, họ kể truyện cổ tích, ngâm Kiều, Thạch Sanh, v.v... Tiếng họ cất lên, mọi người trong xóm xúm lại bên ấm nước chè xanh say sưa nghe kể. Những nghệ sĩ đó không sinh nhai bằng nghệ thuật của mình.

Bên cạnh đó, cũng có những nghệ sĩ thoát ly sản xuất, thường trở tài ở chợ búa, thị trấn. Đây là những người hát xẩm, kể về rong mà sự phát triển quá nhanh chóng của tiểu thuyết, kịch và chiếu bóng nửa thế kỷ lại đây đã cướp mất nghề của họ. Nói đúng hơn là trong sinh hoạt nghệ thuật của quần chúng Việt-nam, bước vào thế kỷ này, bắt đầu có một sự thay đổi quan trọng về phương thức diễn đạt, truyền bá tác phẩm, cũng như về đối tượng thưởng thức nghệ thuật.

Ngày xưa nghề kể về của ta chắc chắn rất thịnh. Những chuyện về dài đặt bằng văn vần, xuất hiện khá nhiều. Ngoài những truyện thời sự là chủ yếu còn có truyện cổ tích. Nhu cầu thưởng thức của quần chúng vốn rất đa dạng, các nhà nghệ sĩ do đó cũng thấy cần thay đổi món ăn. Họ bèn tìm tòi trong lịch sử xem có những anh hùng nông dân nào mà tên tuổi bị chìm đắm bởi thời gian, hoặc rút lấy những sự kiện lịch sử mà mọi người đang thèm khát nhắc lại. Họ sẽ đặt thành truyện như về Chàng Lía, về Bà Thiều phó[9], về Vợ ba Cai Vàng, về Thất thủ kinh đô, v.v... Cố nhiên, nhà nghệ sĩ sẽ không quên đưa quan điểm và tưởng tượng của mình hòa vào chất liệu lịch sử. Và ý kiến của tác giả truyện về thì bao giờ cũng có chỗ khác với ý kiến của các sử gia. Nó hợp với lô-gích

tư tưởng của quần chúng hơn. Thế là một truyện cổ tích lịch sử ra đời, được nhân dân thường thức và truyền tụng có phần hứng thú hơn những cuốn sử ký cũng chép sự việc đó.

Tóm lại, truyền thuyết và cổ tích xuất hiện sau thần thoại. Lúc này con người đã qua thời đại dã man, sống trong những xã hội có cấp bậc, đặc biệt là xã hội nô lệ và phong kiến. Quan niệm về vũ trụ đã có phần khác với thời kỳ nguyên thủy. Nói chung, con người đã nổi bật lên trước lịch sử và bước vào nghệ thuật với tư cách vai chủ nhân của truyện. Mặt khác, nội dung phản ánh của truyện cũng đã thay đổi để thích hợp với vai chủ nhân ấy; từ ý nghĩa "tạo lập trời đất", để đất để nước nó chuyển sang mang nặng ý nghĩa về cuộc đời. Tác giả truyền thuyết và cổ tích phần nhiều là nhà văn nhân dân; họ sáng tác theo truyền thống và nhu cầu của nhân dân, nhưng cũng mang ít nhiều ý thức tư tưởng của giai cấp thống trị.

Chú thích:

[1] Viên Kha. Trung-quốc cổ đại thần thoại, Thương vụ ấn thư quán, Thượng-hải, 1955.

[2] Nhà thơ cổ Hy-lạp, sống vào khoảng thế kỷ thứ X trước Công nguyên.

[3] Dẫn trong Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren của Cô-xcanh (E. Cosquin: Contes populaires de Lorraine, I, Vieweg, Paris; p. IX, X).

[4] Thờ vật tổ.

[5] Xem dị bản của các truyện số 18, số 32, tập I.

[6] Nghĩa là cái đầm xuất hiện trong một đêm.

[7] Theo Grôt-xanh, Hòa bình, tỉnh của người Mường (P. Grossin: La province Mường de Hòa bình, in lần thứ hai, Hà nội, 1926; p. 66).

[8] Theo Tiên Đàm. Sự thực về ông nghề Tân, trong Tri tân, số 30 (1942).

[9] Tức là bà Bùi Thị Xuân, nữ tướng anh dũng của Tây Sơn. Truyện này đã thất truyền, nhưng từng được Bít-xa-se (Bissachère) nhắc trong bản ký sự của ông. Xem May-bông: Tường thuật về xứ Đường ngoài và xứ Đường trong của đức cha Bít-xa-se (C.B. Maybon: La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mgr. de la Bissachere, Champion, Paris, 1920; p. 100, chth.1)

Truyện Cổ Việt Nam Qua Các Thời Đại

1. THẦN THOẠI, TRUYỀN THUYẾT, LOẠI TRUYỆN XƯA NHẤT CỦA NGƯỜI VIỆT

Trước khi kể truyện cổ tích Việt-nam, tưởng cũng nên giới thiệu sơ qua quá trình phát triển của nó trong lịch sử văn học truyền miệng của dân tộc.

Người Việt-nam đã có sẵn tâm hồn văn nghệ từ rất xưa. Với trí tưởng tượng chất phác ngộ nghĩnh, với trình độ kiến thức còn thô sơ họ đã biết đặt câu ca lời hát cũng như đặt truyện. Chưa có chữ, họ lưu hành các tác phẩm bằng miệng. Mãi cho đến sau này, tuy chữ viết đã xuất hiện và đã nhiều lần thay đổi, nhưng vì đại đa số quần chúng nói chung đều thất học nên những truyện cũ, truyện mới hầu như vẫn từ cửa miệng này sang cửa miệng khác mà còn lại.

Cũng như các dân tộc khác, người Việt-nam ngày xưa cũng có nghệ thuật thần thoại. Và những truyện thần thoại Việt-nam tuy đơn giản nhưng khá ý nhị, lý thú. Đây là truyền thống văn học dân tộc, là tài liệu về trạng thái sinh hoạt thời kỳ xưa nhất của người Việt. Nó là nguồn gốc của sử và truyện của chúng ta sau này. Tiếp theo thần thoại, người Việt vẫn không ngừng sáng tác. Từ những truyện hoang đường đầy màu sắc thần linh chủ nghĩa, tiến lên xây dựng những truyện anh hùng lực sĩ, những sự tích về con người nhưng đã được thần thánh hóa. Điều đặc biệt là ở Việt-nam, tín ngưỡng đa thần có từ thời cổ vẫn còn lưu tàn tích mãi cho đến sau này. Nhờ vậy, chúng ta có thể dễ dàng tìm hiểu nguồn gốc một số cổ tích và truyền thuyết. Hiện nay, trong thần tích của một số làng ở Bắc-bộ có ghi sự tích một số thần như Phù Đổng thiên vương, Sóc thiên vương, Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương, ba anh em Linh, Minh và Cung, ba cha con Hàu, Đông và Vực, v.v... Đây có lẽ là những anh hùng lực sĩ thời khuyết sử có công với nhân dân, hoặc tập hợp dân chúng chống xâm lăng như Thánh Gióng (Phù Đổng thiên vương hay Sóc thiên vương), hoặc bày vẽ cho mọi người phương pháp sản xuất mới như Cao Sơn và Quý Minh, nên sau khi chết, họ được nhân dân thần thánh hóa sự tích và tôn thờ. Những huyền tích đã mang dạng truyền thuyết đó được lưu truyền bằng miệng. Cho đến lúc nhân dân địa phương ghi lại được bằng chữ viết thì câu chuyện đã trải qua không phải chỉ một lần sửa chữa; trái lại, chúng đã được đắp thêm rất nhiều lớp, rất có thể đã bị biến tướng hầu hết bởi ý thức và tâm lý xã hội đời sau. Mặt khác, vì không còn nhớ đích xác thời gian xuất hiện của từng nhân vật nên đối với nhân vật nào người ta cũng có khuynh hướng đẩy lên thời kỳ xa xăm nhất của lịch sử, cụ thể là thời Hùng Vương và Thục An Dương Vương.

Đồng thời, vô số những yêu ma quỷ quái được tôn thờ từ trước do tín ngưỡng đa thần cũng trở thành những mô hình đặc thù để nhân dân từng địa phương dựa vào mà xây dựng nên hàng loạt mẫu truyện. Thôi thì những truyện thần Rồng (Chàng Cả, Chàng Hai, Chàng Ba), thần Rắn (Hổ mang đại tướng quân), thần Lợn (ông Ý), thần Cọp (ông Ba Mười), truyện Quỷ Xương Cuồng, truyện Ma cà-rồng, v.v... không sao tính xuể. Nhiều truyện yếu tố tưởng tượng được sử dụng khá dồi dào và tinh tế. Nhân tố kỳ ảo làm cho câu chuyện có những kết cấu biến hóa thú vị. Người, vật, ma, quỷ đều được chuyển hóa thành thần.

Do vậy, cũng có thể dễ dàng phân biệt thần thoại với những truyện cổ nói về thần linh. Nếu thần trong thần thoại do tưởng tượng của con người nguyên thủy muốn cất nghĩa bản thân và ngoại giới mà có; thì thần trong thần tích lại do sự thờ cúng và tín ngưỡng phức tạp tạo nên. Sự phân biệt này giúp ta xác định tính loại biệt về sắc thái và tâm lý của hai loại thần. Loại thần sau hiển nhiên sẽ

có hình dạng và tâm lý như người chứ không còn chất phác và vô tư như thần của thần thoại.

Cho đến suốt cả thời Bắc thuộc, trên đà tiến triển, xâm nhập lẫn nhau của các thứ tôn giáo, tín ngưỡng phức tạp khác, càng ngày càng xuất hiện nhiều những truyện thần thánh hoang đường. Các truyện Man Nương, Cao Biền dậy non, Thần Tô-lich, v.v... phản ánh hiện tượng đạo Phật, đạo Lão bấy giờ đã ăn sâu vào tâm lý dân tộc và dung hòa với tín ngưỡng gốc của dân gian.

Ngoài loại truyện hoang đường nói trên, người Việt lúc ấy còn có loại truyện cổ nói về lịch sử, về sự tích những anh hùng lực sĩ như Lý Ông Trọng, Hai bà Trưng, Bà Triệu, Bồ Cái đại vương, v.v... Loại truyện ấy phần lớn còn lại dưới dạng những kết cấu mộc mạc, phân đoạn, có thể liệt nhập làm một với truyền thuyết lịch sử. Như trên đã nói, truyền thuyết của ta xuất hiện nhiều nhất vào thời kỳ Bắc thuộc. Truyền thuyết phản ánh cuộc đấu tranh tích cực của nhân dân nhằm giải phóng khỏi ách áp bức dị tộc. Nó là bài ca biểu dương sự nghiệp chống xâm lăng. Nó cũng là lời than vãn, là tiếng vọng buồn rầu, phẫn uất của cả bộ tộc Việt trong điều kiện sống cùng cực dưới nanh vuốt kẻ thù.

Mặc dầu ngày nay, trong quần chúng nhân dân chỉ còn truyền tụng mẩu chuyện rời rạc nhưng có thể ngờ rằng đây là những truyện vốn có đầu có đuôi có hệ thống và chắc được đặt bằng văn vần như một số truyền thuyết của đồng bào thiểu số. Nếu cố gắng khôi phục cho thật đầy đủ theo đúng phương pháp văn bản học dân gian thì truyện Hai bà Trưng chắc có thể dồi dào tình tiết hơn nhiều. Đó sẽ là một truyện có đủ các nhân vật, từ hai bà cho đến một đoàn nữ tướng đông đảo và gan dạ như các bà Bát Nàn, Lê Chân, Thiều Hoa, Thánh Thiên, v.v... trong đó, diễn ra biết bao nhiêu trận ác chiến giữa các bà và tướng địch mà chỉ có thần tích là còn có ghi lại. Bà Triệu hiện lên qua một vài ghi chép như là một cô gái kỳ lạ: cưỡi đầu voi, chân đi guốc vàng (có khi vú buộc ra sau lưng), khảng khái hiên ngang, còn tài đánh trận thì thật là vô địch đến nỗi kẻ thù không dám "đối mặt". Bồ Cái đại vương trong truyền thuyết còn được gắn liền với hình ảnh một con voi có nghĩa mà các bộ lịch sử không hề nói đến, và cũng không nhất thiết phải nhắc đến, v.v...

Nói chung, tất cả những truyền thuyết sáng tác trong thời Bắc thuộc đều có gửi gắm một tinh thần bất khuất, một ý nghĩa thương yêu nòi giống, căm thù quân giặc xâm lăng giày xéo đất nước.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH THỜI PHONG KIẾN TỰ CHỦ

Truyện cổ tích xuất hiện trong thời đại tự chủ có phần đột xuất hơn trước về chất cũng như về lượng. Hầu hết đều thể hiện rõ đặc điểm tính cách của người nông dân Việt-nam, nói lên quan điểm của họ về số phận và cuộc đời, về cảnh nghèo túng, nỗi đau khổ, những ước mơ và hy vọng. Bên cạnh đó là những truyện phản ánh luân lý, trí tuệ và sức mạnh của người Việt. Ngoài ra, người ta còn sáng tác những truyện cổ tích lịch sử, trong đó hoặc nói về một ông vua (Đinh Tiên Hoàng), một võ sĩ (Lê Phụng Hiểu), một tăng lữ (Tùng Đạo

Hạnh), hoặc là một thổ hào địa phương (Phạm Bạch Hổ tức vua Mây), v.v... So với truyền thuyết thời Bắc thuộc thì nội dung của truyện bây giờ đã khác trước. Bóng dáng những con người phóng khoáng, hiên ngang, trung thực, vô tư của thần thoại, truyền thuyết đến đây đã quá phai nhạt. Những nhân vật giữ được tầm vóc của quá khứ như ông Khổng Lồ trong truyện Khổng Lồ đúc chuông hay Sự tích trâu vàng hồ Tây[1] thật là hiếm hoi. Tất nhiên, đây không phải đơn thuần là một bước lùi. Lịch sử càng đi lên, càng mở rộng tầm thước, thì con người xây dựng nên lịch sử càng phải xuất hiện đúng với vóc dáng của hiện thực, mang sức mạnh của hiện thực.

Nói về nghệ thuật kể chuyện thì thời kỳ này được nâng lên tương đối cao. Ở nhiều truyện, cách miêu tả tuy còn đơn sơ nhưng bố cục đã khá chặt chẽ; có nhiều tình tiết có tính kịch, nhiều tình tiết éo lé, ly kỳ, khéo léo đan cài trong các truyện, có khả năng hấp dẫn người nghe ở mức cao. Truyện Từ Đạo Hạnh hay Sự tích Thánh Láng là bằng chứng cho thấy tác giả truyện cổ tích lúc này không chỉ giàu tượng tượng mà còn sành về thủ pháp biểu hiện.

Có thể khẳng định những loại truyện đó đã kế thừa tốt đẹp truyền thống của nghệ thuật thần thoại, truyền thuyết, và ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của truyện cổ tích và phật thoại nước ngoài bấy giờ chắc đã tràn vào đất Việt không hiếm gì. Tuy có một số truyện do những phần tử trí thức phong kiến sáng tác với dụng ý đề cao "đấng bề trên", nhưng lại cũng vì được sản sinh trong thời kỳ tự chủ, chúng vẫn là tiếng vang trung thực của tinh thần độc lập, phong cách cứng cỏi, hiên ngang của cả thời đại (Tô Hiến Thành, Nguyễn Thị Bích Châu).

Đời Trần cũng như đời Lý, đạo Phật trở thành độc tôn. Có khá nhiều truyện đề cao tăng lữ, thường thường là những nhà sư có đạo đức hay có phép thần thông biến hóa (sư Giác Hải, sư Huyền Quang, cuộc đi tu của Trần Nhân Tông, v.v...). Cũng vào thời này còn xuất hiện cả một số tiên thoại, phật thoại, hay cổ tích như những luận đề nhằm chứng minh cho cứu cánh của tôn giáo (truyện con gái Sở Trang Vương, truyện Từ Thức, v.v...), góp thêm vào kho sự tích các bà Tiên ông Phật vốn đã có trong các bộ kinh tôn giáo từ rất lâu đời.

Trong thời kỳ chiến tranh chống ngoại xâm, dân gian còn lưu lại những truyện cổ đầy khí thế yêu nước diệt thù. Nào truyện Yết Kiêu, truyện Người ả đào với giặc Minh, truyện Hai nàng công chúa nhà Trần, truyện Phạm Nhan, v.v... Ngoài ra, lại thêm vô số những truyện về giặc Tàu Ô, Khách đẽ của, nói lên thói gian ác quỷ quyệt của bọn cướp biển, bọn đô hộ, và bọn lái buôn, v.v...

Đời Lê tiếp theo đời Lý, Trần có thể tạm coi là thời kỳ toàn thịnh của truyện cổ tích. Hồi ấy, tuồng chèo tuy đã xuất hiện nhưng chưa phải là món giải trí phổ biến của mọi địa phương. Những tiểu thuyết dài ngắn của Trung quốc các đời Tống, Nguyên, Minh tuy đã tràn sang Việt-nam, nhưng hẳn cũng chưa gây cho văn học bác học của giai cấp phong kiến một trào lưu sáng tác và thưởng thức văn chương tiểu thuyết. Chỉ có truyện truyền miệng sáng tác theo truyền thống nghệ thuật dân tộc là được nhân dân ưa thích. Nhu cầu giải trí, nhu cầu khuyên răn, cảnh tỉnh, giáo dục của dân chúng ngày một lên mạnh, đòi hỏi phải có nhiều sáng tác về loại này. Sinh hoạt của nhân dân là nguồn đề tài rất phong

phú của cổ tích. Cho nên, trong kho tàng truyện cổ tích chúng ta, ngoài loại cổ tích hoang đường còn có rất nhiều cổ tích thể sự phản ánh sâu sắc đời sống hiện thực.

Đời Lê và cả đời Nguyễn nữa, là thời kỳ Nho học gần như độc tôn. Người ta đã bót đề cao vua chúa, tăng lữ mà quay sang đề cao nho sĩ và tầng lớp quan liêu xuất thân nho học. Nhiều truyện đề cao đạo Nho, tán dương việc thi cử đỗ đạt, ca tụng tài năng, đạo đức của cá nhân nhà nho. Một số sự tích của các nho sĩ được truyền thuyết hóa như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Bùi Cầm Hổ, Lê Như Hổ, Giáp Hải, anh em Lê Nai, Lê Đình, Trạng Me đề trạng Ngọt, Trần Miên khó chuối, Bà Nghè sáu tiền, v.v... nhiều lắm, khó mà kể hết. Tác giả, hoặc dựa trên cá tính có sẵn của nhân vật mà phóng đại lên, như truyện Lê Như Hổ với cái tài ăn hết mười tám cỗ cơm của vua Trung-quốc. Hoặc dựa vào hoàn cảnh cụ thể của nhân vật mà ảo hóa, như truyện Giáp Hải đi du lịch xuống thủy phủ. Cổ nhiên, luân lý đạo đức của Nho giáo chính thống thường được dùng làm chuẩn mực để phân định thiện và ác. Phan Đình Tá trước làm tôi nhà Lê, sau làm tể tướng nhà Mạc được coi là bất trung, và vì thế, đã dẫn đến một hậu kiếp bi đát là làm nghề hành khất. Những truyện đền ơn trả oán trong trường thi hay trong giới quan lại cùng kiểu như thế rất nhiều.

Đồng thời, lúc này cũng xuất hiện nhiều truyện cổ tích có tính chất phản đề bộc lộ những mặt trái của tầng lớp nho sĩ: cá tính ươn hèn, lối sống vô dụng và cái tài "mọt sách" không làm lợi bao nhiêu cho dân giàu nước mạnh. Những truyện Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng, Cửa Thiên trả Địa, là những truyện châm biếm tầng lớp sĩ phu chua cay và sinh động.

3. VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP, LĨNH-NAM CHÍCH QUÁI VÀ NHỮNG SÁCH SƯU TẦM TRUYỆN CỔ SAU ĐÓ

Vào thời Bắc thuộc đã có những viên đô hộ ghi chép một số truyện cổ của người Việt, như sách Giao-châu ký của Triệu Công và Tăng Cổn, sách Lĩnh biểu lục dị của Lưu Tuân đều ở đời Đường. Họ ghi chép một số ít truyện, do tính hiếu kỳ hơn là do ý muốn sưu tầm. Nhưng nó cũng chứng tỏ rằng truyện cổ của cha ông chúng ta xưa đã được người nước ngoài để ý trong khi tìm hiểu về đất Việt, người Việt.

Đến đời Lý, Trần, nhà văn phong kiến bắt đầu sưu tầm thần thoại, thần tích và truyện cổ tích của dân tộc. Cần đề ý là tất cả những loại truyện cổ nói chung, dù truyền miệng hay đã ghi chép, của dân gian hay của thống trị, đều không được đưa số tầng lớp phong kiến nho học liệt vào hàng văn chương. Tuy không coi đó là nhằm nhí, nhưng họ cũng chẳng có biểu hiện gì thật sự xem trọng. Trong giáo dục và trong khoa cử người ta chỉ nói đến thơ phú mà không thềm giảng dạy đến "truyện" dù là tiểu thuyết hay cổ tích. Nhà văn bác học sở dĩ sưu tầm truyện cổ tích, thần thoại nước nhà là vì mục đích tìm tài liệu bổ sung cho quốc sử nhiều hơn là nhằm bảo tồn văn học dân gian. Trong số những loại sách này có Việt điện u linh tập của Lý Tế Xuyên và Lĩnh-nam chích quái của Trần Thế Pháp. Quyển sách trên chuyên ghi chép những sự tích đã thần thánh hóa về vua chúa, hậu phi và các thiên thần, nhân thần có đền thờ ở khắp nơi

trong nước, dựa vào các thần tích cũ. Chẳng hạn như các truyện Bồ Cái đại vương, Mị Ê, Phù Đổng thiên vương, Lý Thường Kiệt, v.v... Quyển dưới cũng thế. Quyển này tuy có một số truyện chép trùng với Viết điện u linh tập, nhưng - thật là may mắn cho hậu thế - nó lại sưu tầm được một số truyện cổ tích và thần thoại đích thực và có giá trị như: Chử Đồng Tử, Dưa hấu, Sơn Tinh Thủy Tinh, Lạc Long Quân, v.v... Nói chung tất cả các truyện đều được chép một cách sơ lược. Tuy nhiên, ngày nay, đó là những tài liệu văn học rất quý báu đối với chúng ta. Qua hai quyển sách đó ta có thể thấy được khái quát tình hình truyện truyền miệng trong thời kỳ này. Có mấy điểm đáng chú ý:

a) Những truyện thần thoại cổ tích chứa chất từ trước cho đến lúc bấy giờ quả là phong phú. Nếu Lý Tế Xuyên và Trần Thế Pháp sưu tầm truyện cổ tích với đầy đủ ý thức bảo tồn văn học dân gian thì chắc chắn sách không phải chỉ có bấy nhiêu trang, và chắc sẽ có rất nhiều truyện đã không lâm phải kiếp mai một.

b) Hầu hết các truyện đều được diễn đạt lại theo tinh thần tư tưởng của xã hội quân chủ thời tự chủ, pha trộn với các thứ quan niệm của phép thuật phù thủy, đồng bóng. Do đó, người sưu tầm đã làm giảm mất một phần nào tính chất sinh động của câu chuyện ban đầu. Đây là đoạn tả thần Cao Lỗ: "... thân dài chín thước, đội mũ đầu mâu sao vàng, mặc áo giáp sắt, tay cầm khai sơn đại phủ, đi giày da voi màu đen, thắt lưng đỉnh vàng, mặt mũi ngạo nghễ, khí thế hiên ngang, vạm vỡ khỏe mạnh, cưỡi con voi chín ngà, dẫn bộ chúng áo xanh theo gió mà đến..."[2]. Một đoạn khác kể về vua tôi Hùng Vương gặp Long Quân: "Vua Hùng nghe báo có giặc Ân bèn triệu quần thần để hỏi mẹo công thủ. Có một phương sĩ tâu: - "Chi bằng cầu vớ Long Quân để được ám trợ". Vua nghe theo. Bèn lập đàn, trai giới, đặt vàng bạc, lụa là lên đàn đốt hương cúng tế. Được ba ngày, trời nổi sấm mưa, bỗng thấy một ông lão cao sáu thước, râu màu đều bạc..."[3]. Những ví dụ như thế nhiều lắm. Đủ biết không phải là hiếm những truyện cổ tích Việt-nam một khi phổ biến trên giấy mực thì phần nào đã bị biến dạng: nhiều chi tiết trong đó dễ bị người chấp bút thay đổi vì yêu cầu chính trị của thời đại, vì tâm lý, quan điểm và tư tưởng thẩm mỹ của người ghi đã khác xa so với thời điểm ra đời của câu chuyện.

c) Do chỗ có vài truyện trong sách chịu ảnh hưởng của truyện Trung-quốc, Ấn-độ, Cham-pa, hoặc một vài chi tiết, hoặc toàn phần như Việt tinh, Hồ tôn tinh, Mị Ê, Hậu Tắc, v.v... ta có thể đoán rằng trong những truyện của nước ngoài từ lâu du nhập vào Việt-nam, có những truyện đã dần dần nhập tịch vào đời sống của truyện cổ dân tộc, phá phách hoặc chuyển hóa toàn bộ thành truyện Việt.

Thế kỷ thứ XVI có Nguyễn Dữ viết bộ Truyền kỳ mạn lục gồm 20 truyện. Nên phân biệt trong đó hai loại: một loại truyện sưu tầm từ truyền thuyết và cổ tích lưu hành trong dân chúng, như truyện Liệt nữ Nam-xương, truyện Từ Thức, v.v... một loại truyện do chính Nguyễn Dữ sáng tác như truyện Nàng Túy Tiêu, truyện Kỳ ngộ ở trại Tây, v.v... Ở phần này tác giả có chịu ảnh hưởng ít hay nhiều của truyện truyền kỳ Trung-quốc, nhất là sách Tiển đăng tân thoại của Cồ Tông Cát. Những truyện cổ tích qua bàn tay tài hoa của Nguyễn Dữ trở nên

thú vị, phẳng phất như truyện ma trong Liêu trai, có khả năng thu hút người đọc khá mạnh.

Một bộ khác gồm hai quyển, tương truyền của Lê Thánh Tông, nhan đề là Thánh Tông di thảo. Đây là tác phẩm chưa mấy người biết, có thể ngờ không phải của vua Lê viết, nhưng cũng chưa hẳn như thế. Chúng tôi sẽ có dịp nói đến bộ sách này. Dầu sao thì nội dung của nó vẫn là những truyện của người Việt. Cũng như Truyền kỳ mạn lục, Thánh Tông di thảo có hai loại truyện. Trong số những truyện thuyết cổ tích dân gian có nhiều truyện rất hấp dẫn như các truyện Lầy chồng dê, Tinh con chuột, Hoa quốc kỳ duyên, v.v... mà chúng tôi sẽ lựa chọn kể ở phần thứ hai.

Các nhà văn phong kiến vẫn tiếp tục sưu tầm truyền thuyết và cổ tích dân gian. Sau này, hai quyển Lĩnh-nam chích quái và Việt điện u linh còn được nhiều nhà nho đời Lê nhuận sắc, bổ sung và đính chính; lại sưu tầm những truyện khác thêm vào cuối sách. Gần 200 năm sau Nguyễn Dữ, Đoàn Thị Điểm viết Tục truyền kỳ[4], nghĩa là nối vào sách Truyền kỳ mạn lục. Tác giả nhặt nhạnh được 6 truyện, trong đó có cả truyện ngụ ngôn. Quyển này với quyển của Nguyễn Dữ và quyển Thánh Tông di thảo đều cho ta thấy rõ cái sức sống, cái khả năng chinh phục mọi đối tượng của văn học truyền miệng dân gian, biểu hiện ở xu hướng tìm về truyền thuyết dân tộc của khá nhiều nho sĩ, nó tạo nên sự phối hợp giữa thể truyện dân gian và văn học chữ Hán, mở đầu một loại văn tiểu thuyết mới trên văn đàn. Tuy nhiên, nó vẫn không được đẩy lên thành một trào sáng tác lớn mạnh.

Vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn có nhiều sách vở xuất hiện, trong đó có loại truyện ký bằng Hán văn. Loại sách này có ghi chép ít hay nhiều những truyền thuyết cổ tích lưu hành trong dân gian. Có thể đếm được những quyển như Công dư tiệp ký của Vũ Phương Đề, Tuyền văn tân lục của Nguyễn Diễm Trai, Lan Trì kiến văn lục của Vũ Nguyên Hanh (tức Vũ Trinh), Sơn cư tạp thuật của Bùi Huy Bích (?), Tang thương ngẫu lục của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án, Tân truyền kỳ lục của Phạm Quý Thích, Thoái thực ký văn của Trương Quốc Dụng, Bản quốc dị văn lục, Thính văn dị lục, Đại Nam kỳ truyện, Dã sử... đều không biết tên người làm, v.v...

Những truyện mà nhà nho sưu tầm trong các sách trên, hầu hết là những truyền thuyết hoang đường hoặc những truyện cổ lịch sử. Động cơ của người ghi chép góp nhặt thì vẫn thế, vẫn không phải với ý thức sưu tầm văn học mà chỉ là tìm tòi tài liệu cho lịch sử, hay là lưu lại một sự việc chưa rõ căn nguyên. Trong trí óc của họ trước sau vẫn cho rằng những truyện đó có thể xảy ra trên thực tế nhưng cơ hồ như không thể cất nghĩa được. Vũ Quỳnh khi sửa lại sách Lĩnh-nam chích quái để xuất bản có viết trong bài tựa: "... Các việc ấy tuy lạ mà không đến nỗi ngoa, tuy "thần" mà không đến nỗi "yêu", tuy hoang đường mà không đến nỗi quái dị, tung tích còn có thể làm bằng cứ"[5]. Sơn Nam Thúc là tác giả những lời phê phán trong Thánh Tông di thảo cũng nói: "Đọc truyện Lầy chồng dê mới biết đầy trời đất hể những giống vật bay, lặn, chạy, núp đều là vật mà chưa hẳn là vật. Có kẻ tiền duyên chưa trọn, có kẻ oán cũ chưa tiêu, có

kẻ thác giống vật để đón nhau, có kẻ thoát hình mà ảo hóa, như chim xanh là sứ giả của Tây vương [mẫu], như lợn đen là tiền thân của Tần Cối. [Cũng một kiểu như] hạc Linh uy, cá Bạch long từ xưa đến nay khi nào cũng có. Chúng ta nên để lòng xét kỹ, đâu có phải vì chúng là vật mà coi là vật sao"[6]. Đặc biệt là trong Lan Trì kiến văn lục hay trong Hát đông thư dị[7], cứ sau mỗi một truyện nào quái lạ, tác giả lại ghi rõ tên người đã mắt thấy tai nghe, làm như đó là chuyện thật.

Những sự việc trên một mặt chứng tỏ giá trị hiện thực hiển nhiên của văn học truyền miệng dân tộc; nhất là cái cốt lõi sự thực vẫn còn dấu vết rất phong phú trong khá nhiều truyện mà những tình tiết hoang đường kỳ ảo không sao có thể che mờ hết. Nhưng mặt khác, nó cũng chứng tỏ đầu óc giáo điều của nhà nho không thể quan niệm nổi rằng trong nhân dân vẫn có một nền văn học truyền miệng không dính dáng trực tiếp với hiện thực lịch sử. Những con người uyên bác kia chỉ nghĩ rằng đây là sự thật được "truyền ngôn" lại, không tin rằng ai đó có thể dùng tưởng tượng để đặt nên chúng. Nếu có những truyện bịa đặt thì dĩ nhiên không đáng đếm xỉa. Nho sĩ chỉ biết luyện tập thi phú, ngoài ra nữa đều coi là "mánh quế".

Cũng vì thế mà trong khi sưu tập và dọn thành sách, họ không khỏi lược bớt ít nhiều tình tiết kỳ của truyện. Mặt khác, vì không ghi bằng chữ Việt nên họ đã bỏ mất cái phần tinh túy là cách diễn đạt ngôn từ rất sinh động của cổ tích.

4. THỜI KỲ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

Trong thời kỳ cuối Lê cho đến đầu Nguyễn có bốn sự kiện lịch sử ảnh hưởng đến truyện cổ tích đương thời:

Một là, phong trào nông dân khởi nghĩa liên tiếp xuất hiện: cuộc này chưa dập tắt đã có cuộc khác bùng nổ và đã từng có lúc tập hợp thành cuộc khởi nghĩa rộng lớn Tây Sơn, làm nghiêng đổ chế độ ruộng nát của phong kiến thống trị. Phong trào nông dân khởi nghĩa chẳng những đã để lại những dư âm trong văn học phong kiến, trong văn học thành văn mà còn có những vang hưởng sâu sắc trong truyện truyền miệng nói chung và trong cổ tích nói riêng. Bên cạnh các loại sách tiểu lâm, truyện Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, v.v... đã ra đời những truyện Vua Heo, truyện Nói dối như Cuội, v.v... đều là những mũi dùi sắc nhọn chĩa vào thành lũy phong kiến thống trị; và những truyện Chàng Lía, Bà Thiếu phó, Nam cường, Cổ Bu, Vợ ba Cai Vàng và nhiều nữa, đều là những bản ca hùng tráng, trong đó người anh hùng nông dân được đề cao. Nó phản ánh ước vọng của người nông dân bị áp bức muốn quật ngã kẻ thù, ít ra là quật lại một đòn trong tưởng tượng, cho hả bớt tâm lý dồn nén căng thẳng.

Hai là, tín ngưỡng về đạo Tiên lúc này thịnh hành đến nỗi cơ hồ lấn át cả đạo Phật. Chứng cứ là ở miền Bắc, cho đến ngày nay, bên cạnh mỗi chùa thường có dựng một phủ để thờ Thánh mẫu và các vị tiên khác. Đạo Tiên thịnh hành làm cho kho tàng truyện cổ của chúng ta lại chứa đựng thêm biết bao nhiêu là truyện quái dị như Liễu Hạnh công chúa, Phạm Viên, Trần Lộc, Tú Uyên, những truyện về Cuộc giao chiến giữa Liễu Hạnh công chúa với Tam thánh tổ, Nguyễn

Lộc gặp tiên, v.v... Đồng thời, những tín ngưỡng về bói toán, sấm ký, nhất là phong thủy (địa lý) cũng mặc sức tranh giành địa vị, nên trong dân gian còn đề ra những truyện Trạng Trình, Tả Ao, truyện Thầy địa lý đốt sách, truyện để mồ để mả, truyện báo ân báo oán...

Ba là, dân tộc Việt-nam lúc này có công cuộc mở rộng địa bàn mạnh mẽ về phía Nam. Trong xu thế di chuyển liên tiếp và dai dẳng này, kho tàng truyện cổ tích của chúng ta lại tiếp thu được khá nhiều những truyện của các dân tộc anh em và các dân tộc láng giềng như Cham-pa, đồng bào Tây-nguyên, Lào, Khơ-me (Khmer), v.v... Cũng như truyện Tấm Cám, những truyện Thạch Sanh, truyện Hai anh em và con chó đá truyện Thỏ và hổ, truyện Nàng út, truyện Người thợ săn và bà Chàng, v.v... đều có nguồn gốc có thể ngờ là từ phương Nam truyền vào. Ngày nay, trong một số truyện cổ tích có những cái tên như ông hoàng tử, măng xà vương, bà Chàng, Ác Lai, v.v... dường như đã được nhập tịch không phải là xưa lắm.

Một hiện tượng lý thú là trong quan hệ giao lưu văn hóa tiếp liền theo cuộc "di thực" nói trên, đã có một số truyện hoặc từ Đường ngoài truyền vào Đường trong, hoặc từ Đường trong truyền ra Đường ngoài, tuy cùng là một cốt truyện, một chủ đề, nhưng mỗi miền kể khác nhau về chi tiết: những tên người, tên đất khác nhau; những sự đổi mới ngay cả về bố cục. Chẳng hạn truyện Sọ Dừa ở trong Nam với truyện Lấy chồng dê ở ngoài Bắc[8]; truyện Sự tích đình làng Đa-hòa (Bắc) với truyện Thầy Thím (Nam); hay truyện Kéo cày trả nợ (Bắc) với truyện Nợ không trông trả (Nam), v.v...

Bốn là, lúc bấy giờ bên cạnh những truyện cổ được ghi chép lẻ tẻ trong các sách Hán văn, còn có những truyện được tiểu thuyết hóa và diễn ra bằng văn vần. Văn vần là hình thức dễ thuộc, dễ kể và do đó rất dễ phổ biến. Thạch Sanh, Chàng Chuối, v.v... là những truyện nôm với nhiều tình tiết của truyền thuyết, cổ tích đã được hệ thống hóa và cải biên lại. Những truyện cổ Quan Âm Thị Kính, Bích-câu kỳ ngộ, Tống Trân Cúc Hoa trở nên sống khỏe hơn là khi chưa mang hình thức thành văn. Truyện cổ tích không những chuyển hóa thành tiểu thuyết mà còn chuyển hóa thành vở chèo, như Lưu Bình - Dương Lễ, Trương Viên, Cái kiến mày kiện củ khoai, v.v...

Từ đây, nghệ thuật tiểu thuyết bắt đầu hình thành, và cũng từ đây nghệ thuật cổ tích bắt đầu bước vào thời kỳ tàn tạ. Tiểu thuyết cũng như tuồng chèo sẽ chiếm địa vị trọng yếu trước đây của cổ tích.

Trong suốt thời kỳ cận đại, nghĩa là từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nay, truyện cổ tích truyền miệng xuất hiện ít dần đi. Không phải vì các loại tiểu thuyết và các loại truyện ngắn, sáng tác và dịch thuật đầy dẫy trên văn đàn, đã làm ngừng đọng nguồn văn học truyền miệng. Văn học chữ viết đâu có thể khuyh loát, tiêu diệt, hoặc cản trở sự sáng tác văn học truyền miệng một cách dễ dàng như thế. Trái lại, nó có thể trở thành động cơ thúc đẩy cho các tác phẩm truyền miệng trong dân gian nảy nở là khác. Có điều, khi chữ viết không còn là vật gì bí mật đối với mọi người, khi nghề in và xuất bản thịnh đạt, khi tác phẩm văn

nghệ đã trở thành hàng hóa, thì văn học truyền miệng sớm được cố định hóa và được lưu truyền bằng giấy mực. Mà truyện cổ tích cũng như nhiều thể loại văn học dân gian khác, một khi hình thành đều đòi hỏi phải trải qua một quá trình lưu truyền, sửa chữa bằng miệng mới đi đến hoàn chỉnh. Không như vậy thì truyện sẽ không phải là cổ tích, cũng không thuộc về văn học dân gian.

Cho nên, khi nói truyện cổ tích xuất hiện ít dần đi tức là muốn nói những truyện cổ xuất hiện lúc này không mấy truyện còn mang đủ tính chất loại biệt của cổ tích nữa. Như trên kia đã phân tích, nó thiếu đi tính chất cổ là tính chất quan trọng nhất của truyện cổ tích. Nếu muốn tìm một khái niệm tương đối hợp lý để đặt tên cho loại truyện như truyện Con ma trong nhà thương hay Bàu cộp làm hương cả, v.v... thì ta có thể gọi đó là "truyện mới" hay "truyện đời nay" chứ không thể gọi là "truyện cổ tích". Mặt nữa, nó cũng thiếu hẳn những đặc trưng nghệ thuật của truyện cổ tích. Hầu hết các truyện mới tuy vẫn thiên về kể hơn là tả, nhưng thường khi là những truyện không đầu không đuôi, lại thường không kể trong một không gian và thời gian nghệ thuật của cổ tích như lệ thường, v.v... Thể tài của chúng giờ đây rất gần thể tài của những "truyện ngắn" hay "truyện vặt" mà ta thường gặp trên các báo chí sách vở.

Thời gian này các nhà trước thuật vẫn tiếp tục làm cái việc sưu tập truyện cổ nước nhà. Trương Vĩnh Ký có Truyện đời xưa, Jê-ni-bren (Génibrel) có Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết. Một nhà sưu tập vô danh có quyển Sử Nam chí dị viết bằng chữ nôm[9]. Nguyễn Thượng Hiền có Hát-đông thư dị, Phạm Đình Dực có Vân nang tiểu sử, Phan Kế Bính có Nam hải dị nhân liệt truyện. Rồi đến Nguyễn Văn Ngọc có hai tập Truyện cổ nước Nam. Và còn nhiều nữa. Phần nhiều những sách đó góp nhặt lẫn lộn ngụ ngôn, khôi hài xen với cổ tích và truyền thuyết, kể cả một số truyện chưa hoàn chỉnh. Hơn nữa, trong việc sưu tập cũng thiếu sự tìm tòi rộng rãi, thường chỉ đóng khung trong phạm vi một số địa phương. Các nhà trước thuật lúc này sưu tầm truyện với ít nhiều ý thức bảo tồn vốn cũ của văn nghệ dân tộc, nhưng lại thiếu một phương pháp tìm tòi cũng như nhận xét khoa học. Truyện cổ Việt-nam còn được góp nhặt lẫn lộn và tản mạn trong những quyển sách hoặc tập san viết bằng chữ Pháp, và trong các báo chí cận đại. Trong số này phải kể đến một ít công trình sưu tầm tương đối trung thực và khá phong phú, như của Lăng-đờ (A. Landes) trong tập san Du lãm và quan sát (Excursions et reconnaissances) năm 1885-1886; của một nhà sưu tập vô danh đăng rải rác trong Thực nghiệp dân báo năm 1923-1924 dưới mục "Nói chuyện cũ"; và của Trương Vĩnh Tống trong Nông công thương năm 1938-1939 dưới các mục "Truyện lạ nước Nam" và "Mỹ Âm tùy bút", v.v... Quyển sách này đã sử dụng chọn lọc một phần số truyện trong các công trình sưu tập trên làm tài liệu[10].

Đồng thời những truyện chép trong các sách truyện ký bằng chữ Hán trước kia cũng lần lượt được dịch ra tiếng Việt như Việt điện u linh tập, Lĩnh-nam chích quái[11], Truyền kỳ mạn lục[12], Lan Trì kiến văn lục[13], Tang thương ngẫu lục, Thoái thực ký văn[14], v.v...

*

Tóm lại, truyện cổ tích truyền miệng của chúng ta cũng có giai đoạn thịnh và giai đoạn suy. Rõ ràng, thời kỳ mà chế độ quân chủ ngự trị ở Việt-nam, thời kỳ mà tín ngưỡng phức tạp thịnh hành trong dân chúng, thời kỳ mà nghệ thuật tiểu thuyết chưa phát triển trên văn đàn, đều là thời kỳ hoàng kim của của truyện cổ tích. Tác dụng của truyện cổ tích đối với đời sống tinh thần dân tộc lúc đó chẳng khác gì tiểu thuyết ngày nay. Cho mãi đến thời kỳ cận đại, truyện cổ tích mới mất cơ sở để tiếp tục sinh thành, mặc dầu truyện truyền miệng thì vẫn còn được sáng tác.

Nếu vẫn còn một số truyện cổ tích nào đấy xuất hiện thì cũng không còn mang đầy đủ đặc trưng của cổ tích. Cho nên, theo ý chúng tôi đây là thời suy tàn của nó.

Ý nghĩa, giá trị và đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam thế nào? Phương pháp nghệ thuật và nội dung tư tưởng của nó có gì khác với cổ tích Đông Tây? Rộng hơn nữa, mối quan hệ giữa tiếp thu và thanh lọc, kế thừa và cách tân, du nhập và sáng tạo... của cổ tích Việt-nam đối với các mô hình quen thuộc của cổ tích thế giới là thế nào?

Sẽ xin nói tới ở một phần khác cuối bộ sách này. Nhưng trước hết, chúng tôi hãy dẫn các bạn vào xem kho tàng cổ tích phong phú của chúng ta.

Chú thích:

[1] Xem truyện số 67, tập II.

[2] Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập; "Truyện Lý Phục Man".

[3] Lĩnh-nam chích quái; "Truyện Phù Đổng thiên vương".

[4] Còn có tên 1à Truyền kỳ tân phá.

[5] Nguyễn Trọng Thuật 1à người ở thế kỷ XX cũng không phủ nhận quan điểm trên của Vũ Quỳnh. Ông cũng nhân đó nói thêm: "Nay đem mà đối chứng với di tích còn rõ ràng, thì những truyện ấy là sự thật cả, chứ không phải là những lời ngụ ngôn mà cũng không phải là những bài tiểu thuyết, mới biết lời ông Vũ Quỳnh đã có suy xét kỹ lưỡng rồi" (Tựa sách Quả dưa đỏ, in lần thứ ba, Văn hóa thư cục, Hà-nội; tr. 3).

[6] Những lời "phê điểm" này đều thấy ghi ở cuối mỗi truyện trong Thánh Tông dị thảo, bản chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu A.202.

[7] Của Nguyễn Đình Nam (tức Nguyễn Thượng Hiền). Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội: VHv.2382.

[8] Truyện Chàng Chuối cũng thoát thai từ cổ tích này mà tiểu thuyết hóa nên.

[9] Phần nhiều những truyện trong Truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Bính, Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà- nội, 1952, đều rút từ sách này ra.

[10] Ngoài ra, cũng nên nói đến những bản khai báo của chức dịch một số làng xã trả lời những câu hỏi điều tra về phong tục Việt-nam do học giả Pháp tổ chức vào những năm 1911, 1938... Những bản khai bằng chữ nôm đó cũng thu thập được một số tài liệu về truyện cổ dân gian, trong đó số lớn dưới dạng thần tích, tuy cách khai báo quá vắn tắt và đơn điệu, và cho đến nay vẫn nằm nguyên ở Thư viện Khoa học xã hội chứ chưa được khai thác.

[11] Những truyện trong hai quyển này đã được dịch và công bố trong nhiều sách báo.

[12] Từng được dịch ra chữ nôm ở thế kỷ XVIII.

[13] Tô Linh Thảo trích dịch, lấy tên là Đại Nam kỳ nhân liệt truyện, Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà-nội, 1930.

[14] Nguyễn Lợi và Nguyễn Đồng Chi dịch, mới công bố được tập I, Nhà xuất bản Tân Việt, Hà-nội, 1942.

Kho Tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam

1. Trong phần kho tàng [truyện cổ tích](#) trình bày sau đây, chúng tôi đã gắng chọn lọc lấy những truyện tiêu biểu, sắp xếp theo một hệ thống nhất định, bỏ bớt đi một số những truyện hoặc không phải là truyện cổ tích Việt-nam, hoặc không có giá trị tiêu biểu cho truyện cổ tích Việt-nam. Nói chọn lọc không phải những truyện được đem vào đây là hoàn toàn có tư tưởng tiến bộ. Chúng tôi cũng đem vào một số truyện lạc hậu về phương diện này hay phương diện khác, để bạn đọc thấy được toàn diện truyện cổ tích nước nhà.

2. Phương pháp kể chuyện của chúng tôi là không đơn giản hóa, cũng không tiểu thuyết hóa. Chúng tôi cố gắng kể theo một hình thức riêng, để vẫn giữ được ít nhiều phong vị và không khí cổ của câu chuyện; tất nhiên sẽ vẫn dùng một số từ ngữ quen dùng trước đây. Trừ những truyện cần kể một cách vắn tắt trong mục Khảo dị chúng tôi sẽ chú ý không thêm hoặc bớt những tình tiết quan trọng trong khi xây dựng từng truyện một.

3. Những tài liệu mà chúng tôi sử dụng có hai phần:

- Tài liệu trong các báo chí sách vở (một số lớn là do nhớ lại hoặc do ghi được từ trước, chứ không có trong tay khi viết bộ sách này, cho nên hầu hết các đơn vị không ghi chú được đầy đủ các chi tiết, ví dụ số bài, số trang...). Xem Thư mục tham khảo ở cuối tập V.

- Tài liệu do các người thân và quen biết kể lại (trong đó có một số do phụ thân của chúng tôi lưu lại).

Những tài liệu trên có truyện kể rất vắn tắt, có truyện kể hơi khác nhau về chi tiết. Trong khi xây dựng lại từng truyện, chúng tôi sẽ căn cứ ở tài liệu nào đầy

đủ hơn và được nhân dân truyền tụng nhiều hơn, nhưng vẫn không quên tóm tắt dị bản ở các Khảo dị.

4. Chúng tôi có ý tập hợp những truyện giống nhau về một mặt nào đấy vào từng mục riêng như: Nguồn gốc sự vật; Sự tích các câu ví; Thông minh tài trí và sức khỏe, v.v... để tiện cho việc sắp xếp bộ sách, chứ không phải phân loại truyện cổ tích.

Sự Tích Dưa Hấu

Ngày xưa có một người trẻ tuổi tên là Mai An Tiêm. Chàng là người ở một nước đầu tận vùng biển phía Nam, bị bán làm nô. Một hôm, chàng bị bọn lái buôn chở đến bán cho Hùng Vương. Mai An Tiêm học nói tiếng Việt rất chóng. Chàng nhớ nhiều chuyện, biết nhiều điều thường thức, lại lắm tài nghề. Càng ngày vua càng yêu dấu, không lúc nào rời. Năm ba mươi lăm tuổi, chàng làm quan hầu cận, có một ngôi nhà riêng ở gần cung vua. Vợ Mai là con gái nuôi của vua đã sinh được một trai lên năm tuổi. Mai có đủ mọi người hầu hạ, trong nhà của ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Tuy oai quyền không lớn lắm nhưng chàng được mọi người sợ phục. Nhiều kẻ vẫn thường lui tới cầu cạnh. Nhưng thấy Mai có địa vị cao, cũng không hiềm gì những kẻ sinh lòng ghen ghét.

Một hôm, trong một bữa tiệc đãi các quan khách, giữa lúc mọi người không ngớt lời xưng tụng mình, Mai An Tiêm nhún nhường bảo họ:

- Có gì đâu! Tất cả mọi thứ trong nhà này đều là vật tiền thân của tôi cả!

Mai nói rất tự nhiên. Bởi vì tôn giáo xứ sở chàng bảo rằng cái sướng cái khổ hiện tại là kết quả của sự ăn ở tốt hay xấu của tiền kiếp. Nhưng trong số người dự tiệc có mấy viên quan hầu gần vua, vốn ghét chàng từ lâu. Chộp lấy câu nói mà họ cho là ngạo mạn đó, họ bèn vội vàng về tâu cho vua biết.

Vua Hùng nghe nói vô cùng giận dữ. Vua gầm lên:

- Chà! Thằng láo! Hôm nay nó nói thế, ngày mai nó còn tuôn ra những lời bất kính đến đâu. Quân nô lệ phản trắc! Giam cổ nó lại cho ta!

Buổi chiều hôm ấy, Mai bị bắt bỏ vào ngục tối. Bấy giờ chàng mới hiểu chàng lỡ lời. Mai tự bảo: - "Nếu từ nay trở đi ta bị đày đọa là vì kiếp trước ta đã cư xử không phải".

Trong khi đó thì ở triều, các quan họp bàn để xử án Mai. Nhiều người đề nghị xử tử. Có người đề nghị cắt gót chân. Nhưng lời tâu của một ông quan già làm cho Hùng Vương chú ý:

- Hắn bị tội chết là đúng. Nhưng trước khi hắn chết ta nên bắt hắn phải nhận ra một cách thấm thía rằng những của cải của hắn đây là do ơn trời biển của bệ hạ chứ chẳng phải là vật tiền thân nào cả. Tôi nghe ngoài cửa Nga-sơn có một hòn đảo. Cho hắn ra đấy với một hai tháng lương để hắn ngồi ngẫm nghĩ về "vật tiền thân" của hắn trước khi tắt thở.

Vua Hùng gật đầu chấp thuận. Nhưng sau khi ra lệnh, vua còn dặn: - "Cho hắn lương vừa đủ dùng trong một mùa, nghe không".

*

Hôm đi đày, tuy ai nấy hết lời can ngăn nhưng vợ Mai An Tiêm vẫn nhất quyết theo chồng ra hải đảo. Nàng bồng cả con trai đi theo. Tất cả mọi người đều cho là việc rồ dại. Còn nàng thì tin ở lời chồng: - "Trời sinh voi trời sinh cỏ. Lo gì!".

Nhưng khi bước chân lên bãi cát hoang vu mịt mù, người thiếu phụ đó cũng không ngăn nổi cảm giác tủi thân, nước mắt gục vào vai chồng:

- Chúng ta đành chết mất ở đây thôi.

Mai ôm con, bảo vợ:

- Trời luôn luôn có con mắt. Cứ phấn chấn lên. Đừng lo!

Hơn một tháng đầu, đời sống của vợ chồng đã tạm ổn. Nhà ở thì chui trong hốc đá đã được đan phen che sương gió. Nước uống thì đá có suối. Muối không có thì đã có nước biển. Nhưng còn việc kéo dài sự sống? Hai vợ chồng nhìn vào bờ gạo đã vơi: - "Nếu chúng ta có được một nắm hạt giống thì quyết không lo ngại gì cả".

Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương Tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu vẳng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi. Dây bò đến đâu, những quả xanh non mơn mớn nhú ra đến đấy. Ít lâu sau nữa, vợ chồng ra xem thì quả nào quả ấy đã lớn lên như thối, da xanh mướt, tròn to bằng đầu người. Mai thấy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị thanh thanh dịu ngọt. Càng ăn càng mát đến ruột gan. Mai reo lên:

- Ô! đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa Tây, vì thứ dưa này được bày chim đưa từ phương Tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi!

Từ hôm đó hai vợ chồng cố trồng thêm cho thật nhiều dưa. Họ từ tính ăn dưa thay cơm để đỡ phải dùng số gạo đã gần kiệt.

Một hôm vợ chồng Mai bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo. Sau khi giúp họ sửa buồm lái để trở về đất liền, Mai còn đưa biếu một số dưa để họ đưa về cho mọi người nếm thử. Mai bảo họ chở gạo ra đổi lấy dưa. Chỉ cách

mấy ngày, con thuyền thứ nhất đã đến cắm neo ở bến, chở ra cho hai vợ chồng khá nhiều gạo. Hai bên y ước: một bên nhận lấy số gạo còn một bên xếp dưa xuống thuyền.

Từ đó trở đi, bữa ăn của họ đã khác trước. Ngồi bên nồi cơm trắng hơi lên nghi ngút, vợ Mai ôm lấy con, lẩm bẩm: - "Trời nuôi sống chúng ta thực!" Cũng từ hôm đó, vợ chồng trồng thêm nhiều dưa nữa. Kết quả là thuyền buôn có, thuyền chài có, lũ lượt ra đi ở hải đảo dưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa.

Những người trong thuyền nói với Mai:

- Thật quả từ xưa chưa hề có loại dưa nào quý đến thế. Ở vùng chúng tôi ai cũng ao ước được nếm một miếng thứ "dưa hấu" này dù phải đổi bao nhiêu gạo cũng không tiếc.

Ngày ấy người ta tranh nhau mua dưa lấy giống cho nên chỉ trong vài ba năm giống dưa lan tràn khắp nơi. Tên tuổi vợ chồng Mai An Tiêm được truyền đi xa rộng. Dân gọi tôn là "Bố cái dưa Tây".

*

Lại nói chuyện vua Hùng một hôm la rầy viên quan hầu đã vì dốt nát để thợ dựng hỏng một ngôi nhà. Vua buột miệng than thở - "Phải chi có Mai An Tiêm thì đâu đến nỗi". Ngày hôm đó vua nhắc mãi đến chàng. Đã hai lần vua cho hỏi Lạc hầu xem hiện giờ Mai đang làm gì ở đâu. Lạc hầu đáp liều: - "Chắc hẳn không còn nữa!".

Nhưng vua không tin. Vua sai ngay một tên nô khác cấp cho lương ăn và thuyền để hấn vào châu Ái tìm Mai An Tiêm. Một tháng sau, hấn ta mang về cho vua một thuyền đầy dưa Tây và nói:

- Đây là lễ vật của ông bà Mai dâng bệ hạ.

Hấn kể cho vua biết rõ những ngày tân khổ và tình trạng hiện nay của hai vợ chồng Mai. Rồi hấn tâu tiếp:

- Bây giờ ông bà Mai đã có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, có đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dưa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà...

Vua Hùng càng nghe càng sửng sốt. Vua chắt lưỡi bảo mấy viên quan hầu cận ngày nọ đã tố cáo Mai:

- Hấn bảo là vật tiền thân của hấn, thật đúng chứ không sai!

Vua bèn sai một đoàn lính hầu đi đón hai vợ chồng về, cho Mai trở lại chức cũ. Vua lại ban cho hai người con gái hầu để an ủi chàng.

Bây giờ chỗ hải đảo, người ta còn gọi là bãi An Tiêm. Những người kế tiếp công việc của hai vợ chồng Mai trên đảo vẫn còn dòng dõi đông đúc. Họ lập thành làng gọi là làng Mai-an. ở ngôi nhà cũ của Mai thì họ lập đền thờ hai vợ chồng chàng. Nhân dân gọi là "ông bà tổ dưa Tây (hay dưa hấu)"[1].

Chú thích:

[1] Theo Lĩnh-nam chí quái và Đại-nam nhất thống chí, "Tĩnh Thanh- hóa".

Sự Tích Trầu Cau và Vôi

Ngày xưa một nhà nọ có Tân và Lang là hai anh em ruột, đặc biệt dáng người và mặt mày giống nhau như đúc, đến nỗi chính người nhà cũng nhiều phen nhầm lẫn. Cha họ là một người cao to nhất trong vùng đã từng được vua Hùng triệu về Phong-châu ban thưởng và đặt tên là Cao. Từ đó gia đình lấy tiếng "Cao" làm tên họ.

Hai anh em lớn lên thì cha mẹ nối nhau qua đời. Cả anh lẫn em quyết luyện nhau không chịu rời nửa bước. Người cha trước khi mất có gửi gắm Tân cho một đạo sĩ họ Lưu. Nhưng khi Tân đến theo học thì Lang không chịu ở nhà một mình, chàng cũng cố xin cùng được học với anh một thể. Nhà họ Lưu có một cô con gái cũng cùng lứa tuổi với họ.

Để tìm hiểu người nào là anh người nào là em, một hôm cô gái họ Lưu bày ra một mọ nhỏ. Giữa lúc họ đang đói, nàng chỉ dọn cho họ một bát cháo với một đôi dưa. Đứng sau khe vách, nàng thấy người này nường cháo cho người kia ăn.

Nàng lẩm bẩm: - À, ra anh chàng vui tính kia là anh!".

Từ đó giữa Tân và cô gái có nhiều cuộc gặp gỡ. Tình yêu giữa hai người mỗi ngày một khăng khít. Thấy thế, đạo sĩ họ Lưu vui lòng gả con cho Tân. Sau khi cưới, hai vợ chồng đến ở một ngôi nhà mới, có Lang ở chung.

Từ ngày lấy vợ, Tân tuy vẫn chiều chuộng em nhưng không âu yếm em như trước nữa. Trước kia Lang thường được anh chăm sóc nhưng bây giờ thì chàng có nhiều ngày cô đơn. Lang nhận thấy nhiều khi Tân muốn lánh mình. - Phải rồi, anh ấy mê vợ quên ta". Trong lòng Lang đầy chán nản buồn bực.

Một hôm Lang và Tân cùng lên nương đến tối mịt mới về. Lang về trước. Chàng vừa bỏ chân lên ngưỡng cửa thì vợ Tân từ trong buồng chạy ra ôm chầm lấy mình. Lang kêu lên. Cái nhằm của chị dâu làm cho cả hai người cùng ngượng nghịu xấu hổ. Giữa lúc đó thì Tân bước vào nhà.

Từ đây Lang lại biết thêm một tính tình mới của anh. Tân ghen em. Cái ghen làm tăng thêm sự hững hờ của Tân đối với chàng[1]. Lang vừa giận vừa thẹn.

Chàng muốn bỏ nhà ra đi cho bỏ ghét. Một hôm trời mới mờ sáng, Lang quyết định khởi hành. Chàng cứ theo con đường mòn đi mãi, trong lòng đầy bức bối oán trách. Đi luôn mấy ngày đường, Lang tới bờ một con sông lớn. Thấy nước chảy xiết, chàng lấy làm ngại ngùng. Xung quanh không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Nhưng Lang quyết không chịu trở lại. Lang ngồi cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nước chảy. Sáng hôm sau, Lang chỉ còn là một cái xác không hồn. Chàng đã hóa đá.

Tân thấy mắt hút em thoát đầu không để ý. Mãi sau vẫn không thấy em về, Tân bỏ đi tìm các nhà quen nhưng cũng không thấy tăm dạng. Biết là em bỏ đi vì giận mình, chàng lấy làm hối hận. Hôm sau nữa, cũng không thấy về, Tân hoảng hốt để vợ lại nhà, cất bước đi tìm. Sau mấy ngày, chàng đã đến bờ một con sông rộng. Không có cách gì qua được Tân đi men dọc sông, cuối cùng thấy em đã hóa thành đá. Tân đứng bên cạnh hòn đá khóc mãi cho đến lúc chỉ còn có tiếng nước cuộn cuộn chảy dưới bờ mà thôi. Tân chết và hóa thành một cây thân mọc thẳng lên trời, bên cạnh hòn đá.

Vợ Tân chờ mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm. Nhưng cuối cùng con sông nọ cũng ngăn cản bước chân của nàng. Người đàn bà ấy ngồi lại bên cạnh cây, khóc cạn cả nước mắt. Và sau đó nàng chết hóa thành một cây dây quấn quanh lấy cây kia.

Đợi mãi không thấy ba người về, vợ chồng đạo sĩ nhờ mọi người chia nhau tìm kiếm. Trước hòn đá và hai cây lạ, họ chỉ còn biết dựng miếu thờ cả ba người trẻ tuổi ở ven sông. Nhân dân quanh vùng gọi là miếu "anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa"[2].

Về sau, một năm nọ trời làm hạn hán rất dữ. Mọi cây cỏ đều khô héo cả. Duy hai cây mọc bên cạnh hòn đá trước miếu là vẫn xanh mướt. Mọi người cho là linh dị. Vua Hùng một hôm ngự giá qua xứ đó. Khi đi qua trước miếu, vua hơi ngạc nhiên vì cảnh lạ cây lạ: - "Miếu này thờ vị thần nào? Mấy loại cây này ta chưa từng thấy bao giờ?". Để trả lời câu hỏi của vua, Lạc tướng cho gọi mấy cụ già ở quanh vùng đến hỏi.

Hùng Vương càng nghe, không ngăn được sự cảm động. Vua vạch lá trèo lên nhìn khắp mọi chỗ. Đoạn, vua sai một người trèo cây hái quả xuống ném thử. Vị chất không có gì lạ. Nhưng khi nhai với lá cây dây thì một vị là lạ đến ở đầu lưỡi: nó vừa ngon ngọt, vừa thơm cay.

Tự nhiên có một viên quan hầu kêu lên: - "Trời ơi! Máu!" Mọi người giã ra kinh ngạc. Thì ra những bã nhai quả và lá của hai thứ cây đó một khi nhỏ xuống đá bỗng đổ ối ra như máu. Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng người thấy nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi sắc mặt hồng hào tươi đẹp. Vua bảo:

- Thật là linh dị! Đúng là họ rồi! Tình yêu thương của họ thật là nồng nàn thấm đở.

Từ đó vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải gậy giống cho nhiều hai loại cây ấy. Điều đáng chú ý là luật của nhà vua bắt buộc trai gái khi kết hôn thế nào cũng phải tìm cho được ba món: trầu, cau và vôi cho mọi người nhai nhai nhỏ nhỏ một tý để ghi nhớ tình yêu không bao giờ phai lạt. Vì thế từ đó dân Việt mới có tục ăn trầu[3].

KHẢO DỊ

1. Trong Lĩnh-nam chích quái cũng như trong một số sách chép truyện cổ khác không thấy nói đến kết quả của tình tiết "hai anh em giống nhau như đúc". Chúng tôi thấy đó có lẽ là một thiếu sót của người chép truyện, nên ở đây dựa vào quyển Tình sử Việt-nam. Cái ghen của Tân là nguyên nhân của việc Lang bỏ nhà ra đi và cũng là hậu quả của việc hai anh em giống nhau đến nỗi làm cho nhiều người nhầm lẫn.

2. Cũng theo Lĩnh-nam chích quái thì Lang chết hóa làm cây cau, Tân hóa làm hòn đá còn vợ Tân hóa làm cây trầu. Ở đây chúng tôi theo sách Sử Nam chí dị chép Lang hóa làm hòn đá. Tân hóa làm cây cau là những hình tượng có mối quan hệ hợp lý hơn (về điểm này chúng tôi đồng ý với ý kiến Trần Thanh Mại trong Tìm hiểu và phân tích truyện cổ tích Việt-nam).

Riêng sách Mỹ Âm tùy bút tuy cũng kể như Sử Nam chí dị, nhưng lại cho rằng phải đợi sau khi chôn cả ba rồi mới được trời cho hóa. Cũng sách này có kể một số tình tiết hơi khác, nhất là ở đoạn kết:

Hai anh em Tân và Lang giống nhau như tạc, càng lớn càng giống và yêu mến nhau, đi đâu không rời nửa bước; việc đó làm cho người vợ của Tân - Lưu thị - mấy lần nhầm lẫn, rất xấu hổ. Lang sợ có điều không hay bèn xin anh ra ở riêng, nhưng anh không cho. Một hôm Lang bỏ nhà ra đi lên vùng núi, định sống lẩn lút ở đây, nhưng dầm phải sương gió nên chết ở cạnh rừng, được dân địa phương chôn cất thành mộ. Không thấy em về, Tân bỏ nhà đi tìm. Khi Tân đến đây, dân làng ban đầu sợ hãi tưởng người chết hiện ra, vì thấy giống người chết như tạc. Khi nghe nói người em đã chết Tân ngất đi và chết theo. Dân địa phương bèn chôn bên cạnh mộ người em. Lưu thị cũng bỏ nhà đi tìm, đến đây nghe nói chồng và em chồng đều chết, liền ôm lấy mồ khóc mãi, rồi cũng chết và cũng được chôn bên cạnh.

Hành động của họ cảm động đến Trời. Trời cho em hóa đá (biểu thị sự trong trắng), anh hóa thành cây cau (ngay thẳng độc lập, mở dạ cho ai nấy thấy), Lưu thị hóa thành cây trầu (tiết hạnh thơm cay). Đoạn sau nói về vua Hùng cũng như trên đã kể[4].

3. Cũng theo Trúc Khê, sách dã dẫn, thì ngôi đền thờ ba người hiện nay là đền Tam-khương ở làng Nam-hoa, huyện Nam-đàn (Nghệ-an) mà các triều đại phong kiến vẫn có sắc phong tặng.

Đền thờ thiếu số ở Nghệ-an cũng có Sự tích trầu, cau và vôi nội dung khác với các truyện trên:

Một người có chín con gái cùng đi cuộc cở dâu. Trưa lại mệt, chị em nói đùa với nhau: "Giá có ai cuộc hộ thì sẽ lấy làm chồng". Nghe thấy vậy một con quý hiện ra nói: - "Phải thế thì hãy nhắm mắt lại, tôi cuộc cho". Quả nhiên khi mở mắt, mấy chị em đều thấy nương dâu đã cuộc sạch lầu. Quý đưa chín cô về lần lượt ăn thịt đến cô thứ tám. Cô út là nàng Khăm Xuân sợ quá, bỏ trốn. Một đàn gà rừng bảo: - "Muốn sống thì chui xuống lỗ khoai mài". Cô xuống, gà bẻ lá phủ cho nên quý không tìm ra. Khi quý đi khỏi, gà bảo nàng trèo lên tiếp tục đi nữa, hễ gặp người nào thì hỏi đường, người ta sẽ chỉ cho.

Một bà tiên hiện ra bảo cô cứ đi theo sợi dây song cho đến ngọn. Đến nơi, hóa ra đó là cõi âm; ở đây cũng có nhà cửa ruộng vườn. Một người đàn ông là Chàng Ngược lấy cô làm vợ. Hắn chuyên làm mưa ở trần gian, nhưng vì có vợ hắn quên cả chức trách, ba tháng không ra khỏi nhà, nên trần gian ruộng nương khô cạn, người kêu van khắp nơi. Sau đó, hắn phải từ biệt vợ ra đi làm mưa, dặn vợ cứ luôn luôn ở nhà, ai rủ đi đâu cũng đừng nghe.

Ở nhà, hai người vợ cũ của Chàng Ngược đến rủ: - "Có muốn coi voi đánh nhau không?" - "Không" - "Có muốn coi gương lược đánh nhau không?" - "Không" - "Có muốn coi ông bà gia không?" - "Kể từ khi về nhà chồng đến nay tôi chưa biết mặt mũi ông bà gia, cho đi với". Đến nơi, Khăm Xuân chỉ thấy hai con rồng to lớn, sợ quá, chạy về, mắt luôn luôn nhắm lại. Khi chồng về biết chuyện, đành phải trả Khăm Xuân lên trần. Lên đến nơi vẫn thấy vợ nhắm hai mắt, chồng bảo: - "Thôi đến nơi rồi. Chúng ta chia tay ở đây. Lúc nào gặp hoạn nạn gọi tôi, tôi sẽ đến". Khăm Xuân đang đi dọc bờ sông thì gặp chàng Nước. Chàng Nước lại dỗ dành lấy nàng làm vợ. Cuộc tình duyên êm đẹp, chỉ có điều bố chồng không ưa nàng dâu. Một hôm bố chồng bảo con dâu đi bắt cá sông. Khăm Xuân không bắt được. Nàng đến bờ sông gọi tên chồng cũ. Chàng Ngược lên bảo: - "Muốn bắt cá sông thì sáng dậy ra mà bắt, nhưng phải dặn mọi người rằng nếu ai có thấy cây gỗ lạ thì cũng đừng đụng đến". Sáng ra, thấy có một cây gỗ lớn nằm ngang sông mà vực sông ở chỗ đó cạn, cá rất nhiều, Khăm Xuân và mọi người đua nhau đi bắt. Người bố chồng thấy sự lạ cũng ra xem, thấy cây gỗ lạ bèn lấy gậy sắt đâm vào. Không ngờ đó là Chàng Ngược. Bị thương, Chàng Ngược, tức cây gỗ, nổi lên, nước chảy ào ào vào vực, phần lớn người đi bắt cá đều bị chết đuối. Bố chồng đổ tội cho nàng dâu giết dân, Khăm Xuân ra bến ngồi khóc rồi lấy lửa đốt cây gỗ để sưởi. Đốt một lúc bỗng thấy trong đống lửa không phải gỗ mà là Chàng Ngược đã chết cháy. Khăm Xuân thương quá, nhảy vào lửa cháy luôn. Chàng Nước về thấy thế cũng nhảy vào lửa cháy nốt (tình tiết này giống với kết thúc truyện Sự tích ông Đầu rau số 21). Bố chồng chôn cất mỗi người một mộ. Về sau cây gỗ hóa thành cây cau. Khăm Xuân hóa thành cây trầu leo lên cây cau.

Chàng Nước hóa thành đá vôi. Bố chồng lấy cau ăn với trầu, nhổ nước vào đá thấy nước đỏ đẹp, bèn hái về ăn để giải phiền. Từ đấy có tục ăn trầu[5].

4. Đồng bào Ca-tu (ở phía Tây tỉnh Quảng-nam và Thừa-thiên) có một truyện nói về sự tích trầu, cau và vôi tuy khác truyện của ta nhưng hình ảnh đoạn kết lại có phần tương tự:

Một bà già gả một trong mười cô con gái cho chàng Rắn để trả ơn. Ở với Rắn, cô gái đẻ được một đứa con. Một hôm vì các chị xúi bẩy, cô bị rặng rắn cắm vào người, chết ngay. Áo quan trôi theo dòng nước, lọt vào cái dó của ông Na, được ông này cứu cho sống lại. Ông Na lấy cô làm vợ, đẻ được một con nhưng vẫn chưa làm lễ cưới. Ngày cưới, chàng Rắn đến dự. Một cuộc chiến tranh dữ dội diễn ra giữa Rắn và ông Na. Cô gái lấy gói thuốc trong rừng gói thành từng gói chuẩn bị ném cho cả hai bên để bôi cho lành vết thương. Ném cho Rắn, không ngờ Rắn hóa thành cây cau. Ném trúng ông Na, ông Na hóa thành hòn đá. Cô thương quá đứng trên hòn đá ôm lấy cây cau, thì lại hóa thành cây trầu, gốc mọc ở đá, ngọn leo lên cây cau. Truyện còn kể thêm hai đứa con của Rắn và ông Na đến nhặt gói thuốc thứ ba thì hóa thành cối chày giã trầu. Dân làng chạy đến xem cũng hóa thành những cây chay.

Có một mục cơ-rúa (đàn bà ngồi lê) đi xúc tép qua đó, thấy cây hay hay, bèn hái lá trầu ăn với quả cau rồi nhổ nước vào đá, đá đang trắng hóa đỏ. Mục lấy trầu cau, vôi và chay ăn chung với nhau, tự nhiên thấy môi đỏ, người hóa đẹp ra. Nhà vua nghe tin, đòi mục về triều, thấy mục đẹp bèn phong làm hoàng hậu. Nghe lời mục, vua sai lính đến đào các cây cau trầu đem về, nhưng đào đi bao nhiêu cau trầu vẫn mọc nhiều thêm, không bao giờ hết giống[6].

Người Thái cũng có truyện Tình nhân biến thành trầu cau nói đến ba người bạn học, trong đó có một cô gái giả trai cuối cùng hóa ra trầu cau và vôi. Truyện này có mô-típ hoàn toàn khác các truyện trên.

[1] Theo Trúc Khê. Tình sử Việt-nam.

[2] Theo Sử Nam chí dị.

[3] Theo Lĩnh-nam chích quái.

[4] Trong Nông công thương (1939).

[5] Theo Bản khai của tổng Thanh- xuyên.

[6] Theo Truyện cổ Ca-tu.

Sự Tích Trái Sầu Riêng

Ngày ấy, vào thời Tây Sơn, có một chàng trẻ tuổi người vùng Đồng-nai. Chàng là người tài kiêm văn võ, đã từng vung gươm hưởng ứng cái bất bình của mọi người. Chàng từng cầm quân mấy lần làm cho tở thầy chúa Nguyễn chạy dài.

Nhà Tây Sơn mất, chàng lui về quê nhà mượn nghề dạy trẻ để náu hình ẩn

tích. Đột nhiên có tin dữ truyền đến làm cho mọi người xao xuyến. Gia Long vừa thắng thế trên đất nước Việt thì cũng bắt đầu giết hại những người đã từng làm quan cho nhà Tây Sơn. Nhà vua cứ dựa vào chức tước lớn hay nhỏ của họ mà gia hình: tư mã, quận công thì lăng trì, tòng xẻo; vệ úy, phân suất thì đánh gậy, phạt roi, v.v...

Dân trong xóm sẵn lòng quý mến, khuyên chàng trốn đi thật xa. Họ giúp tiền gạo và mọi thứ cần dùng, trong đó có cả một chiếc thuyền nhỏ mũi lõng để tiện đi lại.

Vì không muốn để rơi vào tay quân địch, chàng ra đi. Ngược dòng sông Cửu-long, chàng tiến sâu vào nước Chân-lạp.

Một hôm chàng cầm sào lên bộ mua thức ăn. Chàng bước vào một cái quán bên đường. Trong quán có một bà mẹ ngồi ủ rũ bên cạnh một cô gái nằm mê man bất tỉnh. Đó là hai mẹ con đi dâng hương trên núi, về đến đây thì con bị ốm nặng. Vốn có biệt tài về nghề thuốc, chàng hết sức chạy chữa, cuối cùng cũng giúp cô gái lấy lại sức khỏe. Và sẵn có thuyền riêng, chàng chở họ về tận nhà.

Nàng là con gái chưa chồng, đã đến tuổi quay xa đạp cửi. Nàng có vẻ đẹp thùy mị. Tự nhiên có anh chàng trai người Việt ở đâu tận xa xôi đến trú ngụ tại nhà làm cho nàng quyến luyến.

Sau một tuần chay tạ ơn Trời Phật, mẹ nàng cho biết là Phật đã báo mộng cho hai người lấy nhau. Chàng vui vẻ nhận lấy cuộc sống mới cho qua ngày. Từ đây chàng có chỗ ở nhất định. Nhà nàng là nhà làm ruộng nuôi tằm. Những việc đó chàng đều làm được cả.

*

Mười năm thoảng qua như một giấc mộng. Hai vợ chồng quấn quýt với nhau như đôi chim câu. Trong vườn nhà vợ có một cây ăn quả gọi là cây "tu rên" mà ở xứ sở chồng không có. Lần ấy gặp kỳ quả chín đầu mùa, vợ trèo lên cây trầy xuống một quả, xé đưa cho chồng ăn. Quả "tu rên" vốn có một mùi hôi đặc biệt. Thấy chồng nhăn mặt vợ bảo:

- Anh cứ ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây.

Không ngờ một năm kia, vợ đi dâng hương về thì ngộ cảm. Chồng cố công chạy chữa nhưng không sao cứu kịp. Cái chết chia rẽ cặp vợ chồng một cách đột ngột. Không thể nói hết cảnh tượng đau khổ của người chồng. Nhưng hai người vẫn gặp nhau trong mộng. Chồng hứa trọn đời sẽ không lấy một ai nữa. Còn hôn vợ thì hứa không lúc nào xa chồng.

Nghe tin Gia Long đã thôi truy nã những người thù cũ, bà con chàng ở quê hương nhắn tin lên bảo về. Những người trong xóm cũng khuyên chàng nên

đi đầu cho khuây khỏa. Chàng đành từ giã quê hương thứ hai của mình. Trước ngày lên đường, vợ báo mộng cho chồng biết là mình sẽ theo chàng cho đến sơn cùng thủy tận. Năm ấy cây "tu rên" tự nhiên chỉ hiện ra có mỗi một quả. Và quả "tu rên" đó tự nhiên rơi vào vạt áo giữa lúc chàng ra thăm cây kỷ niệm của vợ. Chàng mừng rỡ quyết đưa nó cùng mình về xứ sở.

Chàng lại trở về nghề cũ. Nhưng nổi riêng canh cánh không bao giờ nguôi. Chàng đã ương hạt "tu rên" thành cây đem trồng trong vườn ngoài ngõ. Từ đây, ngoài công việc dạy học còn có công việc chăm nom cây quý.

Những cây "tu rên" của chàng ngày một lớn khỏe. Lại mười năm nữa sắp trôi qua. Chàng trai ngày xưa bây giờ tóc đã đốm bạc. Nhưng ông già ấy lòng bỗng trẻ lại khi thấy những hàng cây mà mình bấy lâu chăm chút nay đã bắt đầu khai hoa kết quả. Ông sung sướng mời họ hàng làng xóm tới dự đám giỗ của vợ và nhân thể thưởng thức một thứ quả lạ đầu tiên có ở trong vùng.

Khi những quả "tu rên" bung ra đặt lên bàn, mọi người thoáng ngửi thấy một mùi khó chịu. Nhưng chủ nhân biết ý đã nói đón: - "... Nó xấu xí nó hôi, nhưng múi của nó ở trong lại đẹp đẽ thơm tho như mối tình đậm đà của đôi vợ chồng son trẻ...". Ông vừa nói vừa xẻ những quả "tu rên" chia từng múi cho mọi người cùng nếm. Múi "tu rên" nuốt vào đến cổ quả có một vị ngon ngọt lạ thường. Đoạn, ông kể hết đoạn tình duyên xưa mà từ lúc về đến nay ông đã cố ý giấu kín trong lòng. Ông kể mãi, kể mãi. Và khi kể xong, ở khóe mắt con người chung tình ấy long lanh hai giọt lệ nhỏ đúng vào múi "tu rên" đang cầm ở tay. Tự nhiên hai giọt nước mắt ấy sôi lên sùng sục trên múi "tu rên" như vôi gặp nước và cuối cùng thấm vào múi như giọt nước thấm vào lòng gạch.

Sau đám giỗ ba ngày, người đàn ông ấy bỗng không bệnh mà chết. Từ đấy dân làng mỗi lần ăn thứ quả đó đều nhớ đến người gây giống, nhớ đến chuyện người đàn ông chung tình. Họ gọi "tu rên" bằng hai tiếng "sầu riêng" để nhớ mối tình chung thủy của chàng và nàng. Người ta còn nói những cây sầu riêng nào thuộc dòng dõi loại hạt có hai giọt nước mắt của anh chàng nhỏ vào thì mới là giống sầu riêng ngon[1].

[1] Theo Phạm Tường Hạnh trong *Xuân 1957*. Một truyện khác cũng do một vài người Nam-bộ kể, bảo quả sầu riêng có từ đời Cao Biền. Nội dung của truyện đại khái đề cao Cao Biền mà hạ thấp giá trị của người Việt, nên ở đây chúng tôi không thuật.

Sự Tích Cây Huyết Dụ

Ngày xưa có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường thức dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường, sư cụ thức chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông làm chũng thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.

Một đêm nọ, sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đứa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lạy vái đễ, miệng nói: - "Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!". Sư hỏi người đàn bà: - "A-di-đà Phật! Cứu mạng là cứu thế nào? Bàn tăng phải làm gì đây?". Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời: - "Ngày mai xin hòa thượng hãy đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con chúng thiếp rất đội ơn". Nhà sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông.

Lại nói chuyện hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chũng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vắng người rồi. Tức mình vì lỡ mất một buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách sư cụ. Sư cụ bèn đem câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.

Nhưng lúc bước chân về chuồng lợn của nhà thì bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn cái mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: - "Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái đã tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết".

Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy máu biết bao nhiêu là sinh mạng. Trong một lúc hối hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với sư cụ. Bác ta quả quyết cắm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ.

Không rõ bác đồ tể rồi sau đó thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên chắc chịu ảnh hưởng của phật thoại, nó được nhân dân lưu truyền khá rộng. Có thể so sánh với truyện Rắn báo oán (số 158, tập IV).

Trong Bản quốc dị văn lục có kể truyện trên và cho rằng sư cụ chính là bố của Nguyễn Xí người làng Lê-xá huyện Chân-phúc (tức Nghi-lộc) Nghệ-an, tên là Trị. Cuối đời Trần thi không đỗ, ông bỏ đi tu, trụ trì ở chùa làng, lấy tên là Hòa Nam thiền sư. Sau khi nghĩ đánh chuông để cứu mẹ con người đàn bà trong

mộng, sư bèn bỏ tiền mua lấy đàn lợn ấy của bác đồ tể rồi đem thả chúng vào rừng. Về sau, sư bị hổ giết, mới đùn thành mộ. Nhưng con cháu của sư thì từ đó có địa vị rất cao ở triều đình nhà Lê. Người chép truyện có ý nói đó là nhờ mẹ con con lợn báo ơn một cách huyền bí mới được như thế.

Một truyền thuyết về Nguyễn Nghiễm cũng có nội dung tương tự:

Nguyễn Nghiễm - cha của thi hào Nguyễn Du - một lần về chơi quê nhà, một đêm mộng thấy một người đàn bà đến cầu cứu mình: - "Xin cụ làm ơn cứu mạng. Con đang có thai, được mẹ tròn con vuông là nhờ ơn cụ". Tỉnh dậy, ông không hiểu thế nào cả. Nhưng sau đó bỗng thấy có người đến biếu một con cá chép rất to vừa đánh lưới được. Trông thấy con cá có chữa, ông nhớ đến giấc mộng hôm qua, liền sai người nhà thả xuống sông. Đêm hôm ấy, lại mộng thấy người đàn bà nọ đến cảm ơn mình[2]. Từ đấy họ Tiên-điền có tục kiêng ăn cá chép.

[1] Theo lời kể của người miền Bắc.

[2] Theo Gia phả Trung Cẩn công ở Tiên-điền (Hà-tĩnh).

Sự Tích Chim Hít Cô

Ngày xưa, có hai cô cháu ở chung với nhau một nhà. Người cô già, chồng chết từ lâu. Đứa cháu còn bé chừng mười hai tuổi mồ côi cha mẹ. Nhà họ nghèo, chỉ có vài sào ruộng, không đủ sống. Cho nên cô cháu ngày ngày phải đi mò cua bắt ốc hoặc mót hái kiếm ăn. Mấy năm trời được mùa, hai cô cháu tuy không lấy gì làm đầy đủ nhưng cũng sống vui. Ngày ngày cháu theo cô xách giỏ ra đồng, miệng hát có vẻ thích chí.

Nhưng không may vụ hạ năm ấy mất mùa. Rồi tiếp đến vụ mùa nắng hạn nên cũng chẳng ăn thua gì. Trời không nắng lắm nhưng nhất định không mưa làm cho các ao hồ đều khô rông róc. Ruộng nứt nẻ hết. Hai cô cháu cũng như những người nghèo khác đi mò cua bắt ốc ở các vùng cận nước. Nhưng cua ốc bắt mãi cũng phải hết. Mà trong nhà thì gạo đã kiệt từ lâu. Biết tìm cái gì mà nuôi nhau đây. Người ta có sức khỏe lên rừng chặt củi về đổi lấy những cái ăn được mà sống qua ngày. Riêng hai cô cháu sức yếu đành chịu nằm nhà nhịn đói. Cái chết đang dọa nạt họ.

May sao, buổi sáng hôm ấy có người hàng xóm sang báo tin cho cô cháu biết là có mấy đám lúa ở làng bên cạnh đã bắt đầu gặt. Bà cô thấy mình yếu lắm rồi, đứng lên không vững nữa. Chỉ có cháu là hơi tỉnh. Anh chàng gắng ngồi lên. Một người láng giềng đem cho một bát canh rau. Cháu húp vào thấy khỏe cả người, vội đứng lên đi theo họ.

Họ đến vừa kịp buổi gặt. Nhưng người gặt thì ít mà người mót thì đông vô kể. Tất cả đều đói nhưng mót rất khỏe. Họ đánh liều sấn vào bứt lúa mặc kệ chủ ruộng cầm roi đánh không tiếc tay.

Mãi đến chiều, người cháu mới đem lúa về. Lèo tèo chỉ có một nắm bằng cái chổi xể. Nhưng anh chàng không ngại. Hắn đập, sảy, rang rồi bỏ vào cối giã. Chỉ một lúc sau hắn đã đổ vào nồi bắc lên bếp.

Khi nồi cháo bắt đầu sôi thì người cô bỗng trở mình và rên khừ khừ. Cháu lật đật vào lật chiếu thăm cô. Cô rên rỉ kêu đau bụng, bảo cháu đi xin cho mình một tí gừng. Cháu ngần ngại không muốn đi nhưng thấy cô có vẻ nguy kịch, vội đánh đường vào xóm. Sau khi cháu đi, người cô gắng dậy ngồi vào bếp đun lửa cho nồi cháo. Lúc cháo chín, cô bỏ muối vào nếm thử một hớp. Chát ngũ cốc vào bụng trôi đến đâu, thịt da như sống lại đến đấy. Thấy cháu vẫn chưa về, cô múc ra một bát để dành phần cho cháu rồi lại ngồi ăn. Loáng một cái, cô đã ăn hết phần của mình. Cô lại chõng nằm nhưng trong bụng vẫn thấy thèm. Thấy cháu vẫn chưa về, cô nghĩ: - "Thằng bé có lẽ được người ta cho ăn rồi nên mới lâu thế. Nếu hắn đói thì dù gừng được hay không cũng phải về sớm". Nghĩ vậy, người cô lại lồm cồm dậy ăn xén vào cháo của cháu một tý. Cô đi ra ngoài cửa nhìn. Vẫn không thấy tăm dạng của cháu. - "Chắc nó được ăn rồi còn ngồi lại sưởi. Ta có thể ăn nốt đi cho nó". Nghĩ thế, cô yên tâm lại húp thêm một hớp nữa vào phần của cháu.

Cho đến khi người cháu mang gừng về thì bát cháo chỉ còn một tý nước ở dưới đáy. Cháu hỏi cô. Cô không trả lời. Nhưng cháu cũng đoán được hết. Cháu ôm mặt khóc nức nở. Cháu giận cô, oán cô rồi rửa cô. Được một chốc, cháu bưng bát cháo lại chõng cô nằm, dí sát vào miệng và nói bằng một giọng cay chua:

- Đó còn ít nữa, hít nốt đi! Hít đi cô, hít cô...

Sáng hôm sau, mãi đến trưa vẫn chưa thấy cháu dậy, cô lại gằn đưa tay sờ vào người cháu, thì ôi thôi người cháu đã lạnh toát từ bao giờ.

Từ đó trở đi vào khoảng trời khuya, người ta nghe có tiếng chim kêu náo nùng trong không gian: "Hít cô! Hít cô!". Tiếng chim kêu một điệu đều đều như nhắc nhở những ngày sống gian khổ của hai cô cháu[1].

KHẢO DỊ

Truyện này theo người Hà-tĩnh, Quảng-bình kể cũng tương tự, nhưng có một tình tiết hơi khác:

Ngày xưa có hai cô cháu nhà nghèo, sống chung với nhau. Một năm nọ đói kém lớn, người chết như rạ. Hai cô cháu hết gạo, sức yếu, đành ngồi nhà đợi chết. Giữa khi đó người cháu bỗng trông thấy một con chuột nhắt. Hắn bảo chuột: - "Thôi từ giã chuột nhé! Chúng tao chết đói đây!". Chuột bảo: - "Gạo đang còn trong bồ sao đã chết vội thế!". Người cháu chạy vào buồng vét mãi trong bồ gạo chỉ thấy còn có mỗi một hạt cuối cùng. Thấy hắn ném xuống đất,

chuột bảo: - "Ngọc của trời đấy. Cứ giữ lấy rồi mỗi ngày đưa ra hít ba lần là đủ sống rồi!".

Cháu bèn nhặt lấy, trân trọng đưa cho cô, kể chuyện vừa rồi và nói: - "May quá chúng ta sẽ sống, o[2] ạ". Người cô cho là cháu mê hoảng nói càn không đề ý đến. Nhưng mấy ngày sau, trong khi cô cất bước không nổi thì cháu vẫn vui vẻ ca hát. Cô ngạc nhiên về sự màu nhiệm của "hạt ngọc". Từ đó hai cô cháu cứ đến bữa ăn là đem "hạt ngọc" mỗi người hít một tý, nhờ vậy họ kéo dài sự sống được vài mươi ngày.

Nhưng sau đó một hôm, trong khi hít, người cô buột tay để cho "hạt ngọc" chui tuột vào cổ họng của mình. Cô khạc mãi nhưng "hạt ngọc" vẫn không ra.

Cháu giục cô ho, giục cô nôn ọe rồi rít. Nhưng tuy cô đã làm đủ mọi cách mà "hạt ngọc" vẫn không chịu vọt ra.

Và sau đó cháu chết hóa thành chim hít cô, luôn mồm nhắc mãi sự bất cẩn của người cô vô ý. Có người lại bảo cháu chết hóa thành chim o ho. Ngày nay con chim đó vẫn còn kêu những tiếng "O ho! O ho!" là tiếng cháu giục cô ho khạc cho ra hạt gạo.

Người Nghệ-an cũng có một truyện kể như trên nhưng thay cho hạt gạo là hạt đỗ. Và ở đây đáng lý người cô hít "hạt ngọc" tuột vào cổ họng, thì lại là cháu. Dĩ nhiên cháu sống mà cô thì chết. Sau đó, cháu thương cô, hễ đến mùa đậu có quả thì van lên rằng: "Cô hỡi, cô hời, về ăn cơm với đậu ương"[3].

Có người kể: cháu sau đó cũng chết hóa làm chim tu hú. Cho nên về sau đến mùa đỗ, loài chim tu hú có cái ăn thì nhớ đến cô, kêu lên:

Cô hó cô hó.

Lúa đã trở,

Đỗ đã chín,

Bay về mà ăn![4]

Có lẽ đây cũng là một dị bản, nhưng người kể đã nhớ lẫn lộn và không được trọn vẹn.

Người Nùng cũng có một truyện ít nhiều giống với truyện của ta:

Có hai cô cháu ở với nhau. Cháu tên là Pít-tu. Gặp nạn đói, trong nhà hết gạo, cô và cháu theo người ta vào rừng đào củ mài. Mãi đến gần trưa mới tìm được một dây. Cô bảo cháu ngồi chờ cho mình đào. Cô đào mãi vẫn chưa thấy củ mà bụng thì đã mấy ngày chưa có miếng gì. Khi đào gần đến củ, cô cúi người xuống móc lên, không ngờ tuột tay đâm đầu xuống hố. Cháu chạy đến kéo cô lên, nhưng vì người bé, sức yếu, lại đói, kéo mãi không lên. Cô chết, Pít-tu sau

đó được tiên làm cho hóa thành chim tu hú, luôn mồm kêu "a ơ!" (a: tiếng Nùng nghĩa là cô).

Truyện còn thêm tình tiết: chim tu hú bay vào tận cung điện, mổ vào mắt nhà vua là kẻ đã gây ra nạn đói[5]. Có lẽ tình tiết này là do các nhà sưu tập gần đây mới thêm vào.

[1] Theo báo Trảng-an.

[2] O: cô (tiếng Nghệ - Tĩnh).

[3] Theo Bản khai của thôn Hướng-dương.

[4] Theo Nguyễn Văn Ngọc. Truyện cổ nước Nam (B. Muông chim), quyển I.

[5] Theo Truyện cổ Việt-bắc.

Sự Tích Chim Tu Hú

Ngày xưa có hai nhà sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một ngôi chùa hẻo lánh. Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được đức Phật độ cho thành chính quả.

Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không được hưởng may mắn như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước tòa sen hết sức kêu nài với đức Phật bày tỏ lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng: - "Nhà người chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà người vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể đắc đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ tấm lòng nhẫn nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn".

Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một góc cây bắt chước người xưa ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy.

Và từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri vô giác. Những con sâu con kiến bò khắp mình chàng. Những con thú cào vào thân chàng. Những con chim ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ một mực tâm tâm niệm niệm nghĩa lý cao thâm của đạo Phật.

Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết liễu cuộc tu luyện. Một hôm tự dưng có hai vợ chồng con chim chích ở đâu đến làm

tổ ngay trong vành tai của Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc trứng nở, những con chim non kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu.

Một hôm, lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, đến lượt con chim vợ đi tìm thức ăn cho con.

Suốt một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đóa hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn mình vào giữa những cánh hoa làm cho chim mất công tìm mãi. Không ngờ hoa sen vừa tắt ánh mặt trời đã cụp ngay cánh lại, nhốt chim vào trong. Chim cố công tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó.

Ở nhà, chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở, chim vợ mới thoát được bay về tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng mắng nhiếc vợ hết lời. Nhưng chim vợ vẫn hết sức bày tỏ nỗi lòng trinh bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả buổi sáng và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn con khóc đói chiu chít điếc cả tai. Nhè lúc vợ chồng chim cãi vã đến chỗ găng nhất, Bất Nhẫn bỏ tay lên tai giật cái tổ chim vút mạnh xuống đất và nói: - "Đồ khốn! Chỉ có mỗi một chuyện đó mà chúng mày làm điếc tai ông từ sáng đến giờ".

Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vút bỏ trong chốc lát.

Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước tòa sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông nước chảy xiết, tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chờ cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay.

Lần này Bất Nhẫn tỏ ra một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Luôn trong hai năm chàng chờ được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì.

Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy xiết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ một trận mưa lớn. Giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Hắn có vẻ là vợ một viên quan sở tại; chưa bước xuống thuyền đã dọa Bất Nhẫn:

- Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mũi cho kín. Nếu để chúng ta mà ướt thì liệu chừng kéo roi quần đít đó.

Nghe nói thế Bất Nhẫn đã hơi bực, nhưng chàng nín được và vẫn giữ vẻ mặt tươi cười đáp:

- Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin cố sức.

Rồi chàng vận dụng hết tài nghệ để đưa hai mẹ con nhà nọ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên:

- Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà người chịu khó chèo sang lấy hộ.

Bất Nhẫn nín lặng cầm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối chạt vật lấm chàng mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói, người đàn bà nọ lại kêu lên:

- Thôi rồi! Còn một đôi giày của thằng bé bỏ ở gậm giường. Thế nào nhà người cũng phải gặng sang lấy cho ta một lần nữa.

Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã chỉ tay vào mặt:

- Cút đi đồ chó ghê! Tao có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mày mãi đâu.

Nhưng người đàn bà ấy vốn là đức Phật Quan âm hiện hình xuống thử lòng người đệ tử khổ tu đó; bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng:

- Nhà người vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì tu gì mà tu. Có tu hủ!

Bất Nhẫn thẹn quá đành cúi đầu nhận lỗi.

Phật bà Quan âm sau đó bắt Bất Nhẫn hóa thành một giống chim mà người đời sau quen gọi là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng vào lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật bà[1].

KHẢO DỊ

Truyện này có thể bắt nguồn từ một phật thoại hay ngụ ngôn nhà chùa.

Nhưng nó đã được nhân dân thêm thắt và truyền tụng khá phổ biến. Thi sĩ Trần Kế Xương đã diễn tả đoạn đầu theo điệu lục bát thành truyện thơ nhan đề là Năng Nhẫn Bất Năng Nhẫn hành[2]. Trong ca dao Việt-nam có một bài kể nỗi oan của con chim chích mái, cũng rút từ truyện cổ tích trên:

Ông Tô Tử lên chơi trên đỉnh núi,

Thấy hai vợ chồng con chim chích,

Chín tháng mười ngày đủ cánh mọc lông,

Vợ để con cho chồng, bay đi kiếm chác;

Lạ thung thỏ, mỗi thời không được,

Bước chân ra về thấy nhện chằng tơ.

Mảng vui chơi bắt nhện nào ngờ,

Khi âm tối, hoa sen sụp lại.

Chồng thì mong, con thì bỏ dối,

Hết dỗi đứng dỗi ngồi, ra ngõ liền trông.

- Kìa kìa gái năm con chữa hết lòng chồng,

Còn say đắm về bên hoa nguyệt.

- Tôi thề có trời xanh nước biếc,

Núi non thề với nước non,

Nào ai phụ rẫy chồng con, đã trời?[3]

Xem thêm các truyện Sự tích con nhái (số 10), Sự tích cá he (số 13) và Sự tích ông bình vôi (số 22) đều ít nhiều có tính chất Phật thoại và tương tự phần nào với truyện này về mặt chủ đề.

[1] Theo lời kể của người Hà-tĩnh và theo Pháp-Á tạp chí.

[2] Xem sách Vị thành giai cú tập.

[3] Nguyễn Văn Ngọc. Tục ngữ phong dao, tập II.

Sự Tích Chim Quốc

Ngày ấy có đôi bạn chí thân là Quắc và Nhân. Họ đều là con nhà học trò nghèo, lại đều mồ côi cha mẹ, Quắc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bồng lộc chẳng có là bao nhưng Quắc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đối lại, có lần Quắc bị ốm nặng, giá không có bạn thuốc thang ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế, đôi bạn phải chia tay mỗi người mỗi ngả.

Trong khi Quắc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang đến các vùng xa lạ làm thuê làm mướn. Trải qua một thời kỳ lang bạt, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một phú thương. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, phú thương rất tin cậy. Chẳng bao lâu Nhân được phú thương gả con gái cho.

Vợ Nhân có nhiều của riêng. Vì thế Nhân nghiêm nhiên trở nên một phú ông có cơ nghiệp kha khá ở trong vùng.

Nhân giàu nhưng không quên tình bầu bạn. Nhân vẫn nhớ tới lời thề "sống chết sướng khổ có nhau" với Quắc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng thấy Quắc vẫn còn sống. Tuy Quắc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng thương lượng được với cha mẹ học trò cho con em chuyển sang một cụ đồ khác rồi đưa Quắc về nhà mình. Nhân dặn người nhà phải coi Quắc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bê trễ.

Nhưng tính vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường tỏ vẻ coi thường. Và, chị ta không cùng sống những ngày hàn vi với Nhân nên có thấy đâu tình nghĩa giữa Nhân và Quắc như thế nào. Nhưng thấy chồng trọng đãi khách nên lúc đầu chị không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ: - "Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì tôi chưa chắc đã sống để gặp nàng". Vợ Nhân chỉ lẩm bẩm: - "Khéo! Bạn với bè! Chỉ có ngồi ăn hại".

Dần dần vợ Nhân bực mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự dưng ở đâu đến chả giúp ích gì cho nhà mình, chỉ chễm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy day nghiêng cả chồng lẫn khách:

- Chẳng phải bố già, không phải khách nợ, ở đâu lại rước về thờ phụng: ăn no lại nằm. Thôi liệu mà tổng quái đi!

Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt, chồng chỉ sợ mất lòng bạn. Một mặt Nhân thân hành chăm chút bạn chu đáo hơn cả lúc trước, mặt khác Nhân tỷ tê khuyên dỗ vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vẫn giữ tật ấy. Về phần Quắc thì chàng hiểu tất cả. Đã hai lần Quắc cáo bạn xin về nhưng Nhân cố giữ lại. Thấy bạn chí tình, Quắc lại nán ná ít lâu.

Nhưng hôm đó Quắc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm nặng nề. Quắc nghĩ, nếu mình không đi sớm thì có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu ra đi như mấy lần trước thì sẽ bị bạn chèo kéo lôi thôi.

Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lên ra khỏi nhà. Để cho bạn khỏi mất công tìm kiếm, khi đi qua một khu rừng, chàng cởi khăn áo treo lên một cành cây bên đường. Đoạn Quắc lần mò đến xứ khác trở lại cuộc đời dạy trẻ.

Thấy mất hút bạn, Nhân bỏ đi tìm. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mé rừng phía Nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ ấy là khăn áo của bạn, Nhân rất thương cảm: - "Ta nuôi bạn thành ra hại bạn! Chắc bạn ra bị cướp giết chết". Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác: - "Bạn ta ra đi trong túi không có một đồng một chữ thì dầu có gặp cướp cũng không việc gì. Đây một là hùm beo ăn thịt, hai là bị lạc trong rừng sâu".

Nhân bắt đầu vào rừng tìm Quắc. Không thấy có vết máu, chàng lại càng hy vọng. Băng hết chông gai, chui hết bụi rậm, Nhân luôn luôn cất tiếng gọi: "Anh Quắc ơi! Quắc! Quắc!". Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong khu rừng mêh

mông. Cho đến hơi thở cuối cùng con người chí tình ấy vẫn không quên gọi: - "Quắc! Quắc!". Rồi đó Nhân chết hóa thành chim quốc, cũng gọi là đỗ quên.

Vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về, lấy làm hối hận. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía Nam. Nghe tiếng "Quắc! Quắc!", chị ta mừng quá kêu to: - "Có phải anh đấy không anh Nhân!". Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng "Quắc! Quắc!". Vợ Nhân cứ thế theo tiếng gọi tiến dần vào rừng sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, chết bên cạnh một gốc cây[1].

KHẢO DỊ

Truyện Sự tích chim quốc của Trung-quốc khác hẳn truyện của ta. Theo sách Hoàn vũ ký thì ngày xưa có Thục vương tên là Đỗ Vũ làm vua mang hiệu là Vọng Đế. Vọng Đế lập Miết Linh làm tướng. Về sau Vọng Đế nhường ngôi cho Miết Linh rồi bỏ đi mất, hóa làm chim tử quy, cũng gọi là chim đỗ vũ hay đỗ quyên[2].

Còn theo Cầm kinh thì Miết Linh là bề tôi được Đỗ Vũ (tức Vọng Đế) tin dùng cất làm tướng; về sau bị Miết Linh cướp ngôi, Đỗ Vũ tức và tiếc quá, ngày đêm kêu "Quốc! Quốc![3]" ra rả. Sau có một ông tiên hiện ra trách: - "Quá tin người để mất nước, kêu mà làm gì?". Đỗ Vũ then quá chui lủi trong bụi cây. Sau hóa thành chim, hề thấy người là chạy, thỉnh thoảng vẫn kêu "Quốc! Quốc!". Đồng bào Mường ở Hòa-bình cũng có truyện Sự tích chim quốc tương tự với truyện của Trung-quốc. Dòng dõi họ Bạch ở Kim-bôi thuộc châu Lương-sơn (Hòa-bình) kiêng ăn thịt chim quốc vì họ cho chim quốc là dòng dõi của Thục đế. Mà Thục đế ở đây lại là Thục An Dương Vương, mất nước, chết hóa thành chim, luôn miệng kêu "Quốc! Quốc!".

Ở Nghệ-an có người kể Sự tích chim quốc như sau:

Có đôi vợ chồng hiếm hoi, chỉ được một con trai, hỏi vợ cho đám nào anh cũng chê cả. Sau anh đi buôn nước ngoài, sang đất Thục, các cô gái thấy anh thì phải lòng, trong đó có một cô gái nhà quan. Cô gái về thưa với cha. Quan cho đòi anh ta đến gả cho làm vợ. Hai người yêu nhau rất mực.

Lấy nhau được một năm thì có thư nhà sang báo anh về. Về đến nhà, anh bị bố mẹ giữ lại không cho đi buôn xa nữa. Anh ta nhớ vợ ngày một héo mòn. Sau hóa ra chim quốc, miệng lúc nào cũng kêu: "Thục quốc! Thục quốc!"[4].

Đồng bào Nam-bộ lại kể truyện này với chủ đề tình bạn, nhưng hình tượng trong truyện khác với truyện của người Bắc-bộ ở trên:

Ngày xưa có một ông vua Chàm tên là La Hoa. La Hoa chuẩn bị đem quân ra đánh nước Việt. Một người tên là Quốc vừa là bạn vừa là cố vấn, hết sức can ngăn, nhưng không được. Tuy biết chắc thất bại nhưng Quốc cũng xin đi theo để chịu chung số phận. Cuộc chiến đấu diễn ra kịch liệt ở Đèo Ngang. La Hoa bị trúng một mũi tên chết. Quốc thúc quân báo thù, cuối cùng cũng chết.

Hồn của Quốc đi tìm La Hoa nhưng không biết rằng xác La Hoa đã bị kẻ địch đưa đi mất tích. Tìm không được, hóa làm chim, luôn mồm kêu "Quốc Quốc, La Hoa" (ý nói đây là Quốc, La Hoa ở đâu?)[5].

Đồng bào miền Bắc còn một truyện khác nữa với chủ đề mẹ ghẻ con chồng:

Có hai anh em: anh là con vợ cả đã chết, em là con vợ kế. Mẹ ghẻ ghét con chồng tìm cách làm cho chết. Một hôm bảo cả hai: "Mỗi đứa cầm một túi vừng lên Nam-sơn mà vãi, hạt của đứa nào nảy mầm mới được về ăn cơm, nếu không thì đừng về". Dọc đường nghỉ ở gốc cây, em thử nhấc túi vừng của anh thấy nhẹ (kỳ thực là do mẹ ghẻ đã đồ chín nên mới nhẹ như thế) bèn đề nghị đổi. Khi vãi xong thì vừng của anh mọc trước rất đẹp. Em bảo anh về trước nhưng anh cứ ngồi chờ em. Em không thấy vừng của mình mọc cũng không chịu về. Cuối cùng cả hai đều chết. Mẹ ghẻ lên núi thấy thế hối hận. Một hôm nghe có tiếng chim kêu: "Khổ quá! Khổ quá! Mẹ đồ chín vừng làm hại con!". Đó là con đẻ của mình đã hóa làm chim để quyên[6].

[1]. Theo Trung Bắc chủ nhật (1943).

[2]. Theo Bội văn vận phủ.

[3]. "Quốc" là nước.

[4]. Bản khai những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma.

[5]. Theo Lê Văn Phát. Cổ tích và truyền thuyết ở xứ An-nam.

[6]. Theo Trung Bắc chủ nhật (1943).

Sự Tích Chim Đa Đa

Ngày xưa có một em bé mồ côi cha từ hồi còn nhỏ. Người mẹ sau một thời gian tang chế cũng đi lấy chồng. Vì bà con thân thích nội ngoại không còn ai nên nó phải theo mẹ về ở với bố ghẻ. Bố ghẻ tính rất vũ phu, coi cả hai mẹ con như kẻ ăn đũa ở. Nhất là thằng bé chưa biết làm gì cả, nên hắn lại càng ghét dữ. Nhiều lúc có việc trái ý, hắn đánh thằng bé thâm tím cả mình mẩy. Nhà hắn cũng không có gì. Hắn thường sinh nhai bằng cách lên rừng đốn củi. Người đàn bà vừa về với hắn được một ngày đã phải gánh củi của chồng đi bán ở chợ.

Không may, năm đó trời làm mất mùa. Miếng ăn kiếm rất chật vật. Củi rẻ như bèo. Trước kia một gánh củi nuôi sống gia đình được mấy ngày thì bây giờ không đủ nuôi được một bữa. Thằng bé chưa làm được nghề ngỗng gì cả, trở nên một cái gai trước mắt bố ghẻ.

- Thằng bé này chỉ ăn hại đái nát. Chỉ làm cho ta khó khăn thêm.

Hắn bảo vợ thế và khuyên vợ đem con đi bán cho kẻ khác nuôi. Nhưng người đàn bà nhất quyết không chịu. Thà là cả hai mẹ con cùng chết chứ bà không đời nào chịu lìa con.

Người bố ghẻ bèn có ý định muốn giết chết con riêng của vợ. Mạng người lúc này nhỏ bằng cái tơ cái tóc. Huống chi đối với hắn, hắn chẳng coi ra gì. Nạn đói coi chừng đang kéo dài và ngày càng dữ dội. Một gánh củi lớn bây giờ không đổi nổi một bát gạo.

Hôm đó, chờ lúc vợ đi chợ sớm, hắn đưa thằng bé lên rừng. Hắn rủ:

- Mày có muốn trèo ổi và bắt bướm không? Trên ấy thì tha hồ.

Thằng bé nghe thế lấy làm thích, cố xin đi theo cho được.

Cảnh rừng có nhiều cái lạ làm cho thằng bé lon ton chạy theo bố ghẻ không biết mệt. Người đàn ông đưa nó vào rừng sâu. Khi đến chỗ mấy cây ổi rừng, hắn bảo thằng bé:

- Ổi đấy. Và có bát cơm đây. Chốc nữa tao lại tìm.

Thế rồi hắn bỏ mặc thằng bé, lẳng lặng lui ra, đến một chỗ khác kiếm củi. Nhưng buổi chiều, khi bước chân vào nhà hắn lấy làm ngạc nhiên thấy thằng bé đã về trước hắn rồi. Số là thằng bé trong khi đang bơ vơ giữa rừng rậm thì may mắn gặp một bọn đi đào khoai mài về ngang. Thế là họ đưa nó về. Nhờ có bát cơm, nó vẫn đủ sức đi được đến nhà.

Nghe đứa bé kể, hắn bực mình vô hạn. Hắn vờ mắng:

- Chỉ vì mày, làm tao tìm mãi không được!

Một lần khác hắn lại dỗ được đứa bé đi theo lên rừng. Lần này hắn cố tâm đưa nó vào thật sâu, đến những nơi chưa ai dám tìm vào hái củi bao giờ. Khi trốn khỏi thằng bé, hắn nghĩ bụng: - "Không chết vì thú dữ thì cũng chết vì lạc, không chết vì lạc thì cũng chết đói mà thôi".

Mãi đến chiều tối vẫn không thấy bố ghẻ trở lại, thằng bé khóc lóc, kêu gào nhưng chỉ có tiếng vọng của núi rừng trả lời nó thôi. Nó cuống cuống chạy tìm khắp mọi ngả nhưng không hề thấy một bóng người. Khi đã mệt lử và đói bụng, nó tìm đến chỗ bát cơm của bố ghẻ để lại thì không ngờ đấy là một bát cát trên có rắc một lớp cơm với một quả cà để đánh lừa. Thằng bé nhặt những hạt cơm phủi cát bỏ vào miệng. Cuối cùng đói quá, nó cầm lấy bát chạy khắp nơi và kêu lên: - "Bố ghẻ ơi! Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!". Nhưng tiếng kêu gào của nó chỉ làm cho một vài con chim rừng giật mình mà thôi.

Rồi thằng bé chết, hóa thành chim đa đa, luôn luôn kêu những tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!".

Đợi mãi không thấy con về, người đàn bà khóc thương vô hạn. Đoán biết thằng chồng tàn bạo đã ám hại con mình, bà ta đứng lên xía xói vào mặt hắn. Cuối cùng bà ta bắt hắn phải đi kiếm con mình về ngay, nếu không sẽ lên quan tố cáo. Túng thế hắn phải vào rừng. Hắn tìm mãi. Đột nhiên trong khu rừng hẻo lánh nổi lên mấy tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!". Hắn rụng rời. Đích thị là oan hồn thằng bé đã lên tiếng vạch tội ác của hắn. Nghe luôn mấy tiếng liên tiếp, hắn không còn hồn vía nào nữa, vội bỏ chạy. Nhưng mấy tiếng "Bát cát quả cà" đuổi theo hắn. Hắn chạy mãi, băng hết khu rừng nọ sang khu rừng kia. Tự nhiên hắn vấp phải đá ngã xuống bất tỉnh nhân sự.

Mấy ngày sau, những người tiều phu thấy thi thể hắn nằm vật ở mé rừng[1].

KHẢO DỊ

Về truyện này có hai dị bản lưu truyền ở miền Nam:

a) Một người vào năm đói đi xin con rể một ít thóc về ăn. Lúc đến nơi, chàng rể đi vắng, chỉ có con gái của mình ở nhà. Nhưng con gái từ khi giàu có, quên mất cả bố; cho bố một bị "chẹp" (thóc lép) trên có rắc một ít thóc. Bố ra về dọc đường gặp chàng rể. Chàng rể tốt bụng cảm bị thóc của vợ cho bố, biết rõ sự thật, bèn dắt bố về lấy cho bố một bị thóc, và trong khi giận dữ đánh vợ một bấp cày, không may vợ chết. Vợ hóa ra chim đa đa luôn mồm kêu câu: "Cách ca ca, bốp chẹp (hay giẹp) cho cha"[2].

b) Có hai vợ chồng một người kiếm củi đẻ một con trai đặt tên là Đa Đa. Con lên 7 tuổi thì mẹ từ trần. Vợ kế của bố đối đãi với con chồng không tốt, luôn luôn gây chuyện mắng chửi. Một hôm, bố đi kiếm củi về, thấy con khóc trước một bát cơm đầy. Bố toan hỏi con thì dì ghẻ chạy ra lu loa xin chồng dạy con kẻo nó nhục mạ không thể chịu được. Bố giận sẵn rìu đánh con, không ngờ chém vỡ đầu con ở khoảng mắt, con lăn ra chết. Lúc làm lễ "mở cửa mả", tự nhiên có con chim trong mộ bay ra kêu lên: - "Bát cơm cát trả cho cha, đánh chác đầu ra, bạc ác đa đa". Bố về lục tìm xem lại bát cơm dì ghẻ với cho con, mới thấy là một bát cát chỉ có một ít cơm phủ lên trên. Giận quá, bố lại choảng cho vợ một rìu chết tuốt. Người ta nói ngày nay dòng dõi chim đa đa có một vạch đen từ mắt đến tai đó là dấu tích vết rìu chém phải; còn lông rần rì trên người nó là vết tích roi đánh lần ngang lần dọc của dì ghẻ[3].

Cũng có người[4] cho tiếng kêu của chim đa đa là "Bất thực cốc Chu gia" nghĩa là không ăn lúa nhà Chu. Họ cho giống chim này là kiếp sau của Bá Di, Thúc Tề. Đó là truyện do nhà nho kể theo điển tích của Trung-quốc[5].

Xem thêm truyện Gốc tích tiếng kêu của Vạc, Cộc, Dù dĩ, Đa đa và Chuột (số 17).

[1]. Theo Giê-ni-bren (Génibrel). Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết, và dựa theo lời kể của người miền Bắc.

[2]. Theo lời kể của người Quảng-ngãi.

[3]. Theo Lê Văn Phát. Sách đã dẫn.

[4]. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Vĩnh-phú và người miền Nam.

[5]. Bá Di, Thúc Tề là con vua nước Cô-trúc đời nhà Thương. Lúc cha sắp mất bảo lập em là Thúc Tề làm vua. Cha chết, Thúc Tề nhường cho Bá Di, Bá Di không chịu, bảo đó là mệnh cha, rồi trốn đi. Thúc Tề cũng không làm vua mà trốn nốt. Khi Chu Vũ Vương đánh nhà Thương, Bá Di đón đường để can; can không được bèn nói rằng từ nay không ăn lúa nhà Chu nữa; cả hai anh em vào ẩn ở núi Thú-dương và bị chết đói (Tử hải)

Sự Tích Con Dã Tràng

Có hai vợ chồng một ông già tên là Dã Tràng. Trong vườn họ có một hang rắn. Thường ngày làm cỏ gần đấy, ông già vẫn thấy có một cặp vợ chồng rắn hổ mang ra vào trong hang.

Một hôm, con rắn chồng bò ra khỏi hang một mình. Ông nhìn thấy rắn vợ nằm cuộn ở trong. Vì mới lột nên mình mẩy nó yếu ớt không cựa quậy được. Một lúc lâu, rắn chồng bò trở về, miệng tha một con nhái đứt cho vợ ăn.

Ít lâu sau, Dã Tràng lại thấy rắn vợ bò ra khỏi hang một mình. Lần này rắn chồng đến kỳ lột nằm im thim thíp, lột da cũ còn bỏ lại bên hang. Hồi lâu, rắn vợ trở về, theo sau có một con rắn đực khác khá lớn. Dã Tràng thấy hai con bò đến cửa hang thì dừng lại rồi quấn lấy nhau như bện dây thừng. Một lát sau, con rắn đực một mình bò vào hang.

Dã Tràng biết con rắn đực này toan làm gì rồi. Ông cảm thấy ngứa mắt, muốn trừ bò con rắn đó đi để cứu con rắn chồng đang lúc suy nhược. Lúc đó bên mình không có cái gì cả, ông bèn rút một mũi tên nhằm con rắn mới, bắn ngay một phát. Không ngờ mũi tên lại trúng vào đầu con rắn vợ chết tươi, còn con kia hoảng hồn chạy mất. Dã Tràng nghĩ cũng thương con rắn cái nhưng trong thương có lẫn cả giận, nên ông chán nản bỏ đi về nhà. Từ đó, ông không thèm để ý đến hang rắn nữa.

Chừng dăm ngày sau, một hôm, Dã Tràng nằm võng thuật chuyện vợ chồng con rắn cho vợ mình đã thấy và đã làm. Ông kể vừa dứt lời thì bỗng nghe trên máng nhà có tiếng phì phì. Cả hai người hốt hoảng nhìn lên thì thấy có một con rắn hổ mang rất lớn, đuôi quấn lấy xà nhà, đầu vươn tới gần chỗ ông nằm, miệng nhả một viên ngọc. Ông vừa cầm lấy thì bỗng nghe được tiếng rắn nói:

- Ông là ân nhân mà tôi cứ ngỡ là kẻ thù. Mấy hôm nay tôi đợi ông trên máng này chỉ chực mổ chết để báo thù cho vợ tôi. Nhưng vừa rồi nghe ông kể chuyện

rõ ràng, tôi mới biết là lầm. Xin biểu ông viên ngọc nghe này. Đeo nó vào mình thì có thể nghe hiểu được mọi tiếng muông chim ở thế gian.

Từ kinh ngạc đến sung sướng, Dã Tràng nhận viên ngọc quý và từ đó không bao giờ rời.

*

Một hôm, Dã Tràng đang hái rau, bỗng có một bầy quạ đến đậu ở mấy ngọn cau nói chuyện lao xao. Chúng nó bảo Dã Tràng như thế này: - "Ở núi Nam có một con dê bị hổ vồ. Hãy lên đó lấy về mà ăn nhưng nhớ để lòng lại cho chúng tôi với". Dã Tràng làm theo lời quạ, quả thấy xác một con dê trên núi Nam. Ông xẻo lấy một ít thịt xâu lại xách về. Đến nhà, ông vội mách cho xóm giềng biết mà đi lấy, không quên dặn họ để bộ ruột dê lại cho bầy quạ. Nhưng ông không ngờ người trong xóm nghe tin ấy đua nhau đi đông quá, thành ra họ lấy hết cả, chẳng chừa một tí gì.

Lũ quạ không thấy ruột dê, cho là Dã Tràng đánh lừa, bèn đổ xô đến vườn ông réo lên om sòm. Thấy vậy, ông biết là người trong xóm đã làm hại mình không giữ chữ tín với bầy quạ. Ông phân trần mấy lần nhưng bầy quạ không nghe, cứ đứng đó chửi mãi.

Tức mình, ông bèn lấy cung tên ra bắn vào chúng. Chủ ý là để đuổi chúng đi chứ không định giết. Chẳng ngờ bầy quạ thấy vậy cho là ông lấy oán trả ân liền cấp lấy mũi tên có đề tên Dã Tràng ở đuôi, tìm dịp báo thù. Lúc bay qua sông thấy một cái xác chết trôi, đàn quạ bèn đem mũi tên cắm vào yết hầu xác chết. Khi quan sở tại đến làm biên bản, thấy mũi tên, liền đoán Dã Tràng là thủ phạm, sai lính bắt ông hạ ngục.

Dã Tràng bị bắt bất ngờ hết sức kêu oan, nhưng mũi tên là một chứng cứ sờ sờ làm cho ông đuối lý, đành chịu chui đầu vào gông. Tuy nhiên, ông vẫn một mực xin quan xét nỗi oan uổng. Thấy vậy, quan sai lính giải ông về kinh để vua phân xử.

Từ đề lao tỉnh, ông lại bị điệu đi. Dọc đường trời tối bọn lính dừng lại quán ăn uống và nghỉ ngơi. Dã Tràng cổ bị gông, chân bị xiềng nằm trên đồng rơm buồn rầu không ngủ được. Lúc trời gần rạng, ông nghe có một đàn chim sẻ bay ngang đầu nói chuyện về nhau: - "Nhanh lên! Chuyến này sẽ không lo đói nữa mà cũng chẳng sợ ai đánh đuổi cả". Một con khác hỏi: - "Của ai mang đến bỏ vương vãi thế nhỉ?". Con nọ trả lời: - Của vua nước bên kia. Họ toan kéo sang đánh úp nước bên này. Ngày hôm qua quân đội giáo mác kéo đi liên miên không ngớt. Nhưng xe thóc vừa sắp đến biên cương thì bị sụp hầm đổ hết. Họ đang trở về lấy thứ khác, cho nên chúng mình tha hồ chén".

Nghe đoạn, chờ lúc bọn lính đến dẫn ông lên đường, Dã Tràng bảo họ:

- Xin các ông bấm lại với quan rằng việc của tôi là việc oan uổng và nhỏ mọn không nên bận tâm, mà giờ đây có một việc quốc gia trọng đại và cấp bách nữa, cần tính liệu gấp.

Bọn lính tra gạn ông mãi nhưng ông không nói gì thêm, chỉ nài rằng hễ có mặt quan mình mới tỏ bày rõ ràng.

Khi gặp mấy vị quan đầu tỉnh, Dã Tràng liền cho họ biết rằng vua Hiền Đế ở phương Bắc đã sai tướng cầm quân sang đánh úp nước mình. Hiện họ đang đóng quân đầy ở biên giới, chỉ vì bị sụp hầm, xe lương đổ hết, chưa tấn công được. Bây giờ họ đang vận thêm lương, chờ đầy đủ sẽ vượt cửa ải sang Nam.

Bọn quan tỉnh lấy làm lo lắng nhưng cũng gạn hỏi ông có dám chắc như vậy không. Dã Tràng chỉ vào đầu mình đoán rằng nếu nói sai, ông sẽ xin chịu chết. Nhưng nếu lời của ông đúng thì xin bẻ trên phóng thích cho ông. Ngay lúc đó, những tên quân do thám được tung đi tới tấp mọi ngả để lấy tin. Chỉ nội ngày hôm sau, Dã Tràng đã được thả vì lời mách của ông quả đúng và vừa vận để chuẩn bị đối phó với địch.

Được tha, Dã Tràng đi bộ lặn về quê nhà. Bóng chiều vừa ngả, ông mới đến vùng Hồng-hoa. Ông tìm vào nhà người bạn rất thân là Trần Anh nghỉ chân.

Gặp lại bạn cũ, vợ chồng Trần Anh vui mừng khôn xiết. Nghe tin ông bị tra tấn giam cầm và suýt mất đầu, hai vợ chồng rất thương cảm.

Thấy bữa ăn tối thiết bạn không có gì, Trần Anh xuống bếp bảo vợ:

- Bạn ta đến lại gặp lúc trong nhà chả có gì ăn. Sẵn có cặp ngỗng, con nó đã khôn, ta làm thịt một con, ngày mai đãi bạn lên đường.

Người vợ bằng lòng nhưng dặn chồng sáng dậy sớm bắt ngỗng và cắt tiết vặt lông giúp mình một tay.

Trong khi hai vợ chồng bàn tính thì cặp ngỗng ở ngoài chuồng nghe được câu chuyện. Ngỗng trống bảo ngỗng mái: - "Mình ôi! Mình hãy ở lại nuôi con, tôi sẽ đứng sẵn cho chủ nó bắt". Ngỗng mái không nghe, xin chết thay chồng. Nhưng ngỗng trống nhất quyết hy sinh, nên chạy ra sân từ giã đàn con: - Con ơi! Các con ở lại với mẹ nghe. Cha sẽ không bao giờ gặp lại các con nữa". Song ngỗng mái vẫn lạch bạch chạy theo, đòi chết thay chồng cho bằng được.

Lúc bấy giờ Dã Tràng nằm trên bộ ván đặt kê cửa sổ nên nghe được tiếng ngỗng than thở. Ông bỗng thấy thương con vật vô tội chỉ vì mình mà phải lìa đàn con bé bỏng. Ông toan nói trước với bạn, nhưng thấy bất tiện. Ông đành nghe ngóng ở chỗ chuồng ngỗng chờ lúc bạn ra bắt thì sẽ can lại.

Suốt đêm hôm đó tuy mệt mà ông không dám ngủ. Quả nhiên, vào khoảng canh tư, Trần Anh thức dậy bước ra chuồng. Ngỗng trống xua ngỗng mái chạy

rồi vươn cổ để cho bắt. Khi Trần Anh sắp cắt cổ ngỗng thì Dã Tràng đã lật đật chạy xuống bếp nắm lấy dao. Ông nói:

- Xin bạn thả nó ra. Tính tôi không hay sát sinh. Tình thân của đôi ta lọ phải cỗ bàn mới thân. Nếu bạn giết nó thì tôi lập tức đi khỏi chỗ này.

Thấy bạn có vẻ quả quyết, Trần Anh đành thả ngỗng ra, rồi giục vợ chạy đi mua tép về đãi bạn.

Cơm nước xong, Dã Tràng từ giã bạn lên đường về nhà. Đến ao, ông đã thấy vợ chồng ngỗng cùng với bầy con đứng chực ở đấy. Ngỗng đực tặng Dã Tráng một viên ngọc và nói:

Đa tạ ân nhân cứu mạng. Không biết lấy gì báo đền, chúng tôi xin tặng người viên ngọc này, mang nó vào người có thể đi được dưới nước dễ dàng không khác gì trên bộ. Nếu đem ngọc này xuống nước mà khoáng thì sẽ rung động đến tận đáy biển.

Ngỗng lại nói tiếp:

- Còn như con tép là vật đã thế mạng chúng tôi thì từ nay, dòng dõi chúng tôi sẽ xin chừa tép ra không ăn, để tỏ lòng nhớ ơn!

Dã Tràng không ngờ có sự báo đáp quá hậu như thế, sung sướng nhận lấy ngọc rồi về.

Khi đến bờ sông, Dã Tràng muốn thử xem công hiệu của viên ngọc mới, liền cứ để nguyên áo quần xuống nước. Thì lạ thay nước rẽ ra thành một lối cho ông đi thẳng xuống đáy sông. Ông dạo cảnh hồi lâu rồi cầm viên ngọc khoáng vào nước nhiều lần thử xem thế nào.

Hôm đó, Long vương và các triều thần đang hội họp ở thủy phủ bỗng thấy nhà cửa lâu đài và mọi kiến trúc khác bỗng nhiên rung động cơ hồ muốn đổ. Ai nấy đều nháo nhác không hiểu duyên cớ. Vua lập tức truyền cho bộ hạ đi dò la sự tình.

Bộ hạ Long vương đi theo con đường sóng ngầm lọt vào cửa sông thì thấy Dã Tràng đang cầm ngọc khoáng vào nước. Mỗi một lần khoáng như thế, họ cảm thấy xiêu người nhúc óc. Tuy biết đích là thủ phạm, họ cũng không dám làm gì, chỉ tiến đến dùng lời nói khéo mời ông xuống chơi thủy phủ.

Gặp Long vương, Dã Tràng cho biết đó là mình chỉ mới làm thử để xem phép có hiệu nghiệm chăng. Long vương và triều thần nghe nói, ai nấy đều xanh mặt. Nếu hấn làm thật thì thế giới thủy phủ sẽ còn gì nữa! Vì thế, Long vương đãi Dã Tràng rất hậu. Ông muốn gì có nấy. Cho đến lúc ông ra về, Long vương còn đem vàng bạc tổng tiền rất nhiều để mong ông nể mặt.

Dã Tràng lên khỏi nước có bộ hạ của Long vương tiễn chân về tới tận nhà mới trở lại. Bà con xóm giềng thấy ông đã không việc gì mà lại trở nên giàu có thì

ai cũng lấy làm mừng cho ông. Từ đó Dã Tràng rất quý hai viên ngọc. Ông may một cái túi đựng chúng và luôn luôn đeo ở cổ.

Một hôm Dã Tràng đi bộ nửa ngày đường đến nhà một người bà con ăn giỗ. Lúc đến nơi, Dã Tràng sờ lên cổ giật mình mới nhớ ra vì vội quá nên ông đã bỏ quên mất túi ngọc ở nhà. Ông không thể nào còn an tâm ngồi ăn được. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên thấy ông vừa chân ướt chân ráo đến nơi đã vội cáo từ về ngay.

Nhưng khi về đến nhà, ông tìm mãi vẫn không thấy túi ngọc đâu cả. Ông rưng rờ cả người. Đi tìm vợ, vợ cũng không thấy nốt. Nóng ruột, ông lục lọi khắp nơi. Cuối cùng ông bắt được một mảnh giấy do vợ viết để lại gài ở chỗ treo áo. Trong đó, vợ ông nói rằng có người của Long vương lên báo cho biết hễ ai bắt được túi ngọc đưa xuống dâng Long vương thì sẽ được phong làm hoàng hậu. Bởi vậy bà ta đã trộm phép ông đưa túi ngọc xuống thủy phủ rồi, không nên tìm làm gì cho mệt.

Đọc xong thư vợ, Dã Tràng ngất đi. Ông không ngờ vợ ông lại có thể như thế được. Ông cũng không ngờ âm mưu của Long vương thâm độc đến nước ấy. Nghĩ đến hai thứ bảo vật, ông tức điên ruột. Sau cùng, ông dự tính cho cát lấp biển thành một con đường đi xuống thủy phủ để lấy lại túi ngọc vì ông còn nhớ rõ đường lối đến cung điện của Long vương. Mặc dầu mọi người can ngăn, ông cũng không nghe, bèn dọn nhà ra bờ biển để làm công việc đó. Ngày ngày ông xe cát chở đến bờ quyết lấp cho bằng được.

Cho tận đến chết, Dã Tràng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Chết rồi ông hóa thành con còng còng hay cũng gọi là con dã tràng, ngày ngày xe cát để lấp biển[1].

Tục ngữ có câu:

Dã tràng xe cát biển Đông,

Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.

hay là:

Công dã tràng hàng ngày xe cát,

Sóng biển dồn tan tác còn chi[2].

hay là:

Con còng còng đại lằm không khôn,

Luống công xe cát sóng dồn lại tan.

Người ta nói ngày nay loài ngỗng sỏ dĩ không bao giờ ăn tép là vì chúng nó như ăn loài tép đã thế mạng cho tổ tiên mình ngày xưa. Họ còn nói loài ngỗng

có một cái mào trắng trên đầu là dấu hiệu để tang cho Dã Tràng để nhớ ơn cứu mạng[3].

KHẢO DỊ

Đoạn đầu truyện này tương tự với truyện ngụ ngôn Con cua mà một tác giả vô danh đã đặt thành vè gọi là vè Con cua hay Triều dương cố sự phú.

Ông Trương Thủ Chí đi câu dọc ghềnh thường thấy hai con cua nọ đi ăn với nhau. Một hôm cua vợ đến kỳ lột, non da non thịt, yếu đuối không đi được. Lúc đó chỉ một mình cua chồng tha mồi về cho vợ rồi lại nằm ngoài cửa hang canh gác kéo sợ những con cua khác đến ăn thịt.

Đến khi cua chồng lột nằm một chỗ, cua vợ đã không chăm sóc lại còn rủ chúng bạn tới ăn thịt chồng[4].

... Cua đực lại tứ chi chuyển lột,

Tay chân yếu mùi phần còn một,

Xương thịt mòn muôn ngạch đều không,

Lòng những tin có vợ nuôi chồng,

Hay đâu nổi say trai đắm gái.

Nhớ thù quên ngãi,

Nhớ oán quên ân,

Vào trong hang cắt thịt xé thân,

Ra ngoài cửa ăn tươi nuốt sống...[5].

Ông bèn đem điều thấy được tâu lên vua. Vua có ý định thử xem giữa người với cua có giống nhau chăng, mới cho rao khắp thiên hạ: hễ người nào có gan giết được vợ thì sẽ: "Ngôi nhất phẩm quyền phong nhất thế: chức tam công lộc hưởng thiên niên". Có một anh lực sĩ háms chức cao quyền trọng, liền đến lĩnh bảo kiếm nhà vua về định giết vợ, nhưng khi nhìn vào khe cửa thấy vợ nựng con: thương cha con hiện đang ở chốn sa trường sương gió. v.v... thì, không nỡ hạ thủ, bèn trở về cung tấu trời mình chịu tội.

Vua lại cho rao khắp thiên hạ: ai giết được chồng chém đầu đem nạp bệ rồng thì sẽ "phong chức hưởng tôn quận chúa". Có một nàng Nữ tổ nghe vậy bèn giết chồng, đưa thủ cấp đến nạp mong lĩnh thưởng. Nhưng vua ra lệnh phân thân Nữ tổ và tha bổng lực sĩ.

Đoạn giữa truyện Sự tích con dã tràng chịu ảnh hưởng của tích Công Dã Tràng trong Luận ngữ của Khổng Tử. Thiên V sách đó chép: "[Khổng] Tử bảo Công

Dã Tràng là người có thể giả con gái được. [Tràng] tuy bị mắc trong vòng dây trói nhưng không phải tội do mình làm. Bèn đem con gái giả cho [Tràng]".

Người ta giải thích rằng: Công Dã Tràng là người nước Lỗ, học trò Khổng Tử, hiểu biết tiếng chim. Nhà ông nghèo không đủ ăn. Một hôm có con chim bay tới nhà kêu rằng: - "Công Dã Tràng! Công Dã Tràng. Cọp bắt dê ở núi Nam, người ăn thịt, ta ăn gan. Phiên phiến lên, chớ dùng dăng!". Công Dã Tràng lên núi bắt được dê đưa về làm thịt ăn. Không ngờ người chủ mất dê từng làm dấu riêng ở sừng. Khi nhận được sừng dê ở nhà Công Dã Tràng, hấn cho là ông đã ăn trộm dê của mình bèn đi cáo với Lỗ công.

Công Dã Tràng kể rõ sự tình cho Lỗ công biết, Lỗ công không tin là thực, bắt ông bỏ vào nhà giam. Khổng Tử biết Công Dã Tràng là người ngay thật, đi minh oan cho ông, nhưng Lỗ công cũng không tha. Khổng Tử than rằng: - "Ở chốn cùm trói, lẽ đâu không có người ngay mắc nạn".

Không bao lâu con chim ấy lại bay tới nhà ngục kêu rằng: - "Công Dã

Tràng! Công Dã Tràng! Người nước Tề đem binh sang! Sông Nghi-thủy ở đầu đàng, kíp ngăn ngừa chớ nguy nan!". Công Dã Tràng bèn nói lại với người cai ngục phi báo cho Lỗ công biết. Lỗ công sai quân đi do thám quả có quân Tề sắp sang đánh. Lỗ công mới biết Dã Tràng bị tội oan, bèn thả cho ông, cấp cho nhiều tiền bạc. Lại phong cho ông làm đại phu, nhưng Công Dã Tràng cho là nhờ chim mới được làm quan nên không chịu nhận[6].

Hoàng Khản giải rằng: Công Dã Tràng là người biết được tiếng chim. Một hôm từ nước Vệ trở về Lỗ thấy một bà già đứng bên đường khóc, ông hỏi vì sao mà khóc thì bà ta nói: - "Tôi đợi con tôi mãi mà không thấy nó về". Công Dã Tràng mách: - "Tôi mới nghe một bầy chim gọi nhau sang làng kia ăn thịt người, vậy có lẽ là con bà đó chăng?".

Người đàn bà liền sang làng ấy tìm con thì quả nhiên có thật. Bà ta kiện quan, cáo Công Dã Tràng vào tội giết người. Dã Tràng kêu oan, quan không nghe, tống giam và hện rằng: - "Nếu cho quan trên thấy chứng cứ, đúng sẽ tha".

Công Dã Tràng ở trong ngục được 60 ngày. Một hôm ông nghe trên mái nhà có bầy hoàng tước nói với nhau chiu chít. Ông cười âm lên. Chủ ngục hỏi vì sao mà cười. Dã Tràng đáp: - "Tôi nghe chúng nói: Bên bến Bạch-lưu, có xe chở lúa, trâu nọ gãy sừng, lúa đổ tóe loe. Họ hốt còn dư, ta đi ăn chừ". Chủ ngục tới nói thấy quả như thế bèn báo với quan. Quan tha bổng cho Dã Tràng.

Về Sự tích con dã tràng, người Nghệ-an cũng kể như trên kia, trừ một vài chi tiết hơi khác, ví dụ lúc ông bị giam, không phải nghe chim sẽ nói chuyện mà nghe một bầy kiến nói với nhau về cái tin kho lúa đổ.

Về chỗ tựa báo tin cho Dã Tràng có thịt dê có một đoạn văn vắn:

Ông Dã Tràng, ông Dã Tràng,

Có dê chết bên sông nằm dọc đàng.

Ông ra đem về ông ăn lấy thịt, cho tôi cái nội tràng.

Cho vôi vàng! Cho vôi vàng! [7].

Theo sưu tầm của Lãng-dờ (Landes), thì nội dung truyện Người hiểu tiếng loài vật chỉ là phần đầu của truyện Sự tích con dã tràng nói trên, nhưng có thêm một đoạn như sau:

Sau khi làm chủ viên ngọc do rấn chồng tặng, anh chàng (ở đây không nói tên Dã Tràng) bỗng hiểu được tiếng loài vật, như chim, kiến và các thú vật khác... Anh không dám nói sự thật với vợ vì nếu nói thì viên ngọc sẽ biến mất. Một hôm, người vợ đang ngồi ở góc nhà, anh nghe những con kiến nói với nhau: - "Sắp có trận lụt, phải lên cao mà ở mới được". Thấy chồng cười một mình, vợ gặng hỏi lý do. Chồng nhất định không nói. Vợ giận quá mà chết. Chồng buồn vì cái chết của vợ mới đến nhà bạn chơi cho khuây khỏa[8].

Nguyễn Văn Tố[9] và Bô-trô Rút-xen (Botreau Roussel)[10] đã kể ra một số dị bản của truyện trên như sau:

Truyện của người Lào: Ông vua hiểu tiếng loài vật: Vua Kê-cay-a một hôm đi qua bờ ao thấy con gái của vua Thủy tề (Na-ga-ray-a) tắm tịu với một con rấn nước. Tức mình vua giết chết con rấn và quật cho cô gái mấy gậy vào lưng. Cô gái về khóc lóc với cha. Vua Thủy tề nổi giận, chạy đến định tìm giết kẻ thù, nhưng khi đang rình ở cung vua Kê-cay-a thì bỗng nghe vua kể lại cho hoàng hậu chuyện ông ta gặp con gái mình tình tự với rấn, chuyện nhà vua tự tay giết rấn và đánh công chúa như thế nào. Vua Thủy tề bèn quay về hỏi lại con gái. Cô này thú thật. Thế là đổi giận thành mừng, vua Thủy tề liền tìm đến cung vua Kê-cay-a lần nữa dưới dạng một người bà-la-môn, hỏi vua mong ước gì thì giúp. Vua Kê-cay-a chỉ muốn biết tiếng loài vật. Vua Thủy tề sẵn lòng truyền cho phép lạ nhưng dặn chớ hở cho ai biết, nếu không thì chết tức khắc.

Một hôm vua Kê-cay-a sai đặt ngai vàng trên một cái nền nện chặt trát kín, bỗng nghe một lũ kiến trong nền nói vọng ra: - "Hãy hợp sức nhau lật đổ cái ngai của tên vua này!". Vua cười một mình. Hoàng hậu hỏi vì sao có cái cười bất thường. Vua không nói. Hoàng hậu vật nài mãi. Vua bảo nếu nói ra thì chết mất. Hoàng hậu bảo nếu không chịu nói thì mình cũng chết. Vua đành hứa sẽ nói trong một dịp tới.

Một hôm khác vua đang đi chơi gặp hai vợ chồng con dê. Dê vợ bảo dê chồng lội ra giữa ao lấy cho mình một ít cỏ non, nếu không thì chết. Dê chồng mắng ngay: - "Tao chả dại chết đuối trong ao sâu. Mụ cứ chết đi có hơn không. Tao có ngu ngốc như lão vua kia đâu mà cứ chiều vợ đến hy sinh tính mạng vô lý như thế".

Nghe nói vậy, vua Kê-cay-a trở về đuổi vợ vào rừng[11].

Trong Kinh tam tạng có truyện tương tự:

Ngày xưa con gái Long vương đi chơi trên trần bị một người chẵn bò trói đánh. Vua nước ấy bắt gặp, sai cởi trói thả về. Về nhà, Long vương hỏi con gái tại sao lại khóc. Cô gái vu cho vua trên trần đánh. Long vương bèn hóa thành rắn tìm lên trần, nấp dưới giường vua, bỗng nghe vua nói với vợ: - "Hôm nay ta đi chơi gặp một cô gái bị đũa chẵn bò đánh, được ta giải thoát cho".

Ngày hôm sau, dưới lốt người, Long vương đến gặp vua trần nói: - Ông đã làm một việc tốt là cứu con gái tôi. Nay ông muốn gì tôi sẽ cho nấy". Vua nói: - "Vật quý tôi đã có nhiều. Tôi chỉ muốn hiểu tiếng loài vật" - "Ông cứ trai giới trong 7 ngày sẽ được như ý. Nhưng phải giữ kín đừng cho ai biết". Từ đấy, vua trần quả nghe hiểu được tiếng muôn loài.

Một hôm đang ăn với hoàng hậu, vua trông thấy bướm cái bảo bướm đực kiếm cho nó thức ăn. Bướm đực trả lời ai kiếm nấy ăn. Bướm cái nói: bụng nó không muốn thế. Vua cười một mình. Hoàng hậu hỏi, vua nín lặng. Một lần khác, vua ngồi với hoàng hậu thấy hai con bướm gặp nhau, cãi nhau và cả hai đánh nhau rơi xuống đất. Vua lại cười. Hoàng hậu hỏi đến ba lần, vua đều không nói. Nhưng khi hoàng hậu dọa sẽ tự vẫn, thì vua đành bảo chờ mình đi dạo một lát rồi sẽ cho biết vì sao mà cười.

Để cảnh tỉnh vua trần, Long vương hóa thành một bầy dê lội sông. Một con dê cái gọi chồng trở lại đưa mình đi. Dê chồng nói không thể đưa được. Dê vợ cũng đòi tự tử và nói: - "Anh không biết có ông vua trước kia sắp chết vì vợ mình đó ư?". Dê chồng đáp: - "Ông vua ấy chết cho vợ là vì hấn ngốc. Mà cứ chết đi, ta không thiếu gì dê cái". Vua trần nghe nói thế, tự nghĩ mình thua sự sáng suốt của con dê đực. Lúc trở về hoàng hậu lại vật vã đòi tự tử. Vua đáp: - "Cứ chết đi, trong cung ta thiếu gì cung phi, cần gì một thứ mày"[12].

Truyện của Pháp: Con gà trống dũng cảm:

Một anh chàng nghèo khổ nhưng hay giúp người. Nhà anh chỉ có hai con cừu anh thường chăn trên đồi. Một hôm, anh đuổi theo đánh chết một con chó sói giành lại con cừu cho một cô gái chẵn cừu. Cô gái cảm ơn và tặng anh một con chó. Hôm khác, nhờ có anh báo tin báo kịp thời cho bố cô gái chẵn cừu nên ông cất đặt được gợn rơm rạ đang phơi. Ông ta khen anh và tặng một con gà trống. Hôm khác nữa, anh lại cứu một con rắn ra khỏi đống lửa. Rắn bảo anh đưa nó về nhà và dặn khi mẹ nó đến ơn thì cứ đòi biết tiếng loài vật. Mẹ rắn cho anh phép lạ ấy bằng cách thổi vào miệng và dặn anh chó có tiết lộ bí mật mà chết.

Sáng hôm sau, anh nghe hai con vật nói nhau: - "Nếu anh chẵn cừu kia biết có gì dưới chân mình thì anh ta sẽ đào ngay". Anh mượn cuộc đào thử thì được một thùng vàng. Từ đấy, anh trở nên giàu có, mua ruộng đất, làm nhà cửa, v.v... Lại mua trăm con cừu cho chó đi chăn, và một trăm gà mái cho gà trống cai quản. Anh lại hỏi cô gái chẵn cừu nói trên làm vợ, và anh yêu vợ rất mực.

Một buổi chiều, anh cùng vợ đi xa về, con ngựa cái do vợ anh cưỡi đi chậm lại sau. Ngựa đực nói: - "Sao không đi nhanh, tao mà là bà chủ thì tao thúc mày" - "Tôi chở bà chủ mà tôi lại có đứa con trong bụng, đi nhanh sao được". Anh cười. Vợ hỏi: - "Sao lại cười". - "Đang nghĩ đến một chuyện" - "Chuyện gì?" - "Không thể nói được!". Vợ làm nũng. Anh lại nghe ngựa cái nói với ngựa đực: - "Mày chưa biết con ta đã lớn tướng rồi ư?! Nếu nó mà chạy được thì nó vượt xa mẹ nó". Anh cười to hơn trước. Vợ anh nổi cáu đòi bỏ chồng nếu chồng không chịu nói thật với mình. Chồng đáp: - "Điều này là điều cấm đối với tôi!" - "Anh hãy nói cho tôi biết đi!" - "Nếu nói thì tôi chết ngay" - "Hoặc anh nói cho tôi biết, hoặc tôi trả nhẫn cưới cho anh". Cuối cùng anh hứa sẽ nói cho vợ biết chuyện bí mật của mình khi về nhà.

Về đến nhà, anh bảo người nhà mang ra một cái hòm thừa sẵn như một cái áo quan. Anh nằm vào hòm rồi nói: - "Mình hãy nghĩ lại, tôi nói ra thì chết, vậy có đòi nói nữa không?" Vợ đáp: - "Không nói gì thì tôi sẽ đi". Theo phong tục, khi chủ sắp chết, người quản gia đặt vào tay chủ một cái bánh và một đồng xu. Mọi người hầu hạ trong nhà vây quanh lấy anh khóc âm ỹ. Chó và gà cũng ở trong số đó. Nhưng gà đáng lý khóc thì lại gáy to. Chó nói: - "Sao chủ ta đã như thế mà mày còn rống âm lên được?". Đáp: - "Vì chủ ta dốt nát nên tao muốn nói cho ông ta tỉnh ngộ" - "Mày định nói gì với ông ấy?" Gà nhảy tới mổ miếng bánh trên tay chủ, rồi nói: - "Tao có một trăm con gà mái ở quanh tao, ấy thế mà không một con nào dám ăn một hạt nếu tao không cho phép".

Nghe đến đây, anh lập tức ngồi nhổm dậy bước ra khỏi thùng, tháo cán chửi cho vợ một trận nên thân. - "Anh làm gì thế?" vợ nói - "Này, muốn biết ta cười gì này!"

Từ đó vợ anh không tò mò nữa, và làm việc lại hăng hơn trước[13].

Người Pháp ở Lo-ren (Lorraine) kể chuyện trên, dưới đầu đề Tiếng nói loài vật:

Một người chăn cừu một hôm nằm dưới gốc cây thấy một con rắn nhờ mang mình lên rừng cho vua thú vật rồi muốn gì có nấy. Hắn giúp xong, chỉ xin biết tiếng loài vật. Hắn quả được như ý, và lại dặn: - "Tuyệt đối chớ lộ bí mật, nếu lộ là chết". Đêm lại, đang ngủ, bỗng nghe phía ngoài có con chó sói đang dỗ hai con chó nhà, hứa sẽ chia phần nếu để cho mình vào chuồng cừu. Một con bằng lòng, một con không. Hắn dậy giết chết con chó phản chủ. Hôm khác, hắn thấy một con điều mách cho một con quạ chỗ chôn một thùng vàng. Hắn qua đào được vàng, bèn về trả cừu cho chủ không chăn nữa, tiếp đó hỏi con gái của chủ làm vợ.

Một hôm, hai vợ chồng cưỡi ngựa đi thăm người cô ở làng bên cạnh. Hắn nghe hai con vật nói với nhau, một con nói: - "Mày hẳn là nặng nề vì mụ cưỡi mày có mang". Hắn phì cười. Thấy thế vợ hắn gặng hỏi, hỏi không được thì kêu gào khóc lóc. Cuối cùng hắn nói: - "Nếu nói thì tôi chết mất. Thôi hãy đợi ba ngày nữa để tôi đi từ giã bà con đã rồi sẽ nói cho biết". Ba ngày qua, trong khi hắn uống chén rượu cuối cùng với một người bạn thì một đàn gà trống bay đến cửa

sò gáy lên: - "Nếu chủ nghe ta thì không chết". Kết cục, hấn nghe lời của đàn gà không cần giữ lời hứa trước, và vợ hấn cũng không dám gặng hỏi nữa[14].

Truyện Người hiểu tiếng loài vật của người da đen ở Goa-đờ-lúp (Goadeloupe):

Có một người nghèo nhưng sống hiền lành. Một hôm anh cứu sống một con rắn ngắc ngoải về nạn cháy rừng. Được sống lại, rắn cảm ơn anh và bảo: - "Anh hãy liếm lưỡi tôi thì sẽ được truyền một phép màu là hiểu tiếng loài vật. Nhưng nếu anh nói với người khác thì sẽ chết ngay". Anh làm theo.

Sau đó anh lấy vợ. Một hôm, cùng vợ ngồi trên một hòn đá ở bờ sông, nghe hai con chuột nói với nhau: - "Hai người này không biết rằng họ đang ngồi trên một kho vàng mà một nhà nào đó ông con cũng không thể ăn hết được".

Anh cười một mình, vợ hỏi không được, giận bỏ đi tắm sông. Trong khi đó có hai con dơi nói với nhau: - "Nếu hai người này biết rằng có một luồng nước sắp đổ tới thì họ sẽ không tắm". Chồng vội bảo vợ lên ngay. Vợ vừa lên thì nước sông dâng cao làm trôi hòn đá ngồi lúc nãy. Tuy vậy, vợ cũng không nguôi giận. Dọc đường vợ bảo: - "Nếu anh không nói, tôi bỏ về cho mà xem". Chồng không đáp. Trong khi đó nghe hai con ngựa nói chuyện với nhau, chồng lại cười làm cho vợ càng thêm giận dữ. Đến nhà, vợ khóc lăn giữa đất và gào lên: - "Mày muốn tao chết, tao đi đây!". Chồng dỗ dành: - "Nếu tôi nói thì tôi sẽ chết mất". Vợ vẫn không nguôi giận, chồng định nói sự thật, mới đi tìm một cái áo quan. Nhưng đúng vào lúc anh sắp nằm vào áo quan, bỗng nghe con chó nói: - "Chủ ta sắp chết vì con mụ ấy". Gà trống đáp: - "Kệ lão ấy. Nếu tôi mà là lão ấy thì tôi sẽ tống tiễn vợ bằng một trận mưa gậy vào lưng, rồi tôi lấy vợ khác".

Nghe thế, anh chàng hiểu tiếng loài vật liền ngồi dậy cầm gậy phang cho vợ một trận đòn dữ dội rồi tống ra khỏi cửa. Anh đi kiếm kho vàng dưới hòn đá chỗ hai con chuột nói lúc nãy, và từ đấy anh giàu có đến nỗi có nhiều người đàn bà chạy theo mình[15].

Có khá nhiều truyện khác tương tự các truyện trên, nổi bật là tình tiết người chồng biết tiếng thú vật nhưng nếu nói ra thì chết và người vợ không nén được tò mò như: truyện Ha-ri-vam-xa của đạo Bà-la-môn (vua Bra-ma-đát-ta hiểu tiếng loài vật không nói cho hoàng hậu biết); truyện mở đầu bộ Nghìn lẻ một đêm (con lừa, con bò và người cày ruộng), truyện Bác-lam và Jô-da-phát; truyện Nang Tang-traí của Thái-lan; hay truyện của người Lô-bi (Lobis) châu Phi (ở đây, người chồng biết tiếng loài vật vì thỏa mãn tính tò mò của vợ, nên bị chết[16]).

Còn có một loạt truyện khác cũng có nhân vật biết tiếng loài vật do ngẫu nhiên ăn được một món ăn thiêng. Ví dụ truyện của các dân tộc ở Xcăng-đi-na-vơ (Scandinave) trong Et-đát (Eddas) có nói đến một nhân vật anh hùng là Xi-gua giết một con rồng nấu tim ăn và uống máu của nó, liền đó hiểu được những lời trò chuyện giữa hai con quạ. Hoặc biết tiếng loài vật bằng con đường tiếp thu môn học về tiếng loài vật ở nhà trường. Sau đây là một truyện của người Ma-rốc (Maroc) Tiếng loài chim:

Một người lái buôn giàu có ở Phe-dơ (Phez) không con, nhờ một pháp sư cho ăn một thứ quả loài cây lạ, người vợ liền có mang để được một con trai.

Ông ta cho con đi học. Con lên mười ông mang đến đất Thánh, nhưng đi qua một thành phố Ai-cập, thấy có một trường học dạy tiếng chim, ông bèn để con lại học với một số vàng, định lúc trở về sẽ lại đón con về. Nhưng khi người bố trở về thì lạc đường, không đón được. Mấy năm sau, ông mới lại đi tìm thì con mình đã tinh thông tiếng chim, và đang thay thầy giáo dạy tiếng chim ở trường. Bố đưa con đi tàu về quê. Giữa đường, thấy có ba con chim trò chuyện với nhau, người bố hỏi con xem chúng nói gì. Con không trả lời. Mọi người chế nhạo. Mãi sau nài mãi, con mới cho biết: - "Nó bảo con ngày sau sẽ làm vua còn bố thì làm phu khuân vác". Bố giận đẽ bụng, một đêm nọ nhân lúc con ngủ say bèn bỏ hòm đem thả xuống biển, nhưng khi bố về đến nhà thì nhà cháy, hai vợ chồng tay trắng phải đi làm thuê kiếm ăn rất vất vả. Trong khi đó, anh chàng biết tiếng chim được một người đánh cá nước nọ vớt lên nuôi làm con nuôi. Anh đánh bạn với con một viên quan án nước ấy. Vua nước ấy lúc đó bị ba con chim đến kêu quang quác suốt ngày, đuổi mấy cũng không đi. Vua sai các quan đại thần giải thích lý do, hứa ai trả lời được thì chia cho nửa nước, không thì chặt đầu. Đến lượt quan án phải giải thích. Cả nhà buồn rầu khóc lóc vì biết sẽ bị vua xử tử. Thấy bạn buồn và khi biết lý do, anh chàng xin phép vào giảng giải thay quan án. Anh nói với vua: - "Trong ba con chim này, có một con trống ở xứ Đông, một con trống ở xứ Tây. Con mái vốn là vợ con xứ Tây nhưng vừa qua vì chồng đi vắng lâu ngày, nó đã theo con xứ Đông. Bây giờ con xứ Tây mới trở về, nên cả ba đến xin vua phân xử". Vua chưa biết nên phân xử thế nào, bèn nhờ chàng biết tiếng chim xử hộ. Anh bảo hai con trống bay về hai phía, rồi bảo con mái hãy đi theo con nào mình thích. Con mái lại theo con trống xứ Tây.

Thấy phải mất một nửa nước vì một việc quá đơn giản như vậy, vua có ý lật lọng. Anh chàng bèn ra giữa sân gọi mấy tiếng, chim bay tới hăng hà sa số kêu ầm ỹ ở sân rồng. Vua hoảng sợ, đành làm theo lời hứa. Sau khi vua chết, anh lên nối ngôi. Khi ông vua trẻ bắt phu chở củi đến cung điện để đốt sưởi mùa đông thì người bố cũng ở trong số những phu vác củi. Con nhận ra cha, bèn bảo cha đưa mẹ - bấy giờ làm thợ giặt - đến hoàng cung cùng hưởng phú quý với bố mẹ nuôi[17].

Tóm lại, truyện Sự tích con dã tràng của ta có thể bắt nguồn từ loạt truyện

Người hiểu tiếng loài vật kết hợp với truyện Công Dã Tràng gốc từ Trung-quốc để chuyển thành một truyện mới khá lý thú.

[1] Theo báo Tân văn (1935).

[2] Câu này ở Nam-bộ có người đọc: Sóng ba đào ai xét công cho.

[3] Đoạn này theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

- [4] Theo Trương Vĩnh Ký. Chuyện đời xưa, truyện Nhơn vật đạo đồng.
- [5] Về Con cua
- [6] Theo Paulus Của. Chuyện giải buồn.
- [7] Bản khai của thôn Hương-dương.
- [8] Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn. Theo sưu tầm của Nguyễn Văn Tố thì truyện còn có thêm một đoạn nữa là khi đến nhà bạn, bạn định làm thịt ngỗng đãi anh, nhưng vì nghe tiếng vợ chồng ngỗng than thở nên anh cố chối từ, vì thế ngỗng không bị đưa làm thịt. Cho nên khi anh chết lũ ngỗng để trở có cái mào trắng trên đầu (Một truyện kể của cổ tích Người hiểu tiếng loài vật trong tập san của Hội Đông-dương nghiên cứu về con người (IIEH) tập VI, 1943).
- [9] Một truyện kể của cổ tích Người hiểu tiếng loài vật, đã dẫn.
- [10] Người hiểu tiếng loài vật (cổ tích Lào và cổ tích Goa-đơ-lúp (Goadeloupe) xuất phát từ Năm sách dạy trẻ (Panchatantra) Ấn-độ) trong IIEH, đã dẫn.
- [11] Truyện này từ sách Năm sách dạy trẻ (Panchatantra) của Ấn-độ truyền vào Lào.
- [12] Sa-van (Chavanes). Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung-quốc.
- [13] Theo Pua-ra (Pourra). Kho tàng truyện cổ tích, quyển III.
- [14] Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tơ-ne-dơ (Tenèze). Truyện cổ dân gian Pháp, quyển II.
- [15] Bô-trô Rút- xen (Botreau - Roussel). Bài đã dẫn.
- [16] Xem thêm các dị bản truyện Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán số 48, tập II.
- [17] Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi), và Đéc-men-ghem (Dermenghem). Sách đã dẫn.

Gốc Tích Bánh Chưng Và Bánh Dầy

Ngày đó vua Hùng trị vì đất nước. Vua tuổi đã già, ngồi trên ngai vàng đang đăng đã bao nhiêu năm. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý định chọn một người nối ngôi. Các bà vợ của vua sinh được cả thảy hai mươi người con trai. Họ đều khôn lớn cả. Vua nghĩ: - "Kể về tài cũng có nhiều đứa trội. Nhưng chính vì thế mà cần phải lựa chọn cẩn thận. Nhất là phải làm thế nào cho chúng nó không tranh giành nhau". Đây là điều vua thường bận tâm nhất. Cuối cùng, nhờ có viên quan hầu bàn kế, vua mới quyết định mở một cuộc thi để căn cứ vào đó mà kén chọn.

Vua Hùng bèn cho hội họp tất cả các hoàng tử lại. Khi họ đã về đông đủ, vua bảo:

- Cha biết mình đã gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con cố kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người ấy.

Nghe vua cha phán bảo thế, bọn hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm thức ăn quý. Họ lần mò thôi thì trên ngàn dưới biển không sót nơi nào. Bất kỳ thứ gì nghe nói là ngon và lạ họ đều cố tìm bằng được.

Trong số hai mươi hai hoàng tử có Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Vì thuở nhỏ mồ côi mẹ nên Liêu từng sống những ngày cô đơn. Trong khi các hoàng tử khác chạy vạy đi tìm vật lạ, thì Liêu nằm khểnh ở nhà. Chẳng có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ hạn thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm ấy Liêu nằm gác tay lên trán nhớ lại tất cả những bữa ăn ngon xưa này chàng đã được tới dự. Liêu suy nghĩ mãi và ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi một anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có một gian nhà nhỏ mà vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Liêu chưa biết nên bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị thần nữ từ trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo: "To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, còn quý báu nhất trần gian không gì quý bằng gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi ít đậu". Tự nhiên Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: - "Bánh này tượng trưng đất. Đất có cây, có đồng ruộng núi rừng thì màu cũng phải xanh xanh hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trưng trời: màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời..."

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dự thi là một ngày náo nhiệt ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Dân chúng mọi miền đều náo nức về dự một cái Tết tượng bưng ít có: mở đầu bằng cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ dâng quang của vua mới. Đúng vào lúc mặt trời mọc thì vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống cờ quạt tượng bưng rộn tai nhức mắt mọi người. Tất cả đều ngong ngóng trông chờ lúc các vị giám khảo bình giá các món ăn.

Và giờ phút mong đợi đã đến. Tất cả những món "nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê v.v..." của các hoàng tử đều không bằng hai thứ bánh quê mùa của Liêu. Khi mọi người thoạt nhìn thấy cỗ của chàng số đông đều lắc đầu bĩu môi, vẻ chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong, họ bỗng đổi hẳn thái độ, không ai không gật gù tán thưởng. Ông Lạc tướng xoa tay: - "Đây là một thứ hương vị khác thường làm từ những cái tầm thường". Riêng vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên về miếng bánh lạ vừa ăn. Nhà vua lật lên lật xuống ngắm nghía kỹ càng những tấm bánh khác chưa bóc. Vua cho đòi Liêu điện, hỏi cách thức làm bánh thế nào. Hoàng tử cứ thưa tâu lên, không quên nhắc lại giấc mộng lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trịnh trọng ban bố kết quả với các con: Hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và nói rõ cái căn cứ khiến cho mình chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Vua nói:

- Nó chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn trọng cha mẹ như trời đất, nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của Trời Đất, nhưng mà những hạt ngọc ấy mọi người đều từ làm ra được. Phải là người có tài mới nghĩ được một loại bánh như vậy...

Từ đó thành tục lệ hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó và gọi là bánh chưng bánh dày để thờ cúng gia tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ mười bảy. Lần đó có nhiều hoàng tử hồng thi sinh ra ganh ghét, ác cảm với Lang Liêu. Cho nên sau khi vua cha mất, người nào người ấy giữ chặt lấy đất của mình. Họ làm hàng rào gỗ xung quanh vùng mình ở để làm kế cố thủ, có ý tranh nhau với Tiết Liêu Vương[1].

Sự Tích Hồ Gươm

Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam-sơn nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác, Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy ở Thanh-hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ. Thận thả lưới ở một bến vắng như thường. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nặng nặng, trong bụng mừng thầm chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá. Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vớt luôn xuống nước rồi lại thả câu ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba vẫn là thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận ghé mũi lửa lại nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một mình:

- Ha ha! Một lưới gươm!

Thận về sau gia nhập quân đoàn khởi nghĩa Lam-sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử ở nơi trận mạc để diệt lũ cướp nước. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở một xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi đến gần cầm lấy xem và nhận ra chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưới. Song tất cả mọi người đều không biết đó là báu vật.

Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngã. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy ánh sáng trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưới gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi gươm giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưởi vào với chuôi thì kỳ lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:

- Đây là thần có ý phó thác cho "minh công" làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo "minh công" và thanh gươm thần này để báo đền xã tắc!

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành trên mọi trận địa và làm cho quân Minh bạt vía. Chẳng mấy chốc tiếng tăm của quân Lam-sơn lan khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng nữa mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương thực của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước.

Sau khi đuổi giặc Minh về được một năm, ngày hôm ấy Lê Lợi - bấy giờ đã là một vị thiên tử - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả-vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền chèo ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưởi gươm đeo bên mình cũng đang cử động. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:

- Bệ hạ hoàn gươm cho Long quân!

Nghe nói thế nhà vua bỗng hiểu ra bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao. Chỉ một lát thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy ngang lưởi. Cho đến khi gươm và rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vệt sáng le lói dưôi mặt nước hồ xanh.

Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:

- Đức Long quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai rùa lấy lại.

Và từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn-kiếm.

KHẢO DỊ

Người Thượng ở Tây-nguyên truyền khả nhiều về gươm thần. Tựu trung có bốn truyện có phần nào giống với truyện trên.

1. Trong một chuyến đi chơi xa, Po-thê bị bão đắm thuyền, may gặp vào một hòn đảo khỏi chết. Trên đảo có một cây sung (ha-ra), thường vẫn có một đàn

lợn từ biển xa đến ăn quả rụng. Đàn lợn đi trên mặt biển dễ dàng nhờ có một viên đá thần (a-tao) do con lợn chúa đàn ngậm ở mồm. Nhờ có Pơ-tao O-la (vua Lười) mách cho việc đó. Pô-thê tìm cách chiếm lấy viên đá thần, khi con lợn chúa đàn đặt đá xuống gốc cây để ăn, Được đá thần, Pô-thê trở về đất liền gặp một chàng trai có quả cây thần (pô-quy) có thể làm ra mưa gió. Sau đó lại gặp một người khác có sợi dây (tơ-lây ca-a-san) gọi thì nó trói người và một cái gậy (a-cai-tha) gọi thì nó đánh người. Lại gặp một người khác có hòn đá (pôn-rô-tan pôn-rô-lo) có thể hóa thành ngàn quân và một cái roi mây (a-tơ-rê-nông) có thể làm cho trời đất mù mịt tối tăm. Pô-thê bèn kết thân với người ấy.

Sau đó, họ đến bờ một con sông lớn. Ở đây có đủ mặt vua các dân tộc như: Chàm, Khơ-me (Khmer), Việt-nam, Lào, Ê-đê, Ja-rai (Djarai).v.v... Họ đang bận lặn xuống nước để mò một thanh gương thần. Gương ấy từ trên trời rơi xuống, đến đâu sáng chói khắp cả bầu trời tới đó. Lúc ấy tuy gương còn nằm trong vỏ nhưng mà ánh sáng của nó vẫn sáng rực đáy sông. Tuy lặn giỏi, nhưng đáy sông sâu thành vực, họ chỉ lặn xuống nước được một lúc rồi lại phải lên ngay, vì thế nhiều người lên tay không. Về sau chỉ có vua nước Chàm chiếm được lưỡi gương đưa lên mặt nước.

Nhưng vua Chàm vừa lên tới bờ thì Pô-thê đã nhanh tay cướp lấy gương thần trao cho vua Ja-rai. Giữa lúc đó thì vua Khơ-me cũng mò được vỏ gương đưa về nước họ. Cuộc mò gương đến đây là kết liễu.

Tức mình vì mất gương, người Chàm bèn gây một cuộc chiến tranh dữ dội với người Ja-rai bao nhiêu năm tháng. Họ kéo quân đến nước Ja-rai phá làng mạc, giết người, cướp của. Pô-thê nhờ có hòn đá, quả cây, sợi dây và cái gậy có phép màu nhiệm chiếm được trong lúc đi đường, nên đủ sức giúp người Ja-rai chống chọi lại với địch thủ. Nhưng phép thần của người Chàm cũng rất cao cường. Họ làm cho cuộc chiến tranh ngày càng kịch liệt. Cả hai bên đều chưa phân thắng bại.

Pô-thê bèn sai giết một con trâu trắng và một con trâu đen làm lễ cúng lưỡi gương thần rồi nói: "Hỡi gương thiêng! Hãy tỏ sự linh dị ra để theo về với một bên cho dứt khoát!". Đoạn cầm gương thần vào tay. Pô-thê xông vào giữa quân Chàm. Lưỡi gương tự nhiên khi phun ra lửa, khi dâng đầy nước, làm cho người Chàm hoặc bị chết cháy hoặc bị chết đuối không sao kể xiết. Pô-thê lại dùng roi làm phép làm cho trời đất tối tăm mù mịt khiến người Chàm chẳng biết đường nào mà trốn.

Sau khi trao lưỡi gương thần cho vua Lừa (Li Pa-tao)[1] Pô-thê ra đi, không quên dặn người Ja-rai phải luôn luôn kết hiếu với người Khơ-me là kẻ được trời giao cho nhiệm vụ giữ vỏ gương thần[2].

2. Truyện thứ hai của người Ja-rai (Djarai):

Có một vị thần ở trên trời xuống trần, ngồi ở một gò đất gần đường qua lại. Có một gia đình đi qua. Thần nhìn trừng trừng vào một đứa trẻ làm cho nó khóc mãi, ai dỗ cũng không nín. Bố mẹ đứa bé cầu xin thần làm cho nó nín. Thần

đòi một số sắt, bố mẹ lấy ra cho. Đứa bé quả nín. Một số gia đình khác đi qua gò, việc cũng diễn ra như vậy. Thế là thần đủ sắt rèn một cây gươm. Nhưng khi người thợ rèn xong gươm không chịu nguội. Người ấy bèn vớt xuống sông Xê-xan gần thác Y-a-li.

Ít lâu sau có một người đi câu câu được một con cua, càng cua có cặp một lưỡi gươm. Khi sắp sửa lấy thì cua thả ra, lưỡi gươm lại rơi xuống nước. Các làng xa gần nghe tin này đua nhau tới lặn để mò gươm. Một người tìm được, đó là người Ja-rai. Vở gươm do người Việt chiếm (có người nói về tay người Lào)[3].

Truyện trên dường như là phần đầu của một truyện khác, nội dung đại lược như sau:

Một lưỡi gươm thần do vua Chăm lặn lấy được từ dưới nước lên, giao cho vua Ja-rai vì vua Ja-rai là em của vua Chăm. Lưỡi gươm chỉ vào giặc, giặc tan, chỉ vào lụt, lụt cạn, chỉ vào trời hạn thì tự dưng có mưa. Trừ vua Lửa ra, người nào nhìn vào gươm cũng sẽ bị tan xương nát thịt. Cây gươm thần được lưu truyền mãi và đã nhiều lần cứu vớt người Ja-rai ra khỏi vùng thiên tai nhân họa cho tới đời ông Tú, một trong những vua Lửa. Trong khi ông đưa gươm ra chống giặc thì bất tình linh lưỡi gươm tự lìa khỏi chuôi và văng xuống sông. Lưỡi gươm trôi về miền xuôi, người Việt giữ được. Giữa lúc đó thì giặc xâm lăng tới. Không có gươm thần, người Ja-lai đành chịu làm tôi cho giặc[4].

3. Truyện thứ ba của người Ba-na (Bahnar):

Dô-dăm Xét bị quỷ Hơ-manh bắt mất vợ và em gái, chưa biết làm thế nào để báo thù, Một hôm, anh lên rừng bỗng thấy trên cây cao có ánh sáng lạ lấp lánh: đó là một cây gươm và một cái khiên bằng vàng. Nhưng khi anh giơ tay lấy những vật trên thì không thể nào nhấc ra khỏi cây được. Theo lời những người già, anh giết dê làm lễ cúng, thần mới cho gươm và khiên. Khi cầm vào tay múa, chiếc khiên bỗng bay vụt lơ lửng giữa không trung, anh nhảy ngay lên khiên, khiên bay lên vùn vụt, sau đó nó đưa anh lên tận sông Ngân-hà đánh nhau với quỷ Hơ-manh. Cuối cùng anh giết chết quỷ cứu được em và vợ về[5].

4. Truyện thứ tư của người Mơ-nông (Menon) là một dị bản của truyện Tiêu diệt măng xà (xem truyện 148, tập IV)

Xưa ở vùng người Mơ-nông có hai anh em tên là Pơ-rang và Dang. Một hôm Dang tìm được một hòn đá thiêng có thể ném chết bất cứ con vật gì. Thuở ấy có một con rồng thường hại người, buộc dân trong vùng phải đến kỳ nộp một mạng người mới không quấy nhiễu. Lần ấy đến lượt con gái vua là Nê-ang Pu phải nộp mạng. Nhưng Dang đã dùng hòn đá rèn thành gươm giết được rồng. Lập công xong anh dặn Nê-ang Pu đừng nói với ai rồi trốn về nhà song lại bỏ quên bao gươm lại. Tìm không ra dũng sĩ giết rồng, vua ra lệnh đem so gươm của mọi người, gươm ai bỏ vừa lọt cái bao do dũng sĩ để lại thì coi như người ấy là dũng sĩ. Không có gươm của ai vừa bao cả. Khi lính tìm đến nhà Dang, cả 200 người hè vào khiêng gươm của anh mà không nổi. Dang chỉ một tay cầm gươm lên như bõn. gươm bỏ vừa bao. Dang được vua gả con gái, sau đó

được làm vua. Bị các nước kéo nhau đến đánh. Dang thua, đi trốn, bỏ vỏ gươm ở nước người Khơ-me, cán ở Thái-lan, lưỡi ở người Ja-rai[6].

Đồng bào người Cham-pa cũng có một truyện cổ tích về lịch sử gươm thần. Truyện này được ghi chép từ thế kỷ III.

Phạm Văn nguyên là nô lệ chần súc vật của một viên súy huyện Tây- quyền thuộc Nhật-nam. Một hôm đưa dê đi uống nước ở khe. Văn bắt được hai con cá chép mang về định nấu ăn. Lúc sắp sửa nấu thì cá bỗng hóa thành đá nảy ra ánh sáng kỳ lạ. Văn mang đến thợ rèn, rèn thành gươm. Được gươm rồi, chàng đến trước một tảng đá khấn rằng: "Nếu chặt vỡ được tảng đá này thì ta sẽ làm vua". Tảng đá quả vỡ đôi trước nhát chém của cây gươm thần.

Rồi đó Văn xin đăng linh. Trận nào chàng cũng tỏ ra rất gan dạ và giết được nhiều giặc. Dần dần Văn được thăng chức và cuối cùng cướp ngôi Phạm Dật, làm vua nước Lâm-ấp. Chàng lại cử binh đánh các lân bang, mở rộng đất đai thành một nước lớn[7].

Truyện của người In-đô-nê-xi-a dưới đây cũng một mô-típ với các truyện trên, nhất là giống với truyện đầu của các vật ngẫu nhiên tìm được và lưỡi gươm thần:

Xưa ở In-đô-nê-xi-a mỗi một hòn đảo là một vương quốc.

Một ông vua muốn làm bá chủ, nghe nói hễ ai bắt được một con ngựa thần thì nó sẽ cho ngọc và nhờ đó có phép đi được trên mặt biển, bèn sai hoàng tử và mười võ sĩ vượt biển đi tìm. Hồi ấy có một chàng trai trẻ tuổi một hôm câu được một con cá xanh biếc bé bằng ngón tay. Cá hứa sẽ chỉ cho nơi có gươm thần vô địch và tặng cho ba vật lạ để được tha: một sợi dây có phép trói người, một cây gậy có phép đánh người nếu đọc lên câu chú, một cái nón nếu đội lên đầu thì trời tối sầm lại. Nhờ sợi dây, anh bắt được ngựa thần theo mình và bảo nó nhả ngọc quý. Ngựa còn mách cho anh có ba vật quý khác: 1. dưới đáy sông ở kinh đô một nước lớn nhất có một lưỡi gươm; 2. trên đỉnh núi cao nhất ở nước lớn thứ nhì có một chuỗi gươm; 3. giữa cánh rừng rậm ở nước lớn thứ ba có một vỏ gươm. Ba vật ấy để rời nhau thì không có gì lạ, nhưng lắp vào với nhau thì trở thành một sức mạnh vô địch.

Khi thuyền của hoàng tử và 10 võ sĩ vượt biển đến, anh chàng sai sợi dây trói hoàng tử lại, rồi tha cho bọn võ sĩ, bảo hãy trở về nước lặn lấy lưỡi gươm đưa đến sẽ trả hoàng tử. Bọn họ mang gươm đến cho anh. Anh tìm đến nước thứ hai và lúc một con quỷ xông ra và bị anh thần phục. Anh bảo quỷ tìm cho mình chuỗi gươm. Tìm được rồi, quỷ toan ăn thịt anh nhưng đã bị gậy thần đánh cho chết. Đến nước thứ ba, để lọt được vào khu rừng cấm có lính canh, anh đội nón cho trời tối mịt mùng, cuối cùng anh cũng tìm ra được vỏ gươm. Lắp cả ba thứ lại thì vừa như in.

Đến đây anh gặp tên vua hiếu chiến nó bắt anh dẫn đường đi chinh phục các nước. Anh gọi dây trói toàn bộ quân sĩ của vua lại, rồi bảo gậy đánh, lại đội nón

làm cho trời tối mù mịt tối tăm. Vua cả sợ xin tha tội, anh bảo quân sĩ của hắn vớt cha con hắn xuống biển rồi lên làm vua. Ông vua mới cho mời vua của tất cả các vương quốc khác đến kết nghĩa, đem chia lưỡi, chuôi và vỏ gươm thần cho ba nước khác nhau, dặn họ bao giờ có giặc ngoài đến xâm lược thì đem ba thức lắp làm một, rồi cứ một người trong ba nước thống lĩnh cầm quân đi đánh.

Ngày nay không ai rõ ba thứ ấy ở đâu cả, nhưng nước In-đô-nê-xi-a thì không ai chia cắt được[8].

Tóm lại truyện cổ tích nói về gươm thần liên quan đến việc bảo vệ đất nước dường như là một đề tài khá phổ biến của một loại hình tự sự dân gian ở một số dân tộc ở vùng Đông Nam Á.

[1] Tức trong sách cũ của ta gọi là Hỏa-xá.

[2] Theo sách Những dân mọi ở Đắc-lắc của Béc-na (Bernard).

[3] Theo Pháp Á tạp chí (1951).

[4] Theo lời kể của người Ja-rai.

[5] Theo Truyện cổ Ba-na, tập I, đã dẫn.

[6] Theo Mét-tơ-rơ (Maitre), Rừng Mọi.

[7] Theo Thủy kinh chú và Đại-nam chính biên liệt truyện.

[8] Theo Đinh Tú, Truyện cổ tích Nam-dương.

Sự Tích Đá Vọng Phu

Ngày xưa, có đôi vợ chồng nghèo sinh được hai mụn con: đứa lớn là trai mười một tuổi, đứa bé là gái lên sáu tuổi. Mỗi lần hai vợ chồng đi làm đồng hay đi đâu vắng, thường để hai con ở lại nhà, dặn anh trông nom em gái. Một hôm trước khi đi làm, người mẹ trao cho hai con một cây mía, bảo con lớn ở nhà chặt cho em ăn và đưa em đi chơi. Thường ngày mẹ vẫn nhắc:
- Con đừng làm em khóc, kéo cha về đánh chết nghe không!

Thằng anh đưa em ra sân cùng em trồng đá bẻ cây làm nhà làm cửa chơi với bạn bè quanh xóm. Chơi chán, anh đưa em vào nhà rồi tìm dao chặt mía. Không ngờ khi nó vừa giơ dao lên chặt, thì lưỡi dao sút cán văng vào đầu em. Cô bé ngã quay ra bất tỉnh nhân sự, máu đỏ lênh láng cả một vạt đất. Thấy thế thằng anh rất sợ, nghĩ bụng: - "Tội ta to lắm. Cha về đánh chết mất!". Thế rồi, anh bỏ em nằm sòng sọt ở giữa nhà mà trốn đi.

Cậu bé đi, đi mãi. Trên bước đường lưu lạc, hẳn ở nhà này ít lâu rồi bỏ đi đánh bạn với nhà khác. Trong hơn mười lăm năm, hẳn không biết mình đã đi những xứ nào, ăn cơm của bao nhiêu nhà. Cho đến lần cuối cùng, làm con nuôi một người đánh cá ở miền biển vùng Bình định. Nghề chài lưới giữ chân hẳn lại ở đây.

Ngày lại ngày nói nhau trôi qua. Rồi hẳn kết duyên cùng một người đàn bà. Vợ hẳn cũng thạo nghề đan lưới. Mỗi lúc thuyền của chồng về bãi, vợ nhận lấy phần cá của chồng, quảy ra chợ bán. Sau hai năm có được mụn con, hai vợ chồng cảm thấy sung sướng vô hạn.

Hôm ấy biển động, chồng nghỉ ở nhà vá lưới. Cơm trưa xong, vợ xõa tóc nhờ chồng bắt chấy. Đưa con đi chập chững trước sân nhà, bốc cát chơi một mình. Thấy vợ có một cái sẹo bằng đồng tiền ở trên tai bên phải, chồng lấy làm ngạc nhiên vì mấy lâu mái tóc đen của vợ đã hữu ý che kín cái sẹo không cho một người nào biết, trong số đó có cả chồng. Anh liền hỏi về lai lịch chiếc sẹo. Vợ vui miệng kể:

- Ngày đó cách đây hơn hai mươi năm, tôi mới bằng một tý đã biết gì đâu. Anh ruột của tôi chặt mía. Chao ôi! Cái mũi mác tai hại. Tôi ngất đi. Sau này, tôi mới biết, lúc đó hàng xóm đã đỡ tới cứu chữa rất lâu cho đến khi cha mẹ tôi về thì mới chạy tìm thầy tìm thuốc. May làm sao tôi vẫn sống để nhìn lại cha mẹ tôi. Nhưng tôi lại mất người anh ruột vì anh tôi sợ quá bỏ trốn. Cha mẹ tôi cố ý tìm tòi nhưng tuyệt không có tin gì. Rồi đó, cha mẹ tôi thương con buồn rầu quá: thành ra mang bệnh, kế tiếp nhau qua đời. Về phần tôi không có người nương tựa lại bị người ta lập mưu cướp hết của cải và đem tôi đi bán cho thuyền buôn. Tôi không ở yên một nơi nào; nay đây mai đó, cuối cùng đến đây gặp anh...

Sau lưng người vợ, nét mặt của chồng từng lúc mỗi biến sắc khi biết là lấy nhầm phải em ruột. Lòng người chồng càng bị vò xé vì tin cha mẹ, tin quê quán do vợ nói ra. Nhưng chồng vẫn cố ngăn cảm xúc của mình, gói kín sự bí mật đau lòng đó lại, không cho vợ biết.

Qua mấy ngày sau, sóng gió yên lặng. Nhưng lòng người đàn ông thì không thể nào yên lặng được nữa. Như thường lệ, hẳn lại chở lưới ra biển để đánh cá. Nhưng lần này một đi không bao giờ trở lại.

Người vợ ở nhà trông đợi chồng ngày một mỗi mòn. Tại sao sau khi đánh cá xong, giữa lúc đêm tối, mọi người đều cho thuyền trở về đất liền, thì chồng mình lại dong buồm đi biệt. Mà chồng mình là người chí thú làm ăn và rất thương con mến vợ. Thật là khó hiểu. Mỗi chiều, nàng lại bông con trèo lên hòn núi ở cửa biển, con mắt đăm đăm nhìn về phía chân trời mù mịt.

Ba tuần trắng qua. Rồi sáu... rồi chín tuần trắng. Tuy nước mắt bây giờ đã khô kiệt, nhưng người đàn bà vẫn không quên trèo núi trông chồng. Cái hình bóng ấy đối với dân làng thành ra quen thuộc. Về sau cả hai mẹ con đều hóa ra đá, trở thành hình bóng quen thuộc vĩnh viễn. Hòn đá ấy ngày nay vẫn còn trên

đỉnh núi ở bên cửa biển Đề-di, thuộc huyện Phù-cát, tỉnh Bình-định. Người ta vẫn gọi là đá Trông-chồng hay là đá Vọng-phu[1].

KHẢO DỊ

Loại truyện "đá Vọng-phu", hay nói một cách khác những truyện có đề tài anh em ruột lấy nhầm phải nhau thành vợ chồng, trong dân gian có khá nhiều, truyện này khác với truyện kia một ít chi tiết. Điều cần để ý là ở Việt-nam những núi đá có hình người dất con hay bông con mang tên là đá Vọng-phu, thì ngoài Bình-định ra còn có Lạng-sơn và Thanh-hóa[2]. Mỗi vùng đất có truyện lưu truyền: truyện ở vùng này có khác với vùng kia ít nhiều. Tuy nhiên chúng đều cùng một cốt truyện.

Ở Trung-quốc cũng có đá Vọng-phu trên một hòn núi phía Bắc Vũ-xương và núi Vọng-phu ở các tỉnh An-huy, Giang-tây và Sơn-tây. Sự tích đá Vọng-phu của Trung-quốc cũng tương tự với truyện Việt. Theo sách U minh lục thì có một người đàn bà chồng bị bắt lính và bị chết trận ở biên giới. Bà ta hàng ngày treo lên đỉnh núi trông đợi chồng về. Bà đợi mãi mỗi mòn con mắt và sau cùng chết hóa thành đá. Dưới đây là một số dị bản của truyện Sự tích đá vọng phu ở các địa phương Việt-nam.

1. Truyện Tô Thị vọng phu ở Lạng-sơn:

Ngày xưa, nhà họ Tô có hai người con: anh là trai lên mười, em là gái lên tám. Một hôm, nhân lúc cha mẹ vắng nhà, anh nhặt đá ném chim, không may trúng phải đầu em, máu chảy lênh láng. Thấy em ngất đi, anh chắc em chết, sợ quá trốn sang Trung-quốc. Qua một thời gian dài trôi nổi, hấn quên hết bà con làng xóm, chỉ còn nhớ mình là người Việt. Thế rồi, năm ba mươi tuổi hấn mới lần mò về nước. Với một ít vốn liếng nhỏ, hấn ở ngay lại Lạng-sơn lập nghiệp. Ở đây hấn yêu cô con gái một nhà buôn. Hai người sau đó được phép lấy nhau và kết quả là một đứa bé ra chào đời. Chồng rất yêu vợ thương con và chí thú làm ăn.

Một hôm chồng giội nước cho vợ gội đầu, bỗng thấy đầu vợ có một cái sẹo lớn. Câu chuyện vợ kể chính là chuyện ném đá của chồng ngày xưa. Sau khi cha mẹ chết, vợ bỏ vợ lưu lạc đi hết nơi này sang nơi khác để nuôi thân. Sau cùng tới đây làm con nuôi nhà này rồi vừa gặp nhau.

Biết đích là em gái mình, chồng rất đau lòng nhưng vẫn không lộ cho vợ biết. Sau đó gặp khi nhà vua bắt lính, chồng ra ứng mộ. Trước khi đi, chồng dặn vợ:

- Nếu ba năm mà tôi không về, ấy là tôi đã chết, nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Rồi đó chồng nhất định không về nữa. Ở nhà vợ cũng nhất định không đi lấy chồng khác. Sau ba năm, rồi năm năm, vợ trông chồng mỗi mòn con mắt. Hàng ngày, nàng bông con lên núi, con mắt luôn luôn hướng về phía chồng vắng. Một

hôm giữa cơn mưa to bão lớn, nàng đứng đợi mãi không về. Đến lúc mọi người lên núi thì đã hóa thành đá. Người ta gọi hòn đá ấy là Tô thị vọng phu[3].

2. Theo Đại Nam nhất thống chí thì truyện đá Vọng-phu ở Bình-định như sau:

Xưa ở làng Chính-uy có một người đàn bà sinh một trai một gái đều còn nhỏ tuổi cả. Một hôm nhà phoi thóc, mẹ bảo con đuổi gà. Người con trai nhặt đá ném gà, không ngờ trúng phải đầu em, máu ra lênh láng. Mẹ giận mắng nhiếc rồi đuổi con đi. Người con trai sợ qua, trốn biệt đến hơn hai mươi năm mới trở về thì mẹ đã chết, còn em thì lưu lạc không biết đi đâu. Trơ trọi một mình hẩn bèn ngụ ở làng. ấy. Sau đó, hẩn lấy vợ người làng Chính-minh, sinh được một trai một gái. Một hôm vợ chồng nhân thông thả ngồi bắt chấy cho nhau: vết sẹo trên đầu vợ làm cho chồng rõ sự thật. Sau đó, chồng đáp thuyền đi biệt nói dối là đi buôn. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, thường dất hai con lên núi trông ngóng buồn thương rồi đều hóa thành đá.

3. Truyện của Lãng-đờ (Landes) (sách đã dẫn) kể cũng giống như truyện ở vùng Bình-định vừa kể. Duy có khác ở chỗ lý do người anh bỏ trốn là vì cờ bạc, còn kết cục thì chồng chết hóa làm sao mai, vợ làm sao hôm, con thì làm sao đôn gánh thường ở giữa trời đợi sao hôm và sao mai[4].

4. Ri-sa (Richard) có sưu tầm một truyện, lưu truyền ở một vùng dường như là khoảng biên giới giữa Bình-định với Tây-nguyên, có nội dung hơi khác:

Có hai anh em Chánh và Quýt ở làng Nam-lang. Chánh đã lớn, còn em gái thì còn bé. Lúc còn nhỏ, hai anh em được bố mẹ xăm vào đầu một dấu hiệu của gia đình. Sau đó dân làng này xung đột với làng Ma-cát, và bị làng Ma-cát bắt làm tù binh. Chánh bị đưa đi bán cho lái buôn. Thời gian trôi đi, Chánh cũng qua tay nhiều chủ. Sau Chánh trốn được về làng thì nhà cửa không còn gì nữa, bèn đến cư trú ở làng Nong-hát làm ăn, rồi lấy vợ tại đây. Vợ là con nuôi một người dân thường. Vài tháng sau làng động. Thầy pháp của làng được thần cho biết có một hiện tượng loạn luân. Khi tìm đến Chánh và vợ, thấy dấu xăm của họ, mới rõ sự thật. Sau đó hai anh em hóa làm chim: một con trống một con mái, chui rúc trong rừng sâu, vì hổ thẹn không muốn cho ai biết[5].

5. Về loại truyện có nội dung đề cập đến vấn đề quan hệ luyến ái giữa anh và em ruột, ở miền Trung còn có truyện Sự tích chim bóp-thì-bóp:

Xưa có gia đình nọ can tội với triều đình, bị kết án chém cả nhà. Hai chị em ruột nhà ấy trốn được vào rừng sâu. Họ đào củ hái trái kiếm ăn qua ngày. Dần dần người em trai lớn lên, đêm ngủ kề nhau, một hôm em bỗng bỏ tay lên vú chị. Chị đưa chuyện: "Trời phạt" ra để ngăn em. Em sợ rồi bỏ đi mất. Chị thương em đi tìm, luôn miệng gọi em: "Bóp thì bóp". Sau không tìm được, chị em đều hóa làm chim bóp-thì-bóp[6].

Loài chim này bắt đầu đi kiếm ăn từ hoàng hôn, mái trống gọi nhau, đuổi nhau vòng quanh núi, sắp sửa gặp nhau thì rặng, phải trở về tổ[7].

6. Một truyện khác Sự tích sao hôm, sao mai và sao rua nói đến hai anh em trai, có chỗ giống và khác với truyện của Lãng-đờ (Langdes) nói trên.

Xưa có hai anh em ở với nhau: anh đã có vợ, em còn bé dại. Vừa khi anh bị bắt đi phu, có dặn em ở nhà phải nhớ canh giữ chị. Ở nhà, em nằm buồn riêng nhưng hữu ý khoét một lỗ ở vách, đêm đêm bỏ tay lên bụng chị để canh giữ. Về sau chị bỗng có mang. Anh về, em sợ tội bỏ trốn. Nhưng chị không đẻ ra người mà đẻ ra một cái bàn tay. Anh hối hận, bỏ đi tìm em. Không thấy chồng về, vợ lại bỏ đi tìm chồng.

Kết cục, gần giống với truyện mà Lãng-đờ (Landes) đã kể, là anh hóa làm sao mai, em hóa làm sao hôm, còn chị thì hóa làm sao rua (sao rua trông như cái bàn tay)[8].

Người miền Bắc cũng kể như trên, nhưng nói là chị hóa làm sao vượt, còn cái bàn tay đẻ ra thì hóa làm sao rua. Ở Phú-thọ có câu tục ngữ: "Em hôm, anh mai, chị chả thấy đâu, chị vượt".

Cũng có người kể cái bàn tay ấy sau chôn xuống đất mọc lên một cây, cây sinh quả, quả nào quả ấy như cái bàn tay tức là cây phật thủ[9].

Cô-xcanh (Cosquin) khi nhắc đến truyện Sự tích đá Vọng-phu của ta đã truy cứu nguồn gốc đến tận một loạt truyện có chủ đề hôn nhân tiền định với mô-típ vết sẹo mà ông cho là rất gần nhau. Ví dụ một số truyện sau đây:

Truyện của Trung-quốc Sự tích Nguyệt lão và dây tơ hồng: Vi Cố làm quan đời Đường được phái đi bình định một thành phố. Ban đêm, anh gặp một ông cụ già đang bận viết lách dưới ánh trăng. Hỏi thì đáp là ghi chép những cuộc hôn nhân của người trần. Ông lão lại nói: - Những dây đỏ trong đây dùng để buộc chân nam và nữ đã xe duyên. Buộc rồi là không gỡ nổi". Vi Cố bèn hỏi về đường hôn nhân của mình, ông lão bảo: - "Vợ anh là con một mục bán rau ở chợ". Thấy người vợ tương lai (mà ông lão chỉ cho anh vào một ngày sau đó) chỉ là một đứa bé đang ốm, nghèo khổ, xấu xí. Vi Cố sai người giết nó đi, nhưng người đó chỉ làm bị thương ở lông mày đứa bé.

Mười bốn năm sau. Vi Cố lấy được một cô vợ đẹp, con nuôi một quan lớn. Thấy giữa lông mày vợ luôn luôn có một trang sức che kín. Vi Cố hỏi, mới hay đó là vết sẹo hồi nhỏ do mình sai người giết nhưng đâm hụt thành sẹo.

Truyện của người Ấn ở Băng-la-dex (Bangladesh):

Một ông vua nhờ các nhà thông thái bói toán về đường vợ con của hoàng tử. Họ không dám nói sự thật nhưng vì vua giục, họ phải tâu: - "Hoàng tử sẽ lấy một người đàn bà dòng dõi hèn hạ, một người "Pă-li" ở tại một đường phố thuộc thành phố Đuốc-ba-san". Để phá tiền định xấu, hoàng tử cưới ngựa đến nhà kia mổ bụng cô gái. Cô này nhờ điều kiện may mắn không chết, vết thương dần dần lành, và sau đó ít lâu được con voi ngự đặt lên lưng mang đến cung vua. Hoàng tử thấy cô đẹp tuyệt trần không biết đó là người mà mình trước đây

muốn xa lánh, bên lấy nàng làm vợ. Ít lâu sau, hoàng tử phát hiện ra vết sẹo ở bụng của vợ mình, hỏi, mới biết kết quả của mối duyên tiền định.

Truyện của Hy-lạp (Grèce):

Một trong ba bà tiên tri cho biết một cô gái mới đẻ sẽ lấy một thương nhân nước ngoài, khách quý của nhà ấy. Giận quá, người khách nọ bỗng đưa bé ném qua cửa sổ, đứa bé rơi trên một cái cọc thủng bụng.

Về sau người thương nhân lấy vợ, nhờ vết sẹo mới nhận ra đó là cô bé mà mình ném ngày xưa nhưng không chết.

Hai truyện khác của người Ác-mê-ni (Arménie) và của người Nga rất giống với truyện Trung-quốc đã dẫn. Ở truyện Ác-mê-ni, có một hoàng tử gặp một cụ già ngồi ghi chép những tội lỗi và số phận con người. Hỏi về mình, ông cụ nói: anh sẽ lấy con một người chăn bò làm vợ. Thấy cô gái nằm trên giường, mụn nhọt khắp mình, hoàng tử bèn sai người giết đi. Nhưng lưỡi dao đã không làm cô chết mà làm cô trở nên đẹp như tiên.

Ở truyện Nga, hoàng tử không phải gặp ông cụ già mà là gặp một người thợ rèn - rèn hôn nhân cho con người - đang đập trên đe hai sợi tóc mảnh dùng để kết duyên (như sợi dây đỏ ở truyện Trung-quốc). Thấy người vợ tương lai mà ông thợ rèn chỉ cho mình là một cô gái từ lâu da thịt bầy nát, hoàng tử tìm đến và đâm một mũi gươm. Không ngờ cô gái nhờ đó trở nên đẹp đẽ.

Cô-xcanh (Cosquin) còn nhắc tới một loạt truyện khác có nội dung hôn nhân tiền định như con vô tình giết cha lấy mẹ, trong đó có truyện O-đíp (Oedipe) của thần thoại Hy-lạp, cũng coi như gần gũi với các truyện trên[10]. Người Khơ-me (Khmer) cũng có truyện một hoàng tử cứu mẹ, bị vua nước láng giềng bắt cóc, nhưng vì không biết mặt mẹ nên lấy nhầm làm vợ, về sau cũng nhờ có vết sẹo ở trên mình hoàng tử, nên mẹ mới nhận ra[11].

[1] Theo lời kể của người Bình-định.

[2] Ngày nay nơi đá Vọng-phu (Nai Krao Chao Phò) ở bờ biển Cà-ná (Nam Ninh-thuận) dân địa phương cũng có lưu truyền một truyện của đồng bào Cham-pa. Truyện Cô Krao Chao Phò của Cham-pa giống hệt với truyện Việt-nam vừa kể ở trên, chỉ có khác ở đây người anh không phải vô tình làm vắng dao vào đầu em gái trong khi chặt mía mà là hữu ý đánh vào đầu em về việc giành nhau miếng bánh; và hai vợ chồng là dân buôn không phải dân chài (Theo Vũ Lang, đã dẫn, số 15, 1959).

Riêng núi Vọng phu (?) (La mère et l'enfant) ở Khánh-hòa thì đồng bào Ê-đê có một truyện cổ tích đặc biệt khác truyện của ta. Đại khái là:

Giang-mia sau một cuộc đi buôn xa về, nghe nói vợ ngoại anh với Y-siêng và đã có chửa với y sắp đẻ, bèn đánh nhau với y nhiều trận dữ dội. Y-siêng chạy đến Ban Ông-gan. Giang-mia đuổi kịp, chém chết kẻ tình địch. Y-siêng hóa ra đá ở đây. Lúc trở về thì thấy vợ mình đang

sinh, có các bạn bè và bà đỡ xúm xít giúp đỡ, Giang-mia cơn giận còn bùng bùng, bèn bắt mọi người hóa đá. Người ta gọi cụm núi này là núi Mẹ và con.

Xong việc, Giang-mia trở về Póc-ai hóa thành lợn lòi mọc khoai ăn, bị dân làng bắn chết, cũng hóa đá nốt. (Theo Mét-tơ-rơ (Maitre). Các vùng người Mọi ở phía Nam Đông-dương).

[3] Theo lời kể của người dân vùng Lạng-sơn. Riêng truyện này có nhiều người kể khác nhau:

a) Nhà nho ngày xưa đã từng cải biên thành một truyện có chủ đề khác hẳn: Tô thị là người Lạng-sơn có sắc đẹp, yêu một chàng họ Đậu là học trò. Giữa lúc đó có người đình trưởng cũng cậy mối دام nàng làm vợ lẽ. Nhưng Tô thị không bằng lòng. Cuối cùng nàng kết duyên với người học trò, nuôi chồng ăn học. Đình trưởng giận đẽ bụng, nhân dịp vua bắt lính, bèn bắt người chồng phải đi. Đẳng đẵng bao nhiêu năm trời không thấy chồng về, mặt khác bị đình trưởng ép lấy mình, Tô thị hóa điên. Một hôm lên núi Tam-thanh trông chồng như mọi ngày, rồi không về nữa. Khi mọi người biết thì đã hóa thành đá.

Nguyễn Thúc Khiêm đã dựa vào cốt truyện này để viết thành một vở chèo nhan đề là Tô thị chết đấng anh Kỳ lừa (Nam phong, 1929).

b) Phạm Duy Khiêm thì kể có khác ở đoạn đầu, dùng số mệnh làm chủ đề:

Xưa, trong một làng thượng du có hai anh em mồ côi ở với nhau. Người anh hai mươi tuổi, còn em gái lên bảy tuổi. Một hôm có ông thầy số đi qua đoán cho người anh rằng: Số anh phải lấy em ruột làm vợ, không thể nào cưỡng được.

Hắn cảm lấy lá số ngày đêm khổ tâm vì số mệnh ác nghiệt. Cuối cùng, một hôm hắn đưa em lên núi, rồi nhân lúc bất ngờ, giáng cho em một nhát búa ngã lăn ra. Đoạn, hắn thay tên đổi họ rồi trốn đi rất xa trong bao nhiêu năm trời. Cho đến khi yên lặng mới trở về Lạng-sơn lập nghiệp. Còn cô em sau khi bị anh chém thì nằm chết ngất. Nhờ có một bọn cướp cứu cho sống lại rồi cô được họ nuôi ở trong rừng. Cho đến lúc bọn cướp bị đuổi khỏi sào huyệt cô mới được trở về. Bơ vợ không biết nương tựa ai, cô được một người lái buôn nhận làm con nuôi. Rồi về sau hai người lấy nhau mà không biết là anh em.

Mãi đến một hôm vợ phôi thóc, chồng thấy vết sẹo, hỏi rõ mới hay. Chồng lẳng lẳng tìm cơ bỏ đi biệt. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, rồi hoa đá trên núi, v.v... (Truyện thuyết của đất nước thanh bình).

[4] Về sự tích sao hôm và sao mai, người Trung-quốc kể: gia đình Cao Tân có hai đứa con thường coi nhau như kẻ thù. Nhưng cuộc xung đột của họ đến tai hoàng đế. Hoàng đế bèn chia rẽ họ ra bằng cách giao cho hai người hai phần việc ở hai xứ khác nhau. Sau khi chết, họ hóa làm hai ngôi sao lúc đầu ở gần nhau, nhưng Ngọc hoàng tỏ ý làm cho họ ngày càng xa dần, cho đến không thể gặp được nhau. Đó là sao hôm và sao mai. (Theo Duy-mu-chiê (Dumoutier), sách đã dẫn).

[5] Tạp chí Đông-dương (1904).

[6] Bản khai của làng Quang-lãng.

[7] Truyện này, mỗi địa phương kể có khác một ít về chi tiết, chẳng hạn ở Quảng-bình có người kể: chị em đưa nhau ra giếng, chị tắm cho em: em cọ lưng cho chị (hoặc chị em đi xem hội về khuya) rồi bắt đầu sinh ý nghĩ bậy bạ, chị đánh em, em sợ tội bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v.v... (Theo Ca-đi-e (Cadière), sách đã dẫn). Ở Quảng-nam và một số địa phương ở miền Bắc có người kể: Bố mẹ đi vắng, hai chị em ở nhà, em bắt đầu có ý nghĩ bậy bạ, chị chống cự, em sợ bố mẹ trừng phạt nên bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v. v... Ở Hà-tĩnh, Quảng-bình cũng gọi chim này là chim tử quy. Có câu ca dao:

Đôi ta như chim tử quy.

Đêm nghe thấy tiếng, ngày đi phương nào.

[8] Bản khai của làng Cát-ngạn.

[9] Theo Truyện cổ dân gian Việt nam, tập I. Bộ sách này gồm 4 tập; hai tập đầu có tên như vừa dẫn, nhưng hai tập cuối lại có chút ít thay đổi: Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam. Vì thế, chú dẫn tên gọi ở đây cũng không thống nhất.

[10] Cô-xcanh (Cosquin). Cổ tích con mèo và cây đèn cây ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông.

[11] Xem ở mục Khảo dị truyện Sự tích thành Lôi (số 34).

Sự Tích Con Mối hay Thạch Sùng Còn Thiếu Mè Kho

Ngày xưa, có hai vợ chồng một người nghèo khó tên là Thạch Sùng. Họ sống chui rúc trong một túp lều gần chợ, xin ăn qua ngày. Cuộc sống thật là vất vả. Nhưng Thạch Sùng là người có chí kinh doanh lớn, lại có nhiều thủ đoạn. Từ lâu hai vợ chồng ăn nhịn để dành, lần hồi góp nhặt một số vốn chôn ở góc nhà. Số tiền ấy ngày một lớn mãi lên. Nhưng họ vẫn giả bộ nghèo khó, làm nghề hành khất như cũ.

Một hôm Thạch Sùng đi ăn xin về khuya. Dọc theo bờ sông ông trông thấy hai con trâu từ dưới nước lội lên và húc nhau chí tử. Đoán biết ấy là điềm trời sẽ mưa lụt to[1], nên từ đó có bao nhiêu tiền chôn, ông đào lên đong gạo tất cả. Quả nhiên, tháng Tám năm ấy trời làm một trận lụt kinh khủng, nước lênh láng khắp mọi miền: mùa màng, nhà cửa và súc vật. v. v... đều trôi nổi. Nạn đói đe dọa khắp mọi nơi. Giá gạo từ một tăng lên gấp mười rồi dần dà tăng lên gấp trăm. Thế mà vẫn không ai có gạo để bán. Thạch Sùng chờ đến lúc dân tình cùng kiệt mới ném số gạo tích trữ của mình ra. Có những nhà giàu phải đổi cho ông ta một thỏi vàng mới được một đấu gạo.

Từ khi có vốn, hai vợ chồng Thạch Sùng thôi nghề bị gậy. Họ đem tiền cho vay một vốn năm bảy lớp lãi. Thế rồi chẳng bao lâu Thạch Sùng nghiêm nhiên trở thành một phú ông. Ông ta tậu biết bao nhiêu là trâu bò ruộng vườn, những thứ đó mỗi năm mỗi nhiều lên mãi. Nhưng Thạch Sùng còn có nhiều mảnh khóc làm tiền khác. Ngoài việc thu lúa rẻ, cho vay lãi, ông ta còn buôn bán lớn. Thuyền buôn của Thạch Sùng dong buồm đi khắp mọi cửa biển. Rồi hắn thông lưng với bọn cướp trong vùng. Mỗi một chuyến làm ăn, chẳng những được chia phần mà hắn còn oa tàng và tiêu thụ hộ những của bất nghĩa. Cứ như thế sau mười năm, Thạch Sùng trở nên một tay cự phú, tiền của châu báu như nước như non, không ai địch nổi. Những tay thiên hộ bá hộ so với hắn chỉ bằng cái móng tay. Có tiền trong tay, Thạch Sùng rất dễ kiếm được địa vị. Hắn dâng vua bao nhiêu là vàng bạc ngọc ngà, nên được vua phong tước quận công. Hắn ra ở kinh thành, xây dựng phủ đệ, không khác gì phủ đệ của ông hoàng bà chúa. Trong phủ đệ của hắn có một trăm nàng hầu vợ lẽ, người nào người ấy ăn mặc

toàn lụa là gấm vóc. Còn hần và vợ con thì giờ đây sống một cách xa xỉ, đến nỗi trong nước trừ hoàng đế ra khó có một người nào dám sánh.

Hồi đó ở kinh đô có một người em hoàng hậu họ Vương. Y cũng là tay cự phú nổi tiếng tiền rừng biển bạc và xài phí vào bạc nhất. Một hôm, y gặp Thạch Sùng trong một bữa tiệc đủ các bậc vương công đại thần. Câu chuyện dần dần chuyển thành một cuộc khoe của giữa hai bên. Họ Vương nói: - "Bọn nô tỳ nhà tôi đều mặc đồ tơ lụa. Chúng nó đông đến nỗi năm hết tết đến phải có hàng kho vải lụa để may mặc cho chúng mới tạm đủ". Thạch đáp: - "Bọn nô tỳ nhà tôi thì phải có lúa gạo của cả một huyện mới đủ cho chúng ăn". Vương lại khoe: - "Bếp nhà tôi phải dùng đường thay cho củi". Nhưng Thạch cướp lời: "Để sưởi ấm các phòng trong mùa đông, chúng tôi phải đốt mỗi ngày hàng hòm nến". Nghe bọn họ không bên nào chịu bên nào, có một vị quan khách dàn xếp: - "Hai ngài cãi nhau như thế không ích gì cả. Cần phải có chứng cứ thì chúng tôi mới tin. Ấu là một hôm nào đó, hai ngài hãy trưng của cải ra cho chúng tôi xem. Ai thua phải nộp cho bên được mười thúng vàng. Chúng tôi sẽ làm chứng cho". Cả hai người đều khảng khái nhận lời.

Đến ngày đấu của, có mấy vị đại thần ra làm chứng cho bọn họ. Hai bên ký vào giấy giao ước. Hoàng hậu lo cho em mình thua cuộc, có phái mấy viên hoạn quan nhiều mưu trí đi theo để giúp sức. Đầu tiên, Vương sai lấy lụa căng làm màn trần trong tất cả các dinh thự của mình. Đến lượt Thạch Sùng, hần sai lấy gấm căng che và trần trướng tất cả mọi nhà cửa của hần. Thấy vậy, Vương sai lấy thủy tinh thay ngói lợp tất cả các nhà cửa phủ đệ của y, khiến chúng trở thành những tòa lầu sáng choang như ngọc. Nhưng đổi lại, Thạch Sùng sai lấy ngọc thạch cho thợ đá cắt ra từng phiến lát cái sân ở trước nhà.

Mọi người đều tấm tắc khen ngợi Thạch Sùng.

Cuộc đấu của lại tiếp tục. Thạch hỏi Vương: - "Nhà ngươi có san hô chẳng?". Vương đưa ra một cây san hô cao mấy thước, và hỏi lại: - "Nhà ngươi có tê giác không?". Thạch bĩu môi ra hiệu cho một người hầu bưng ra một bộ đồ trà bằng sừng tê nạm ngọc.

Cả hai người còn khoe nhiều nữa, chưa ai chịu thua ai. Đến lượt họ bắt đầu khoe các vật kỳ lạ. Thạch Sùng nói: - "Ta có con thiên lý mã mua từ bên Thiên-trúc về mỗi ngày chạy được một ngàn dặm". Người ta xúm nhau xem và tán tụng con ngựa quý. Nhưng Vương lại mời họ về vườn của mình thưởng thức một con hươu có hai cái đầu.

Lần này Thạch Sùng yên lặng khá lâu. Tiếng ồn xao nổi lên khắp nơi. Ai cũng tưởng Thạch Sùng đã hết cả vật quý. Nhưng bất ngờ hần rút trong bọc ra một viên ngọc và nói: - "Ta có một viên ngọc, mùa nóng đeo vào thì mát, mùa rét đeo vào thì ấm. Tôi chắc trong thiên hạ có một không hai".

Thấy thế họ Vương bắt đầu bối rối. Y toan sai người vào mượn hoàng hậu viên ngọc như ý để địch lại, nhưng ngay lúc đó một viên hoạn quan ngồi bên cạnh, nói nhỏ vào tai hần mấy câu. Thế rồi người ta thấy Vương quay sang hỏi Thạch

Sùng: - "Nhà người tuy rất giàu nhưng có đầy mà không đủ. Ta thì cho rằng thế nào trong nhà nhà người cũng còn thiếu nhiều đồ vật".

Thạch Sùng đang cơn đắc ý: - "Nhà ta không thiếu một đồ vật gì cả. Nếu nhà người chỉ ra được một vật mà ta thiếu ta sẽ mất với nhà người không phải mười thúng vàng mà còn tất cả gia sản nữa. Trái lại, nếu ta mà có đủ thì nhà người cũng phải mất cho ta y như vậy!". Thế rồi trong một cơn kiêu căng đến cực điểm, Thạch bắt Vương cùng mình ký tên vào bản giao ước mới. Khi ký xong, Vương bảo hấn: - "Nhà người hãy đưa mau ra đây cho các vị xem mẻ kho của nhà người đi". Nghe đến đó, Thạch Sùng giật mình. Mẻ kho là thứ gì hấn cũng đã biết. Đó là thứ nồi đất mẻ mà chỉ nhà nào cùng khổ lắm mới dùng để nấu thức ăn. Ngày xưa hồi còn hàn vi, hấn đã từng đi nhặt vật đó trong đồng rác đưa về đánh chùi để kho cá. Nhưng đã từ lâu, lâu quá rồi, hấn không còn nhớ đến thứ đồ dùng hèn hạ ấy nữa. Vì nhà hấn bây giờ toàn dùng đồ đạc bằng vàng bạc, tệ nhất cũng bằng đồng thau, có bận tâm chứa những thứ của ấy để làm gì. Nhưng hấn cũng cố giục bọn đầy tớ lục tìm trong xó vườn góc bếp xem sao. Tìm đi kiếm lại khắp mọi nơi mà vẫn không nhặt được dù chỉ là một mảnh nồi vỡ. Quả là nhà Thạch Sùng không thể làm gì kiếm được những món ấy.

Thế rồi sau đó một lúc lâu, những người làm chứng công nhận sự thắng cuộc về phía em hoàng hậu. Thạch Sùng không ngờ mình bị thua một vố đau như thế. Hấn cay đắng nhìn thấy tất cả gia sản cho đến vợ con, nàng hầu, nô tỳ. v. v... đều chạy sang tay họ Vương. Còn lại một mình ngồi trong túp lều, hấn tặc lưỡi tiếc cho cơ nghiệp tự tay mình gây dựng trong bao năm đến nay tay trắng lại hoàn tay trắng. Rồi hấn chết, hóa thành con mối tức là con thần lẩn, cũng gọi là con thạch sùng. Loài mối thỉnh thoảng lại chăt lười kêu lên mấy tiếng: "Thạch Thạch" là vì thế[2].

Ngày nay người ta còn có câu tục ngữ: Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho[3], có ý nói trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.

KHẢO DỊ

Một dị bản kể chuyện Thạch Sùng có khác với truyện trên, nhất là đoạn kết:

Thạch Sùng, Vương Khải hai bên giao hẹn đấu của trong một tháng, hễ ai thua thì những của đã đem đấu thuộc về người thắng. Đầu tiên Khải tán hạt tiêu trát vách (tiêu phòng). Sùng sai trái gắm ra đường để đi (cắm đạo).

Khải làm thuyền lớn căng gắm làm mũi (cắm hạm), gỗ ngà làm cột buồm (nha tường) thì Sùng sửa ngôi nhà xâu hạt trần châu làm rèm (châu liêm), treo gắm thêu làm màn (tú hộ). Khải thắp đuốc bằng sáp ong, thì Sùng nấu cơm bằng củi quế.

Vua tưởng nhà Sùng có bao nhiêu trần châu treo rèm hết cả rồi, nên đưa cho Khải hai đấu để thi. Thạch Sùng đem trần châu còn lại ra đong được một hộc. Khải lại đem đọ hai hộc vàng ròng. Sùng dẫn đối phương đến nhà để lấy vàng của mình không hộc nào mà đong cho xiết; đó là chưa nói vàng ở Kim-cốc chưa

lấy lên. Vua lại cho Khải hai cây ngọc san hô dài một thước. Sùng đập gãy rồi lấy ra 10 cây dài hai thước. Bấy giờ kho vua đã cạn, nên Khải đành phải thua.

Vừa then vừa cãm, Khải xúi tòa ngự sử bới những điều phi pháp của Sùng để dẫn mặt. Triệu đình bắt Thạch Sùng tội lộng hành, tịch ký hết cả sản nghiệp. Tuy mất hết của chìm của nổi, nhưng Sùng ỷ có vàng ở hang Kim-cốc. Nhưng khi đào lên thì chỉ thấy toàn là nước trong, chẳng có vàng bạc gì cả, nên Sùng tiếc của mà chết. Và cũng hóa thành thần lẩn như truyện trên[4].

Cả hai truyện phần nào chịu ảnh hưởng của sự tích Thạch Sùng bên Trung-quốc: Thạch Sùng sinh ở đời Tây Tấn, là người có nhiều mưu trí. Người cha lúc gần chết chia cho Thạch Sùng phần gia tài ít nhất, nhưng lại tin rằng số Thạch Sùng sẽ giàu sang hơn thiên hạ.

Quả đúng như lời, về sau thấy Thạch Sùng có tài và có công, vua Hán Vũ Đế cho làm đến thái bộc, phong tước hầu. Thạch Sùng bên ngoài làm quan giúp vua đánh giặc nhưng bên trong thì thông lưng với cường đạo cướp của khách buôn nên chẳng bao lâu trở thành đại phú.

Ngày càng giàu có, Thạch Sùng xây dựng nhà cửa, lầu đài, chạm trổ trần trướng rất công phu. Trong nhà đồ quý không biết bao nhiêu mà kể. Hẳn lại có lầu Kim-cốc cho nàng hầu yêu dấu tên là Lục Châu ở.

Bấy giờ có Vương Khải là em hoàng hậu. Nhà cũng rất giàu, xa xỉ cũng vào bậc nhất. Một hôm hai người khoe giàu có. Vương Khải nói: - "tôi lấy đường làm tro[5]". Thạch Sùng bảo: - "Tôi lấy nến làm củi". Vua bèn phán: - "Lời nói không lấy gì làm bằng. Muốn biết ai hơn ai kém thì phải so sánh những của quý nhất. Ai hơn là được".

Vương Khải sai lấy lụa trải được bốn mươi dặm đường. Thạch Sùng trải được năm mươi dặm. Vương lấy phấn đá đỏ làm vôi quét nhà. Thạch thì lại quét bằng hồ tiêu.

Thấy mọi người khen Thạch Sùng, Vua cho Vương Khải một cây san hô cao hai thước đưa ra đấu. Thạch Sùng lấy ngọc như ý đập cho cây san hô kia vỡ tan rồi đưa ra năm sáu cây san hô của mình cao bốn thước sáng rực. Đoạn hẳn chọn một cây trong đó dâng cho Vương Khải. Rồi hai bên cùng hòa.

Vì sau Hán Vũ Đế chết, vua nối nhu nhược, bị các bè đảng quyền thần lấn át tranh giành lẫn nhau, thành nội loạn. Trong số đó có Tư Mã Luân mạnh hơn, tự tôn làm tướng quốc. Gia thần của Luân là Tôn Tú nghe tiếng nàng Lục Châu đẹp, có ý muốn chiếm làm của mình. Thấy Thạch Sùng quyết không chịu mất Lục Châu, Tôn Tú vu cho Thạch làm phản, đem hai trăm quân đến vây nhà. Lúc đó Thạch Sùng và Lục Châu đang ngồi trên lầu. Nghe tin báo, Lục Châu nhảy từ lầu cao xuống tự tử. Còn Thạch Sùng bị bắt giải đến pháp trường. Hẳn khóc nói: - "Không biết của cải của tôi sẽ về ai?". Chúng bảo: - "Đã biết của làm hại người sao không phân tán đi cho sớm". Rồi đó Thạch Sùng bị chém, gia sản bị tịch thu.

Về Sự tích con mối, chúng ta còn có một quyển khác:

Một chàng trẻ tuổi nhà giàu, ao ước một người vợ đẹp như tiên. Cha mẹ hỏi cho đám nào hấn cũng không vừa ý. Hấn đáp: - "Con chỉ muốn lấy một người đẹp như tiên mà thôi". Cho đến mấy năm sau cha mẹ lần lượt qua đời, hấn ta vẫn chưa có vợ.

Cái khó tính của anh chàng truyền đến tai Ngọc hoàng. Thương hại hấn, Ngọc hoàng sai một nàng tiên xuống, bảo. - "Người hãy xuống với nó thử xem nó có biết người biết của không. Nếu nó không thấy được cái đẹp chính đáng thì hãy cho nó một bài học". Thế là ngày ấy nhà hấn tự nhiên có một người con gái đến xin làm công việc của một người thị tỳ. Cô gái này mặt mũi tầm thường nhưng mọi việc đều thông thạo tính nết rất tốt. Nàng khéo tay đến nỗi mỗi bữa cơm không có tay nàng nấu nướng là hấn ta ăn không ngon. Gặp ngày giỗ, hấn than thở với nàng rằng không biết nhờ ai làm cỗ bàn bánh trái cho thật ngon để trước cúng cha mẹ, sau đãi các quan khách. Nàng hứa sẽ xin cố gắng làm công việc đó. Quả nhiên cả khách lẫn chủ đều ngạc nhiên vì họ được dự một bữa cỗ ngon và lạ chưa từng có. Họ xúm lại khen ngợi nàng. Người chủ trẻ tuổi bắt đầu để ý tới nàng nhưng khi nhìn thấy nhan sắc, hấn lại lảng ngay.

Ít lâu sau đó, anh chàng sắm sửa thuyền bè để đi tìm một người vợ đẹp theo ý muốn. Cô gái ở nhà hóa thành một người xinh đẹp tuyệt trần. Khi thuyền của chú trở về, những người đầy tớ vội báo việc ấy cho chủ biết. Người chủ vào nhà rất vừa ý vì diện mạo có một không hai của người thị tỳ Hấn sán lại ngồi gần nhưng nàng bước lùi ra xa. Hấn rối rít xin lỗi, nói là mình đui mù không biết có một vị "tuyệt thế giai nhân" bấy lâu ở trong nhà, và xin lấy nàng làm vợ. Nàng vẫn không đáp. Sau cùng hấn đánh bạo chạy lại ôm nàng.

Hấn ôm hụt vì nàng đã bay lên trời và nói cho hấn biết mình là tiên, nay đã hết hạn ở trần gian phải về thượng giới. Hấn chỉ còn giật được có một ché áo của nàng.

Từ đó, hấn tiếc mãi và sau hóa thành con mối luôn luôn chắt lưỡi tiếc vì bao nhiêu ngày ở với tiên mà không biết hưởng[6].

[1] Xem truyệnn Yết Kiêu, (số 72), Cố Bu (số 96) cũng có hình ảnh trâu húc nhau.

[2] Theo báo Những trang về Đông dương (1913).

[3] Câu này ở miền Nam có người nói Giàu như ông Thạch Sùng còn thiếu mẹ bác.

[4] Trương Vĩnh Tống. Mỹ âm tùy bút.

[5] Theo Thiếu vi thông giám.

[6] Theo Lãng-đờ (Landes). Cổ tích và truyền thuyết An-nam.

Lấy Bấy Như Cao Biền Dậy Non

Ngày xưa ở Trung-quốc có Cao Biền rất giỏi nghề địa lý. Những phép hô thần tróc quỷ, ông đều thông thạo. Tiếng đồn vang khắp nơi. Hoàng đế Trung-quốc nghe tiếng liền triệu Biền vào cung ủy thác cho việc kiếm một ngôi đất xây dựng lăng tẩm. Cao Biền vâng lệnh và sau năm năm tìm tòi, đã kiếm được một miếng đất quý mà theo ông có thể giữ ngôi nhà Đường vững như bàn thạch.

Sau khi công việc hoàn thành, hoàng đế rất khen ngợi, sai ban nhiều vàng bạc cùng phong tước lớn cho Biền. Nhưng Biền vốn biết trong kho tàng của hoàng đế có một ngòi bút thần có phép màu nhiệm mà chính hoàng đế và cả triều thần không một ai biết cả. Vì thế Biền không nhận vàng, chỉ nói:

- Tâu bệ hạ, hạ thần không muốn lấy vàng bạc của bệ hạ. Chỉ muốn xin một kho trong trăm ngàn kho đồ dùng của bệ hạ bằng cách là để hạ thần tự tay rút trong chùm chìa khóa kho tàng mà quan tổng quản đang nắm giữ, nhằm đúng chìa kho nào thì được phép lấy kho ấy.

Hoàng đế nghe nói hơi ngạc nhiên nhưng vốn trọng tài Biền, tại thấy ý kiến hay hay nên vui lòng để Biền làm chuyện may rủi xem thử thế nào. Quả nhiên kho mà Biền chỉ, đúng là kho đựng toàn bút lông dùng cho triều đình. Khi được sử dụng hàng vạn cây bút, Biền mang đến một hòn đá, lần lượt đem chọc mạnh từng ngòi lông vào đá. Nhưng chẳng có ngòi nào được toàn vẹn. Mỗi lần thấy tòe ngòi, ông lại vứt đi và tiếp tục chọc ngòi khác vào đá. Cứ thế cho đến lúc trong kho sắp vơi cả bút thì bỗng có một quản bút chọc thủng vào đá mà ngòi lông vẫn còn nguyên vẹn. Biền mừng quá reo lên:

- Ta tìm được ngòi bút thần rồi!

Biền liền cầm bút thần vẽ thử một con rồng lên mặt tường, chừa hai con mắt. Đến khi điểm nhãn, rồng tự nhiên cuộn mình được và tách ra khỏi bức tường. Rồi rồng vọt lên trời, bay biến vào đám mây trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Biền lại vẽ thêm nhiều con vật khác và những con ấy đều hoạt động không khác gì những con vật có thực[1].

Sau cùng Cao Biền vẽ một con điều rất lớn, dùng bút thần nhúng mực điểm mắt cho điều. Điều đập cánh bay lên. Lập tức Biền cưỡi lên lưng và điều đưa vút lên trên không. Thế là Biền cưỡi điều vượt qua muôn trùng núi sông sang đến nước Nam. Trên lưng điều, Biền đưa mắt xuống tìm huyệt đất quý. Quả nhiên không bao lâu ông tìm thấy ở gần một con sông, cứ như bây giờ là sông Trà-khúc tỉnh Quảng-ngãi, một huyệt đất phát đế vương. Huyệt đất ấy quý

không đâu bằng mà lại chỉ trong một ngàn ngày là phát. Đó là một cái hàm con rỗng lấp dưới nước mà chỉ có con mắt của Biền mới khám phá được.

Từ đó, Biền có ý muốn hưởng một cuộc sống sung sướng xa xỉ vào bậc nhất thiên hạ. Nhưng khi nghĩ lại thì hắn rất tiếc là không có con trai mà thân mình lại đã già mất rồi; nếu được làm vua cũng không còn hưởng được mấy nổi. Biền mới tính sẽ nhường cho rể. Nếu nó làm vua thì ông bố vợ tất cũng được bội phần trọng đãi, mà dòng dõi con gái mình cũng hưởng phúc lâu dài. Những muốn thực hiện công việc "đại sự" này cần phải giữ hết sức bí mật, nếu không sẽ mất đầu như chơi.

Nghĩ vậy, Biền trở về Trung-quốc bảo người con rể đào lấy hài cốt cha y đem sang nước Nam để cải táng. Trong việc này Biền chỉ bàn kín với một người học trò mà thôi. Nhưng người học trò mà Biền tin cậy lại muốn miếng đất quý ấy hoàn toàn thuộc phần mình hưởng, nên khi được lệnh thầy mang hài cốt thì hắn cũng đào luôn hài cốt của cha mình sang Nam.

*

Bấy giờ hàm rỗng đang thời kỳ há miệng. Biền bảo học trò lặn xuống ném gói xương vào giữa miệng rỗng chờ cho nó ngậm lại hãy lên. Người học trò đem gói xương của cha mình đánh tráo vào, còn gói xương kia thì bỏ ở một bên mép.

Xong việc đó, Cao Biền bảo con rể chọn năm giống lúa, mỗi thứ một thúng mang đến huyết đất nói trên, sai đào đúng vào chỗ vai rỗng thành năm cái huyết. Mỗi huyết Biền sai rấm một thúng lúa rồi lấp đất lại thành năm ngôi mộ. Hắn giao cho chàng rể một ngàn nén hương, dặn mỗi ngày thắp một nén, đúng hai năm chín tháng mười ngày thì tự khắc quan gia dưới huyết nhất tề dậy cả. Dặn đâu đấy, Biền trở về Trung-quốc.

Thời gian trôi qua. Hôm ấy chỉ còn mười ngày nữa là hết hạn công việc mà Cao Biền đã dặn, thì tự nhiên con gái hắn ở nước đề luôn một lúc ba né trai, mặt mũi dị kỳ. Vừa mới sinh ra, ba đứa đã biết đi biết nói: một đứa mặt đỏ tay cầm ấn, một đứa mặt màu thiếc, một đứa mặt màu xanh, đều cầm dao sáng quắc. Cả ba nhảy tót lên giường thờ ngài. Đòi đem quân thu phục thiên hạ. Người nhà ai nấy xanh mặt. Chỉ trong một buổi tiếng đồn rầm lên. Mọi người thấy sự lạ đổ tới xem như đám hội. Người rể của Biền sợ quá, bả vợ: - "Mày đẻ ra ma ra quỷ, nếu không sớm trừ đi thì khó lòng sống được với triều đình. Chẳng qua cha mày làm đại, nên mới sinh ra như thế". Thế rồi y chém tất cả.

Trong lúc bối rối, người nhà của y vì làm nên đốt luôn một lúc hết thảy những nén hương còn lại. Bỗng dựng mặt đất chuyển động. Ở dưới năm ngôi mộ có tiếng rầm rầm mỗi lúc một lớn. Rồi nắp mộ bật tung ra, bao nhiêu quan gia tề dưới đó nhảy lên. Nhưng vì còn non ngày nên sức còn yếu, đứng chưa vững, người nào người ấy đi lại bổ nghiêng bổ ngửa, cuối cùng đều chết sạch.

Lại nói chuyện Cao Biền chờ cho đến tận ngày hẹn mới cưỡi điều bay sang nước Nam. Nhưng lần này điều bị ngược gió nên sang không kịp. Khi điều hạ cánh xuống thì người con rể đã phá hỏng mất công việc của hắn. Hắn bực mình vô hạn. Sau khi căn vặn để hiểu rõ câu chuyện, hắn rút gươm chém chết cả học trò lẫn rể.

Từ đó Cao Biền sinh ra chán đời, chẳng thiết gì nữa. "Không được ăn thì đập đồ", nghĩ thế, hắn bèn cưỡi điều đi khắp nước Nam để ếm huyết và phá tất cả những long mạch của nước này. Ngày chổ hàm rồng nói trên, hắn dùng phép chém đứt cổ con rồng đó đi. Cũng vì vậy mà ngày nay người ta nói nước sông Trà-khúc đỏ như máu là bởi máu tụt cổ con rồng chảy ra đến nay vẫn chưa dứt.

Đến Nghệ-an, Biền thấy trên một hòn núi mà ngày nay còn gọi là núi Đầu-rồng ở sát bờ biển có huyết đế vương. Hắn bèn làm bùa bằng gang đóng vào đỉnh núi. Từ đó trở đi trên đỉnh núi ấy không một cây cối gì còn mọc được.

Ở Thanh-hóa, Cao Biền cũng thấy có huyết đất quý. Nhưng hắn thấy con rồng đó què một chân, cho rằng nếu có phát đế vương thì không thể phát to được. Cho nên hắn cho điều đi thẳng không ếm nữa. Cũng vì thế người ta nói mấy đời vua chúa trị vì ở nước Nam đều phát tích ở Thanh-hóa[2].

Khi điều bay qua làng Thiên-mỗ (bây giờ là làng Đại-mỗ, tỉnh Hà-đông) Biền thấy có cái giếng ở vệ sông mà bây giờ là Nhuệ-giang cũng có huyết đế vương. Hắn bèn cho điều hạ xuống là sát mặt đất, đoạn thuận tay ném luôn cây bút thần của mình xuống lòng giếng. Người ta nói cây bút ấy sau rồi hóa thành một khúc gỗ cắm chặt xuống đáy giếng.

Không một ai dám động đến nó. Mãi về sau trong làng có một ông thám hoa có tính hiếu kỳ mới tâu vua xin hai con voi về kéo thử khúc gỗ đó lên. Họ tét một chiếc thùng lớn; một đầu buộc vào khúc gỗ còn một đầu buộc vào cổ voi. Nhưng khi voi cất bước thì tự nhiên ở những xóm làng bên cạnh, đất chuyển động âm âm, đồng thời nhà cửa phát hỏa tứ tung. Lần ấy ông thám đành bỏ dở công việc vì ông ta sợ con rồng bị đau gãy dựa làm hại đến dân sự. Điều đặc biệt là từ bấy đến nay nước giếng ấy không bao giờ cạn. Mỗi khi nước trong người ta vẫn thấy có bóng khúc gỗ đen đen ở dưới đáy[3].

Để tăng công với hoàng đế, Cao Biền vẽ bản đồ từng kiêu đất một rồi viết thành sách ghi chú rất tinh tường đem dâng lên vua Đường. Đại ý nói tất cả những mạch đất quý nhất của nước Nam, hắn đều đã trấn áp xong. Duy có kiêu đất ở chỗ trung độ (tức bây giờ là Hà-nội) thì hắn đã sai đắp một cái thành gọi là thành Đại-la để chặn long mạch. Lễ trấn áp này Biền làm rất công phu và linh đình. Trên hòn núi ở xa xa về phía Bắc thành Đại-la, hắn cho dựng một cái đàn tràng. Trong thành Đại-la, hắn sai nung một lúc tám vạn cái tháp bằng đất nhỏ. Nung xong, Biền huy động tám vạn quân, mỗi tên quân vai vác giáo, mũi giáo xóc một cây tháp, đi từ Đại-la tiến dần lên núi. Vừa đi họ vừa hô mấy tiếng "Thống vận hoàng đế". Đến nơi đặt tháp xuống đỉnh núi rồi tám vạn quân ấy lại

rùng rùng kéo về Đại-la. Cũng vì có những việc kỳ dị như thế nên núi ấy từ đó mang tên là núi Bát-vạn[4].

Hoàng đế Trung quốc đọc sách của Cao Biền lại càng khen ngợi hẳn. Nhưng việc làm của Biền bị dân chúng nước Nam oán ghét. Họ lập tâm chờ dịp giết hẳn cho bỏ hờn. Một hôm, Biền cưỡi điều bay vào miền cứ như bây giờ là Ninh-bình. Ở đây người ta đã chuẩn bị cung nỏ chờ khi điều của hắn bay qua là là mặt đất, là cả bao nhiêu người cùng nhất tề phóng tên. Điều bị gãy cánh rơi xuống núi. Biền bị trọng thương, sau đó phải đưa về Trung-quốc. Hòn núi ấy ngày nay còn mang tên là núi Cánh-diều, một trong ba ngọn núi ở gần trị sở Ninh-bình[5].

Ngày nay chúng ta có câu "Lấy bẫy như Cao Biền dẫy non" là ý nói nóng nảy vội vàng sẽ thiếu chu đáo, và thế nào cũng thất bại.

KHẢO DỊ

Về đoạn rằm lúa dưới huyết, có người kể khác:

Cao Biền sau khi tìm được đất quý bèn tự chôn mình trong huyết, huyết đất nay gọi là "phượng hoàng ấp noãn" chỉ một trăm ngày là hồi sinh. Trước đó Biền đã giao cho một bà già ở gần đấy một trăm nén hương, dặn mỗi ngày đốt một nén, đủ một trăm nén tức 100 ngày thì gọi hắn dậy. Nhưng vì hắn quên không nói với thần Đất nên thần Đất ở chỗ ấy giận, bèn khiến chuột đem lại tha ba nén hương đi. Khi đốt đến nén thứ 97, bà già tưởng đã đủ 100 ngày, mới đào huyết thức Biền dậy. Hắn dậy, vì chưa "quán khí" thành ra người cứ run lấy bẫy không làm gì nên chuyện[6].

Truyện này trong từng phần của kết cấu có những mối liên quan với nhiều truyện của các dân tộc khác.

1. Trước hết, phần đầu kể sự tích ngòi bút thần của Cao Biền gần giống với truyện Mã Lương với cây bút thần của Trung-quốc: Một em bé thích nghề vẽ, được thần cho một ngòi bút có thể vẽ bất kỳ cái gì cũng hóa thành vật thật. Nhờ ngòi bút đó, em đã giúp đỡ nhiều người nghèo khổ: kẻ có trâu cày, người có nông cụ, v. v... Một tên địa chủ thấy thế, bắt em đến vẽ cho hắn, nhưng em không chịu. Hắn giam em lại, nhưng em vẽ thang trèo ra được, vẽ ngựa cưỡi đi trốn và vẽ cung tên bắn chết hắn. Tiếng đồn đến tai vua, vua bèn chiếm đoạt ngòi bút thần, nhưng ngòi bút vào tay nhà vua mất cả màu nhiệm.

Vua lại phải trả bút cho em rồi bắt em vẽ biển, vẽ cá, và vẽ thuyền cho vua đi chơi. Thuyền cần có gió mới ra khơi được. Mã Lương bèn vẽ gió và vẽ rất nhiều gió làm cho sóng to, thuyền đắm, vua bị chôn vào bụng cá[7].

Người Trung-quốc còn có truyện Lộ Ban với cây bút thần:

Lộ Ban quê ở một làng gần tỉnh Phúc-kiến, giỏi nghề mộc và nghề phù phép. Ông tạc ra các con giống như muông chim, v. v.. rồi dùng bút thần điểm nhãn, tự nhiên mọi con vật đều hoạt động được. Một hôm, ông tạc một con chim

phượng hoàng, điếm nhãn rồi cưỡi lên lưng. Phượng hoàng đưa Lộ Ban lên không trung rồi đổ xuống một tỉnh cách Phúc-kiến 12 dặm. Bồ Lộ Ban đem việc của con khoe với mọi người. Cho rằng việc ấy sẽ mang đến tai họa, nên họ xông vào đánh đập bồ Lộ Ban. Để báo thù, Lộ Ban tạc một hình nhân điếm nhãn cho bay lên trời, nhưng có một cánh tay chỉ xuống đất. Vì thế, suốt hai năm trời, riêng vùng đó không mưa. Biết là do phép của Lộ Ban làm, mọi người phải đến xin lỗi bồ ông. Lộ Ban bèn cắt tay của hình nhân. Tự nhiên một trận mưa đổ xuống[8].

Chúng tôi ngờ đây là một câu chuyện đã được tô điếm theo hướng hiện đại hóa.

Có nhiều truyện khác không nói đến cây bút thần nhưng vẫn có chi tiết "điếm nhãn" hoặc phù phép để làm cho một pho tượng thành người thật:

Ở Quảng-ngãi có truyện Tranh nhau pho tượng. Một người thợ mộc tạc một pho tượng đàn bà bằng gỗ, rồi một người thợ bạc đục vòng xuyên đeo vào tay cho tượng; tiếp đến một người thợ may may áo quần mặc vào mình tượng. Cuối cùng nhờ một thầy phù thủy "khai quang, điếm nhãn", tượng bỗng biến thành một cô gái xinh đẹp, hoạt động như người thật. Từ đấy cả bốn người giành nhau, ai cũng kể công lao và đòi lấy cô làm vợ. Hỏi cô gái, thì cô phân xử như sau: người thợ mộc là cha, người thợ may là mẹ, người phù thủy là thầy, còn người thợ bạc mới là chồng. Có người đã diễn thành lời ca toàn bộ thiên truyện này:

Ngó chừng con bóng quá trưa,

Thì ông thầy pháp đâu vừa đến ngay

Ông khai quang điếm nhãn cao tài,

Nhờ ơn nơi phật nàng cười nói ra.

Khi đó anh nào cũng muốn nói chuyện nguyệt hoa...

Một truyện trong Non thức Pa-ca-ra-man của người Thái-lan cũng khá tương tự:

Có một người kể cho một nàng công chúa nghe một câu chuyện cổ: Ngày xưa, có bốn người trẻ tuổi, một người là thợ mộc, ông ta chọn một khúc gỗ bào trơn tru. Người thứ hai là thợ vẽ, vẽ vào gỗ hình dạng một cô con gái đẹp. Người thứ ba là thợ chạm, theo nét vẽ mà chạm hình cô gái. Người thứ tư là thầy phép, nhúng tượng gỗ vào một thứ nước thần làm cho pho tượng hoạt động chẳng khác gì người sống. Kể xong, người ấy hỏi công chúa xem ai xứng đáng là chồng cô gái. Công chúa đáp: chính là người thợ chạm[9]. (Loại truyện phân xử như hai truyện trên, xem thêm ở Khảo dị, truyện Ba chàng thiện nghệ, số 107, tập III)

Giống với truyện Tranh nhau pho tượng, thần thoại của người Ba-na (Bahnar) ở Tây nam Ma-da-gát-xca (Madagascar) có truyện Nguồn gốc loài người và người đàn bà đầu tiên.

Lần đầu tiên Tạo vật sáng chế ra ba người: hai người đàn ông là I-ma-nao (chế tạo) và I-ma-na-phi (ăn mặc) và một người đàn bà là I-ma-na-ja-ri (trang trí) ở trên mặt đất. Mỗi người ở một nơi cách xa nhau, không biết nhau. Một hôm I-ma-nao buồn tình tạc một tượng gỗ hình phụ nữ to bằng người thật. Tạc xong thấy đẹp, anh ngắm hàng ngày không chán mắt, ngày đêm trò chuyện với tượng không rời. Khi đi làm anh cũng đặt tượng ở bờ đường chỗ cao sáng để nhìn ngắm cho thỏa thích. Một hôm khác I-ma-na-phi đi dạo đồng, thấy bức tượng thì cảm về sắc đẹp, bèn đem về may mặc cho tượng bằng lụa màu rực rỡ, lại trang sức cho bằng đồ vàng. Chẳng bao lâu I-ma-na-ja-ri vì sống một mình buồn nên đi chơi cho khuây khỏa, lại bắt được bức tượng mừng lắm, hên đưa về cầu Tạo hóa cho nó hoạt động, sẽ coi như con. Tạo hóa chấp thuận, bảo đưa về cùng ngủ một đêm, truyền hơi vào là được. Quả nhiên sáng hôm sau, tượng hóa thành người thật, bà ta yêu mến không rời. Mất tượng, hai người đàn ông trước đi tìm, bắt gặp, bèn giành lại. Một cuộc tranh chấp nổ ra, cuối cùng phải nhờ thần phân xử. Thần phán: người tạc ra là cha, người cho nó cuộc sống là mẹ, còn người giúp cho ăn mặc trang sức là chồng. Sau đó I-ma-nao lấy I-ma-na-ja-ri làm vợ. Từ hai cặp này mà có loài người đông đúc. Từ đó mới có tục chồng phải nộp quần áo trang sức cho vợ, nếu trốn tránh phận sự này thì vợ có quyền bỏ[10].

Truyện Hy-lạp (Grèce) sưu tầm ở đảo át-xti-po-lay-ia (Astypalée): một người thợ mộc, một người thợ may và một thầy tu nghỉ đêm trong một cái lều của người chăn cừu với điều kiện là phải lần lượt thức canh súc vật. Phiên đầu, người thợ mộc tạc một pho tượng đàn bà. Đến phiên người thợ may, anh may cho tượng một cái áo choàng, và cuối cùng đến phiên thầy tu, ông làm cho pho tượng hoạt động bằng cách đọc 40 bài kinh. Đến đây thì trời sáng, cả ba cùng tranh nhau[11].

Về loại mô-típ "điểm nhấn", người Ấn-độ cũng có một truyện chép trong sách Ba mươi hai truyện về ngai vàng (Sinhâysanadvâtrinckâ). Nhân vật chính là Vi-cơ-ra-ma nhận của một ông sư ăn mày ba vật màu nhiệm: một miếng phấn, một cái gậy và một miếng vải. Nếu dùng miếng phấn vẽ một đội quân, rồi cầm gậy tay phải, người ta sẽ làm cho đội quân hoạt động theo ý muốn, cầm tay trái thì đội quân ấy biến mất. Vứt miếng vải người ta có thể cầu được ước thấy. v. v...

2. Về tình tiết bỏ gói xương vào hàm rồng, chúng ta còn có truyền thuyết về Đỉnh Tiên Hoàng rất phổ biến:

Ngày xưa bố Đỉnh Tiên Hoàng là một con rái cá bị người làng bắt ăn thịt. Bà mẹ nhặt xương gác lên mái bếp. Sau đó một thầy địa lý qua đây thấy có hàm rồng đang kỳ há miệng. Nhưng hàm rồng ở sâu dưới đáy nước, thầy lại không biết lặn, bèn nhờ một em bé (tức sau này là Đỉnh Tiên Hoàng) mang gói xương

của bố y bỏ vào miệng rồng. Nhưng bé Đinh lại đánh tráo vào đó gói xương rai cá - bố của mình. Về sau, khi biết được sự thật, thầy địa lý báo thù bằng cách bảo bé Đinh buộc thêm lưởi gươm vào cổ con rồng, nói rằng ngôi đất ấy phát tướng, cần có gươm mới làm nên sự nghiệp. Nhưng không ngờ Đinh lại mắc mưu thầy địa lý: lưởi gươm treo vào cổ, lâu ngày gươm cứa đứt mất cổ rồng; ngôi nhà Đinh sau này không được lâu dài là vì thế.

Nói chung cũng như nhiều truyền thuyết mang tính chất mê tín khác, truyền thuyết này chỉ là mượn lịch sử để tô vẽ cho nghề phong thủy.

3. Về chỗ rằm lúa thành binh, dân tộc Kar (Quảng-ngãi) cũng có truyện Tu-cờ-rơm:

Tu-cờ-rơm là một thủ lĩnh nhiên lần chống nhau với quan và lính. Có lần ông bị bắt nhưng đêm đến lại cởi trói trốn về. Nhờ được thần sai rùa vàng dưới hồ hiện lên trao cho gươm, rồi lại đến bày cho phép rằm đậu xanh (không phải lúa) trong một hầm đá đóng kín, chờ đủ một tháng mở ra thì đậu biến thành binh. Lại phải chuẩn bị nồi cối giã gạo để cho binh lính làm cái ăn. Tu-cờ-rơm làm theo. Vừa khi ông phải đi đánh kẻ thù, dặn vợ nếu ở nhà có sự gì lạ cũng cứ để yên. Không ngờ vợ ông ở nhà thấy có tiếng lao xao dưới hầm tưởng có kẻ đã lên đến phá công việc của chồng, bèn đến nạy cửa hầm ra xem thì ra những hạt đậu đã biến thành người nhưng còn thiếu nhiều bộ phận: kẻ thiếu tay, người thiếu mắt. v. v...

Thấy cửa mở họ liền ủa ra ngoài hồ reo nhưng vì còn non yếu nên chết yếu tất cả. Tu-cờ-rơm trở về thấy cơ sự như thế chỉ còn chép miệng thở dài. Nhưng sau đó thần lại hiện xuống hà hơi cho sống lại tất cả và đánh được kẻ địch.

Ngày nay ở làng Ngang (xã Trà Sơn), huyện Trà-bông (Quảng-ngãi) còn có một hồ nước trong suốt đáy. Bên cạnh có hang đá gọi là hầm rằm binh, ở trong còn có nhiều hòn đá giống nồi niêu, cối chày v. v... tương truyền là nơi Tu-cờ-rơm rằm binh[12].

4. Xem Khảo dị truyện Khổng lồ đúc chuông (số 67) cũng có câu chuyện con gái Cao Biền cưới diều sang Nam và Khảo dị truyện Sự tích đình làng Đu-hoa (số 123, tập III, truyện Người học trò với ba con quỷ (số 131, tập III).

[1] Đoạn này theo Duy-mu-chiê (Dumoutier). Truyền thuyết Lịch sử Bắc và Trung kỳ.

[2] Theo Lãng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

[3] Theo Thực nghiệp dân báo.

[4] Theo tạp chí Nam phong (1925).

[5] Theo lời kể của người Ninh-bình.

[6] Theo tạp chí Tư tưởng số 6 và 7 (1972).

[7] Truyện dân gian Trung-quốc, I, Nhà xuất bản Ngoại văn Bắc-kinh, 1958.

[8] Trong tạp chí Nhân loại (Anthropos), XII- XIII (1917- 1918).

[9] Dẫn trong báo Châu Á "Jounlal Asiatique", tập CCV (1924).

[10] Trong Tạp chí dân tộc học và những truyền thống dân gian, tập 11 (1921).

[11] Theo Van Ghen-nep (Van Gennepe). Hình thành truyền thuyết.

[12] Theo Võ quýt chưa dày.

Nợ Như Chúa Chỗm

Vào thời nhà Lê, có một ông quan lớn trong triều tên là Mạc Đăng Dung có chí muốn cướp ngôi vua. Nhà vua biết được tin đó nhưng thế lực của Mạc rất lớn, ông ta cầm binh quyền, bè đảng lại đông nên không thể làm gì được. Cuối cùng nhà vua cất lên trốn đi nhưng chẳng được bao lâu đã bị Mạc Đăng Dung bắt đem về giam lại.

Hồi ấy ở trại giam có một cô hàng rượu vẫn thường gánh rượu đến bán cho lính canh ngục. Một hôm, cô hàng đưa rượu vào bán, thấy có một phạm nhân mới mặt mũi khôi ngô bị giam riêng ra một nơi. Khi biết người đó làm vua, cô hàng có ý muốn làm quen. Mỗi lần bán rượu cho ngục tốt nàng đều rót rượu cho vua uống. Dần dà giữa hai người một mối tình nhóm lên. Một hôm cô hàng cất một mẻ rượu rất ngon lại có pha thuốc mê đem đến chuốc cho quân canh. Chờ cho họ nằm gục xuống, nàng bèn vào tình tự với vua.

Từ đó cô hàng rượu có thai. Nhà vua biết mình không thoát khỏi bàn tay tàn bạo của Mạc, bèn giao ấn ngọc lại cho nàng và nói:

- Nàng hãy giữ vật này làm tin, nếu sau này đẻ con trai, sẽ có ngày nó phục thù cho cha.

Không bao lâu, nhà vua quả bị họ Mạc sai người vào ngục giết chết. Tất cả hoàng hậu, thái tử, công chúa, phi tần của vua đều chịu chung số phận. Xong việc đó, Mạc chiếm lấy ngôi Lê làm vua nước Đại Việt.

Cô hàng rượu được tin không còn hồn vía nào nữa. Nàng trốn đi nơi khác làm thuê làm mướn, sống một cuộc đời lẩn lút. Đủ ngày đủ tháng, nàng sinh được một người con trai đặt tên là Chỗm. Lớn lên, Chỗm được vào chùa ở với sư cụ Thạch Toàn học kinh kệ. Hắn rất sáng dạ nhưng phải cái nghịch ngợm thì không ai bằng.

Một hôm đi chơi về đói, Chỗm thấy trước tượng Mục Thiện có bày một mâm bông đầy chuối và quýt. Anh chàng rón rén đến bệ, bịt mắt Mục Thiện lại và bẻ chuối ăn. Bất đồ sư cụ ở đâu đi vào trông thấy liền nọc cổ Chỗm ra đánh. Chỗm

tức lắm, chờ lúc sư đi vắng lấy giấy viết mấy chữ "Mười tay mười mắt không giúp được gì cho ta. Thật là vô ích. Phải đày đi phương xa". Viết xong dán vào ngực Mục Thiện. Đêm hôm ấy sư cụ tự nhiên mộng thấy Mục Thiện bảo mình rằng: - "Nhà vua đói nên mới ăn, sao lại đánh ngài để ngài đuổi ta đi? Phải mau tìm cách xin lỗi ngài, để ngài tha cho ta". Tỉnh dậy, sư cụ rất phân vân, mới gọi chú tiểu Chỗm vào kể chuyện cho biết và bảo bóc giấy đi. Sư cụ hỏi anh chàng: - "Cha mày đâu?". Chỗm đáp: - "Tôi lớn lên chưa từng nghe nói có cha".

Sau đó Chỗm trở về hỏi mẹ: - "Cha con đâu?". Mẹ sợ không dám nói sự thật cho con biết, đáp: - "Cha con là họ Lê, bị hổ ăn thịt chết rồi". Nghe nói Chỗm rất buồn. Từ hôm đó anh chàng lập tâm giết hổ để báo thù cho cha.

Một hôm, Chỗm vào rừng chơi, thấy một con hổ đang ngủ dưới gốc cây, liền rón rén cầm một hòn đá lớn ném mạnh vào đầu hổ, hổ vỡ óc chết tươi. Đang nắm đuôi hổ lôi về thì Chỗm bỗng gặp một con hổ khác xông ra. Chỗm sợ quá, quẳng xác hổ cầm đầu chạy. Nào ngờ khi hổ sắp đuổi kịp thì tự nhiên có một ông già tay cầm côn sắt ở trong rừng hiện ra đánh chết con hổ dữ. Chỗm thoát chết, sụp lạy ông già. Ông già trao cho chàng cái côn, bảo: - "Con hãy học một ít miếng võ để mà hộ thân". Chỗm sung sướng vâng lời. Dạy xong, ông già cho Chỗm cái côn rồi đi mất.

Từ đó, Chỗm dùng côn làm vũ khí tùy thân. Một hôm đi qua một cái miếu, nghe đồn có nhiều yêu quái hại người, Chỗm bèn cầm côn trèo tường nhảy vào tìm yêu quái. Một lát, ở trong hang sâu bò ra một con rắn lớn mắt sáng như sao, miệng phun khí độc toan vồ lấy Chỗm. Chỗm giờ thần côn vụt lấy vụt để vào đầu rắn. Rắn chết, từ đó trong xóm được yên ổn.

Hai mẹ con Chỗm về sau thấy yên lại trở về chốn cũ. Hàng ngày anh chàng đi kiếm củi hoặc làm thuê làm mướn nuôi mẹ. Những lúc bụng đói, Chỗm thường vào ăn cơm hay mua thức ăn ở các quán cơm tại cửa ô. Hàng nào được Chỗm vào ăn cơm là hôm đó bán đắt như tôm tươi, còn các hàng khác chỉ ngồi xua ruồi. Người ta cho là Chỗm nhẹ vía nên hàng nào cũng muốn mời anh ta vào ăn, dù bán chịu cũng được. Chỗm được thể ngày nào cũng đánh chén loang toàng và tiêu pha bạt mạng. Toàn là ăn chịu, mua chịu. Ai hỏi nợ, hẳn đều bảo:

- Đến ngày tôi làm nên, sẽ xin trả chu tất.

Hồi bấy giờ có một vị quan tên là Nguyễn Kim trốn sang Lào mưu đồ việc diệt Mạc. Vua nước Lào nhường cho ông miếng đất Sầm-châu làm căn cứ để lo việc khởi nghĩa. Qua mấy năm chiêu binh mãi mã, Nguyễn Kim đã gây dựng được lực lượng. Nhưng ông ta còn muốn tìm một người thuộc dòng chính thống để bá cáo với thiên hạ. Khốn nỗi, con cháu vua Lê đã bị Mạc giết hại hầu hết. Một đêm nọ Nguyễn Kim thấy một vị thần nhân hiện ra trong giấc mộng bảo ông: - "Thiên tử ra đời đã lâu, sao không đón về, còn chờ gì nữa?". Ông hỏi: - "Ở đâu?". - "Cứ đi về phía Tây kinh thành, ở dãy hàng cơm đúng ngày thì giờ ngộ, hãy thấy rồng đen quấn cột là chính thị thiên tử".

Sau khi tỉnh dậy, Nguyễn Kim rất mừng, bèn mang theo một ít bộ hạ cải trang đi tìm con cháu nhà Lê theo như lời thần nhân đã mách. Hôm đó, Chỗm đang ngồi ở hàng cơm, thấy có người khách lạ đi qua bèn đứng ôm lấy cột nhìn ra. Nguyễn Kim rảo qua một lượt chỉ thấy quán cột là một chàng trai trẻ tuổi, da đen sì, nhưng thấy dáng điệu hèn hạ nên cũng không để ý.

Đêm hôm đó Nguyễn Kim lại mộng thấy thần trách: - "Ta đã mách cho biết thiên tử mà không nghe. Ngày mai ra bờ sông, hãy thấy ai đội mũ sắt, cưỡi thuyền rồng là đúng". Ngày mai Nguyễn Kim chực ở bờ sông nhìn những thuyền bè qua lại, nhưng chờ mãi chẳng thấy ai đội mũ sắt cả. Mãi đến gần tối có một chuyến đò ngang, trong đó có Chỗm và một người bán cháo gang. Gặp khi trời đổ cơn mưa, Chỗm không có nón, phải mượn chiếc chảo úp lên đầu cho đỡ ướt. Nhưng Nguyễn Kim không chú ý vì thấy y không có vẻ gì là người quyền quý. Thần lại xuất hiện trong giấc mộng của Nguyễn Kim trách ông ta không nghe lời mình rồi bảo: - "Ngày mai cứ đến chỗ quán cơm cũ tìm người nào "đi chữ đại, trở lại chữ vương" thì đón về".

Qua ngày sau, Nguyễn Kim và bộ hạ lại kéo nhau đi tìm. Họ quả thấy anh con trai hôm nọ bây giờ đang rượu say nằm trong quán cơm, đầu gối lên ngọn côn, hai tay bỏ xuôi xuống, hai chân dặng ra hai bên như chữ "đại" 大. Bỏ đi một lúc, đến lúc trở lại họ thấy Chỗm cựa mình, lúc này ngọn côn trật lên khỏi đầu, hai tay bỏ ra trước ngực còn hai chân thì xếp bằng tròn như chữ "vương" 王. Bấy giờ Nguyễn Kim mới tin chắc anh chàng này là người thần có ý mách cho mình, bèn giả cách vào quán ăn uống, chờ Chỗm dậy sẽ đến làm quen.

Chỗm chợt tỉnh, thấy một người khăn áo có vẻ quyền quý đến sát giường mình, thì cầm côn chực bỏ chạy. Nhưng Nguyễn Kim đã giữ Chỗm lại thưa rằng:

- Xin điện hạ đừng sợ.

Chỗm ngạc nhiên đáp:

- Ô hay! Điện hạ nào. Tôi là thằng Chỗm đây!

Nhưng thấy người quyền quý ấy có vẻ ân cần khi hỏi thăm cha mẹ và chỗ ở, Chỗm an tâm hơn trả lời:

- Tôi họ Lê, cha bị hổ ăn thịt, còn mẹ ở nhà.

Nghe nói là họ Lê, bọn Nguyễn Kim mười phần đã chắc đến bảy tám liền theo Chỗm về đến tận nơi. Trước những người khách lạ, mẹ Chỗm nửa mừng nửa sợ. Mãi đến khi biết được thiện ý của bọn họ, bà mới đưa ấn ngọc ra và kể rõ tình đầu.

Thế là từ đó Chỗm cùng mẹ từ giả ngôi nhà nát ở ngoại thành lên đường đến Sầm-châu lo việc phục thù cho cha. Thanh thế quân Lê mỗi ngày một to. Vua Mạc nghe tin sai tướng đem sáu mươi vạn quân vào đánh. Qua bao nhiêu trận kịch chiến, quân Lê đại thắng. Rồi không bao lâu, quân của Chỗm tiến đánh ra

Bắc. Quân Mạc hề thấy quân Lê đến đâu là chạy trốn như vịt. Bấy giờ Chỗm đường đường là một vị chúa uy thế lẫy lừng.

Đến ngày khai hoàn, trở về kinh thành, khi quân gia đang trên đường tiến vào cửa ô thì bỗng có một số người chủ hàng cơm ngày xưa bán chịu cho Chỗm, từ đâu kéo ra để chào người quen và để đòi nợ cũ. Thấy thế, bọn lính tiền đạo toan bắt tội vô lễ. Nhưng chúa Chỗm ngăn lại rồi kể chuyện ăn chịu ngày còn hàn vi cho các tướng tá nghe. Đoạn bảo quan hầu lấy tiền ra trả cho họ. Lúc đó có nhiều người thấy kẻ kia đòi được nợ cũng xúm lại kể ơn nghĩa cũ: kẻ tính thành năm quan, người kể thành mười,... biến thành một cuộc truy nợ đông như đám hội. Bọn quan hầu đếm tiền mãi không xiết vì con số chủ nợ ngày một tăng. Bọn họ bèn nghĩ ra được một kế là đứng trên kiệu vung tiền xuống cho ai nhặt được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Mọi người thấy thế đổ xô ra cướp. Dần dần quan quân tiến đến phố cứ như bây giờ là vườn hoa cửa Nam. Một viên đại tướng nghĩ chúa mình sắp lên ngôi tôn mà khách nợ cứ chạy theo réo mãi như thế này thì còn thể thống gì nữa, mới viết vào một tờ giấy hai chữ "cấm chỉ" dán ở giữa phố và sai một toán quân đóng lại đó, ra lệnh hề thấy ai còn đòi nợ chúa nữa thì chém ngay. Nhờ thế, người ta mới thôi réo và thôi đuổi theo xe Chỗm.

Chúa Chỗm vào đến hoàng cung thì trời sắp tối. Thấy văn võ bá quan ai cũng mong muốn mình lên ngôi ngay để yên lòng thiên hạ, Chỗm bèn ngửa mặt khấn trời rằng: - "Hỡi thượng đế, nếu tôi xứng đáng nối nghiệp nhà Lê thì xin quay mặt trời trở lại chính Ngọ, bằng không thì tôi sẽ trở về chốn cũ làm ăn, giao quyền vị lại cho người khác". Khấn được một lúc, quả nhiên trời sắp tối bỗng sáng hẳn, mặt trời lại treo giữa đỉnh đầu. Chỗm đường hoàng bước lên làm lễ dâng quang tự xưng hoàng đế. Lễ tất, mặt trời tự nhiên kéo một mạch về phương Tây lặn mất. Trời bỗng lại tối sầm như mực; lúc mọi nhà vừa thắp đèn lên thì gà vừa gáy canh[1].

Ngày nay còn có câu tục ngữ Nợ như chúa Chỗm và có câu phong dao:

Vua Ngô ba mươi sáu tấn vàng

Thác xuống âm phủ chẳng mang được gì.

Chúa Chỗm mắc nợ tỳ tỳ,

Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô.

Ở chỗ vườn hoa cửa Nam bây giờ, cũng do sự tích trên mà người ta còn gọi là "Ngã tư Cấm chỉ".

KHẢO DỊ

Truyện này rõ ràng đã được nhà nho tô điểm để đề cao "thiên mệnh", đề cao "thuyết dòng giống" nhưng vẫn không xóa mờ được tính chất dân gian của nó. Chúng tôi kể vào đây để bạn đọc tiện so sánh với những truyện khác như Vua

Heo (số 104, tập III),... Về đoạn đội nón sắt cưỡi thuyền rồng có sách kể là đội nón sắt đi kiệu: "Chỗm đội chảo lên đầu che mưa, đến nhà hàng bị chó đuổi phải chạy lên cối xay ngòi"[2].

Đoạn cuối có lẽ mượn lại một mô-típ của thần thoại hoặc anh hùng ca thời cổ: mô-típ kéo mặt trời lùi lại. Có phần tương tự với truyện Anh hùng Ghi-ông của đồng bào Ba-na (Bahnar): Ghi-ông cùng em là Ghi-ơ luôn luôn là kẻ chiến thắng trong các cuộc đọ sức với các lực sĩ khác. Mọi người đều phải hàng phục họ. Một hôm Ghi-ông lên trời đánh Thần Sét và làm cho Thần Sét bị thương. Hôm khác, Ghi-ông đến xứ sở của Đam Da-rai bắt lấy vợ của y đem về. Đam Da-rai đuổi theo đòi Ghi-ông bồi thường nhưng y chỉ nhận được những lời chửi rủa. Cuộc giao chiến bèn nổ ra lúc mặt trời mọc với một khí thế rất dữ dội. Ghi-ông càng đánh càng khỏe làm cho Đam Da-rai có phần suy nhược. Nhưng lúc ấy trời đã sắp tối mà anh chàng vẫn chưa kết liễu được trận thắng. Ghi-ông bèn nhảy lên trời gọi tất cả các thần kéo lùi mặt trời trở lại thành buổi trưa để cho hắn đánh nốt. Mặt trời quả được kéo lên, mặt đất đang tối tự nhiên lại sáng. Ghi-ông hạ được đối phương, chiếm được người đẹp. Đam Da-rai ngã xuống chiến trường sau thành một ngôi sao, ngày nay còn gọi là sao Đam Da-rai[3].

Trung-quốc cũng có một truyện thuộc kiểu truyện Anh hùng Ghi-ông: Lỗ Dương Công đem quân đánh nhau với quân nước Hàn, nhưng chưa phân thắng phụ. Trời đã chiều, ông không muốn bỏ dở trận đánh. Bèn giơ ngọn giáo vẩy mặt trời lên. Mặt trời quả vâng theo lời lùi lại ba xá (mỗi xá là 30 dặm, tức là 90 dặm) cho ông kết liễu trận thắng[4].

Xem thêm truyện Người học trò với 3 con quỷ (số 131), tập III.

Về tình tiết Chỗm đày Mục Thiện, ở truyện Trạng Hiền (số 81), truyện Lý Thái Tổ (của ta), truyện Minh Thái Tổ (của Trung-quốc) đều có, tuy đối tượng bị đày có thay đổi: truyện Trạng Hiền thì đày Phật, truyện Lý Thái Tổ đày Hộ pháp, truyện Minh Thái Tổ đày Giả Lam.[5]

[1] Theo Vũ Khắc Minh và Phan Hàn Khanh. Truyện Chúa Chỗm.

[2] Chúa Chỗm tân truyện.

[3] Theo lời kể của đồng bào Ba-na.

[4] Theo Hoài Nam tử.

[5] Theo Sơn cư tạp thuật.

Sự Tích Núi Ngũ Hành

Ngày xưa, có một ông cụ già sống một thân một mình trong một túp lều còn trên bãi biển vắng. Những người dân gần đó không biết ông cụ đến đây làm gì và đến từ lúc nào.

Một hôm, tự nhiên ngoài biển khơi có một vùng sóng gió nổi lên dữ dội làm bầu trời tối mịt. Hồi lâu có một con giao long rất lớn ngoi vào bờ, trườn lên đất liền. Giao long quần đuôi trên bãi cát làm vệt đất thành từng đường ngoằn ngoèo. Gió thổi ào ào, bụi cát mù mịt. Gian lều của ông già gần đó xem chừng muốn đổ. Cuối cùng một tiếng gào rống lên, rồi một chiếc trứng lớn trong bụng giao long xuất hiện bên cạnh nhà của ông già. Để xong, giao long lại trườn xuống biển đi mất.

Một lát sau lại đến lượt một con rùa vàng to lớn cũng từ ngoài khơi tiến vào. Rùa vàng đào đất chôn trứng vào bãi cát. Đoạn, rùa bò đến trước mặt ông lão bảo rằng:

- Ta là thần Kim quy. Ta muốn người phải hết sức bảo hộ giọt máu này của Long quân!

Ông già trả lời:

- Sức cùng tài tận nhà tôi thì làm sao mà bảo hộ được.

Rùa liền trao cho ông già một cái móng và nói:

- Người hãy cầm lấy cái này, bao giờ có việc gì khó khăn nguy cấp thì đặt nó vào tai, ta sẽ giúp ngay. Không lo gì cả.

- Được, tôi sẽ xin hết sức.

Một hôm từ đàng xa tiến đến một chiếc xe trâu, trên có mấy tên lính hung dữ. Ông già hoảng hốt lo sợ vì chiếc xe cứ nhằm đúng hướng trứng mà lao tới. Ông đứng dậy khoát tay làm dấu cho xe chạy đi ngã khác mà không được. Ông vội đặt móng rùa vào tai. Tự nhiên có một tiếng nói nhỏ đủ lọt vào tai ông: "Nằm xuống! Nằm xuống!". Ông vừa phủ phục thì hóa ngay một con hổ lớn. Bọn lính trên xe hoảng hốt đánh xe quay trở lại.

Sau đó, ông cụ tháo gian nhà của mình đưa tới dựng lên che cho trứng thần. Nhưng ông không ngờ rằng trứng thần cứ mỗi ngày một lớn mãi. Thoạt tiên nó làm nổi cát lên. Rồi ngày một, ngày hai nó rẽ dần cát ra và nhô lên khỏi mặt đất. Mỗi lần như thế thì cụ già lại hi hục xúc cát lấp lại. Nhưng vô ích vì chỉ ngày mai ngày kia nó đã nhô cao hơn, đến nỗi đội cả gian nhà của ông cụ lên trời. Trứng càng ngày càng lớn làm cho ông cụ thấy sức của mình bé lại. Tuy nhiên, ông vẫn hết lòng vì trứng thần. Ông đi chặt cây, chặt lá về che cho kín trứng. Nhưng cây lá cũng không che nổi nữa vì trứng ngày một phình to ra. Không những nó nhô cao lên trời mà còn nở cả bề rộng. Màu vỏ trứng xanh đỏ tím vàng lóng lánh như một hòn ngọc khổng lồ.

Một hôm, gian lậu của ông cụ bị những tên vô lại đốt cháy. Ông cụ cầu cứu với móng rùa. Tự nhiên trong lòng trứng hiện ra một cái hang đá có đủ giường chiếu sẵn sàng. Ông già vừa đặt mình xuống là ngủ thiếp ngay.

Giữa lúc đó thì một cô gái bé từ trong lòng trứng ra đời bên cạnh giường của ông già. Sữa ở mạch đá trong hang chảy ra nuôi cô gái bé lớn lên như thổi. Nhưng tuy ông già ngủ mà cô gái cũng không cô quạnh. Hàng ngày có những con khỉ hái hoa quả đến cho cô ăn, có những con chim cu tha bông đến dệt cho cô mặc. Ông già ngủ một giấc tỉnh dậy lấy làm kinh ngạc khi thấy một thiếu nữ xinh đẹp ngồi bên cạnh mình. Cô gái reo lên: - "Mười lăm năm nay con ngày ngày lắng nghe hơi thở đều đặn của cha. Nay cha đã dậy, con vui mừng biết mấy". Ông già ngỡ ngác nhìn trứng thần bây giờ đã thành một hòn núi đá to lớn, cỏ cây đã rậm rạp, chim chóc thú vật đã đến sinh hoạt nhộn nhịp. Móng rùa vẫn còn ở đầu giường. Ông vội cầm lấy để vào tai. Móng rùa mách đường cho ông già và cô gái ra khỏi hang và cho biết phải làm những việc gì. Từ đây ông già lại có thêm chức trách dạy dỗ săn sóc cô gái của Long quân. Trong khi đó, chim chóc và thú rừng đến quán quýt bên cạnh hai người. Bọn mục đồng cũng không quên lui tới làm quen với với bọn họ.

Một hôm có một đội quân không hiểu từ đâu lại, mặt mũi hung ác, gươm tuốt sáng lòe, đến bỗ vây chiếm lấy hòn núi mới. Bọn chúng xô tới định bắt cả trẻ lẫn già đi, nhưng móng rùa đã làm cho chúng chết không kịp ngáp. Cả một vòng lửa rất dày ùn ùn bốc lên vây lấy chúng và chẳng cho một tên nào chạy thoát. Thấy núi và người bỗng dung xuất hiện ở địa phương mình, nhân dân quanh vùng cho là một sự lạ chưa từng có. Tin là tiên xuống trần cứu dân, họ đến gặp cô gái và ông già để xin thuốc và cầu khẩn mọi việc.

Thấy họ cần dùng thuốc, cô gái lấy những mảnh đá có màu xanh, đỏ sáng giáp giới, buộc lại với nhau rồi ném ra xung quanh chỗ ngồi. Trên mặt đất bỗng mọc lên một loại cây cỏ hoa năm cánh dùng để chữa bệnh sốt rét rất hiệu nghiệm. Người ta đưa nhau đi hái hoa đó về chữa bệnh. Họ gọi là hoa Tứ quý. Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng. Ai ai cũng nhắc đến nàng tiên bé nhỏ với một tấm lòng triu mến.

Sau đó chẳng bao lâu, nhà vua nghe tin có nàng tiên xinh đẹp, bèn sai quan quân mang lễ vật đến cầu hôn cho hoàng tử. Khi sứ giả đến thì trông thấy một già một trẻ đang đánh cờ "gánh" trên tảng đá lớn. Sứ giả bước vào đệ trình lễ vật và quốc thư. Giữa khi ông cứ già lúng túng chưa biết nên xử trí thế nào thì rùa vàng đã tự dưới biển hiện lên báo tin cho ông biết là Long quân đã bằng lòng gả. Từ đây núi vắng người tiên. Cô gái từ biệt cha nuôi lên kiệu đi theo sứ giả, có mấy trăm quân sĩ theo hầu. Còn ông già trả móng rùa lại cho rùa thần rồi cưỡi lên lưng rùa đi biệt.

Ngày nay hòn núi đá ấy vẫn hãy còn. Nó là hòn núi đẹp nhất nổi lên ở bờ biển Quảng-nam. Người ta gọi nó là núi Ngũ-hành. Ở phía Tây núi có sông Vĩnh-diện chảy ra cửa Hàn. Người ta bảo sông đó cũng như sông Cẩm-lệ, sông Hàn đều do bà vợ Long quân vô tình làm ra trong khi quần quại ở cũ[1].

KHẢO DỊ

Một truyền thuyết khác về núi Ngũ-hành thì cho đó là năm ngón tay của đức Phật Quan âm đè lên mình Đại thánh. Năm ngón tay đó hóa làm năm hòn núi Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tức là Ngũ-hành sơn[2]. Truyền thuyết này có phần chịu ảnh hưởng của Tây du ký.

[1] Theo Rích-cơ-bua (Ricquebourg). Đất rồng.

[2] Núi Ngũ-hành có năm hòn: Hòa-sơn, Kim-sơn, Thổ-sơn một bên; Thủy-sơn, Mộc-sơn một bên; ở giữa là con đường sắt.

Lý Ông Trọng Hay Sự Tích Thánh Chèm

Ngày xưa, ở làng Chèm có một người họ Lý khỏe mạnh lạ thường. Đặc biệt thân thể của anh ta quá khổ, đo được hai trượng sáu thước bề cao. Vì thế đi đâu ai cũng kính sợ người ta gọi là Ông Trọng.

Bấy giờ khúc sông Cái ở gần làng Chèm có một con giải rất lớn không biết đến đâu tự bao giờ. Con vật thỉnh thoảng bắt một người và súc vật tắm ở bên. Một hôm người mẹ Ông Trọng đi múc nước bị giải tha đi mất. Chàng vô cùng đau đớn, quyết tâm diệt trừ cơn ác vật. Chàng đắp đê chắn ngang khúc sông đó lại rồi cày cục tát cạn hết cả nước. Khi đáy sông và vực đã khô kiệt chàng xuống nắm cổ con giải lôi lên. Tự tay Ông Trọng phanh thây con giải làm lễ tế mẹ. Chàng khóc một bữa rất thảm thiết, rồi sau đó cũng một mình chàng ăn hết cả thịt con giải.

Hồi đó nhà vua cần dùng nhiều phu phen để xây dựng các công trình và cung điện. Lý Ông Trọng ở trong số những người bị bắt đi phu. Số phận những người bị bắt đi phu thật là trăm tình nghìn tội. Chàng bị bọn lính tráng quất roi vào đít những lúc chúng ộp đi làm. Chàng kêu lên:

- Tài trai như ta phải chịu nhục như thế này ư!

Than đoạn, bỏ trốn đi mất. Chàng đi rất xa, vừa học chữ vừa làm việc nuôi thân. Nhưng chẳng bao lâu trong một cuộc ẩu đả, chàng đã phạm tội giết chết kẻ địch. Người ta giải chàng về kinh cho nhà vua phán tội. Vua thấy thân thể chàng như hộ pháp thì không nỡ xử tử, bèn ra lệnh tha chết cho chàng. Vua cho làm thị vệ và dần dần yêu về sức khỏe, cho hầu bên mình ngự.

Hồi đó nhà vua phải thần phục hoàng đế nước Tần. Tiếng tăm của Lý Ông Trọng không ngờ lan truyền sang đến phương Bắc cho nên ít lâu sau đó hoàng đế nước Tần cho sứ sang đòi nộp Lý Ông Trọng làm cống vật. Nhà vua không có cách gì từ chối, bắt đực dĩ phải để cho chàng về tay kẻ khác.

Được Lý Ông Trọng, vua Tần mừng lắm: phong làm Tư lệ hiệu úy sai đi dẹp giặc. Cuối cùng vua cho chàng làm trấn thủ xứ Lâm-thao. Từ lâu người Hung-nô vẫn xâm phạm vào bờ cõi nước Tần. Quan quân tiến đánh thì họ rút lui, quan quân rút lui thì họ tiến đánh, luôn năm can qua không bao giờ lắng. Họ làm cho quân lính nước Tần rất cực khổ.

Nhưng khi người Hung-nô vừa thấy mặt Lý Ông Trọng thì cho là một vị thần linh giáng hạ. Họ khiếp sợ đến nỗi hề thấy bóng dáng của chàng ở đâu là ở đấy không đánh tự nhiên vỡ. Vì thế, sau mấy năm liền. Ở một dải biên thùy, người Hung-nô không dám quấy nhiễu. Vua Tần lại càng kính trọng chàng, phong tước và gả con gái cho.

Rồi đó, Lý Ông Trọng xin phép hoàng đế nước Tần cho trở về quê hương. Chàng rất sung sướng khi gặp lại bà con làng nước. Nhưng ít lâu sau, người Hung-nô thấy vắng mặt Ông Trọng lại rủ nhau vào cướp bóc vùng biên giới. Hoàng đế nước Tần lấy làm lo lắng, lập tức sai sứ sang đòi chàng trở lại trấn thủ Lâm-thao.

Nhưng lần này chàng không muốn đi nữa. Chàng thà sống khổ cực nhưng được ở quê nhà còn hơn là làm quan cho nước Tần. Bà con làng nước có người khuyến khích chàng hãy ra đi cho trọn công danh, nhưng Lý Ông Trọng cương quyết không đi. Vua Tần tuyên triệu không được toan cất quân sang hỏi tội. Thấy thế, nhà vua hoảng sợ đành phải cho sứ sang nói dối là chàng không may đã bị bệnh tả mà chết. Vua Tần nghe nói không tin, phái một viên cận thần sang khám. Người ta dùng nhiều cách để đánh lừa sứ giả phương Bắc. Lúc đào mộ và nạy ván thiên lên, sứ giả cũng không ngờ rằng trong những tầng vải liệm chỉ là một cái xác bằng gỗ. Nhưng nghe sứ giả về tâu trình, vua Tần vẫn không tin, lại sai sứ sang đòi phải đưa hài cốt của ông Trọng sang làm chứng. Thực là khó xử. Không đi cũng dở mà đi cũng dở; đằng nào cũng khó thoát tội "khi quân". Túng thế chàng phải tự đâm cổ hy sinh để yên việc nước.

Hoàng đế nước Tần thấy hài cốt Lý ông Trọng mới tin là thực. Nhưng còn việc đánh dẹp Hung nô nếu không có Ông Trọng thì thật là rầy rà. Cuối cùng vua Tần cho gọi tất cả thợ đúc lại rồi mở kho đồng ra, sai đúc một cái tượng của Ông Trọng. Tượng tượng rỗng, có máy móc điều khiển bàn tay chân. Tượng đúc xong, vua sai đặt ở trước cửa Tư mã tại Hàm-dương. Rồi vua sai người chui vào bụng tượng vặn máy cho tay chân cử động y như người thật. Người Hung nô nghe sứ giả đi về kể chuyện, tưởng đó là ông Trọng đang sống, từ đó lại thần phục như trước[1].

Người ta còn nói từ lúc Ông Trọng bắt giải tế mẹ, một khúc sông từ làng Chèm về Đại-la, nòi giống giải không bao giờ dám đến đấy trú ngụ nữa[2].

KHẢO DỊ

Về chỗ Lý Ông Trọng giết con gái. Sự tích xã Bộ-đầu[3] cũng có tình tiết tương tự:

Một bà cụ đi gánh nước ở bên sông bị con giao long bắt, bà chỉ còn kêu được mấy tiếng. Thiên vương (có người kể là con bà cụ) từ trên trời nghe tiếng vội xuống trần rồi lặn xuống sông, xách cổ hai con giao long lên bờ, lấy chân giẫm chết, rồi lại lên trời. Những dấu chân của Thiên vương vẫn còn lại, in trên đá, đo được hai thước một tấc chiều dài. Từ đó xã lấy tên là xã Bộ-đầu[4].

[1] Theo Lĩnh-nam chí quái.

[2] Theo lời kể của người vùng Chèm.

[3] Thuộc huyện Thường-tín (Hà-tây).

[4] Theo Vũ Phương Đề. Sách đã dẫn.

Lê Lợi

Hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta, đối đãi với dân ta vô cùng tàn ác. Không một ai là không nghiến răng chau mày. Bây giờ có Lê Lợi nổi quân đánh bại lại chúng; nhưng trong lúc mới khởi nghĩa, quân ít lương thiếu, mấy lần bị giặc đánh đuổi, mỗi người chạy một nơi. Nhưng ông không ngã lòng nản chí. Ít lâu sau, được mọi nơi giúp của giúp người nên thanh thế lại dần nổi lên.

Một hôm, đội quân của Lê Lợi bị thua nặng. Một mình ông thoát được vòng vây chạy về một xóm kia. Nhưng một toán quân Minh đã phát hiện ra, đuổi theo rất gấp. Khi đi qua một lùm cây, ông bỗng thấy hai vợ chồng một ông lão đang be bờ bắt cá ở ruộng. Ông liền chạy xuống nói với ông lão:

- Cụ làm ơn cho tôi bắt cá ở đây với, lũ chó Ngô sắp tới bây giờ!

Ông lão cởi ngay chiếc áo đang mặc ném cho ông, và ra hiệu bảo ông cứ xuống mà bắt.

Lê Lợi vừa thò tay xuống bùn thì cả toán quân giặc đã sòng sọc chạy tới. Một đứa trong bọn nhìn quanh nhìn quất rồi dừng lại bên cạnh đám ruộng:

- Này lão kia có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Ông lão lắc đầu:

- Từ khi chúng tôi tát cá ở đây chả có người nào chạy qua cả.

Trong lúc những tên giặc khác đang lục soát bờ bụi, thì Lê Lợi cũng ngẩng đầu lên nhìn theo. Ông lão quát:

- Thằng bé kia, mày không bắt đi để còn về ăn cơm, nhìn ngó cái gì?

Lê Lợi biết ý, lại cúi xuống bắt cá như cũ. Quân giặc đứng trên bờ tường người nhà ông lão nên không hỏi thêm gì nữa. Một chốc sau, chúng rút đi nơi khác.

Tối hôm ấy, ông lão đưa Lê Lợi về nhà mình. Một đám quân bị lạc chủ tướng lúc này cũng tìm được đến đây với Lê Lợi. Đây là một thôn ở gần núi, dân cư rất nghèo, thường ngày ăn uống rất kham khổ. Trong nhà ông lão có nuôi một con khỉ. Thấy không có gì đãi quân khởi nghĩa, mà đi mua bán thì sợ không giữ được kín tiếng, hai ông bà bàn nhau giết thịt con khỉ kho lên cho mọi người làm thức ăn, riêng Lê Lợi thì có thêm một đĩa cá chép vừa bắt được lúc chiều. Cơm dọn ra. Cả tướng lẫn quân vừa mệt vừa đói nên ăn rất ngon lành. Mờ sáng hôm sau trước khi từ giã, Lê Lợi nắm lấy tay ông lão, nói:

- Chúng tôi không bao giờ quên ơn lão. Sau này lúc nước nhà hưng phục, sẽ mong có dịp báo đền.

*

Lần thứ hai, Lê Lợi lại bị thua to, quân sĩ không chống nổi với lực lượng hùng hậu của giặc nên xiêu bạt mỗi người một nẻo. Lê Lợi một mình trốn về rừng già, có ba tên giặc đuổi theo sát nút. Qua một đoạn đường rẽ ông bỗng bắt gặp thấy một cô gái bị giặc hãm hiếp và giết chết. Ông vẫn còn đủ thì giờ dừng lại khẩn: "-Xin vong hồn nàng hãy cứu ta lúc này, ta sẽ vì nàng ra sức báo thù lúc khác".

Khẩn đoạn lại chạy, nhưng bấy giờ nguy cấp quá, ông đành chui liều vào một bụi cây. Quân Minh đuổi theo đến khoảng đó thì dừng lại nhìn ngó quanh quất, chưa biết nên tìm ngả nào, chúng xuyt chó đi sục sạo. Thấy con chó cắn vang ở phía bụi có Lê Lợi nấp, chúng liền lấy giáo thọc vào bụi, đâm phải đuôi ông. Lê Lợi cắn răng để khỏi phải kêu lên, và trước khi ngọn giáo rút ra, ông vẫn không quên dùng vạt áo lau máu dính ở giáo.

Nhưng chó vẫn cứ nhằm bụi cây cắn inh ỏi. Lũ giặc tin chắc có người nấp trong đây; chung toan lao giáo vào một lần nữa, thì bỗng trong bụi nhẩy vọt ra một con chồn. Chó thấy chồn lập tức đuổi theo cắn râm ran. Lũ giặc thấy vậy đánh chó và mắng: "-Chúng tao nuôi mày để săn người An-nam chứ có phải săn chồn đâu?". Và rồi chúng kéo nhau bỏ đi nơi khác. Nhờ thế Lê Lợi lại được thoát nạn.

*

Sau những ngày chiến đấu gian khổ, quân đội khởi nghĩa bắt đầu thu hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, quân Minh cũng tiếp tục mất hết thành nọ đến thành kia. Cuối cùng bọn giặc phải bỏ giáp quy hàng. Lê Lợi lên ngôi vua ở Thăng Long. Nhưng ông chẳng bao giờ quên những người đã cứu giúp mình và nghĩa quân ngày trước. Ông mới sai đại thần mang một mâm vàng bạc về tận nhà hai ông bà già để tặng. Song bấy giờ cả hai vợ chồng đều đã chết cả. Ông bèn sai dựng một ngôi đền ở ngay trên nền nhà cũ. Hàng năm ông bắt các quan phải tới đây làm lễ quốc tế. Cổ cúng rất đơn giản, chỉ có một đĩa xôi, một bát

thịt khỉ và một đĩa cá chép nướng, đúng như lúc hai vợ chồng lão dọn cỗ cho nghĩa quân ăn.

Còn chỗ có thầy cô gái chết, ông cũng sai lập một miếu thờ vì nghĩ rằng chỉ có hồn thiêng của nàng đã hóa làm chồn đánh lạc hướng bầy chó của giặc thì ngày ấy mình mới qua cơn hiểm nghèo. Không biết tên của nàng, ông sai gọi nàng là Hộ quốc phu nhân, nghĩa là bà phu nhân giúp nước. Người ta cũng gọi là Hồ Ly phu nhân.[1]

KHẢO DỊ

Người Nghệ-An có truyền thuyết Núi Phù Lê:

Ở một hòn núi thuộc huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh) ngày ấy có một cây đa sống lâu đến tám, chín trăm năm, ruột rỗng thành lỗ. Bị giặc Minh đánh đuổi, Lê Lợi chui vào cái lỗ ấy ẩn nấp. Giặc xuyt chó đi tìm. Đến cây đa, chó đánh hơi và sủa mạnh. Từ trong lỗ bỗng vọt nhảy ra một con chồn. Chó đuổi theo và giặc cũng theo chân chó, nhờ vậy Lê Lợi thoát nạn. Khi bước ra khỏi lỗ một quãng thì thấy có thầy một đàn bà chết. Lê Lợi nghĩ rằng chính người đàn bà ấy đã hóa thành chồn để cứu mình, bèn bảo quân chôn cất. Và khi dẹp xong giặc nước, vua phong cây đa ấy là cây Phù Lê, núi cũng mang tên ấy. Người đàn bà được phong thần, sau dân lập đền thờ.[2]

Người Nghệ-an còn có một truyện khác cắt nghĩa nguồn gốc cái tên làng Cẩm-bào (nay thuộc xã Diễn-trường, Diễn-châu, Nghệ An):

Khi đánh quân Minh, Lê Lợi có lần bị giặc đuổi, chạy qua đây. Lúc này có một người đang làm ngoài đồng. Người ấy bảo:-"Hãy cởi áo bào tôi cứu cho". Nói xong người ấy đổi áo cho Lê Lợi. Giặc đến thấy người mặc áo bào tưởng là người mà mình đang tìm bèn giết chết. Còn Lê Lợi thì lẩn vào trong xóm thoát được. Khi lên ngôi vua, ông sai đặt tên làng ấy là Cẩm-bào để nhớ ơn. Nay còn cái cầu gần ga Yên-lý mang tên ấy.[3]

[1] Theo Phạm Đình Hồ. Vũ trung tùy bút, đã dẫn.

[2] Theo Bản khai xã Thanh-tân. Cũng có người cho núi này sở dĩ mang tên Phù Lê là do công lao mẹ con bà Bạch Ngọc, hoàng hậu nhà Trần khai thác điền trang ở vùng Hương-sơn, giúp vua Lê nên có tên ấy.

[3] Theo lời kể của người Nghệ-an.

Lê Văn Khôi

Ngày xưa vào triều Minh Mạng, có một chàng trai nhà nghèo nhưng có sức khỏe tuyệt trần. Anh chàng thường chống đờ ngang ở bến đò Thiên Tả kiếm ăn. Lúc mới sinh, anh có ba cái nốt đỏ ở bụng, ai nấy đều bảo là tướng rất quý. Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng. Quan trên nghe tin, cho là tướng nghịch, toan bắt nộp triều đình để lấy thưởng. Biết được tin ấy, anh bỏ lên miền núi rừng tỉnh Cao Bằng. Từ đây, anh kêu gọi các hài kiệt nhóm họp lại, làm giặc chống lại triều đình. Trong số đồ đảng của anh có Nguyễn Hựu Khôi, một chàng trẻ tuổi, nhưng sức khỏe và gan dạ thì được mọi người trầm trồ khen ngợi.

Dần dần thế lực của họ rất mạnh. Họ chiếm được tỉnh Cao Bằng, rồi đánh lan ra các nơi. Quân đi đến đâu các tỉnh hàng phục đến đấy. Nhà vua lo sợ, sai Lê Văn Duyệt cầm quân đi đánh, nhưng quân của họ chiến đấu rất dũng cảm, mấy lần đánh lui những đạo binh đông đảo của triều đình. Chẳng mấy chốc họ tiến sát Bắc thành. Quân triều đình rút vào cố thủ. Bấy giờ vào tiết tháng Bảy, nước sông lên to. Thấy thế nguy khốn, Lê Văn Duyệt vô cùng lo lắng. Hắn bèn biện lễ vật cầu thần giúp đỡ. Thần báo mộng cho biết: tối hôm sau hãy thấy nơi nào có ngọn lửa xanh thì dồn toàn lực đánh ập vào chỗ đó, thần sẽ "âm phò" cho được thắng lợi. Được lời thần, Lê Văn Duyệt ra lệnh cho các đạo quân sẵn sàng. Vào lúc nửa đêm, bỗng nhiên có một tiếng sét vang, một ngọn lửa xanh xuất hiện ở chỗ quân giặc đang đóng. Quân sĩ triều đình biết là có thần giúp, lăn xả vào chỗ có ngọn lửa. Quả nhiên, họ phá tan được giặc, bắt sống được hàng trăm người trong đó có anh lái đò Thiên Tả và Nguyễn Hựu Khôi.

Khi đưa hàng trăm tội nhân ra pháp trường xử trảm, Lê Văn Duyệt liếc thấy một tù binh dáng người vạm vỡ khỏe mạnh, tướng mạo khôi ngô, thì đem lòng thương hại, mới gọi đến hỏi: - "Người tên là gì?" - "Nguyễn Hựu Khôi" - người ấy đáp. - "Người có tài nghệ gì không?" - "Lên rừng trói hổ, xuống sông bắt sấu, làm gì cũng được!".

Lê Văn Duyệt bèn bảo lãnh cho chàng để được "đái tội lập công" rồi đưa vào Nam kỳ.

*

Chẳng mấy chốc Nguyễn Hựu Khôi đã chiếm được lòng tin của Lê Văn Duyệt. Bất cứ công việc gì khó khăn nặng nhọc chàng đều làm cho chủ vui lòng. Sức khỏe và lòng gan dạ của chàng đã làm mọi người khiếp phục. Những tay đồ vật cũng như những nhà côn quyền đều coi chàng là bậc đàn anh. Bao nhiêu công việc hàng voi phục hổ, chàng chẳng coi ra mùi mẽ gì.

Một hôm có sứ thần nước Xiêm đến Gia Định. Để sứ thần biết oai thượng quốc, Lê Văn Duyệt sai Khôi cải trang làm lính, trà trộn trong đám quân sĩ đợi lệnh ra trở tài cho sứ thần xem. Ở Gia Định hồi ấy, người ta có nuôi hổ trong những cái chuồng đặt trong các "khai" rào kín xung quanh. Lê Văn Duyệt truyền mở

hội đấu hổ cho mọi người tới xem rồi mời sứ thần Xiêm và các quan chức cùng mình lên ngồi trên vọng đài.

Dứt tiếng trống, Duyệt truyền lệnh bắt đầu cuộc đấu. Khôi mình trần trụi, một tay cầm côn sắt, một tay cầm đuôi lợn xông tiến lại chuồng hổ mở cửa cho nó ra. Không ngờ gặp phải con hổ quá dữ, vừa ra khỏi chuồng là chồm ngay lên mình Khôi. Chàng sợ nguy đến tính mạng, đành cho nó một côn, hổ ngã lăn ra tắt thở.

Trong khi sứ thần và mọi người đều vừa run vừa phục tâu Khôi, thì Duyệt làm bộ nổi giận lẩy cớ tại sao lại tự tiện giết mất hổ quý, liền rút lệnh tiễn truyền quân đao phủ dẫn Khôi ra chém. Khôi sụp lạy xin tha tội để cho mình đi bắt trói con khác. Thế rồi chàng lại cầm đuôi lợn vào "khai" mở cửa một chuồng hổ khác. Giữa những tiếng trống, tiếng reo dậy đất, chàng cùng hổ quần nhau hồi lâu. Cuối cùng một miếng đá của chàng làm cho hổ lăn ra ngã ngửa. Sẵn dây ở khó, chàng lẩy ra trói lại, vác đưa đến trước đài phục mệnh. Trên vọng đài Lê Văn Duyệt hài lòng, sứ thần Xiêm vô cùng thán phục.[1]

*

Lê Văn Duyệt từ chỗ trọng tài đến chỗ tin yêu, nhận chàng làm con nuôi. Về phần Lê Văn Khôi - tên họ mới của người tù - cũng cảm ơn tri ngộ của chủ. Từ ngày trở thành người thân của quan Tổng trấn, chàng muốn gì có nấy. Cởi áo tù binh khoác áo võ quan, dần dần từ Phó vệ lên Chánh vệ, bước đường công danh tiến nhanh vun vút. Nhưng không bao giờ Khôi quên những bận năm gai ném mật đã rơi đầu dưới lưỡi đao của đao phủ. Được Lê Văn Duyệt che chở, vây cánh của Khôi mỗi ngày một đông. Nhưng giữa lúc đang thuận buồm xuôi gió thì không may Lê Văn Duyệt chết.

Lại nói chuyện, trước kia vua Minh Mạng vốn có ty hiềm với Lê Văn Duyệt. Gia Long trước khi nhắm mắt có ý định bỏ trưởng lập thứ, nên cho đòi các quan đại thần về kinh để hỏi ý kiến. Riêng Lê Văn Duyệt tỏ ý bênh cho dòng đích. Nghe được tin này, Minh Mạng xiết bao căm tức. Từ khi lên làm vua, ông muốn ăn gan uống máu Lê Văn Duyệt cho hả giận. Nhưng hồi đó trong tay Lê Văn Duyệt còn nắm binh quyền, nên Minh Mạng đành nuốt giận làm lành. Cho đến ngày Duyệt chết, Minh Mạng mới bãi bỏ chức tổng trấn, giải tán Nam thành; thành Phiên An bây giờ chỉ là thủ phủ của Gia Định, còn sáu tỉnh Nam kỳ trực thuộc với triều đình. Minh Mạng lại cử bố vợ của mình là Bạch Xuân Nguyên làm bố chính Gia Định, dặn cố kiểm lỗi của Duyệt lúc sống để trị tội cho thỏa lòng căm tức bấy lâu.

Lại nói chuyện quốc trượng Bạch Xuân Nguyên vốn là một tên hung ác. Bước chân tới Gia Định, hấn ra sức bới lông tìm vết để khếp Lê Văn Duyệt vào tội lộng hành. Hấn đã giết mấy mấy người thân tín của Duyệt. Những người còn lại, hấn sai giam giữ để tra khảo. Về phần Lê Văn Khôi thì chàng hết sức đau xót cho chủ, hơn nữa lại nhìn thấy vây cánh của mình đang bị tia dần tia mòn,

mưa đò báo phục có cơ vỡ lở nay mai. Vì vậy ngọn lửa hận càng bùng bùng bốc lên.

Đã đến lúc chàng và phó vệ Hùng, bạn chàng, được Bạch Xuân Nguyên gọi vào dinh. Biết hai người này vốn được Lê Văn Duyệt tin cậy, Bạch Xuân Nguyên hỏi ngay:

- Vậy chớ hai thầy ở với Lê Văn Duyệt lâu năm, hai thầy có biết và làm chuyện chi "bất pháp" hãy nói cho ta hay thử?

Không nhin được nữa, Lê Văn Khôi lập tức mắng ngay:

- Anh là kẻ hậu sinh mà dám khinh mạn một bậc lão tướng công thần. Nếu như thượng công còn sống thì anh làm một tên lính hầu trà của ngài cũng không đáng. Nay ngài mới thất lộc mà anh dám kêu tên ngài ra nói xách mé như vậy. Coi chừng kéo chúng tôi lấy đầu đi đó!

Nghe mấy lời nhục mạ mình như sét đánh bên tai, Bạch Xuân Nguyên giận tràn hông, vội thét lính bắt giam Khôi lại để trị tội. Nhưng Khôi không để bị giam lâu. Đêm hôm ấy, chàng đã tìm được cách vượt ngục. Lập tức, chàng kêu gọi quân sĩ của mình đột nhập vào các dinh thất bắt bọn quan tỉnh giam lại. Riêng Bạch Xuân Nguyên bị họ tẩm dầu làm bó đuốc sống đốt trước mồ Lê Văn Duyệt.

Tuy mọi việc chưa sẵn sàng, nhưng đã lỡ cưỡi lên lưng hổ, Lê Văn Khôi đành liều cùng các bạn kêu gọi mọi người kéo cờ khởi nghĩa. Chỉ trong một tháng họ lấy được cả Nam kỳ. Minh Mạng cả sợ, sai tướng đem đại quân vào đánh. Quân của Khôi ít, lại bị dàn mỏng nên sau mấy trận quyết chiến giữ không nổi, cuối cùng phải rút vào thành Phiên An cố thủ. Minh Mạng hăm hở ra lệnh vây thành. Nhưng tuy bị vây, thành vẫn trơ gan đứng vững. Minh Mạng càng nóng lòng nóng ruột muốn hạ mau mau, song dù quân đông tướng giỏi súng nhiều, thành vẫn không làm sao hạ nổi. Việc đó làm cho nhà vua hết sức bực bội.

Một hôm, Minh Mạng giả làm dân thường đi dạo chơi ở cánh đồng phía Tây kinh thành. Vua thấy có một bầy trẻ chăn trâu đang chơi trò xây thành bầy trận. Tò mò, ông dừng lại xem. Toán trẻ trong thành hết sức cố thủ, toán trẻ ngoài thành đánh mãi không được bèn nghĩ ra kế chắt rơm lên xe đốt lửa đẩy vào, nhờ đó cuối cùng thành bị hạ. Lập tức, Minh Mạng sai các tướng học theo kế hỏa công của bọn trẻ mà làm, và nhờ đó ông hạ được thành Phiên An.[2]

KHẢO DỊ

Đồng bào Tày kể chuyện Lê Văn Khôi như sau:

Ngày xưa có ông Hai Khôi là người rất khỏe ở xóm Na-giam (Cao Bằng). Khôi bị bọn quan bắt đi tải lương. Một hôm đi đến chợ Xum - lau, ông gặp hai người trẻ tuổi đón hỏi làm quen. Hai người tự xưng là Bảo Ngược, là thần thuồng luồng. Họ nhờ Khôi đưa giùm một bức thư cho hai nàng Sào Ngược ở Na-giam và nhờ giữ thật kín, sẽ xin hậu tạ. Khôi nói: - "Đây là một cái miếu cổ, làm gì có người?" - Họ trả lời: - "Đến đây cứ gọi lên:"Nàng Đang nàng Đạt ở đâu ra mà

nhận thư!", khắc có người ra tiếp". Khôi nhận lời, nhưng đi đến Kẹo-vụt, chàng bóc trộm ra xem. Chàng chẳng thấy trong thư có chữ nghĩa gì cả, trừ vết máu đỏ lòe.

Khi đến, quả có hai người con gái đẹp tiếp Khôi. Sau khi đọc thư, họ hứa hậu tạ và dặn khi nào lội qua khe, hãy nhìn thấy vật gì cũng cứ nhặt lên. Đến lúc qua khe, Khôi chẳng nhìn thấy gì cả trừ một đồng bọ trôi quanh quẩn ở chân. Chàng vốc không được, nhưng khi há miệng thì bao nhiêu bọ lọt vào miệng chàng tất cả. Từ đó Khôi khỏe mạnh gấp mười ngày trước, có thể tay không đánh chết hổ.

Một hôm đi qua dinh thấy có một bọn lính đông đúc, đang hè hụi khiêng cột gỗ ngâm dưới ao lên dinh, mà khiêng không nổi. Khôi cười nhạt, bảo họ cho cơm ăn, mình sẽ làm hết cả công việc. Bọn lính nhường tất phần cơm của họ cho chàng. Một mình Khôi ngốn hết, rồi xuống bắt tay chuyển gỗ. Mỗi chuyến chàng vác được bốn cột: hai cột hai vai, hai cột cặp nách, đưa lên quãng rầm rầm bên dinh trấn làm cho quan ngục không được. Khi thấy sức khỏe kỳ lạ của Khôi, quan rất khen ngợi. Nhân lúc ấy Thượng công Lê Văn Duyệt có một con ngựa bất kham, rao khắp nơi rằng ai trị được sẽ cho làm quan. Quan trấn cử Khôi về. Chàng quả trị được con ngựa. Từ đó mới làm con nuôi Lê Văn Duyệt.

Về sau Khôi nổi binh đánh triều đình. Khôi ước hẹn với người anh là Vân cùng khởi sự. Anh nổi lên ở phía Bắc, em nổi lên ở phía Nam, làm cho triều đình đối phó hết sức vất vả.[3]

[1] Đoạn này theo Nguyễn Bính. Truyện cổ tích Việt Nam.

[2] Theo Jê-ni-bren (Génibrel). Sách đã dẫn và Trương Vĩnh Tống. Mỹ Âm tùy bút.

[3] Theo lời kể của đồng bào Tày (do Thân Văn Lư sưu tầm).

Nguyễn Khoa Đăng

Ngày xưa, có nội tán Nguyễn Khoa Đăng là người có tài xử đoán. Khi còn làm một chức quan nhỏ, ông đến trị nhậm hạt nào thường được mọi người mến phục, không chỉ vì tài xét xử mà còn vì lòng tốt của ông lúc nào cũng lo trừ hại cho dân.

Có lần, ông đến nhậm chức ở một huyện, một hôm có người dân làng kia bị kẻ thù oán, đêm đến lén ra đồng phá hết cả một ruộng dưa. Đau xót cho công lao vun trồng, dưa sắp được ăn chỉ trong một đêm bị héo rụng hết cả, người ấy bèn đến kêu khóc với ông, xin ông minh xét. Ông Đăng theo ngay người ấy về tận ruộng dưa khám nghiệm. Tất cả dấu vết đều chứng tỏ kẻ gian đã dùng một cái thổng xắn đứt ngọn dưa và dùng cán giẫm nát hầu hết các gốc dưa. Nhưng

hắn rất khôn ngoan, bao nhiêu dấu chân, hắn đều cố ý xóa sạch. Ông hỏi người trông đưa:

- Anh có ngờ ai thù oán mình không?

Người ấy kể cho quan nghe tên mấy người ở xóm, lập tức ông sai chức dịch đi thu hồi tất cả các thuồng trong xóm lại, thuồng của nhà nào đều có ghi tên nhà ấy vào cán. Đoạn, ông khám từng cán thuồng một, nhật riêng mấy cái khả nghi ra một nơi. Rồi ông sai người thè lưới liềm trên mấy cái cán thuồng đó. Quả nhiên có một cái, người ta nhận thấy có vị đắng. Ông sai lấy một góc dưa đập giập vắt nước ra ném thử thì chất đắng của dưa cùng với chất đắng trên cán thuồng là một. Ông nhìn lại tên ghi ở thuồng thì đúng là thuồng của một trong số mấy người mà nguyệt cáo ngờ là có thù oán với mình.

Lập tức ông sai lính bắt người kia giải đến. trước tang chứng và lý lẽ danh thếp của quan, hắn không còn chối vào đâu được, đành cúi đầu nhận tội. Ông bắt hắn phải đền hoa lợi ruộng dưa cho người kia và phạt thêm gấp hai lần để hắn chừa cái thói hại ngầm kẻ khác.

Một hôm khác, có một anh hàng dầu, gánh một gánh ra chợ bán. Trong khi đang bận đóng dầu, có kẻ đã thừa dịp thò tay vào bị lấy trộm tiền. Đến khi anh hàng dầu biết thì tên ăn cắp đã chạy đi nơi khác. Anh ta nhớ tới một người mù hỏi nãy quanh quần bên gánh của mình, đuổi mấy cũng không đi, đoán chắc là kẻ cắp, bèn gửi gánh hàng cho người quen rồi đi tìm người mù lúc nãy. Nhưng khi gặp, người mù hết sức chối cãi, rằng mình mù thì còn biết tiền của để ở đâu mà lấy. Hai bên xô xát, tuần bắt giải quan.

Khi họ dắt nhau đến công đường, ông Đãng bắt hai bên khai rõ sự tình. Người mù khẳng khăng từ chối không nhận. Ông Đãng hỏi:

- Anh có tiền giắt đi theo đây không?

Trả lời:

- Có, nhưng đây là tiền tôi mang đi chợ, không phải của nó.

- Được cứ đưa ra đây, của ai rồi sẽ biết.

Khi người mù móc tiền ra, ông Đãng sai người múc đến một chậu nước, rồi bỏ tất cả số tiền vào chậu. Một chốc tự nhiên thấy trên mặt nước có vầng dầu nổi lên. Nghe quan sai bưng chậu nước cho mọi người chứng kiến, người mù hết đường chối, đành chịu tội ngay.

Nhưng quan còn nói thêm:

- Khoan đã, chưa hết đâu. Tội ăn cắp mới là một. Nếu mày mù tịt thì làm sao biết được tiền người hàng dầu bỏ trong bị, cất trong thúng khảo mà lấy được! Đúng là mày giả mù. Lính đâu. Bắt nó nọc ra đánh cho rõ đau, kỳ bao giờ nó mở hai mắt ra hãy thôi.

Người mù trước còn chối lấy chối để, nhưng chỉ qua ba roi là hấn mở ngay hai mắt nhận tội, đúng như lời quan truyền bảo[1].

Một hôm khác, có một người lái buôn giấy đến trình quan rằng mình nghỉ trọ ở làng Hồ-xá bị trộm lấy mất cả một gánh giấy. Ông Đăng hỏi rõ nguồn cơn, sai người do thám mấy ngày liền không có kết quả, bèn thân hành đến làng Hồ-xá nghĩ cách cứu xét. Đến nơi, ông cho triệu dân chúng sở tại và mấy làng xung quanh lại và bảo:

- Trên tỉnh vừa sức về bắt các xã thôn mỗi một người không kể nam phụ lão ấu phải làm ngay một tờ khai tên tuổi quê quán cho minh bạch.

Lệnh ban ra, mọi người đua nhau đi mua giấy. Vì thế giấy ở chợ lên giá vùn vụt.

Lại nói chuyện tên trộm trộm được gánh giấy nhưng chưa có nơi tiêu thụ còn giấu ở nhà. Nay nghe nói giá giấy lên cao bèn mang lên một số ra chợ bán. Hấn không ngờ người nhà của ông Đăng cũng đi rải ở các chợ để chờ hấn. Thế là bị bại lộ, tên trộm không những bị tội phải đền gánh giấy cho người lái buôn mà còn phải đền cho dân các làng mặt tiền mua giấy kê khai tên tuổi.

Một lần khác, ông được đổi đi một hạt miền núi. Khi ông mới đến, người ta cho ông biết là hạt ấy nổi tiếng có nhiều trộm cướp nhà nghề. Các quan trước bó tay không thể nào trị nổi. Ông chỉ cười nhạt không nói gì, nhưng sau đó ngầm sai người thân tín đi dò la hành tung và quê quán từng tên một. Thế rồi, ông vẫn cứ tảng lờ như là không hay biết gì hết.

Một hôm nhân đi hành hạt qua một làng nọ, ông thấy có một hòn đá lớn ở bên vệ đường. Hỏi dân sở tại, họ đáp:

- Đây là ông Mốc, ngài thiêng lắm, ai cầu khẩn việc gì cũng đều được linh ứng.

Ông nghe nói liền họa theo:

- Phải thế thì ta tới cầu ngài giúp ta trừ yên cướp trộm để bớt hại cho dân chúng mới được!

Nói rồi một mình bước tới khấn vái, hồi lại trở ra bảo mọi người rằng:

- Ngài bảo vài hôm nữa rước ngài về, ngài sẽ vạch mặt tất cả bọn gian phi trong toàn huyện.

Ít hôm sau, ông sai mấy người ban đêm bí mật đào hầm ở giữa sân công đường rồi cho người thân tín xuống nấp dưới đó. Tờ mờ sáng hôm sau, ông sai lính đi khiêng hòn đá về đặt lên trên hầm. Trước mặt mọi người đông đủ, ông đồng dục hỏi đá:

- Ta nghe đồn thần rất thiêng, "hữu cầu tất ứng". Nay ta vâng mệnh hoàng đế đến đây trấn nhậm, nhưng hiện nay trong huyện hạt có nhiều trộm cướp nhiều

hại dân cư. Vậy ta mời thần về đây để mách hộ ta truy tầm kẻ phạm pháp. Nếu có công, ta sẽ tâu triều đình phong tặng.

Đá không trả lời. Hỏi mãi, đá vẫn một mực làm thinh, ông nổi giận quát lớn:

- Hay là đá đồng lõa với kẻ phạm pháp. Lính đâu, hãy tra tấn nó cho đến lúc nó phải khai thực!

Bấy giờ, mọi người nghe tin đến xem đông như hội. Lệnh truyền xa, lính dùng roi đánh vào đá túi bụi, tự nhiên đá bật ra tiếng khóc, xin dừng tay lại để khai. Thế rồi, đá lần lượt khai và vạch tội từng tên một. Mỗi lần đá khai một tên nào, ông sai lại mực viết ngay trát, giao cho lính đã chực sẵn đi nã bắt lập tức. Cho đến suốt ngày hôm đó bắt được ba mươi tên cừ khôi. Khi giải cả một xốc về tra tấn, bọn trộm cướp nhìn nhau kinh ngạc, không ngờ lại có việc xảy ra như thế và bắt đúng tên như thế. Chúng cho là chỉ có thần đá linh thiêng mới biết một cách rành mạch tội trạng của mình, bèn không đợi khảo đả, thú nhận tất cả.

Trong thời kỳ làm nội tán, ông đã làm cho suốt một dọc trường nhà Hồ ở Quảng Trị không còn lấy một bóng gian phi. Trước đó, trường này là nơi rừng rậm, con đường Nam Bắc phải đi qua đây. Bọn gian phi đã dùng làm sào huyệt đón đường cướp của.

Nguyễn Khoa Đăng trước hết tìm cách lũng bắt trộm cướp. Ông sai chế ra một loại hòm gỗ kín có những lỗ thông khí, vừa một người ngồi lọt, có khóa trong, để người ngồi trong có thể mở tung ra được dễ dàng. Thế rồi, ông kén một số người giỏi võ, cho ngồi vào hòm có để sẵn vũ khí. Đoạn, ông sai quan sĩ của mình giả trang làm dân phu khiêng những hòm ấy qua trường nhà Hồ ra về khiêng những hòm "của cải" nặng nề. Lại cho người đánh tiếng có một ông quan trấn ở ngoài Bắc sắp sửa trở về quê với những hòm tư trang quý giá sẽ đi qua trường. Bọn cướp đánh hơi thấy đây là một cơ hội kiếm ăn hiếm có, bèn rình lúc đoàn "dân phu" đi qua của trường, xông ra đánh đuổi, rồi hý hửng khiêng những cái hòm nặng ấy về tận sào huyệt.

Nhưng khi về đến nơi thì vừa đặt xuống thì những cái hòm tự nhiên mở toang, các võ sĩ ngồi trong đó cầm vũ khí xông ra đánh giết bọn cướp một cách bất ngờ. Đang lúc hoảng hốt chưa kịp đối phó thì bọn chúng nghe tin phục binh của triều đình ở phía ngoài ùn ùn kéo vào đông như kiến cỏ. Chúng đành chấp tay xin tha tội. Nhờ mẹo đó, Nguyễn Khoa Đăng đã tóm được cả lũ[2].

Ông cho phiên chế thành đội ngũ đi khai khẩn đất hoang ở nơi biên giới, lập thành những đồn điền lớn rộng. Sau đó, ông còn cho chiêu dân lập ấp ở dọc hai bên trường, làm cho một vùng trước kia là nơi vắng vẻ, trở nên những làng xóm dân cư đông đúc: tiếng xay lúa giã gạo, tiếng gà gáy chó sủa lẫn lẫn tiếng vượn hú chim kêu. Từ đó, một vùng núi rừng thành ra yên ổn. Bọn trộm cướp còn lại đành phải giải nghệ.

Bởi vậy, người ta có câu: "Trường nhà Hồ nội tán cấm nghiêm" là thế[3].

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện Đồng Đắc:

Đồng Đắc là người huyện Chí-linh, đậu tiến sĩ làm đến quận công. Thời kỳ làm tri huyện huyện Thanh-trì, có người đến cáo với ông là mình có con trâu bị người ta lén chặt đứt mất đuôi. Ông hỏi: "Có nghi cho ai không?". "Chỉ ngờ cho một người hàng xóm vì trước đây có chuyện hiệp hiềm", người ấy đáp. Ông dặn nhỏ: "Thế thì hãy về lảng lạng làm thịt trâu mà ăn, đừng trình làng, cũng đừng nói là quan bảo."

Được ba hôm, bỗng có người dân đến cáo giác với ông là làng ấy có người lén lút giết trâu ăn thịt. Quan sai giam giữ hẳn lại tra tấn, thì đúng là thủ phạm chặt đuôi trâu.

Có hai người, Giáp và Ất cùng tranh nhau một tấm lụa, đến kiện với ông. Ông khám thấy tấm lụa có dấu, hỏi, thì hai người đều khai dấu tích của tấm lụa giống nhau, khó mà biết được ai gian ai ngay. Sau đó, ông phân rọc đôi ra, chia cho mỗi người một nửa. Ất nhận lấy phần của mình ra về, còn Giáp thì ngần ngại chưa chịu nhận. Ông có cách để sai người đuổi bắt Ất lại trả lụa cho Giáp.

Lại có một người mất một buồng chuối đến trình với ông, nói rằng tuy của không đáng bao nhưng vì nhà nghèo nhờ vào hoa quả để bán đong gạo. Ông lập tức về tận làng người ấy ra lệnh cho dân xóm ai nấy phải đến đắp ngay một đoạn đường. Đắp được nửa buổi ông cho tạm nghỉ, sai người mang trâu đi mời mỗi người một miếng. Thấy trong số đó có một người có bàn tay đen, ông sai đưa ra tra khảo. Người ấy thú nhận vì chứng cứ sờ sờ: đúng là mũ chuối còn dính chặt vào tay lúc đêm chưa cọ sạch[4].

Về tình tiết cho người chui vào hòm rồi bắt ngờ tung nắp hòm nhảy ra diệt kẻ địch, trong một truyền thuyết của người Mã-lai (Malaysia) cũng có hình ảnh tương tự:

Một ông vua Sa-he-en Na-u-i một hôm hỏi các tướng có ai dám đi đánh vua xứ Sa-mu-dra (hay Pa-sey) - một nước lân cận giàu mạnh không. Một viên tướng là A-u-i Dit-chu xin đi với bốn, năm ngàn quân và một trăm tàu. Viên tướng đánh tiếng nói với vua Sa-mu-dra rằng mình là sứ giả của vua Na-u-i tới yết kiến. Được mời đến cung, viên tướng sai làm bốn cái hòm, trong có bốn võ sĩ mở khóa từ phía trong. Lúc vào yết, cùng khiêng hòm vào, nói là lễ vật ra mắt. Kỳ thực vừa đến nơi, bốn võ sĩ trong hòm nhảy xổ ra bắt lấy vua địch đưa về[5].

Về tình tiết chặt đuôi trâu, trong Bao Công kỳ án cũng có một truyện Cắt trộm lưỡi trâu giống truyện của ta, chỉ khác ở chỗ một bên là đuôi, một bên là lưỡi.

[1]. Đoạn này theo lời kể của người Huế.

[2]. Đoạn này theo Hi Long di thặng, trong tạp chí Nam Phong (1929)

[3]. Theo Đại-nam liệt truyện tiền biên, quyển 5.

[4]. Theo Đông thanh tạp chí (1933)

[5]. Theo Truyền thuyết và truyện kể lịch sử ở bán đảo Ấn-độ (Mã-lai) và sách Xát-ja-ra ma-lay-du, truyện VIII.

Yết Kiêu

Ngày xưa có một người tên là Yết Kiêu ở làng Hạ-bì làm nghề đánh cá. Một hôm, ông ta đi dọc theo bờ biển về làng bỗng thấy trên bãi có hai con trâu đang ghì sừng húc nhau dưới bóng trăng khuya. Sẵn đòn ống, ông cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó. TỰ DỨNG hai con trâu chạy xuống biển rồi biến mất. Ông rất kinh ngạc đoán biết là trâu thần. Khi nhìn lại đòn ống thì thấy có mấy cái lông trâu dính vào đấy. Ông mừng quá bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. Đặc biệt là có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

Hồi ấy có quân giặc ở nước ngoài sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn-ninh vây bọc, bắt tất cả thuyền bè, đốt phá chài lưới. Đi đến đâu, chúng cướp của giết người gây tang tóc khắp mọi vùng duyên hải. Chiến thuyền nhà vua ra đối địch bị giặc đánh đắm mất cả. Nhà vua rất lo sợ, sai rao trong thiên hạ ai có cách gì lui được giặc dữ sẽ phong cho quyền cao chức trọng.

Yết Kiêu bèn tìm đến tâu vua rằng: - "Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá". Vua hỏi: - "Nhà ngươi cần bao nhiêu người ? bao nhiêu thuyền bè?" - "Tâu bệ hạ - ông đáp - chỉ một mình tôi cũng có thể đương được với chúng nó". Nhà vua mừng lắm, liền phong cho ông làm Đô thống cầm thủy quân đánh giặc.

Ông đến Vạn-ninh cho quân sĩ nghỉ ngơi, chỉ bảo họ sắm cho mình một cái khoan, một cái búa. Đoạn, một mình ông lặn xuống đáy biển đi ra chỗ tàu giặc. Ông tìm đến đáy tàu vừa khoan, vừa đục. Ông làm rất lẹ và im lặng, tàu giặc cứ đắm hết chiếc này đến chiếc khác. Trong một hôm, chúng bị đắm luôn một lúc hơn hai mươi chiếc. Thấy thế, quân giặc hoảng loạn cả lên. Chúng sai những tên quân có tài bơi lặn xuống nước do thám. Mấy tên quân đó tìm mãi mới thấy Yết Kiêu đang khoan một chiếc tàu. Bọn chúng xông lại nhưng chúng đâu có phải là địch thủ của ông, cho nên cuối cùng ông không để cho một đứa nào trở về.

Quân giặc vô cùng sợ hãi. Mãi về sau tên tướng giặc đem một cái ống dòm thủy tinh có phép nhìn được thấu qua nước đến đáy biển. Chúng thấy ông đi lại thoăn thoắt như đi trên bộ. Chúng bèn đem cái vó bằng sắt nhân lúc ông đang mãi đục một chiếc tàu, buông xuống chụp lấy ông. Nhờ thế chúng bắt sống được Yết Kiêu. Lập tức chúng tra khảo ông: - "Trong nước này những người lặn như mày có bao nhiêu người?". Ông bảo chúng: - "Không kể những người đi lại dưới nước suốt 10 ngày không lên, còn như hạng ta thì một trăm chiếc tàu của chúng bay cũng không thể chở hết. Hiện giờ ở dưới đó hết lớp này xuống lại lớp kia lên không mấy khi vắng người". Nghe nói thế, bọn giặc kinh sợ cuối cùng chúng đồng ý: - "Mày muốn tốt phải đưa chúng tao đi bắt sẽ có hậu thưởng, bằng không thì sẽ giết chết". - "Được, theo ta, ta chỉ cho!".

Quân giặc tưởng thật, bắt ông cùng với mười tên quân đem vó sắt ngồi trên thuyền nhỏ ra biển dò tìm. Thừa lúc chúng vô ý, ông nhảy tòm xuống nước trốn đi. Chúng nó trông nhau ngỡ ngác. Bấy giờ quân giặc đã bị thiệt hại khá nặng, lại nghe Yết Kiêu nói nước Nam có nhiều người tài lặn nên cuối cùng chúng đành phải quay tàu trở về không dám quấy nhiễu nữa.

Nhà vua mừng quá, khen ngợi Yết Kiêu vô cùng, phong ông làm đại vương. Sau khi ông mất, mọi người nhớ ơn lập đền thờ ở cửa Vạn-ninh và ở nhiều cửa biển khác[1].

[1] Theo Vũ Phương Đề, sách đã dẫn.

Thánh Gióng

Vào thời Hùng Vương có một người đàn bà đã nhiều tuổi nhưng sống một thân một mình. Một hôm sáng dậy bà đi thăm nương, bỗng nhìn thấy một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên: - "Ôi! Bàn chân ai mà to thế này!".

Bỗng bà cảm thấy rung mình khi đưa bàn chân ướm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày tháng, bà sinh được một đứa con trai bụ bẫm đặt tên là Gióng. Nhưng thằng bé lên ba tuổi rồi mà vẫn nằm ngửa đòi ăn, không biết ngồi biết lẫy, cũng không biết nói biết cười gì cả.

Ngày ấy có giặc Ân kéo vào cướp nước ta. Giặc Ân rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi Ân vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng nó đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng loa rao nói đến việc nhà vua cầu người tài, bà mẹ Gióng đang ru con, liền bảo đùa con rằng:

- Con ơi! Con của mẹ chậm đi chậm nói làm vậy, thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây!

Không ngờ Gióng nhìn mẹ mở miệng bật lên thành tiếng:

- Mẹ cho gọi sứ giả vào đây cho con!

Nói xong lại im bật. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy cho là một sự lạ. Sau cùng một người nói:

- Ta cứ đi mời sứ giả đến xem thử nó muốn cái gì.

Khi sứ giả của nhà vua bước vào nhà nhìn thấy chú bé Gióng liền hỏi rằng:

- Mà y là đứa trẻ lên ba mới học nói, mà y định mời ta đến để làm gì?

Gióng trả lời rất chững chạc:

- Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!

Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé. Mọi thứ rèn xong nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mó vào thanh gươm mà không nhúc nhích. Vua Hùng phải cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Gióng.

Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Gióng sợ hãi chạy về bảo con:

- Con ơi! Việc nhà vua đâu phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo đến âm âm ngoài bãi, biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, Gióng vụt ngồi dậy, nói:

- Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được!

Mẹ vội thổi cơm cho con ăn, nhưng nấu lên được nồi nào Gióng ngốn hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bỗng chốc đã thành một chàng thanh niên khỏe mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo khoai, trâu rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy một sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu, Gióng ăn vội hết bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó, Gióng lại bảo tiếp:

- Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta lại đua nhau mang vải lụa tới may áo quần cho Gióng mặc. Nhưng thân thể Gióng lớn vượt một cách kỳ lạ, áo quần vừa may xong đã thấy chật, thấy ngắn, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Không mấy chốc đầu Gióng đã chạm nóc nhà. Ai nấy chưa hết kinh ngạc thì vừa lúc quân sĩ đã hí hục khiêng được ngựa, gươm, áo giáp và nón sắt tới. Gióng bước ra khỏi nhà vươn vai một cái, người bỗng cao to sừng sững, chân dài hơn trượng, hét lên một tiếng như tiếng sấm:

- Ta là tướng nhà Trời!

Thế rồi Gióng mặc giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên lưng ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên, phun thẳng ra đằng trước một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, sỏi từng bước dài hàng chục con sào, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt, ngựa đã xông đến đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giật. Quân giặc xông ra chừng nào chết chừng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói bụi mịt mù, tiếng la hét kêu khóc như ri.

Nhưng tướng giặc Ân vương vẫn cố gào thét hô quân xáp tới, Gióng càng đánh càng khỏe, thân giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gươm gãy. Không bối rối, Gióng thuận tay nhổ những bụi tre hai bên đường quật tới tấp vào các toán giặc đang cố gắng trụ lại theo lệnh chủ tướng. Chẳng mấy chốc quân giặc đã tẩu tán khắp nơi, Ân vương bị quật chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lay lục xin hàng. Quân đội của Hùng Vương cũng như dân các làng chỉ còn việc xông ra trói nghiêng chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước. Lúc bấy giờ ngựa Gióng đã tiến đến chân núi Sóc-sơn. Đến đây, Gióng bèn cởi giáp bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong làm Phù Đổng thiên vương.

Ngày nay chúng ta còn thấy dấu vết những dãy ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim-anh, Đa-phúc cho đến Sóc-sơn, người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang cái tên là làng Cháy. Những cây tre mà Gióng nhổ quật vào giặc bị lửa đốt màu xanh ngả thành màu vàng và có những vết cháy lốm đốm, ngày nay giống ấy vẫn còn, người ta gọi là tre là ngà (hay đặng ngà).

KHẢO DỊ

Truyện trên chắc xuất phát từ một thần thoại xa xưa, vì nghệ thuật thần thoại trong đó còn khá rõ nét. Về sau **truyện thánh gióng** còn được nhân dân một số địa phương vùng Bắc-ninh, Bắc-giang phát triển, thêm thắt, ghép vào một số tình tiết hoặc thần kỳ hoặc không, làm cho câu chuyện phong phú hơn. Ví dụ:

Sau khi thắng trận, Thánh Gióng đến một nơi, buộc ngựa sắt vào hai cọc đá lớn ngồi nghỉ. Ngày nay một cột đá còn thấy ở làng Cựu-tự cao khoảng ba thước vòng rộng sáu tấc, xuyên thẳng xuống một bệ đá tự nhiên hình bầu dục. Ngựa sắt mệt quá sủi bọt mép thành một bãi cát trắng xóa lấp lánh dưới ánh mặt trời. Bãi này nay thuộc xã Ngọc-xá, huyện Quế-võ, đặc biệt ở cách xa bờ sông, người ta gọi là Bạch-nhạn-sa.

Hoặc Thánh Gióng đi qua một làng nọ ven sông Cầu, ở đây có một bà lão bán nước vối. Thánh Gióng dừng lại xin nước uống. Bà lão dâng bầu rượu. Uống xong, Thánh Gióng khen bà lão có lòng tốt, đặt tên là làng Bầu và dặn lúc nào hạn, cho phép cầu mưa sẽ linh nghiệm. Từ đấy, mỗi khi đại hạn, ở đây (nay gồm bảy làng gọi là tổng Bầu) có hội cầu mưa, người ta thường rước thành hoàng làng lên Sóc-sơn để xin nước. v.v...

Cao Huy Đình đã sưu tập rất nhiều những mẩu chuyện này trong quyển Người anh hùng làng Dóng.

Sau đây là một số dị bản truyện Thánh Gióng, những dị bản này đều mang hình thức thần tích.

1 Thạch tướng quân. Đồi Hùng Vương, ở làng Yên-việt có hai vợ chồng hiếm con. Một hôm chồng lên núi, được thần Núi (Sơn thần nhạc phủ) báo mộng cho đá đất làm con (do mẹ đá thụ thai đã ba năm). Một hôm bỗng có tiếng sét nổ vang, phiến đá trong ao nhà họ tự nhiên nứt ra, xuất hiện một em bé. Hai vợ chồng đưa về nuôi. Bảy tuổi chưa biết nói.

Bấy giờ có 50 vạn người Man cầm đầu là Lục Đinh thần tướng sang chiếm nước ta, thế rất dữ dội. Vua Hùng được thần mách, sai "xá nhân" đến Yên-việt cầu tài. Lúc đó em bé đang nằm trên giường. Người bố vỗ vào em nói: - "Nước nhà có giặc vua sai xá nhân đi tìm, sao không dậy giúp nước còn ngủ mãi ư?". Thạch tướng - đứa bé - nghe nói, bèn đứng dậy mời xá nhân vào, rồi bảo về nói với vua làm cho một voi đá cao mười trượng cùng lá cờ thiên đế, sẽ dẹp xong giặc. Vua cũng sai thợ đá tạc như lời yêu cầu. Được voi và cờ, em bé vươn cao mười trượng, mặt đỏ như mặt trời mọc, nhảy lên voi cầm cờ có quân sĩ theo sau. Quân Man hồn kinh phách tán, xô nhau chạy trốn, tướng của chúng bị chém làm ba đoạn.

Thắng trận, Thạch tướng quân trở về làng rồi cưỡi voi lên trời.

2. Lân Hồ đô thống đại vương. Một người đàn bà không chồng ở làng Đồng-bảng một hôm vào rừng kiếm củi bỗng nghe một tiếng hổ gầm, tâm thần chuyển động, có mang mười bốn tháng sinh một trai, đặt tên là Lân Hồ, cao một trượng, có sức khỏe hơn người.

Bỗng có giặc từ phương Bắc tràn xuống tàn phá đến vùng Bạch-hạc. Vua nhà Trần xuống chiếu cầu bậc có tài dẹp giặc. Lân Hồ ứng mệnh bảo sứ tâu vua rèn cho mình một ngựa sắt, một roi sắt để ra trận. Được mọi thứ, Lân Hồ nhảy lên mình ngựa đánh cho giặc tan tành. Vua Trần ban cho tám chữ: "Nam

phương chính khí, Bắc khấu hàn tâm" (Chính khí phương Nam làm cho giặc Bắc lạnh vía). Ông không nhận quan tước, chỉ trở về quê nuôi mẹ. Mẹ chết rồi, Lân Hồ cưới ngựa đi đến xã Toàn-mỹ mà hóa.

3. Linh Lang đại vương. Đời Lý Thái Tông có cung phi tên là Thị Sung. Một hôm đi tắm ở hồ Dâm-đàm bị một con thuồng luồng quấn vào người. Từ đấy có mang, sinh được một người con trai trên mình có hai mươi tám vết như vẩy rồng, trên ngực có bảy hàng chấm óng ánh như ngọc. Vua đặt tên là Linh Lang, xây nhà cho mẹ con ở tại làng Thị-lệ trên hồ, gọi là hồ Linh Lang. Chợt có giặc Trinh Vĩnh sang xâm lăng, các tướng chống cự không nổi. Vua nghe lời thần, sai sứ đi tìm bậc thần nhân làm tướng. Đến làng Thị-lệ, Linh Lang đang nằm ngựa trên giường, bỗng nói được, bảo mẹ gọi sứ giả tới, rồi nói xin vua cha một lá cờ đồ lớn, cán dài, và một con voi đực, sẽ dẹp yên giặc. Được mọi thứ Linh Lang cầm cờ thét lớn: "Ta là tướng nhà trời!" rồi cưới voi ra trận. Voi chạy như hay, cờ phát một cái thì giặc tan. Tướng giặc ngã lăn ra chết. Lúc trở về bị bệnh đậu. Sắp chết, xin vua cho đem lá cờ đồ tung lên trời hễ cờ rơi xuống đâu thì cho lập đền thờ ở đấy. Sau đó, biến thành một con rắn bò đến hồ Dâm-đàm rồi mất.

Nói chung những truyện như các thần tích kể trên thì còn nhiều, nội dung đại đồng tiểu dị.

Người Nghệ-an có truyện Con ngựa đất dưng như cũng là một dị bản của truyện Thánh Gióng:

Một em bé mười lăm tuổi ăn rồi chơi nghịch đất, thường lấy đất vắt voi ngựa. Bỗng có giặc đến xâm lăng. Không ai đánh nổi. Nhà vua cũng phải cho người đi cầu bậc tài giỏi. Em bé sau khi gặp sứ giả bèn lấy đất vắt một con ngựa. Vắt xong ngựa tự nhiên lớn phồng lên, biết ăn biết chạy. Em bé bèn cưới lên ngựa. Ngựa chở em ra trận cuối cùng dẹp tan giặc.

Xem thêm truyện Vũ Thành trong Khảo dị truyện số 131 cũng là một dị bản của truyện Thánh Gióng.

Các dân tộc anh em cũng có những truyện có nhân vật anh hùng tương tự hoặc ít hoặc nhiều với Thánh Gióng

Trước hết là truyện của đồng bào Tày Lệnh Trứ:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi nghe lời đạo sĩ bắc một trăm hai mươi chiếc cầu, cuối cùng người vợ có mang đẻ được một con cóc. Cóc được mười hai tháng chỉ bằng nắm tay, nhưng bố mẹ vẫn nuôi. Một hôm, có sứ giả rao tìm người tài đánh giặc. Cóc bảo bố mẹ gọi vào đòi được giúp nước. Sứ giả đưa về triều. Tuy bé bằng nắm tay nhưng không ngựa nào chịu nổi sức nặng của cóc, đành phải đi bộ. Đến nơi vua hỏi: - "Cần những gì?". Đáp: - "Xin vua cho rèn một ngựa sắt cốt bằng gang ba nghìn cân, ngoài bằng sắt hai nghìn cân, bờm và đuôi bằng lông tóc của nam nữ mười bốn cân. Lại xin một lá cờ hiệu rộng ba sải tay". Vua chỉ cho đúc có tám nghìn cân nên khi cóc nhảy lên, ngựa khuỵu

lượng. Nhưng rồi ngựa cũng đi được. Vua phong cóc làm tướng Lệnh Trừ, hứa sẽ gả công chúa nếu thắng. Gặp giặc, ngựa xông vào phun lửa đằng mồm, phun khói đằng mũi. Giặc tối tăm mịt mịt, bị lửa thiêu cháy. Thắng trận trở về, vua lần lượt hỏi ý kiến ba nàng công chúa, chỉ có công chúa ba bằng lòng làm vợ cóc để giữ chữ tín cho bố mình.

Đoạn sau phát triển khác với truyện Thánh Gióng. Vua đành gả nhưng sai làm một trăm hai mươi cỗ kiệu, bắt cóc chỉ đứng kiệu nào có công chúa ba ngồi mới được lấy. Cóc ghé vào một cái quán. Trời mưa, cóc nhảy lên dọi mái cho khỏi giọt. Chủ quán vốn là tiên, mách cho cóc biết kiệu nào có ong bướm bay lượn là đúng. Công chúa về nhà cóc, cóc cởi lột hóa làm chàng trai. Sáng dậy lại mang lột vào. Hai chị hỏi em, công chúa ba thật thà kể lại. Người ta tổ chức bữa tiệc, công chúa ba bảo chồng cởi lột vào dự. Vua quan vào buồng xem lột cóc. Vua thử mặc lột vào, nhưng khi muốn cởi ra thì không cởi được nữa. Thế là vua biến thành cóc. Triều thần tôn cóc làm vua.

Truyện của đồng bào Mơ-nông Dưng sĩ mặt trăng:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi, một hôm vợ mộng thấy một con thỏ từ mặt trăng xuống chơi giỡn trước mặt, từ đó có mang rồi đẻ một đứa bé. Cho là con thần linh, sợ mang họa, vợ chồng đem bỏ ở đồng cỏ, chỉ thỉnh thoảng đến thăm. Một hôm chúa làng bắt gặp, quăng em bé xuống suối nhưng nó không chìm, chỉ trôi đến một nơi được bà lão Pôm vớt về nuôi. Lên bốn, em biết múa khiên đao. Một hôm em đứng trên một phiến đá, khấn: - "Hỡi thiên thần, hãy giúp ta giết tên chúa làng gian ác". Dứt lời hòn đá cựa quậy hóa thành một con ngựa trắng cao to. Ngựa cúi đầu vẫy đuôi trước mặt, tỏ ý thuận phục. Cùng lúc ấy một bà già tóc vàng từ trên trời bay xuống bảo em đến dòng thác lấy vật báu. Em nhìn thấy một vật sáng lấp lánh trôi bập bênh, bèn lội xuống vớt lên thì là một thanh gươm quý. Em rung mình một cái trở thành một người cao lớn phi thường, cưỡi lên ngựa, ngựa hí phi như bay, cây cối cúi rạp. Đến nơi, tên chúa sợ, đóng cổng lại. Em múa gươm, gươm tỏa ra muôn ngàn hào quang, đốt cháy cổng, rồi cung điện. Bọn tôi tớ xông ra đều bị ngã hàng loạt. Em giết chết tên chủ làng, rồi lấy của chia cho mọi người, ai về nhà nấy. Lại cưỡi ngựa về chốn cũ. Ngựa không bay lên trời mà hóa thành đá, em ném gươm trả cho dòng thác, còn mình thì được bà chúa mặt trăng đưa lên trời, vì em vốn là con bà.

Truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) Cha gấu:

Một nhà nghèo để được mười cô gái, hàng ngày các cô phải vào rừng đốn củi sinh nhai. Một hôm họ gặp một con gấu đỏ, kể hoàn cảnh nghèo đói cho gấu nghe. Gấu trèo cây hái quả ngon cho ăn, lại cho mỗi người một gùi quả đem về. Cô út sau khi ăn quả của gấu thì có mang, sáu năm sau đẻ được một con trai bụ bẫm. Trong khi bị làng đuổi, cô được gấu đỏ đến nhận con và hái quả nuôi. Từ đây truyện gần với truyện của ta. Chú bé lớn nhanh nhưng không nói được, không đi được. Mẹ rất buồn. Một hôm con nói với mẹ. - "Mẹ nấu cho con nắm bung cơm và dọn bốn ché (hũ) mắm chua". Mẹ làm theo. Con ăn một loáng hết sạch, ăn xong, con xin mẹ đi làm nương: nhưng mẹ không cho. Nó

bèn vươn vai một cái tự nhiên cao lớn vụt lên: áo quần mẹ may cho rách toạc hết. Mẹ kinh ngạc đi gọi làng xóm tới. Lúc trở về thì con đã thành một trang thanh niên khổng lồ, tay cầm thanh gươm nom rất oai vệ. Ai nấy đang ngỡ ngàng thì nó đã cưỡi lên khiên bay vụt lên không. Đến đây truyện kết thúc có khác. Lúc này gấu đỏ xuất hiện biến thành người, đến khuyên dỗ vợ rồi cùng ngồi lên khiên bay đi tìm con. Gặp con, hai người rủ nhau đi trị tội một tên chúa làng gian ác nhưng có nhiều phép thuật tên là Ria. Thoạt đầu Ria làm lửa cháy khắp bốn bề. Cha con gấu hóa phép làm cho nước đổ xuống như mưa. Ria lại dâng nước cho ngập lụt, cha con lập tức gọi rồng hút. Ria hoảng hốt chưa kịp chạy trốn, đã bị cha con bắt trói. Nhưng họ không giết Ria, chỉ buộc nó bỏ thói gian ác và chia của cải của nó cho mọi người. Xong, gấu đỏ lại đưa con trở về với vợ.

Truyện của đồng bào Xơ-đăng Đăm Tay:

Đăm Tay là một chú bé không cha không mẹ, đi ở với một tên chủ làng giàu có nhưng độc ác. Vì khổ quá em bỏ đi; đi mãi, gặp một vườn mía vào bẻ ăn. Chủ vườn mía là hai ông bà già, thương em khổ, nuôi làm con nuôi. Một buổi sáng, em leo núi thấy trên đỉnh toàn là chiêng ché, trâu bò, voi ngựa, về nhà lại thấy một thanh gươm bằng vàng hào quang lóng lánh. Khi bố mẹ nuôi về em hỏi: - "Của cải trên núi để cho ai?" - "Cho con" - "Thanh gươm đó cho ai?" - "Cho con". Thích quá, em vùng dậy ăn một loáng hết cả một nồi lớn cơm và uống hết một bầu nước. Đi qua suối vàng em xuống tắm, người bỗng vàng ra và cao lớn lên. Em cưỡi voi đi đến một bờ suối thấy trong một cái chòi có tiếng khóc. Từ đây trở xuống giống với truyện Tiêu diệt mãng xà (số 148): Em vào xem thấy một cô gái xinh đẹp. Hỏi thì mới biết dân ở vùng đó bảy năm một lần phải nộp một cô gái đẹp cho yêu tinh, nếu không nó sẽ dâng nước chết hết. Đăm Tay chém chết yêu tinh, từ biệt cô gái, bỏ lại vỏ gươm và một mảnh đuôi khố bị yêu tinh chém đứt. Người bố cô gái gọi các chàng trai đến so đuôi khố và so gươm, hứa sẽ gả con gái cho ai so vừa. Dĩ nhiên chẳng có ai vừa trừ Đăm Tay, nhưng em lại bị bọn nhà giàu ghen ghét bẫy chiếc cầu làm cho voi ngã, Đăm Tay rơi xuống nước chết. Xác em được cô gái chôn cất, nhưng sau đó lại được con chó của bố mẹ nuôi đến bới lên, rồi liếm làm cho sống lại. Em lại mang gươm đi các nơi trị tội bọn tham lam độc ác.

Một truyện khác của người Mơ-nông Hai anh em Pờ-rang và Dang là một dị bản của truyện vừa kể:

Xưa, có hai anh em Pờ-rang và Dang ở chung nhau một nhà, anh thương em, nhưng vợ anh thì trái lại. Một hôm Dang đi săn nhờ chó sủa, nhặt được một hòn đá lạ ném trâu, đá xuyên bụng trâu. Chị dâu ghét em, xui chồng giết. Chồng gửi em ở nhà một người bạn, nói dối là đã giết. Nhưng sau vợ biết là chồng lừa, bèn buộc chồng phải giết cho kỳ được. Cuối cùng chồng phải làm một cái trống bỏ em vào cùng với thức ăn, thả cho trôi theo dòng nước. Trống trôi đến một nơi có hai vợ chồng một ông già không con, họ nuôi Dang làm con. Một hôm hai vợ chồng đi xa, dặn Dang đừng đụng tới chum nước để ở góc nhà, nhưng do tò mò, anh thò tay vào, cánh tay tự nhiên vàng rực, càng chùi càng

vàng khắp người. Làng ông lão thờ thần rồng cứ bảy năm một lần phải nộp một mạng người, lại phải nộp năm trăm trâu, năm trăm bò và năm trăm lồng gà vịt. Năm ấy đến lượt Nê-ang Pu, con gái vua nộp mạng. Dang đến thần Giê-ác nhớ thần rên gươm bằng hòn đá của mình. Rên xong anh chặt thử, gươm bị gãy. Rên lại cũng thế, mãi sau mới thành công, chỉ chặt một nhát vào cây là gãy, chặt một nhát vào nước, cá chết đầy sông. Khi có gươm, sức khỏe của Dang tự nhiên tăng lên gấp bội. Một mình ăn hết một nong cơm tám sải, một nong thịt tám sải, một nong ớt tám sải và một nong cà tám sải. Chỉ một quật, anh lật nhà, mái lộn xuống đất. Trở về, Dang giết chết rồng cứu Nê-ang Pu. Nhưng lập công xong anh trở về nhà nằm bên bếp vùi tro lại giấu mình không cho ai biết (tinh tiết này giống với các dị bản phương Tây). Nhưng do anh bỏ quên vỏ gươm, nên về sau nhà vua cũng tìm ra. Đoạn sau này xem Khảo dị truyện số 26, tập I.

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) Chàng Y Ban:

Có hai vợ chồng bị chủ làng đuổi nhưng lại gặp tiên, được tiên làm cho trở nên giàu có, lại đẻ được một đứa con trai đặt tên là Y Ban, nuôi một con nuôi tên là Y Rít. Chủ làng lại tìm đến nơi giết chồng rồi bán vợ lại cho người khác. Y Ban được Y Rít bồng chạy trốn đến một nơi, làm con nuôi một gia đình khác. Em ăn một lúc sáu mâm cơm, ngủ sáu ngày sáu đêm liền. Lúc dậy vươn vai, người em tự nhiên cao bằng cây kơ-nia trước sân. Em đánh con quay làm vỡ tan quay, lại đánh nữa cũng vỡ. Phải mua quay bằng sắt giá bằng ba chồi lúa với hai con trâu, phải dùng voi cho con quay về. Em tập múa khiên và dao: khiên vỡ dao gãy. Em chặt một cây cỏ thụ bẫy người ôm để làm khiên (không thấy nói đến việc rên búa). Đi đánh nhau, mọi người đều thua em. Sau đó tìm được mẹ, em quyết trả thù cho cha. Sai Y Rít đi dò đường đến nhà tên chủ làng, phải đi bảy ngày bảy đêm mới tới, bị chủ làng đuổi, Y Rít chạy về dẫn đường cho Y Ban đi. Lúc đến nơi Y Ban chỉ giáng một búa, cổng thành vỡ tan, đoạn giết chết chủ làng và sáu đứa em của nó. Sau đó anh lấy cô gái làng ấy.

Cô-xcanh (Cosquin) trong Những truyện Ấn-độ và phương Tây khi kể truyện Tro bếp hay Lọ lem (nữ) có nói đến một loạt truyện mà ông gọi là Tro bếp nam (Cendrillon masculin) trong đó nhân vật chính là nam, lúc còn bé thường ngủ trong tro nhưng có sức khỏe, ăn khỏe (có khi cả ngủ khỏe) với cái gậy (hay chùy, hay giáo) bằng sắt nặng ghê gớm; lập nên nhiều kỳ tích. Dưới đây kể một số:

Truyện của Pháp:

Lu-i đã lên hai mà vẫn nằm, không dậy. Bố mẹ thường bảo: - "Dậy đi con!". Con đòi: - "Khi nào cho con một cái áo bờ-lu và một quần cộc thì con sẽ dậy". Vì không có áo quần nên lên tám, rồi lên mười hai, Lu-i vẫn nằm ở giường. Bố mẹ bảo thì em vẫn trả lời như thế. Đến năm mười lăm tuổi, bố mẹ khâu ba mươi sáu miếng vải nhật được thành áo quần. Em bèn dậy làm việc với một chủ trại với điều kiện là mỗi ngày phải cho em ăn một đồng bánh ngọt và một thùng rượu. Em làm việc khỏe gấp mấy chục lần những người đầy tớ khác.

Một truyện khác ở Thượng Bro-ta-nhơ (Haute-Bretagne), kể một em bé thường xuyên không nằm trên giường, nhưng bà mẹ cho chơi cho đến mười bốn tuổi, mới bảo làm việc. Em đi rèn một "chiếc đĩa nhỏ" nặng bảy trăm bảng rồi cầm lên như cầm chiếc lông đi chu du thiên hạ. Đoạn cuối giống truyện Chàng Gấu (xem Khảo dị truyện Thạch Sanh, số 68, tập II).

Truyện Iéc-lăng (Irlande):

Một người đàn bà góa nghèo không có áo quần cho con mặc, bèn bỏ con vào bồ tro gần bếp đắp tro nóng vào. Con càng lớn càng đắp thêm tro. Khi con mười chín tuổi, mẹ kiếm cho một mảnh da dê cuốn quanh lưng và bảo đi làm việc kiếm ăn. Em có sức mạnh tuyệt vời, làm nhiều cuộc thám hiểm và lấy được công chúa.

Truyện Đức:

Jäng, chàng Sắt - tên em bé - vì ăn tợn quá nên bố mẹ không cung cấp nổi. Bố mẹ bảo em đi ở với một thầy cả và rèn cho một roi sắt. Em đã ăn bữa ăn chiều bằng bữa ăn của mười hai người đầy tớ, ăn bữa ăn trưa bằng bữa ăn của các nữ tỳ và các đầy tớ, nhưng làm việc mấy chục lần hơn họ. Cuối cùng để đui em, chủ sai em đi tìm đứa con gái của mình bị quỷ bắt, hứa sẽ thưởng một túi tiền mà em vác nặng. Em cầm roi đi đến cửa âm phủ, gõ cửa ầm ầm. Quỷ trốn biệt. Em phá cửa vào đưa cô gái về, và đòi tiền công. Em bỏ tất cả cửa nả của chủ vào một cái túi mà vác vẫn chưa nặng. Sau khi mang về cho bố mẹ, em đi chu du thiên hạ.

Truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie):

Một em bé thường nằm trong đồng tro bếp. Một hôm một chị và hai anh của em bị một con quỷ ba đầu nuốt mất. Em đứng dậy rủ mình cho rơi tro, bỗng xảy ra một trận bão lớn làm cho nhiều nông phu đang cày ruộng phải bỏ cày chạy về nhà ẩn nấp. Em lấy tất cả các cày của họ mang đến cho một người thợ rèn, bảo rèn cho mình một cái giáo. Nhưng khi ném giáo lên trên không rơi xuống, đụng phải ngón tay út, giáo gãy. Rồi em lại lắc mình mạnh hơn trước, lại nổi lên một trận bão lớn hơn. Người ta lại bỏ cày đi trốn, em lại lấy số cày nhiều hơn để rèn giáo lần thứ hai, nhưng giáo vẫn bị gãy. Lần thứ ba em cũng làm như vậy, lần này giáo làm bằng tất cả những chiếc cày còn lại tung lên rơi xuống không bị gãy. Em liền cầm lấy đi cứu chị và hai anh. Đoạn cuối cũng giống như truyện Chàng Gấu của Pháp.

Truyện của người Nga:

I-văng là một em bé ngốc. Mười hai năm ròng em nằm ngủ trong tro của lò sưởi nên người ta gọi em là cậu bé Tro (Pô-pi-a-lốp). Sau đó em dậy, lắc lắc người, làm rơi đến sáu pút tro. Bấy giờ có một con rắn ngăn trở không cho mặt trời mọc làm cho đêm tối ngự trị. I-văng xin cha rèn cho mình một cái chùy sắt năm pút. Chùy rèn xong, em tung lên không, rơi xuống trán, chùy bị gãy vụn. Lại xin rèn một chùy khác mười pút nhưng khi rơi xuống đầu gối em, cũng gãy tan.

Đến cái thứ ba mươi lăm phút, rơi xuống trán làm móp trán. I-văng bèn cầm lấy để đi đánh rắn.

Ở truyện của người Xla-vơ ở Bô-xni (Bosnie) thì một em bé tên là Hạt tiêu. Sau khi chết mất hai đứa con trai, bố mẹ em cầu xin một đứa con khác, sau đó đẻ ra em chỉ lớn bằng hạt tiêu. Nhưng em có sức khỏe tuyệt vời, thường cầm một chùy sắt vĩ đại như cầm một chiếc lông.

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères) Ở An-jê-ri (Algérie):

Một chàng trai có sức khỏe kỳ diệu nhưng hung dữ. Dân trong xứ xin vua trừ đi. Vua tìm được một cách là lừa anh đến nhà một bà chằng ăn thịt người để mượn tay bà chằng trừ hộ, mới bảo: - "Chị mày ở trong tay bà chằng ấy". Anh chàng bèn đến thợ rèn bảo rèn cho một cái gậy sắt. Thợ rèn rèn cho một gậy nặng mười tạ. Cũng như truyện trên, anh cầm gậy tung lên không, rơi xuống cánh tay, gãy gãy. Anh cầm khúc gậy còn lại đánh người thợ rèn gãy lưng. Lại nhờ một người thợ khác rèn một cái gậy hai mươi tạ. Lần này thử không gãy. Anh cầm gậy nhẹ như một cái lông, đi đánh bà chằng giải phóng cho chị mình.

Truyện Brê-din (Brésil):

Một ông vua có một đứa con trai, khi mới đẻ đã to lớn và khỏe dị thường. Được mười ngày nó ăn hết một con bò. Vua hoảng quá, gọi cố vấn đến hỏi kế. Cố vấn bảo vua phải cho con đi nơi khác kiếm ăn. Hoàng tử bằng lòng đi, nhưng xin rèn cho một gậy sắt thật nặng, một cái búa tạ, một lưỡi hái to. Được mọi thứ, nó ra đi. Kết cục giống như truyện Chàng Gấu của Pháp (đã dẫn).

Người Ba-tư (Iran) cũng có một truyện như truyện Chàng Gấu của người A-ra-vơ, nhưng ở đây bố của em là một hoàng tử bị gấu cái bắt về làm chồng. Lên ba tuổi khi nghe bố kể chuyện, em lật hòn đá nặng đưa bố ra khỏi chỗ giam lại giết mẹ khi bị đui bắt. Vua - ông nội của em - sợ quá cho em ở một nơi hẻo lánh. Lên sáu: em xin đi đánh trận, nếu không sẽ phá hết nhà cửa nơi đó. Vua sai em đến hồ Si-na-dơ nhật củi với ý định để cho thú dữ ăn thịt, không ngờ em gọi được mọi thú rừng chim chóc bảo chúng đi nhật củi hộ, đưa về. Vua cho ở kinh đô năm năm, sau đó em lại xin đi đánh trận, nếu không sẽ phá nát cả kinh đô. Vua sai em đi giành lại thành Sim-ken trước đây bị chiếm đoạt. Hỏi cần bao nhiêu quân, nó chỉ xin một thanh gươm nặng bảy vạn bát-man và một cái búa một vạn sáu nghìn bát-man. Vua sai gọt tất cả sắt trong nước lại để rèn, đến bốn mươi ngày mới xong. Gươm rèn xong, cả một đội quân không nhấc nổi. Em chỉ cầm có một tay rồi giắt vào lưng. Đến nơi, em hét lên một tiếng: có bốn vạn người chết, hét tiếng thứ hai: ba vạn, tiếng thứ ba; một vạn. Thế là giành xong. Em đi gọi dân nghèo lân cận tới ở. Đoạn sau xem Khảo dị số 88, tập II.

Ở truyện Xéc-bi (Serbie) thì em bé được mẹ cho bú trong ba thời kỳ liên tiếp là bảy năm. Sau đó em vươn vai đứng dậy thành người to lớn, nhổ một cây "sên" cổ thụ. Không những thế, em còn lật ngửa cây cho gốc lên trời. Ở truyện Nhật-bản cũng có một em bé khỏe tuyệt trần tên là Kin-ta-rô cưới ngựa cầm gươm đi dẹp giặc.

Ở truyện Jê-or-gi (Géorgie) thì em bé tên là Nát-xác-khơ-ki-ia (người gái vung tro như kiểu chó gái) không những có sức khỏe mà còn có mưu. Em thường ngồi ở bếp đào một lỗ trong tro bếp mà nằm. Bố mẹ em chịu đựng một thời gian lâu, sau đó đuổi em ra khỏi nhà. Đi chu du thiên hạ, em gặp một tên Khổng lồ. Thấy nó bóp đá ra nước, em nói: "Tốt lắm, ta có thể làm tan ra bột bất kỳ hòn đá nào". Đoạn lấy một quả bầu đựng tro giắt sẵn ở thắt lưng ra, vung cho tro bay khắp nơi. Khổng lồ chưa hết kinh ngạc thì đã bị tro làm cho mù mắt.

Người Mô-rơ (Maures) có hai truyện có hình tượng lạ hơn, là một em bé anh hùng được sinh ra cùng với cây gươm thần:

1) Một ông vua có hai người con nhút nhát, bèn cầu thần A-ra cho mình một đứa con đảm không ai thắng nổi, trừ bậc tối cao. Một vị tiên hiện ra bảo trước cho vua sẽ có con con đảm và cho một cây gươm. Hoàng hậu quả để một đứa bé có một cây gươm giắt ở lưng, đặt tên là Bu-xíp (người có gươm). Đứa bé lớn nhanh. Vua thử rút gươm xem thì cây gươm bay ra múa tít rồi lại trở về chỗ lưng đứa bé. Lớn lên, vua cha chết, em đi săn được con thịt nhiều bằng của mười người thợ săn góp lại. Rồi em cưới lừa đi chu du, gặp các anh hùng khác trở tài, làm nên nhiều kỳ tích.

2) Một ông vua lấy một nữ nô lệ da đen để được một đứa bé mang một lưỡi gươm cả vỏ. Vua bắt bà mẹ giấu kín nhất em trong buồng không cho đi đâu cũng không cho giao tiếp với người ngoài. Em lớn lên, vua cho một ông thầy tới dạy chữ. Một hôm vua cho phép em lên gác của hậu phòng. Bắt đầu thấy người và cảnh vật, em đòi đi ra. Vua không cho. Em đâm thủng tường ra đi. Cùng đi với em có một con ngựa thần không ai dám đến gần, và cũng chưa ra khỏi chuồng bao giờ. Vua sai đóng móng bằng vàng và bạc. Em dắt ngựa ra cưới. Một bà già bảo em đi tìm mặt trời của mặt trời. Em bảo mẹ chuẩn bị thức ăn rồi ra đi và cũng lập nhiều kỳ tích.

[1] Theo Đét-xpác-mê (Desparmet). Truyện cổ tích Mô-rơ trong Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian (1921).

Tú Uyên

Vào đời Hồng Đức, có một người học trò nghèo, cha mẹ chết sớm, trọ học ở phường Bích-câu, phía Nam thành Thăng-long. Chàng rất hay chữ, tuy chưa đỗ đạt gì, người ta cũng gọi chàng là Tú Uyên.

Một ngày, vào mùa xuân, chùa Ngọc-hồ mở hội Vô-già, thiện nam tín nữ ở kinh đô và bốn phương tụ họp rất đông. Tú Uyên không bỏ lỡ cơ hội đi tìm người đẹp. Chàng vui chân đi quanh quần mãi đến tận chiều, bèn ngồi nghỉ ở gốc đa gần chùa. Chợt trông thấy một cái lá bay đến trước mặt, chàng nhặt lên xem, thì ra sau lưng lá có đề một bài thơ đầy những lời trêu ghẹo. Chàng tưởng có người nào ở trên lầu cao ném xuống rồi nắp vào một chỗ. Nhưng ngược nhìn

mọi nơi, mãi chẳng thấy gì cả. Đang lúc ngỡ ngác, Tú Uyên bỗng thấy một đám người từ trong chùa đi ra, trong đó có một cô gái rất đẹp. Thấy nàng liếc mắt đưa tình, chàng tiến lại bắt chuyện. Hai người vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ. Lòng Tú Uyên như nở hoa. Nhưng khi sắp đến đình Quảng-văn thì người con gái bỗng biến mất. Tú Uyên đứng ngẩn ra rất lâu, mãi đến tối mới trở về nhà.

Từ đây, Tú Uyên đêm ngày mơ tưởng không thiết gì ăn uống học hành. Nghe tin đền Bạch-mã rất thiêng, chàng đến xin quẻ thẻ rồi ngủ quên tại đền cầu mộng. Đêm ấy thần hiện ra trong giấc mộng của chàng, bảo rằng: - "Này anh chàng mê sắc kia, sáng mai hãy đến cầu Đông, ta sẽ cho biết một tin rất tốt".

Hôm sau, chàng y hẹn đến cầu Đông. Đợi mãi chẳng thấy ai cả, cuối cùng mới gặp một ông già bán tranh, ông đưa tới mời chàng một bức tổ nữ. Chàng mở ra xem thì không ngờ hình dạng người tổ nữ trong tranh trông chẳng khác gì người mà mình mong đợi. Chàng mua ngay, đem về treo bên cạnh chỗ ngồi. Đến bữa ăn chàng dọn ra hai đôi đĩa, hai cái bát mời người trong tranh ăn như mời người thật. Chàng hơi ngạc nhiên cảm thấy tổ nữ trong tranh hai má đỏ bừng dường như có ý thẹn.

Một hôm Tú Uyên đi học về thì thấy giữa giường đã sẵn sàng một mâm cơm có thức ăn ngon, khác với cơm rau thường ngày. Tuy chưa hiểu là của ai cho, nhưng đói bụng, chàng cũng ngồi vào ăn. Tiếp mấy hôm sau, mâm cơm đều dọn sẵn như thế. Chàng nửa ngờ nửa mừng, không hiểu ra làm sao.

Hôm khác chàng giả tảng đi học, nửa đường lộn về nắp ngoài cửa sổ dòm vào. Chàng thấy tổ nữ từ trong tranh bước ra dọn dẹp nhà cửa và xuống bếp làm cơm. Chàng đột ngột xô cửa bước vào nắm chặt tay nàng mà rằng:

- Để tôi bấy lâu trông đợi mỗi mòn con mắt! Thôi bây giờ nhất định không cho nàng ra khỏi đây đâu.

Nói xong Tú Uyên giật bức tranh trên tường xé đi.

Người con gái đỏ hai gò má, sẽ đáp lại:

- Sao chàng ác thế! Thiếp đã lạc vào nhà chàng rồi đâu dám không vâng lời. Rồi nàng cho biết tên nàng là Giáng Kiều, vốn có duyên nợ với chàng nên được xuống trần cùng kết làm đôi lứa. Tú Uyên không còn gì sung sướng hơn thế nữa. Chàng giơ tay lên trời thề bồi. Hai người chuyện trò hồi lâu. Tú Uyên giục nàng thành thân, Giáng Kiều bảo:

- Để thiếp mở tiệc mời các bạn tiên đến chứng kiến cho lễ cưới của đôi ta đã.

Nói xong nàng rút trâm trên đầu hóa phép thành một nơi màn gấm rèm ngọc, kê hầu người hạ rằm rập, đồ ăn thức uống lộng lẫy. Chỉ một lát cỗ bàn bày ra, đàn sáo vang lừng, các bạn tiên lần lượt đến ăn uống trò chuyện, ca hát nhảy múa rất là vui vẻ.

Nhưng từ ngày được vợ đẹp, Tú Uyên không buồn giở đến sách nữa. Suốt ngày chàng ở bên vợ và đặc biệt một điều là chàng thích uống rượu và ăn ngon. Giáng Kiều khuyên can mãi nhưng Tú Uyên vẫn giữ tật ấy. Ba năm trôi qua, chàng không lai vãng đến nhà học. Dần dà chàng trở nên nghiện rượu, đã uống là uống đến say, khi say không còn biết trời đất gì nữa, thậm chí nhiều lần chửi mắng vợ. Giáng Kiều giận lắm. Một hôm chồng từ tửu quán khật khưỡng bước về, nàng vục vào giường rồi nhân chồng ngủ thiếp đi, nàng liền bay về trời.

Tỉnh rượu, Tú Uyên không thấy vợ, rất lấy làm hối hận. Suốt một tháng, chàng bỏ ăn bỏ ngủ, kêu khóc thảm thiết. Bạn bè hết lời khuyên dỗ nhưng chàng không sao giảm được ưu sầu. Giận thân, chàng chỉ muốn tự tận cho xong đời. Nhưng khăn vừa vắt lên xà nhà thì bỗng có trận gió thoảng đưa mùi hương đến: Giáng Kiều đã hiện ra trước mặt. Chàng vừa vui vừa thẹn, thề xin chừa hẳn rượu. Hai vợ chồng lại vui vẻ như xưa.

Chẳng bao lâu, Giáng Kiều sinh được một trai. Đứa bé lớn lên rất thông minh, học ngày một giỏi.

Một đêm nọ bỗng có hai con hạc đến đón ở sân. Hai vợ chồng dặn con ở lại, rồi cưỡi hạc lên trời [1].

KHẢO DỊ

Truyện này đã được tín đồ đạo thần tiên uốn nắn để đề cao tư tưởng thoát ly. Truyền kỳ tân phả và Bích câu kỳ ngộ khi kể truyện này đã chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng đó.

Ở đây chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, không có thơ từ xướng họa giữa hai nhân vật, không có việc hai thị nữ đi theo Giáng Kiều, cũng không có việc Giáng Kiều khuyên chồng học đạo tiên. Việc Tú Uyên xé rách tranh cũng do nhân dân kể, không có trong các sách trên.

Loại mô-típ người bí mật hiện ra từ một vật nào đó, quét dọn nhà, làm cơm canh sẵn rồi lại thu hình chui vào, nhiều truyện cổ tích của ta và của các dân tộc đều có, tuy rằng có biến dạng nhiều hay ít. Trong truyện Tám Cám (số 154, tập IV), Tám từ trong quả thị bí mật ra dọn cơm cho bà già, truyện Lấy chồng dê, truyện Sọ dừa (số 128, tập III), Người lấy cóc (số 126, tập III) cũng gần như vậy.

Trong Sưu thần ký có truyện Nàng tiên trong vỏ ốc:

Một người nghèo khổ sống một thân một mình, thường khấn Long Vương để được số phận khá hơn. Một hôm, nhặt được một vỏ ốc rất đẹp. Như truyện trên, cô gái trong vỏ ốc cũng bí mật chui ra nấu ăn quét dọn cho anh khi anh vắng mặt. Cho đến một hôm, anh về đột ngột bắt gặp, nàng nói mình là con gái Long vương vâng lệnh cha lên giúp đỡ. Rồi nàng biến mất. Từ đó mỗi lần anh túng thiếu thì thấy trong vỏ ốc có tiền. Khi anh chết, vỏ ốc cũng biến mất[2].

Một truyện khác của Việt Nam là Sự tích cửa ô Cầu-dền, có những hình ảnh phần nào gần gũi với truyện Tú Uyên:

Đời nhà Mạc, ở làng Kim-liên có một người học trò cha mẹ chết sớm, nhà nghèo lắm, phải đi dạy học kiếm ăn qua ngày.

Một hôm, ngày giỗ cha, anh trở về ngôi nhà nát của mình. Thấy không có gì cúng, anh chỉ ngồi mà khóc. Khóc đoạn ngủ quên. Đêm khuya anh giật mình tỉnh dậy thì thấy trên bàn thờ đèn hương đầy đủ; nhìn vào bếp thấy có một cô gái đẹp đang giục đầy tứ dọn cỗ. Anh chạy vào ôm lấy cô gái hỏi duyên cớ, cô gái cho biết là thiên đình thấy anh nghèo khổ mà hiếu hạnh nên sai xuống kết bạn.

Sau đó, cô gái ở lại làm vợ anh. Được tám năm, cô gái hết hạn về trời. Thấy anh kêu khóc, cô bảo: số anh còn sống đến 99 tuổi, ngày đoan ngo sáp tới sẽ có vợ mới, nhưng có mấy mẫu ruộng mới tậu được hãy trồng rau dền cho nhiều vào.

Anh làm đúng lời cô gái dặn. Mấy năm đói kém, nhờ có mấy mẫu ruộng rau dền nên anh đã cứu giúp được nhiều người qua khỏi nạn đói. Vì thế, người ta gọi chỗ ở của anh là Cầu-dền[3].

Về những khả năng hình thành cảm hứng cho truyện Tú Uyên, xem lại tập I, phần nghiên cứu, chương II, mục 4: Quá trình hình thành một truyện cổ tích.

[1] Dựa theo Đoàn Thị Điểm (Truyện kỳ tân phả), Sử Nam chí dị, và theo lời kể của người Hà-tĩnh, Bắc-ninh, Hà-đông.

[2] Một truyện Trung-quốc khác là Nàng tiên ốc cũng kể đại khái như trên nhưng kết cục là anh nghèo khổ sau khi giấu biển vỏ ốc đã lấy được nàng tiên ốc làm vợ. Hai vợ chồng sống bằng lao động của mình, đầy hạnh phúc.

[3] Theo Sê-ông (Chéon), sách đã dẫn.

Từ Đạo Hạnh hay Sự Tích Thánh Láng

Vào thời Lý có một ông sư quê ở làng Láng gần kinh đô, tên là Từ Vinh. Từ Vinh học được phép tàng hình. Không những thế, hắn còn biết cả phép biến mình thành bất cứ con vật gì hay bất cứ một người nào khác. Khi học được phép lạ, hắn không nghĩ đến việc lợi dụng phép thuật để giúp đỡ người nguy khổ mà chỉ nghĩ cách tìm khoái lạc cho bản thân. Cho nên, hắn đi khắp mọi vùng, bề ngoài làm bộ giảng đạo nhưng kỳ thực là để gần gũi những người đàn bà mà mình ưa thích. Hắn đã có phép, lại không kém khôn ngoan, nên chả một ai hay biết cả.

Từ lúc Từ Vinh thi đậu khoa thi Bạch-liên, được vua phong chức tăng quan đô sát, một chức quan lớn trong triều đình, thì hẳn lại lên lút tìm gái ở vùng kinh kỳ. Bấy giờ, ở kinh có một nhà quý tộc tên là Diên Thành hầu có phủ đệ đẹp đẽ trên bờ sông Cốt gần làng Từ Vinh. Diên Thành hầu có một đám vợ và nàng hầu, trong đó có một nàng trẻ tuổi, nhan sắc xinh đẹp trên đời khó ai sánh kịp. Từ Vinh chú ý đến nàng. Phủ đệ Diên Thành hầu canh gác rất nghiêm ngặt, nhưng đối với Từ Vinh thì chẳng mùi gì. Nhờ những đêm Diên Thành hầu vắng mặt, Từ Vinh tàng hình lọt vào buồng của nàng, rồi biến thành chồng nàng lên giường giao hoan. Sáng dậy, y lại tàng hình đi ra khỏi cổng trước mắt bọn gác. Vì thế, chẳng những cả nhà Diên Thành hầu không một ai biết mà chính người đàn bà nọ cũng không ngờ là ngoài chồng mình ra, còn có một người đàn ông thứ hai nữa.

Một hôm, giữa lúc Từ Vinh tàng hình bước ra khỏi buồng người đàn bà, thì chính là lúc Diên Thành hầu lại vào với vợ. Người đàn bà vội kêu lên: - "Sao phu quân vừa ra đã lại trở vào?". Nghe nói thế Diên Thành hầu hiểu ngay nông nỗi và sau khi tra gạn vợ, ông mới biết gian phụ không phải người tầm thường, nếu không có một pháp sư cao tay thì đừng hòng trị nổi. Diên Thành hầu căm tức vô cùng, sau một lúc lâu suy nghĩ, ông sực nhớ đến nhà sư Đại Diên phép thuật cao cường nhất trong nước, từng được vua ban tước quốc sư và đã trở tài mấy phen trị tà bắt quỷ.

Khi nghe Diên Thành hầu kể lại câu chuyện, Đại Diên đưa cho ông ta một sợi chỉ ngũ sắc và dặn rằng:

- Hầu về đưa sợi chỉ này cho bà ấy, chờ lúc gian tể đến, lẳng lặng buộc vào ngang lưng. Một mặt cho rắc một lớp tro mỏng trước cửa buồng, cho người nấp chỗ kín canh gác. Đợi lúc nào thấy có dấu chân giẫm lên tro thì đóng ngay cửa lại, dán lá bùa này vào rồi cho người tức tốc đến đây báo tin cho bản đạo. Bản đạo sẽ vì hầu trừng trị con dâm quỷ.

Diên Thành hầu về, làm đúng như lời đã dặn. Quả nhiên, một đêm nọ Từ Vinh tàng hình mò tới. Hai tên nô hầu chực đêm ở cửa, bỗng nhìn thấy có những dấu chân tiến vào buồng mà không thấy có người, vội dán lá bùa lên cách cửa rồi phi báo cho chủ biết. Đêm ấy, Từ Vinh vô tình, không ngờ có cạm bẫy đang giương ra chờ mình, nên chỉ một lúc sau người vợ Diên Thành hầu đã buộc được sợi chỉ ngũ sắc quanh lưng mà hẳn cũng không hay biết gì cả.

Nghe tiếng động, Từ Vinh vội niệm chú biến thành một con gián. Nhưng chỉ bay đến cửa, hẳn mới biết rằng khắp mọi nơi đều có phép thần kín mít như bưng, không một khe hở nào chui lọt. Giữa lúc đó thì Đại Diên đã cầm đuốc tiến vào buồng. Gián ta hoảng hốt bò vào một khe vách nằm im tại đó. Cuộc tìm tòi của Đại Diên đã tưởng như trở nên vô hiệu. Mãi về sau, nhờ có sợi chỉ ngũ sắc buộc quanh người thò ra ngoài vách, nên Đại Diên lôi ngay được gián ra. Trong tay thần của Đại Diên, Từ Vinh hết phương trốn tránh đành chỉ kêu van xin tha mạng. Đại Diên hỏi:

- Mà y là ai?

Đáp:

- Tôi là Từ Vinh. Xin hòa thượng nghĩ đến tình đồng triều, đồng đạo, tha cho tội chết.

Nghe kẻ tội phạm xưng tên, Đại Diện nghĩ bụng: - "Phép thuật của hắn có tiếng là cao cường không kém gì ta. Nếu không sa cơ vì mấy lá bùa chưa chắc hắn đã chịu kêu van như thế này đâu. Tha cho hắn sẽ nguy hiểm cho ta. Tất phải trừ đi để khỏi hậu họa". Nghĩ vậy sư ta cười gằn bảo Từ Vinh:

- Mà y là kẻ tu hành, lại được triều đình trọng dụng mà cố tình phá giới, phạm tội chồng chất như thế này ư? Tha cho mà y sao được! Thôi ta hóa kiếp cho mà y để lo tu tỉnh về sau.

Từ Vinh chưa kịp kêu thì đã bị bàn tay Đại Diện bóp nát vụn. Xác con gián vừa rơi xuống đất thì hiện nguyên hình thành Từ Vinh. Đại Diện đá vào cái thân nói:

Kiếp này đã vụng đường tu,

Hãy đền tội lỗi, đền bù kiếp sau.

Đoạn, ngoảnh bảo Diên Thành hầu:

- Thế là trừ được một con dâm quỷ. Hầu cứ bảo người nhà vớt thân nó xuống sông.

Diên Thành hầu hết lời cảm tạ và sai người nhà mang mười lạng vàng tống tiền quốc sư về chùa.

Nhưng sáng hôm sau, giữa lúc Đại Diện đang tụng kinh thì một tên nô của nhà Diên Thành hầu đã hốt hoảng chạy tới báo tin:

- Bạch sư cụ, cái thân hôm qua không chịu trôi. Nó cứ đứng sừng sững giữa sông Cốt trên mặt nước, tay chỉ vào nhà hầu tôi, mắt nhìn trừng trừng rất dữ tợn. Hầu tôi kính mời sư cụ đến trị ngay cho!

Nghe nói, Đại Diện theo đến, chỉ tay vào thân Từ Vinh, đọc một câu quyết:

Sống chết là giấc chiêm bao,

Dầu giận thế nào không để cách đêm[1].

Tự nhiên cái thân chìm xuống nước và trôi đi.

Lại nói chuyện Từ Vinh có một người con tên là Từ Đạo Hạnh. Chàng mới hai mươi lăm tuổi, rất chăm học và rất có hiếu. Cái đêm cha bị giết, Từ Đạo Hạnh được cha báo mộng cho biết sự tình và nhắc đi nhắc lại tên Đại Diện, dặn phải trả thù cho bằng được. Tỉnh dậy, chàng hốt hoảng đi tìm cha, và chàng xiết bao

đau đớn khi thấy thầy cha nổi trên mặt nước. Nóng lòng vì báo thù, chàng cầm côn đi tìm Đại Điền. Chờ lúc Đại Điền đi đường một mình, chàng đuổi theo kẻ thù toan chuyện phang cho một côn lên cái đầu trọc. Nhưng vừa định vung côn, chàng bỗng nghe văng vẳng bên tai có tiếng can của cha mình: - "Chớ! Chớ nóng nảy. Muốn bóc vỏ quýt dày cần có móng tay nhọn đấy!".

Vì thế Từ Đạo Hạnh lại thu côn vào nách, nuốt giận trở về. Chàng tính chỉ có cách tìm thầy học phép mới trừ được kẻ thù lợi hại kia. Nghĩ vậy, chàng bỏ nhà đi khắp nơi tìm thầy, thế quyết bao giờ "đắc đạo" mới chịu trở về.

Hồi ấy ở về ven biển phía Nam có hai người bạn tâm giao: một người là Nguyễn Minh Không và một người là Dương Không Lộ. Cả hai đều làm nghề chài lưới nhưng rồi rủ nhau cắt tóc đi tu. Sau bao nhiêu năm đọc kinh gõ mõ vẫn chưa được đắc đạo, một hôm Nguyễn Minh Không nói với bạn:

- Tôi nghe muốn nhìn được xa thì phải trèo lên núi cao, muốn uống nước ngọt thì phải tìm đến tận nguồn. Vậy muốn đắc đạo trừ phi tìm đến quê hương của Như Lai thì không còn cách nào khác.

Dương Không Lộ đáp:

- Tôi sẵn lòng đi với bạn, dù có gặp núi cao biển rộng khó khăn đến đâu cũng không quản ngại.

Thấy hai chú tiểu cùng phát thệ đi đến đất Phật, một vị sư bác trong chùa cũng hăm hở đòi đi theo. Nhưng hồi ấy đường đất từ nước nhà sang đến Thiên-trúc thật là muôn vàn nguy hiểm và vô cùng gian khổ, cho nên sau khi đi được mấy ngày, vị sư bác đã thấy chùn chân, đành cáo bệnh trở về chùa cũ. Chỉ có hai bạn trẻ vững lòng nhắm hướng Tây tiến bước.

Một hôm, họ đến một vùng núi cao, hai người chui vào một ngôi miếu cỏ bên đường để ẩn mưa, bỗng gặp một người trẻ tuổi đang ngồi đốt lửa sưởi ở trong đó. Họ bắt đầu làm quen và biết rằng đây là Từ Đạo Hạnh, cũng lặn lội đi tìm thầy học phép để trả thù cho cha. Sau một đêm chuyện trò, ba người kết bạn với nhau. Từ Đạo Hạnh nhiều tuổi hơn được tôn là anh cả. Dương Không Lộ thứ hai và Nguyễn Minh Không là em út.

Cuộc hành trình vất vả kéo dài mấy năm trời. Họ đã trèo qua bao nhiêu là núi rừng, lội qua bao nhiêu là sông suối, chung sống với bao nhiêu là người dị chủng. Mặc cho ốm đau, đói khát, rách rưới, họ vẫn không chịu nản.

Một hôm, vừa qua xứ Mán Răng Vàng, họ bỗng gặp một ông cụ chở chiếc thuyền độc mộc ở giữa sông. Họ gọi lại hỏi đường. Ông cụ cho biết là theo con đường sông này sang quê hương Phật tổ thì không còn bao xa nữa. Ông cụ còn sẵn lòng chở họ đến nơi. Mừng quá, cả ba người xuống thuyền và thuyền đi nhanh vùn vụt chả mấy chốc đã đến đất Phật.

Ông cụ lái đò chình là đức Phật Như Lai. Nghe tin có người thành khẩn mộ đạo đến nỗi không quản gian lao nguy hiểm, nên đức Phật hiện xuống, dùng phép thần thông đưa họ đi. Nhưng khi nghe nói mục đích học đạo của Từ Đạo Hạnh thì đức Phật không bằng lòng. Cho nên khi đến nơi, ông cụ lái đò bảo Từ Đạo Hạnh ở lại trông thuyền cho hai anh em lên thăm dò trước đã rồi có gì sẽ báo lại sau. Thế rồi đức Phật đưa Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ về độ cho thành chính quả, và truyền cho tất cả các thuật biến hóa huyền diệu. Sau khi đắc đạo, Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không cúi đầu lạy tạ đức Phật rồi lên đường về nước.

Nói chuyện Từ Đạo Hạnh ngồi chờ mãi không thấy hai em trở lại, trong bụng lấy làm lo lắng chưa biết nên tính cách gì. Xảy gặp một bà cụ già từ trên bờ đi xuống bến xin sang sông. Chàng vui lòng chống đò giúp bà cụ. Luôn tiện chàng hỏi thăm:

- Cụ có thấy một ông già và hai anh chàng đi về ngả ấy không?

Bà cụ đáp:

- Có. Họ đã gặp đức Phật và đã đắc đạo rồi!

Nghe nói thế, Từ Đạo Hạnh đoán chắc bà cụ này không phải là người phạm trần, vội sụp lạy kêu nài:

- Xin cụ rủ lòng thương cho, kẻ đệ tử này mối thù cha trong lòng canh cánh không lúc nào nguôi.

Bà cụ vốn là một vị Bồ tát được đức Phật sai đến đây, bèn trả lời:

- Chính vì tìm đến cõi Phật với một điều ác trong lòng nên không được độ.

Chàng méo máo bày tỏ lời thề của mình trước linh sàng của cha cho bà cụ nghe và lạy lạy van nài đến kỳ cùng. Bà cụ bảo:

- Nếu lấy oán báo oán sẽ không tránh khỏi "nghiệp báo". Nhưng vì người có lòng thành khẩn nên ta cũng truyền cho.

Đoạn dạy cho Từ Đạo Hạnh mọi thuật biến hóa màu nhiệm và để cho chàng có thể đối địch với kẻ thù, nên Bồ tát còn dạy cho phép hô thần tróc quỷ bằng cách tụng chú Đà-la-ni, v.v...

Thế là từ đó Từ Đạo Hạnh cũng biết một số phép thần thông. Cho nên, lúc Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không từ đất Thánh trở về thì chàng đã độn biết được trước, mới định tâm đùa một mẻ để cho hai bạn hoảng sợ chơi. Khi họ sắp sửa đến bến đò phải đi qua một khu rừng rậm, Từ đã hóa làm một con hổ lớn từ trong bụi rậm xông ra định vồ, nhưng chàng không ngờ rằng hai bạn mình đều đã học được phép Phật, nên khi nhìn thấy hổ thì đoán ngay ra đó là Từ. Họ đồng cười lên. Nguyễn Minh Không đi đầu, nói:

Thôi đừng đùa cợt chi nhau,

Muốn làm kiếp ấy rồi sau được làm.

Nghe thế Từ Đạo Hạnh giật mình tỉnh ngộ. Nhờ phép thần, chàng thấy được kết quả tội lỗi của mình ở kiếp sau. Chàng bèn niệm chú hiện lại nguyên hình rồi cười đờ thẹn:

- Anh chỉ định tâm thử chơi, không ngờ mua cười với hai em. Phép thuật của hai em như thế đủ biết không phải tầm thường. Anh chỉ mong em ba đến lúc đó sẽ hết sức giúp anh qua khỏi "nghiệp chướng".

Thế rồi ba anh em lên đường về nước. Lần này, họ đi vùn vụt như tên, chẳng mấy chốc mà trước mắt họ đã thấy sông Lô núi Tản. Ba người chia tay nhau. Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ về quê hương còn Từ Đạo Hạnh thì không về nhà. Chàng nghĩ bụng: - "Ta phải tìm một nơi nào yên tĩnh để tu luyện thêm cho đến chừng hơn hẳn kẻ địch, lúc bấy giờ sẽ gọi hắn đến đương trường tỷ thí chứ không thềm đánh lén lút". Bèn tìm đến Thạch-thất, vào một hang đá ngồi xếp bằng tu luyện theo lối trường định. Theo như lời dặn, hàng ngày chàng niệm chú Đà-la-ni một vạn tám nghìn lần.

Sau ba tháng mười ngày khổ luyện, tự nhiên một hôm chàng vừa đọc câu chú, bỗng có một vị thần mặt xanh mỗ đỏ hiện ra trước mắt rồi nói: - "Từ Đạo Hạnh, anh cần sai bảo gì, tôi xin tuân lệnh". Từ biết là đạo pháp của mình đã đến ngày thông được với thần, mừng quá vội nói: - "Ta cần trả thù cha. Lập tức đưa ngay ta về kinh thành". Thốt nhiên chỉ trong nháy mắt, Từ Đạo Hạnh đã xuất hiện ở phía Bắc hoàng cung. Chàng bước lần đến ngã ba sông Cốt ném xích trượng xuống nước. Giữa dòng nước chảy xuôi, gậy cứ lừ lừ trôi ngược. Chàng đuổi theo cây gậy bấy giờ đã lướt sóng như một con rồng cho đến cầu Tây-dương thì dừng lại. Chàng vội tâng hình bước vào nhà Đại Điền. Bấy giờ Đại Điền đang ngồi nói chuyện trước một số đông quan khách. Chàng tiến đến trước mặt, hiện lại nguyên hình và bảo Đại Điền:

- Đại Điền! Mà mày có biết tao là ai không? Tao là Từ Đạo Hạnh con Từ Vinh. Ác giả ác báo. Mày giết chết cha tao, tao phải giết lại mày! Thôi cho mày sửa soạn đi!

Biết là gặp phải đối thủ không vừa, Đại Điền khởi thế công ngay. Nhưng phép thuật của hắn không thể nào đương nổi chiếc gậy thần của Từ Đạo Hạnh. Vì thế, cuộc chiến diễn ra không lâu. Chỉ một gậy của Từ Đạo Hạnh giáng xuống, hắn ngã vật chết ngay, chỉ kịp nói được mấy tiếng:

- Hỡi Từ Đạo Hạnh, tao sẽ diệt mày!

*

Nói chuyện vua nhà Lý, hỏi ấy tuổi đã già mà không có con. Bao nhiêu hoàng hậu và phi tần trong hậu cung chưa từng có một người nào chữa đẻ. Nhà vua

hết cầu Trời khẩn Phật đến tìm thầy chạy thuốc, nhưng chẳng ích gì. Những phép bùa thuốc men của các pháp sư, các lang y chẳng có thứ nào ra hồn. Người ta đều nói, vì mẹ vua ác nghiệt nên bị Trời phạt như thế, mà Trời đã phạt thì đừng hòng cưỡng lại.

Thất vọng, nhà vua dự định nuôi con nuôi. Một hôm, viên chuyển vận sứ Thanh-hoa về kinh châu vua có báo một tin rất lạ: một nhà dân chài ở miền biển có sinh được một đứa bé thần dị. Lên ba tuổi, nó đã biết nói và tự xưng là Giác Hoàng. Nó biết tất cả các việc trên trời dưới đất và tất cả mọi việc trong triều, ngoài nội. Và điều này mới đáng để ý, là hoàng thượng làm gì nó cũng biết cả. Nó còn tự xưng là con của hoàng thượng. Nghe nói thế, vua liền cho đưa đứa bé về cung. Thấy mặt mũi nó sáng sủa, hỏi đâu biết đấy, nhà vua đem lòng yêu dấu, muốn nuôi làm con để một ngày kia trăm tuổi sẽ truyền cho ngôi báu. Có mấy vị đại thần khi nghe vua dò ý tứ thì vội can ngăn:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ làm thế sợ lòng dân không phục. Nếu nó linh dị như thế, sao không thác sinh vào cung để mang lấy dòng máu của hoàng đế, lại đi làm kiếp con nhà bần tiện.

Nhà vua mang lời tâu ấy kể cho đứa bé nghe. Giác Hoàng xin vua dựng cho một cái đàn tràng, mời thầy làm lễ trong bảy đêm ngày, nó sẽ có cách đầu thai được. Vua mừng lắm, vội sai các quan làm y như lời nó dặn.

Tin ấy truyền đi khắp nơi và đến tai Từ Đạo Hạnh. Biết ngay đó là kẻ thù của mình, chàng bèn tìm đến nhà chị ruột đưa cho chị bốn lá bùa, nhờ về kinh tìm tới đàn tràng giắt lên mái; mỗi lá giắt về một phương. Quả nhiên sau đó ba ngày, Giác Hoàng bỗng bị bệnh nguy kịch. Gặp vua, hấn tâu:

- Tâu bệ hạ, bây giờ thì khắp mọi nơi đâu đâu cũng có lưới sắt vây kín, không thể nào thác sinh được. Hạ thần chỉ còn chờ chết. Mong bệ hạ trị tội Từ Đạo Hạnh, vì chính hấn đã âm mưu giết hạ thần và phá hoại cơ nghiệp lâu dài của bệ hạ.

Nói xong thì chết.

Thấy Giác Hoàng chết, vua nổi cơn thịnh nộ, lập tức sai người đi tra xét, quả bắt được mấy lá bùa có pháp ấn Từ Đạo Hạnh. Vua vội sai mấy đội vệ sĩ đi bắt Từ về kinh trăm quyết. Bị quân lính giải đi, Từ Đạo Hạnh không dám trái mệnh. Qua phủ đệ Sùng Hiền hầu ở phía Tây kinh thành, chàng cố nài bọn họ cho mình vào yết kiến. Sùng Hiền hầu nguyên là em ruột vua. Và cũng như vua, hầu không có con trai. Từ Đạo Hạnh chợt nghĩ ra được một kế cho nên khi gặp hầu, chàng cố nài nhờ tâu giúp để vua tha tội cho mình. Đổi lại, chàng sẽ tìm cách đầu thai làm con hầu và chắc chắn thế nào cũng phải được. Sùng Hiền hầu nghe bùi tai, liền đi vào hoàng cung bênh vực cho Từ:

- Tâu bệ hạ, không nên nghe lời một đứa bé để giết hại một nhà tu hành. Nếu Từ Đạo Hạnh mà diệt được Giác Hoàng thì phép thuật của Giác Hoàng sao ví được với Từ Đạo Hạnh. Bệ hạ nên lưu ý lại để dùng khi quốc gia hữu sự...

Nhân đấy, Từ Đạo Hạnh cũng tâu thêm:

- Tâu bệ hạ, nó là tà ma ngoại đạo hiện ra để hãm hại mọi người. Bần tăng không thể ngồi yên mà nhìn để cho tà ma làm loạn cả chính pháp, nên vượt phép bệ hạ trừ bỏ nó đi. Nay việc đã xong, bần tăng xin cúi đầu chịu tội.

Nghe mấy lời nói có lý, nhà vua dần dần nguôi giận, tha bổng cho Từ.

Hôm đó về đến nhà Sùng Hiền hầu, Từ Đạo Hạnh xin phép vào gặp vợ hân. Người nhà cho biết là phu nhân đang bận tắm. Từ bảo:

- Thế thì lại càng hay. Xin cho đưa vào ngay!

Bấy giờ người vợ Sùng Hiền hầu đang gội nước trong buồng tắm, bỗng thấy có một vị hòa thượng xô cửa bước vào. Trong lúc hoảng hốt chưa kịp kêu la thì hòa thượng đã biến đi đâu mất, mà lại thoáng thấy ở trong bồn nước có bóng một đứa trẻ. Người đàn bà ấy chưa hiểu ra thế nào cả thì đứa trẻ cũng đến lượt biến đi. Từ Đạo Hạnh đã bước ra khỏi nhà tắm. Gặp lại Sùng Hiền hầu, Từ dặn: - "Bao giờ phu nhân sắp sửa ở cũ, xin cho người hỏa tốc báo tin cho biết ngay".

Dặn đoạn, trở về Thạch-thất.

Từ hôm ấy, Sùng Hiền hầu trông trông mừng mừng khi thấy vợ có chữa, bụng ngày một lớn. Một đêm nọ thấy vợ chuyển bụng, theo đúng lời dặn, ông vội sai gia nhân phi ngựa lên Thạch-thất báo tin. Hôm đó, Từ Đạo Hạnh đang ngồi trước hang đá thuyết pháp, học trò có đến hàng ngàn người vây quanh cửa hang. Bỗng có tin người nhà Sùng Hiền hầu xin ra mắt hòa thượng, Từ Đạo Hạnh bảo các môn đồ:

- Thời đã đến rồi vậy! Ta sắp sửa đi đây!

Nói xong đọc mấy câu kệ dặn dò, rồi xếp bằng lại mà hóa.

*

Giữa lúc Từ Đạo Hạnh chết thì ở Thăng-long người vợ Sùng Hiền hầu sinh hạ một đứa con trai đặt tên là Dương Hoán. Năm mười lăm tuổi, Dương Hoán được vua nuôi là con và sau đó lấy làm đẹp lòng vì tính nét chàng có thể giữ được ngôi báu dòng họ Lý, nhà vua phong cho làm Hoàng thái tử. Năm hai mươi tuổi, Dương Hoán lên ngai vàng kế vị cha nuôi, trị vì thiên hạ tức là Lý Thần Tông.

Nhưng sau khi lên ngôi báu được ba năm thì Lý Thần Tông bỗng bị một bệnh lạ lùng. Thoạt tiên, nhà vua thấy ngứa ngáy khắp cả mình mẩy. Càng gãi bao nhiêu thì lông càng mọc bấy nhiêu. Mãi về sau toàn thân mọc thứ lông màu vàng có vằn đen như da hổ, miệng thỉnh thoảng lại gầm lên những tiếng dữ dội. Nhà vua suốt ngày ngồi lù lù trong một góc buồng, áo quần mặc vào bao nhiêu xé rách bấy nhiêu. Trước tin này, mọi thần dân đều ngơ ngác. Tất cả các viên

ngự y đều lắc đầu bó tay, không biết bệnh gì mà chữa. Bọn nội thị kháo nhau:
- "Có lẽ hoàng đế hóa làm chúa sơn lâm thì phải".

Triều đình và nội cung vì có việc vua đau cuống quýt cả lên. Ngoài những vị lương y còn có những pháp sư phù thủy được triệu đến làm phù phép, nhưng luôn trong năm tháng, bệnh của vua chỉ ngày một tăng chứ không có giảm. Hoàng thái hậu lo sợ quá, sai yết bảng rao: nếu ai chữa được vua lành sẽ chia cho nửa nước.

Thì bỗng nhiên, một hôm có vị đại thần đi ra ngoài cửa ô, nghe đám trẻ chăn trâu hát lên mấy câu:

Tập tầm vông!

Có ông Nguyễn Minh Không,

Chữa cho vua khỏi hóa.

Tập tầm vá!

Muốn chữa vua khỏi hóa,

Phải đón Nguyễn Minh Không.

Viên đại thần vừa ngạc nhiên vừa mừng, vội về triều báo tin cho hoàng gia biết. Lập tức triều đình phái một viên võ tướng mang năm trăm quân sĩ xuống xuôi chiếc thuyền lớn, xuôi sông đi về biển triệu Nguyễn Minh Không.

Lại nói chuyện từ khi chia tay hai bạn, Nguyễn Minh Không vào Ninh-bình trụ trì ở một ngôi chùa nhỏ, lấy hiệu là Giác Hải. trong những cuộc đi chơi, chàng đã dùng đúng pháp thuật của mình giúp đỡ mọi người. Một lần đi qua xã An-vệ thấy người dân ở đây đang khổ vì đại hạn: lúa héo khắp cả cánh đồng, chàng bảo người làng đan gấp cho mình một cái giỏ bằng tre thật lớn, ngoài phết giấy. Đạn, đưa ra sông cả mức nước, một mình đội về giới xuống ruộng, nước chảy lênh láng khắp cả cánh đồng; chỗ nước giới xuống nay hóa thành cù. Nhờ thế mà lúa lại mọc khỏe, dân làng lại được mùa[2].

Khi quân sĩ tìm được đến chùa thì Nguyễn Minh Không đang tụng kinh buổi trưa. Viên võ tướng mang quốc thư lên trình. Chàng đọc xong, quay lại nói với bọn họ:

- Bây giờ đã quá trưa, các vị đi đường chắc là đói bụng. Nhà chùa thanh đạm chẳng có gì nhưng cũng mời tất cả các vị dùng cơm chay một bữa rồi hăng nhỏ sào cũng chưa muộn.

Mời đan, chàng giục một chú tiểu bắc nồi thổi cơm và làm thức ăn. Nhìn thấy chú tiểu bắc một chiếc nồi tỳ tọ lên bếp, lại thấy hòa thượng giết thịt một con chim sẻ thì viên tướng không nhin được cười:

- Bạch hòa thượng, chúng tôi đi đây có đến năm trăm quân sĩ. Nay hòa thượng cho ăn như thế chỉ sợ một người vẫn chưa thể nào thòm thềm, huống hồ là năm trăm người. Hiện nay lương thực còn ở dưới thuyền, xin để chúng tôi tự lo lấy cái ăn, khỏi phải làm phiền đến cửa Phật.

Nguyễn Minh Không đáp:

- Các vị chớ ngại, nhà chùa tuy nghèo nhưng không để các vị phải đói đâu.

Nói xong, quay ra đun nấu một tý rồi bảo quân sĩ sắp hàng theo từng đội ngũ, lần lượt vào nhận phần cơm. Quân sĩ lũ lượt từng người đến trước hai cái nồi đất tý hon xới cơm và gấp thịt chim sẻ vào bát. Không ai không ngạc nhiên vì từ hai cái nồi màu nhiệm ấy bới hết bao nhiêu lại đầy ùn lên bấy nhiêu. Nguyễn Minh Không luôn luôn giục họ bới cho thật đầy để an cho rõ no. Và rồi chỉ trong một lúc, năm trăm quân sĩ dự xong bữa tiệc của nhà chùa thết.

Ăn xong, chàng bảo họ ai về thuyền nấy nghỉ ngơi trước khi nhổ sào tiến kinh. Cả tướng lẫn quân quay ra làm một giấc ngon lành. Nhưng khi tỉnh dậy họ đều hết sức sửng sốt vì thấy mình đã đến bến Ngự từ lúc nào rồi. Nguyễn Minh Không theo viên tướng vào hoàng cung. Bấy giờ các pháp sư ngồi đầy cả điện Thái-hòa. Họ đang tụm năm tụm ba vẽ bùa thử phép rì rầm khắp nơi. Thấy một nhà sư có vẻ quê mùa bước vào, họ liền bĩu môi:

Chuông khánh còn chả ăn ai,

Nữa là mảnh chính vứt ngoài bụi tre.

Chàng không nói gì cả, cúi đầu chào mọi người rồi rút trong áo lấy ra một chiếc đinh dài đóng sâu vào cột chường một tấc, đoạn ngoảnh lại nói to lên, bảo rằng:

- Ai tay không nhổ được cái đinh này thì người ấy sẽ chữa lành bệnh cho thiên tử.

Nghe nói thế, các pháp sư đều chạy lại thử rút cây đinh nhưng chả một ai lắc nổi. Cuối cùng, Nguyễn Minh Không bước lại dùng hai ngón tay khế rút ra như bỡn trước con mắt kính phục của mọi người. Thế rồi chàng đi thẳng vào nội điện, đến trước long sàng. Lý Thần Tông bấy giờ đang nằm ngửa, xung quanh có đến hàng chục nội thị đang giữ lấy tay chân. Thình thoảng, bệnh nhân lại gào lên và cố sức giãy giụa. Nguyễn Minh Không nhìn trừng trừng vào mắt bệnh nhân và nói lớn:

- Còn nhớ cố nhân nữa không? Được làm con Trời giàu có bốn biển mà cũng không thoát khỏi nghiệp báo ư?

Nghe nói, nhà vua bắt đầu có vẻ sợ, nằm im thin thít. Chàng sai đặt trước điện một cái vạc lớn đổ thuốc và dầu vào, bắt đầu nấu sôi lên sùng sục. Đoạn chàng xắn tay áo, thò tay vào vạc khuấy đều lên. Chàng ra lệnh vạc vua lại gần rồi tự

tay cầm gáo múc dầu trong vạc ra tắm cho vua. Dầu chảy đến đầu lông lá trôi đến đáy, da thịt nhà vua lại trắng trẻo như xưa.

Sau khi nhà vua lành bệnh, triều đình không ngớt lời khen ngợi phép thần diệu của Nguyễn Minh Không. Họ y ước cất đất phong thưởng nhưng chàng không nhận, nói:

- Bản tằng vì một lời hứa với người bạn cũ chứ không phải vì phú quý[3].

Đoạn bỏ về chùa cũ.

KHẢO DỊ

Truyện này đã được nhà chùa uốn nắn lại với dụng ý đề cao Phật giáo, lại cắt xén đi nhiều chỗ, như những đoạn về Từ Vinh, về Từ Đạo Hạnh làm phép đầu thai, v.v... Mặt khác, câu chuyện còn bị nhập cục với truyện sư Khổng Lồ. Ở đây, chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, khôi phục lại các đoạn bị cắt, tách riêng truyện Khổng Lồ đúc chuông (số 67) ra, vì nhận thấy nó có một kết cấu độc lập. Nhưng chúng tôi vẫn không làm sai nguyên ý của truyện thường kể.

Người Cham-pa có truyện Pô Ta-bai, đoạn đầu phần nào giống với đoạn đầu của truyện Từ Đạo Hạnh.

Vua Ta-bai đi săn. Vua nhặt được một cái ngà thần trong một cái ao. Chỉ trừ vua ra, không một sức mạnh nào có thể mang lên nổi. Trong ngà có một người đàn bà đẹp (nai ba-lá) bí mật trú ngụ. Thường ngày, vua đi săn vắng, người đàn bà hiện ra dọn các thức ăn, rồi lại chui vào ngà, như vậy đã gần một năm. Người đàn bà ở với vua như vợ chồng.

Rắc Bin-xvơ nghe tin này, một hôm chờ vua đi săn vắng, biến thành một con mối nấp ở cánh cửa. Khi người đàn bà ở trong ngà hiện ra, hấn mê hồn về sắc đẹp, cũng làm phép biến thành một người giống với vua, trừ hai cái răng nanh thò ra ngoài mồm là không giấu được. Người đàn bà hỏi tại sao đang đi săn lại về. Hấn lấy lời vua trả lời rằng vì đi dọc đường tự nhiên mọc ra hai cái răng nanh.

Khi vua về, người đàn bà hỏi: - "Bệ hạ mới về lúc trưa, sao bây giờ lại lộn lại?". Vua hỏi hình dạng người về cung trước mình. Đáp: - "Giống bệ hạ hết cả, chỉ trừ hai cái răng nanh thò ra ngoài". Vua biết là Rắc Bin-xvơ nên hôm sau, lúc đi săn, sai dán bùa vào cánh cửa. Khi Rắc Bin-xvơ đến thấy cửa đóng kín, nhưng hấn cũng hóa phép thành một con vật nhỏ bò vào. Người đàn bà hỏi thì hấn nói những câu nói quen thuộc của vua nên nàng tin là thật, ăn ở với hấn như vợ chồng.

Vua nửa đường lộn về, nhưng thấy cửa đóng kín và bùa còn dán kín nên lại tiếp tục đi săn. Khi Rắc ra đi, người đàn bà lưu lại, xin vẽ một bức chân dung để khi xa nhìn cho đỡ nhớ. Vẽ xong, nàng bỏ chân dung dưới nệm giường. Sau đó ít lâu vua đến với người đàn bà. Nằm trần trọc mãi không ngủ được, vua

thăm dò các nơi, cuối cùng tìm ra được bức chân dung. Hỏi thì người đàn bà nói thật. Vua ghen, giận đuổi ra khỏi cửa...

Đoạn sau truyện còn dài nhưng tình tiết phát triển khác truyện của ta nên không kể ở đây.

Truyện Ra-ma-ya-na của người Khơ-me (Khmer):

Để giấu các người vợ của mình khỏi con mắt của thần Ra-va-na, thần Đế Thích (In-đơ-ra) bèn bỏ họ vào một cái hang, hàng tuần ông đến với họ một lần. Rồi thần đóng kín cửa hang bằng một câu thần chú.

Thần Ra-va-na tìm đến cửa hang cạy cục không mở được cửa, bèn hóa thân làm một con mối nấp ở trên cửa hang để nghe trộm câu thần chú của thần Đế Thích.

Khi nghe được rồi, hôm sau thần bèn hóa làm thần Đế Thích đọc câu thần chú mở cửa hang vào ân ái với vợ cả của Đế Thích là Xu-xi-tra...[4]

Theo Truyện cổ Ca-tu thì dân tộc Ca-tu có truyện con khỉ: Có một ông vua độc ác nuôi một con khỉ nhưng không biết nó có phép lạ. Thường những lúc vua đi vắng, nó hóa thành người y hệt như vua, vào với vợ vua. Khi vua về lại biến trở lại thành khỉ. Về sau truyện tiến triển có khác: khỉ bày mưu cho dân làng đánh lại vua. Một hôm vua đi vắng, khỉ biến thành vua. Khi vua thật về, một mặt dân chúng kéo đến vây, một mặt khỉ xúi vợ vua đem quân bắt vua thật, bảo đó là kẻ thù. Sau đó, khỉ còn dùng mưu bắt cả rể của vua, đem giết cả hai, rồi tôn một người gia lên làm vua.

Thần thoại Hy-lạp (Grèce) có truyện kể rằng thần Dớt (Zeux) thấy nàng An-xmen (Alcmène) đẹp, nhân chồng nàng là Ăm-phi-tri-ông (Amphitryon) còn bận cầm quân đánh giặc, thần bèn hóa làm chồng nàng để vào với nàng. Đi theo thần còn có thần Méc-quya (Meccure) cũng biến thành Xô-si (Sosie), thủ hạ của Ăm-phi-tri-ông để cho nàng khỏi nghi. Cuộc tình duyên này đã làm nàng sinh ra thần Héc-quyn (Hercule).

Về chỗ nồi cơm thần diệu ăn mãi không hết, chúng ta còn có truyện Sự tích Bò tát Chân Nhân. Bò tát ở làng Bối-kê, huyện Thanh-oai (Hà-đông), cũng có những phép gần như phép Nguyễn Minh Không đãi khách. Bò tát Chân Nhân thuê một trăm người thợ dựng ngôi chùa lớn ở núi Tiên-lữ. Mỗi bữa chỉ thổi một niêu con cơm. Lúc đầu đám thợ trông thấy đều bật cười. Bò tát bảo: - "Khi cơm chín cứ bới ra rá để tôi còn về quê lấy tương cà làm thức ăn". Thợ lại càng cười cho là nhà sư chỉ nói bỡn, vì quê của Bò tát cách đây gần một ngày đường. Nhưng chỉ trong nháy mắt, Bò tát Chân Nhân từ chùa núi Tiên-lữ sang chợ Bảo-đà làng Đan-vị lấy hai lọ tương, một lọ muối, rồi từ chợ lại trở về chùa. Lúc về cơm vừa chín tới. Bò tát gọi thợ lại ăn, nhưng họ ăn không hết một niêu con, vì hễ bới lưng lại đầy[5].

Người Ba-na (Bahnar) cũng có truyện Y rít nói tới người con gái nuôi của Y rít có phép thổi cơm cho bọn lính nhà vua ăn bằng chiếc nồi bé tí, nhưng họ ăn đến tức cả bụng mà nồi cơm vẫn đầy.

Người Ê-đê cũng có truyện một em bé tên là Nồi (Gơ-la) vì da đen như nồi. Em vốn do một bà lão ăn một quả xoài trong rừng nên mang thai và đẻ ra. Lọt lòng, em đã nói được, gọi bà lão là "bà nồi". Em có nhiều phép lạ, lúc đói đòi cơm, cơm tự động chạy vào miệng. Lúc làm tiệc đãi làng, em chỉ đưa ra một bát cá mà khách ăn mãi không hết.

Trung-quốc có truyện Tả Từ, là người Lự-giang thời Đông Hán, có phép thuật. Một lần gặp Lưu Biểu ở Kinh-châu đang điều binh. Tả Từ nói: - "Tôi có lễ mọn khao ba quân". Hỏi: - "Khao những gì" - "Một bữa no say". Lưu Biểu nhận lời. Đến khi gặp thì thấy Tả Từ cầm một đấu rượu và một cái nem. Lưu Biểu bĩu môi, nhưng Tả Từ trao cho lính, họ chia nhau ăn uống no say mà vẫn không hết[6].

Trong Kinh Thánh cũng có truyện chúa Giê-su mấy lần chỉ có trong tay dăm cái bánh và hai con cá mà phân phát cho trên trăm ngàn dân chúng, ai nấy đều ăn no; bánh thừa còn lại hàng giỏ đầy.

Cổ tích và Phật thoại Ấn-độ cũng có truyện Du-đích-thi-ra nhận được của Mặt trời một nồi đồng lấy ra rau, thịt, cá vô tận; và Má-nu-da vâng lệnh Phật sai đi quyên giáo không được gì, bỗng chốc thấy xuất hiện năm trăm bát đầy thức ăn; lại nhờ phép Phật mà hiện ra trước một nghìn vị tỳ-khưu, mỗi người một bát đầy thức ăn, v.v...[7]

Về chỗ Từ Đạo Hạnh học phép và kiếp sau của ông hóa hổ, sách Lĩnh ngoại u linh lục chép: lúc bấy giờ có Phật bà giáng xuống chùa Tây-phương ở Sơn-tây dạy đạo. Từ cùng hai ông bạn rủ nhau lên đó học phép của Phật bà. Hai ông kia sáng dạ nên buổi nào cũng được về trước, còn Từ tối dạ cứ phải ở lại sau. Một hôm, thấy Từ ngồi khóc, Phật bà hỏi duyên cớ, ông nói vì ở lại sau nên sinh xấu hổ. Phật bà thương hại, cho một cái gậy để có thể theo kịp hai ông bạn. Nhờ đó ông vượt trước họ một đoạn đường. Đến cửa chùa làng La-cà, ông ẩn vào một bụi rậm. Đợi hai bạn đến, Từ giả làm hổ gầm lên một tiếng để lờ chơi. Không ngờ, một trong hai ông biết Từ bỡn cợt, bèn đọc câu "phát nguyện" rằng:

Phật cho như ý sở cầu

Muốn làm loài ấy, kiếp sau được làm.

Kiếp thứ hai, Từ được giáng sinh cửa đế vương, tức là vua Lý Thần Tông, đang làm vua tự nhiên hóa hổ.

Đến kiếp thứ ba, Từ lại được giáng sinh vào cửa đế vương, tức là vua Lê Thần Tông, cũng đang làm vua tự nhiên hóa hổ. Triều đình nhờ đức thượng sư nội đạo tràng ở Thanh-hóa về chữa. Lúc ấy dân có dịch tễ, thượng sư bèn sai

môn đồ mình đi thay với phép "trịch hùng trì chú". Sau khi thiết lập đàn tràng, môn đồ ra phép "hai tay đấm vào ngực, hai chân giẫm xuống đất, đọc chú ba lần". Tự nhiên vua thấy nhẹ nhõm, lông lá rụng hết; diện mạo lại đẹp đẽ như xưa[8].

[1] Dựa vào câu: Tăng hận bất cách túc,

Sinh tử nhất mộng trường.

Ý muốn nói: Thôi! Ghét ai giận ai qua một đêm thời thôi mới là quân tử; sống chết cũng chỉ là một giấc chiêm bao (Đoạn này theo Thiền uyển tập anh).

[2] Đoạn này theo tạp chí Nam phong (1929).

[3] Theo Lĩnh-nam chính quái, đã dẫn; Nước non tuần báo; và theo lời kể của người miền Bắc.

[4] Đề theo BEFEO (1931)

[5] Theo Vũ Phương Đề, Công dư tiệp ký.

[6] Theo Thần tiên truyện.

[7] Van Ghen-nép (Van Gennepe). Tôn giáo, phong tục và truyền thuyết.

[8] Theo Lăng Tuyết, Sùng-sơn đại chiến sử.

Tám Cám

Ngày xưa, có Tám và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Hai chị em suýt soát tuổi nhau. Tám là con vợ cả, Cám là con vợ lẽ. Mẹ Tám đã chết từ hồi Tám còn bé. Sau đó mấy năm thì cha Tám cũng chết. Tám ở với dì ghẻ là mẹ của Cám. Nhưng dì ghẻ của Tám là người rất cay nghiệt. Hàng ngày, Tám phải làm lụng luôn canh, hét chặn trâu, gánh nước, đến thái khoai, vớt bèo; đêm lại còn xay lúa giã gạo mà không hết việc. Trong khi đó thì Cám được mẹ nuông chiều, được ăn trắng mặc trơn, suốt ngày quanh quẩn ở nhà không phải làm việc nặng.

Một hôm người dì ghẻ đưa cho hai chị em mỗi người một cái giỏ bảo ra đồng bắt con tôm cái tép. Mẹ ta hứa hẹn: - "Hễ đứa nào bắt được đầy giỏ thì thưởng cho một cái yếm đỏ!".

Ra đồng, Tám nhờ mò cua bắt ốc đã quen nên chỉ một buổi là được đầy giỏ vừa cá vừa tép. Còn Cám thì dửng dĩnh dạo hết ruộng nọ sang ruộng kia, mãi đến chiều vẫn không được gì.

Thấy Tám bắt được một giỏ đầy, Cám bảo chị:

- *Chị Tấm ơi chị Tấm! Đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kẻo về dì mắng.*

Tin là thật, Tấm bèn xuống ao lội ra chỗ sâu tắm rửa. Cám thừa dịp trút hết tép của Tấm vào giỏ của mình rồi ba chân bốn cẳng về trước. Lúc Tấm bước lên chỉ còn giỏ không, bèn ngồi xuống bưng mặt khóc hu hu.

Bấy giờ Bụt đang ngồi trên tòa sen. Bỗng nghe tiếng khóc của Tấm liền hiện xuống hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tấm kể sự tình cho Bụt nghe. Bụt bảo:

- Thôi con hãy nín đi! Con thử nhìn vào giỏ xem còn có gì nữa không?

Tấm nhìn vào giỏ rồi nói:

- Chỉ còn một con cá bóng.

- Con đem con cá bóng ấy về nhà thả xuống giếng mà nuôi. Mỗi bữa, đáng ăn ba bát thì con ăn hai, còn một đem thả xuống cho bóng. Mỗi lần cho ăn, con nhớ gọi như thế này:

Bống bống, bang bang

Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta,

Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người

không gọi đúng như thế nó không lên, con nhớ lấy!

Nói xong là Bụt biến mất. Tấm theo lời Bụt thả bóng xuống giếng. Rồi từ hôm ấy trở đi, cứ sau bữa ăn, Tấm đều để dành cơm giấu đưa ra cho bóng. Mỗi lần nghe lời Tấm gọi, bóng lại ngoi lên mặt nước đớp những hạt cơm của Tấm ném xuống. Người và cá ngày một quen nhau, và bóng ngày một lớn lên trông thấy.

Thấy Tấm sau mỗi bữa ăn thường mang cơm ra giếng, mụ dì ghẻ sinh nghi, bèn bảo Cám đi rình. Cám nấp ở bụi cây bên bờ giếng nghe Tấm gọi bóng, bèn nhắm cho thuộc rồi về kể lại cho mẹ nghe.

Tối hôm ấy mụ dì ghẻ bảo Tấm sáng mai dậy sớm chăn trâu, và dặn:

- Con ơi con! Làng đã bắt đầu cấm đồng rồi đấy. Mai con đi chăn trâu, *phải chăn đồng xa, chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu.*

Tấm vâng lời, sáng hôm sau đưa trâu đi ăn thật xa. Ở nhà mẹ con con Cám mang bát cơm ra giếng, cũng gọi bóng lên ăn y như Tấm gọi. Nghe lời gọi, bóng ngoi lên mặt nước. Mẹ con Cám đã chực sẵn, bắt lấy bóng đem về làm thịt.

Đến chiều Tấm dắt trâu về, sau khi ăn uống xong Tấm lại mang bát cơm để dành ra giếng. Tấm gọi mãi nhưng chẳng thấy bóng ngoi lên như mọi khi. Tấm gọi mãi, gọi mãi, cuối cùng chỉ thấy một cục máu nổi lên mặt nước. Biết có sự chẳng lành cho bóng, Tấm òa lên khóc. Bụt lại hiện lên, hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tám kể sự tình cho Bụt nghe, Bụt bảo:

- Con bóng của con người ta đã ăn thịt mất rồi. Thôi con hãy nín đi. Rồi về nhặt lấy xương nó, kiếm bốn cái lọ bỏ vào, đem chôn xuống dưới bốn chân giường con nằm.

Tám trở về theo lời dặn của Bụt đi tìm xương bóng, nhưng tìm mãi các xó vườn góc sân mà không thấy đâu cả. Một con gà thấy thế, bảo Tám:

- Cục ta cục tác! Cho ta nắm thóc, ta bới xương cho!

Tám bốc nắm thóc ném cho gà. Gà chạy vào bới một lúc thì được xương ngay. Tám bèn nhặt lấy bỏ vào lọ và đem chôn dưới chân giường như lời Bụt dặn.

o

o o

Ít lâu sau, nhà vua mở hội luôn mấy đêm ngày. Già trẻ trai gái các làng đều nô nức đi xem. Trên các nẻo đường, quần áo mới ba mới bảy dập dìu tuôn về kinh như nước chảy. Hai mẹ con con Cám cũng sắm sửa quần áo đẹp để đi trải hội. Thấy Tám cũng muốn đi, mẹ dì ghẻ nguýt dài. Sau đó mẹ lấy một đấu gạo trộn lẫn với một đấu thóc, bảo Tám:

- Con hãy nhặt cho xong chỗ gạo này rồi có đi đâu hãy đi, đừng có bỏ dở, về không có gì để thổi cơm dì đánh đó.

Nói đoạn, hai mẹ con quần áo xúng xính lên đường, Tám ngồi nhặt một lúc mà chỉ mới được một nhúm, nghĩ rằng không biết bao giờ mới nhặt xong, buồn bã, bèn khóc một mình. Giữa lúc ấy Bụt hiện lên, hỏi:

- Con làm sao lại khóc?

Tám chỉ vào cái thúng, thưa:

- Dì con bắt phải nhặt thóc cho ra thóc, gạo ra gạo, rồi mới được đi xem hội. Lúc nhặt xong thì hội đã tan rồi, còn gì nữa mà xem.

Bụt bảo:

- Con đừng khóc nữa. Con mang cái thúng đặt ra giữa sân, để ta sai một đàn chim sẻ xuống nhặt giúp.

- Nhưng ngộ chim sẻ ăn mất thì khi về con vẫn cứ bị đòn.

- Con cứ bảo chúng thế này:

*Rặt rặt (tức chim sẻ) xuống nhặt cho tao
Ăn mất hạt nào thì tao đánh chết[1]
thì chúng sẽ không ăn của con đâu.*

Tự nhiên ở trên không có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đống, gạo ra một nỏ. Chúng nó lằng xằng ríu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyền một hạt. Nhưng khi chim sẻ đã bay đi rồi, Tấm lại nức nở khóc. Bụt lại hỏi:

- Con làm sao còn khóc nữa?

- Con rách rưới quá, người ta không cho con vào xem hội.

- Con hãy đào những cái lọ xương bống đã chôn ngày trước lên thì sẽ có đủ mọi thứ cho con thấy hội.

Tấm vâng lời, đi đào các lọ lên. Đào lọ thứ nhất lấy ra được một bộ áo mớ ba, một cái xống lụa, một cái yếm lụa điều và một cái khăn nhiễu. Đào lọ thứ hai lấy được một đôi giày thêu, đi vừa như in. Lọ thứ ba đào lên thì thấy một con ngựa bé tí, nhưng vừa đặt con ngựa xuống đất bỗng chốc nó hí vang lên và biến thành ngựa thật. Đào đến lọ cuối cùng thì lấy ra được một bộ yếm cương xinh xắn.

Tấm mừng qua vội tắm rửa rồi thàng bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi. Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô. Nhưng khi phóng qua một chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước không kịp nhặt. Khi ngựa dừng lại ở đám hội, Tấm lấy khăn gói chiếc giày còn lại rồi chen vào biển người.

Giữa lúc ấy thì đoàn xa giá cũng vừa tiến đến chỗ lội. Hai con voi ngựa dẫn đầu đoàn đến đây tự nhiên cậm ngà xuống đất kêu rống lên không chịu đi. Vua sai quân lính xuống nước thử tìm xem; họ nhặt ngay được chiếc giày thêu của Tấm đánh rơi lúc nãy. Vua ngắm nghía chiếc giày không chán mắt, bụng bảo dạ: - "Chà, một chiếc giày thật xinh! Người đi giày này hẳn phải là trang tuyệt sắc".

Lập tức vua hạ lệnh cho rao mời tất cả đám đàn bà con gái đi xe hội đến ướm thử, hễ ai đi vừa chiếc giày thì vua sẽ lấy làm vợ. Đám hội lại càng náo nhiệt vì các bà, các cô chen nhau đến chỗ thử giày. Cô nào cô ấy lần lượt kéo vào ngòi lều giữa bãi cỏ rộng để ướm thử một tý cầu may. Nhưng chả có một chân nào đi vừa cả. Mẹ con con Cám cũng trong số đó. Khi Cám và dì ghẻ bước ra khỏi lều thì gặp Tấm. Cám mách mẹ:

- Mẹ ơi, ai như chị Tấm cũng đi thử giày đấy!

Mụ dì ghẻ của Tấm bĩu môi:

- Con nỡm!

Chuông khánh còn chả ăn ai,

Nữ là mảnh chĩnh vút ngoài bờ tre.

Nhưng khi Tấm đặt chân vào giày thì vừa như in. Nàng mở khăn lấy chiếc thứ hai đi vào. Hai chiếc giày giống nhau như đúc. Bọn lính hầu hò reo vui mừng. Lập tức vua sai đoàn thị nữ rước nàng vào cung. Tấm bước lên kiệu trước con mắt ngạc nhiên và hằn học của mẹ con con Cám.

* * *

Tuy sống trong hoàng cung, Tấm vẫn không quên ngày giỗ cha. Nàng xin phép vua trở về nhà để soạn cỗ cúng giỗ cha. Mẹ con con Cám thấy Tấm sung sướng thì ghen ghét đố kỵ. Nay thấy Tấm về, lòng ghen ghét lại bùng bùng bốc lên. Nghĩ ra được một mưu, mẹ dì ghẻ bảo Tấm:

- Trước đây con quen trèo cau, con hãy trèo xé lấy một buồng để cúng bố.

Tấm vâng lời trèo lên cây cau. Lúc lên đến sát buồng thì ở dưới này mẹ dì cầm dao dẫn gốc. Thấy cây rung chuyển, Tấm hỏi:

- Dì làm gì dưới gốc thế?

- Gốc cau lắm kiến, dì đuổi kiến cho nó khỏi lên đốt con.

Nhưng Tấm chưa kịp xé cau thì cây đã đổ, Tấm ngã lộn cổ xuống ao, chết. Mẹ dì ghẻ vội vàng lột áo quần của Tấm cho con mình mặc vào rồi đưa vào cung nói dối với vua rằng Tấm không may bị rơi xuống ao chết đuối, nay đưa em vào để thế chị. Vua nghe nói trong bụng không vui nhưng vẫn không nói gì cả.

Lại nói chuyện Tấm chết hóa thành chim vàng anh. Chim bay một mạch về kinh đến vườn ngự. Thấy Cám đang ngồi giặt áo cho vua ở giếng, vàng anh dừng lại trên một cành cây, bảo nó:

- *Phơi áo chồng tao phơi lao phơi sào, chớ phơi bờ rào, rách áo chồng tao.*

Rồi chim vàng anh bay thẳng vào cung đậu ở cửa sổ, hát lên rất vui tai. Vua đi đâu, chim bay đến đó. Vua đang nhớ Tấm không nguôi, thấy chim quyền luyến theo mình, vua bảo:

- *Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh, chui vào tay áo.*

Chim vàng anh bay lại đậu vào tay vua, rồi rúc vào tay áo. Vua yêu quý vàng anh quên cả ăn ngủ. Vua sai làm một cái lồng bằng vàng cho chim ở. Từ đó, ngày đêm vua chỉ mê mãi với chim không tưởng đến Cám.

Cám vội về nhà mách mẹ. Mẹ nó bảo cứ bắt chim làm thịt ăn rồi kiếm điều nói dối vua. Trở lại cung vua, Cám nhân lúc vua đi vắng, bắt chim làm thịt ăn, rồi vứt lông chim ở ngoài vườn. Thấy mất vàng anh, vua hỏi, Cám đáp:

- Thiếp có mang thềm ăn thịt chim nên trộm phép bệ hạ đã giết thịt ăn mất rồi.

Vua không nói gì cả. Lông chim vàng anh chôn ở vườn hóa ra hai cây xoan đào. Khi vua đi chơi vườn ngự, cành lá của chúng sà xuống che kín thành bóng

tròn như hai cái lọng. Vua thấy cây đẹp rợp bóng, sai lính hầu mắc võng vào hai cây rồi nằm chơi hóng mát. Khi vua đi khỏi thì cành cây lại vươn thẳng trở lại. Từ đó, không ngày nào là vua không ra nằm hóng mát ở hai cây xoan đào.

Cám biết chuyện lại về mách mẹ. Mẹ nó bảo cứ sai thợ chặt cây làm khung cửa rồi kiếm điều nói dối vua. Về đến cung, nhân một hôm gió bão, Cám sai thợ chặt hai cây xoan đào lấy gỗ đóng khung cửa. Thấy cây bị chặt, vua hỏi thì Cám đáp:

- Cây bị đổ vì bão, thiếp sai thợ chặt làm khung cửa để dệt áo cho bề hạ.

Nhưng khi khung cửa đóng xong, Cám ngồi dệt vào dệt lúc nào cũng nghe thấy tiếng khung cửa rủa mình:

*Cót ca cốt kết,
Lấy tranh chồng chị,
Chị khoét mắt ra.*

Thấy vậy con Cám sợ hãi vội về mách mẹ. Mẹ nó bảo đốt quách khung cửa rồi đem tro đi đổ cho rõ xa để được yên tâm. Về đến cung, Cám làm như lời mẹ nói. Nó mang tro đã đốt đem đi đổ ở lề đường cách xa hoàng cung. Đống tro bên đường lại mọc lên một cây thị cao lớn, cành lá sum suê. Đến mùa có quả, cây thị chỉ đậu được có một quả, nhưng mùi thơm tỏa ngát khắp nơi. Một bà lão hàng nước ở gần đó một hôm đi qua dưới gốc người thấy mùi thơm, ngẩng đầu nhìn lên thấy quả thị trên cành cao, bèn giơ bị ra nói lảm bảm:

- Thị ơi thị, rụng vào bị bà, bà đem bà ngửi, chứ bà không ăn.

Bà lão vừa dứt lời thì quả thị rụng ngay xuống đúng vào bị. Bà lão nâng niu đem về nhà cất trong buồng, thỉnh thoảng lại vào ngấm ngấm và ngửi mùi thơm.

Ngày nào bà lão cũng đi chợ vắng. Từ trong quả thị chui ra một cô gái thân hình bé nhỏ như ngón tay nhưng chỉ trong chớp mắt đã biến thành Tấm. Tấm vừa bước ra đã cầm lấy chổi quét dọn nhà cửa sạch sẽ, rồi đi vo gạo thổi cơm, hái rau ở vườn nấu canh giúp bà hàng nước. Đoạn Tấm lại thu hình bé nhỏ như cũ rồi chui vào vỏ quả thị. Lần nào đi chợ về, bà lão cũng thấy nhà cửa ngăn nắp, cơm ngon canh ngọt sẵn sàng thì lấy làm lạ.

Một hôm bà hàng nước giả vờ đi chợ, đến nửa đường lại lén trở về, rình ở bụi cây sau nhà. Trong khi đó, Tấm từ quả thị chui ra rồi cũng làm các việc như mọi lần. Bà lão rón rén lại nhìn vào các khe cửa. Khi thấy một cô gái xinh đẹp thì bà mừng quá, bất thành linh xô cửa vào ôm choàng lấy Tấm, đoạn xé vụn vỏ thị. Từ đó Tấm ở với bà hàng nước, hai người thương yêu nhau như hai mẹ con. Hàng ngày Tấm giúp bà lão các việc thổi cơm, nấu nước, gói bánh, tằm trầu để cho bà ngồi bán hàng.

Một hôm vua đi chơi ra khỏi hoàng cung. Thấy có quán nước bên đường sạch sẽ bèn ghé vào. Bà lão mang trầu nước dâng lên vua. Thấy trầu tằm cánh

phượng, vua sực nhớ tới trầu vợ mình hôm ngày trước cũng y như vậy, liền phán hỏi:

- Trầu này ai tằm?
- Trầu này con gái già tằm, bà lão đáp.
- Con gái của bà đâu, gọi ra đây cho ta xem mặt.

Bà lão gọi Tấm ra, Tấm vừa xuất hiện, vua nhận ra ngay vợ mình ngày trước, có phần trẻ đẹp hơn xưa. Vua mừng quá, bảo bà hàng nước kể lại sự tình, rồi truyền cho quân hầu đưa kiệu rước Tấm về cung.

Cám thấy Tấm trở về được vua yêu như xưa thì nó không khỏi sợ hãi. Một hôm Cám hỏi chị:

- Chị Tấm ơi chị Tấm, chị làm thế nào mà đẹp thế? Tấm không đáp, chỉ hỏi lại:
- Có muốn đẹp không để chị giúp!

Cám bằng lòng ngay. Tấm sai quân hầu đào một cái hố sâu và đun một nồi nước sôi. Tấm bảo Cám xuống hố rồi sai quân hầu dội nước sôi vào hố. Cám chết, Tấm sai đem xác làm mắm bỏ vào chĩnh gửi cho mẹ dì ghẻ, nói là quà của con gái mẹ gửi biếu. Mẹ con Cám tưởng thật lấy mắm ra ăn, bữa nào cũng nức nở khen ngon. Một con quạ ở đâu bay đến đậu trên nóc nhà kêu rằng:

- *Ngon ngon ngon ngon! Mẹ ăn thịt con, có còn xin miếng?*

Mẹ con Cám giận lắm, chửi mắng ầm ĩ rồi vác sào đuổi quạ. Nhưng đến ngày mắm gần hết, dòm vào chĩnh, mẹ thấy đầu lâu của con thì lăn đùng ra chết[2].

KHẢO DỊ

Truyện trên do người miền Bắc kể, trong đó có vài chi tiết mỗi nơi một khác. Ví dụ câu nói của vàng anh với Cám khi Cám giặt áo cho vua, người Nghệ An có nơi kể là:

- Giặt áo chồng tao, thì giặt cho sạch, nhuộm bằng không sạch, tao rạch mặt ra.
- Phơi áo chồng tao, thì phơi bằng sào, đừng phơi bờ rào, tao cào mặt ra[3].

Hay là câu của quạ:

- Ngon ngon ngon ngon, ăn cả thịt con, thực ngon lắm phỏng[4].

Riêng ở vùng Bắc-ninh, thì truyện Tấm Cám được truyền tụng như là lịch sử Thái phi Ý Lan. Quyển *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* đã chép truyện bà Ý Lan gắn liền với nhân vật Tấm (khác với truyện trên, ở đây gọi ngược lại Tấm là Cám và Cám là Tấm. Ý Lan thái phi là Cám) và tước bỏ đi nhiều chi tiết của truyện dân gian:

Ở làng Thổ-lỗi (hay Siêu-loại) huyện Gia Lâm có ông Lê Công Thiết và vợ là Vũ Thị Tinh chuyên trồng dâu nuôi tằm. Một đêm vợ nằm chiêm bao thấy mình nuốt mặt trăng, sau đó sinh một cô gái tên là Cám (hoặc Khiết Nương). Vợ chết, chồng lấy vợ kế là Chu Thị, sinh một gái khác là Tấm. Thế rồi, câu chuyện cũng diễn ra với đủ các tình tiết bắt cá, nuôi bống và nhặt xương bống chôn chân giường đúng như truyện trên vừa kể, chỉ có khác ở chỗ Bụt lại là nhà sư Đại Liên, tu ở chùa Linh-nhân. Và điều khác thứ hai đáng lưu ý là xương bống chôn một trăm ngày đào lên được một đôi hài quý, nhưng khi Cám phơi đôi hài, thì một con quạ thần trông thấy, cắp lấy một chiếc bay đến kinh đô rồi thả xuống sân điện. Vua bấy giờ là Lý Thánh Tông chưa có con, cho đây là điềm lành, bèn loan báo cho đàn bà con gái khắp nơi đi ướm hài.

Từ đây truyện phát triển hoàn toàn khác với cổ tích nói trên. Vua đi cầu tự ở chùa, xa giá đến đâu mọi người đua nhau đi xem đến đấy. Chỉ có Cám vẫn chăm chỉ hái dâu. Một ông hàng dầu thấy một đám mây che trên đầu Cám, bèn mách cho quan quân biết. Vua cho gọi Cám đến hỏi tại sao không đi xem vua thấy? Cám tâu là vì đi bắt đi hái dâu. Vua cho ướm chân vào hài thì vừa như in. Vua bèn lấy làm vợ, gọi là Ý Lan.

Truyện còn nói vào một mẩu nữa, kể việc Nguyễn Bông đầu thai: Ý Lan làm vợ vua lâu ngày vẫn chưa có con. Đại Điền gặp Nguyễn Bông (là người vua sai đến chùa) hỏi: "Có muốn làm hoàng tử không?". Bông đáp: "Muốn". Đại Điền dẫn Bông lên vào buồng tắm của hoàng hậu trong lúc hoàng hậu đang tắm (tình tiết này giống với tình tiết của truyện *Từ Đạo Hạnh* số 120, tập III). Kết quả, việc làm của Bông bại lộ, Bông bị án chém. Tối hôm ấy, Thánh Tông mộng thấy một tiên ông đưa đến cho một đứa con trai. Quả nhiên Ý Lan có mang đẻ ra một hoàng tử. Nhưng hoàng hậu họ Dương lại bắt trộm mất hoàng tử, nói dối là con do mình đẻ ra, và thay vào một con mèo nói là con của Ý Lan (giống với tình tiết của các truyện ở Khảo dị số 166, tập IV). Lớn lên, hoàng tử nhận ra mẹ đẻ của mình và giết chết hoàng hậu họ Dương cùng bảy mươi một cung nữ[5].

Ở Bắc Ninh còn có người kể xen vào những tình tiết khác. Ví dụ: một trong bốn cái lọ đào được có một lọ nước thần, Nhờ lọ nước, Cám tắm vào, da dẻ trở nên trắng trẻo, người đẹp tuyệt trần (giống với tình tiết trong truyện *Ai mua hành tôi*, số 135, tập III).

Hay là: do Đại Điền bày vẽ, Bông lên vào trước buồng tắm của hoàng hậu, bới cát nằm xuống tự vùi mình, khi hoàng hậu dội nước, cát trôi, Bông lộ nguyên hình (giống với tình tiết trong truyện *Sự tích đầm Nhất dạ và bãi Tự-nhiên* số 28, tập I).

Hay là: khi hoàng tử lên ngôi (lúc đó hoàng hậu họ Dương còn mạo nhận là con mình), một hôm bống "nhặt nguyệt mờ mịt phát phân", bèn đi tra cứu lại các nhà ngục, nhờ đó nỗi oan của Ý Lan mới được bày tỏ. Mẹ con nhận ra nhau do có dấu chữ vương dưới chân vua[6].

Hay là: chiếc giày của Cám (Tấm) bị thất lạc, không phải do quạ thần tha đi mà là do chen chúc trong hội Chen (trước đây ở làng La-miệt thuộc huyện Quế Võ,

có hội Chen, trong ngày hội trai gái tha hồ chen nhau (có khi ngã cả xuống ao) v.v...[7]

Trước đây ở làng Nam-sơn, huyện Võ-giàng còn có đền thờ Bà Tấm, Bà Cám, nhân dân thường kiêng tên, gọi gạo tấm là đởn, cám là bồi (hàng năm có rước xách).

Chúng tôi cho rằng những tình tiết nói trên là do người đời sau gán ghép vào truyện *Tấm Cám*, làm cho nó có bóng dáng một thần tích, chẳng khác gì một số tình tiết mà nhân dân vùng Bắc-ninh ghép vào truyện *Thánh Gióng* (Khảo dị truyện số 134, tập III).

Ở Nam bộ cũng có lưu hành một truyện Tấm Cám có những tình tiết gần giống với những tình tiết của truyện *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* vừa kể. Sau đây là nội dung truyện kể ở miền Nam mà Jan-nô (G. Jeanneau), người sưu tầm sớm nhất đã ghi được ở Mỹ Tho năm 1886:

Có hai vợ chồng sinh hai cô gái Tấm và Cám, là con sinh đôi. Tấm được bố mẹ chăm nom chiều chuộng rất mực, còn Cám thì bị đối đãi như tôi đòi. Một hôm người cha cũng giao cho mỗi con một cái giỏ, bảo đi bắt cá, ai bắt được nhiều hơn thì được gọi bằng chị. Cám được nhiều hơn, nhưng Tấm bảo đưa giỏ cho mình giữ hộ để đi hái rau thơm về kho cá. Cám trở về thì bao nhiêu cá đã bị Tấm lấy mất chỉ còn một con bóng mú. Do đó Tấm được làm chị. Cũng như truyện kể ở miền Bắc, Cám được thần hiện lên bày cho cách nuôi cá bóng mú, nhưng nuôi được ít lâu cá cũng bị Tấm tìm cách bắt ăn thịt. Thần hiện lên bày cách bỏ xương cá vào hũ chôn xuống đất, sau sẽ được nhiều vật quý. Một con gà cũng mách cho Cám chỗ vùi xương bóng. Sau ba tháng mười ngày, Cám đào lên quả được áo quần đẹp và một đôi giày. Một hôm Cám đem giày đi ra đồng bị ướt, phải đem phơi, bỗng một con quạ cắp mất một chiếc đem bỏ vào cung vua. Hoàng tử bắt được cho rao mời đàn bà con gái mọi nơi về thử, ai đi vừa sẽ lấy làm vợ. Tấm được bố mẹ cho ăn mặc đẹp trầy kinh, còn Cám thì phải ngồi nhặt một mớ đậu và vừng trộn lẫn. Thần cho bò câu đến giúp (có người kể con quạ lần trước tha giày đến bày cho Cám cách sàng để nhặt được nhanh). Sau đó Cám đến kinh thử giày, và trở thành vợ hoàng tử.

Một hôm, Cám nghe tin bố đau nặng bèn về thăm. Thật ra Cám bị lừa, dưới giường chỗ bố nằm có để nhiều tấm bánh đa nướng để khi trở mình nghe tiếng răng rắc. Cám tưởng bố gãy xương thương lắm, khóc rưng rức. Rồi Cám cõ áo treo cau theo lời bố. Cây cau bị Tấm chặt gãy, Cám rơi vào hồ nước sôi chết. Nhờ có mặt mũi giống Cám, Tấm mặc áo quần rồi vào cung mà không ai biết, kể cả hoàng tử, nhưng hoàng tử ngày một nguội lạnh với Tấm. Cám hóa thành chim quành quạch, và cũng như truyện kể ở miền Bắc, chim bay vào cung gặp Tấm đang giặt áo. Chim cũng nói câu: "Phơi áo chồng tao..." và sau đó cũng được hoàng tử đem về nuôi ở lồng. Tấm cũng bắt chim ăn thịt và nói rằng mình có mang thềm ăn thịt chim. Chỗ vớt lông chim mọc lên một măng tre, sau đó bị Tấm chặt làm thức ăn. Vỏ măng hóa thành một cây thị chỉ có mỗi một quả, mỗi lần hoàng tử ở nhà thì cành lá xòa xuống thấp, nhưng khi đi vắng thì cây vươn lên cao vút, vì thế Tấm muốn hái thị ăn mà không được. Sau đó

thị rơi vào bị một bà lão ăn mày. Tiên nữ trong quả thị cũng nhiều lần hiện ra giúp bà lão, sau cùng bà lão cũng rình bắt được, bèn xé nát vỏ thị.

Một hôm, Cám hóa phép làm cỗ bàn rất linh đình để dọn cúng chồng bà lão, nhưng lại ép nài bà đi mời hoàng tử tới dự. Hoàng tử đòi phải có thắm trái từ cung đến nhà mới chịu đi. Quả có thắm trái thật, lại có cả miếng trầu tằm rất đẹp làm hoàng tử chú ý, hỏi thì bà lão nói dối là mình tằm. Hoàng tử bảo bà thử tằm cho mình xem. Cám hóa làm con ruồi vẽ cho bà cách tằm, nhưng khi hoàng tử đuổi ruồi thì bà lão lại không tằm được, đành phải thú thật là do con gái mình tằm. Nhờ đó hoàng tử gặp lại vợ cũ.

Đoạn kết giống hẳn với truyện trên: Tấm hỏi Cám làm sao lại đẹp. Cám nói nhờ ngã vào hồ nước sôi. Tấm nhảy vào nước sôi mà chết. Cám liền làm mắm gửi cho dì ghẻ, dì ghẻ cũng khen ngon, rồi cũng có con quạ đến mách và bị đuổi. Khi ăn gần hết, thấy đầu lâu con gái mẹ Tấm lăn ra chết[8].

Duy-mu-chiê (Dumoutier) có sưu tầm được một dị bản, cũng ở Bắc-ninh, có lẽ xuất phát từ nguồn gốc thần tích, cách kể và một số tình tiết có khác với các dị bản trên:

Vào cuối thời Hùng Vương có một người tên là Đào Chí Phẩm ở làng Lãm-sơn, huyện Quế-dương (Bắc Ninh), vợ đẻ được một con gái là Tấm rồi mất. Đào Chí Phẩm lấy vợ sau là Thị Cao đẻ được Cám. Khi chồng chết, Thị Cao bạc đãi con ghẻ. Các tình tiết bắt cá, nuôi bống, ăn thịt bống, nhặt xương bống chôn dưới gầm giường, và đổ lẫn các giống hạt bắt nhặt (ở đây là các giống đỗ) v.v... đều đại khái giống với các truyện *Tấm Cám* đã kể. Khi Bụt mách cho Tấm đào những lọ dưới chân giường, Tấm đào được trong lọ một cô gái hầu, các lọ kia là áo giày và ngựa (nhưng về sau không thấy cô gái hầu xuất hiện trong các tình tiết kế tiếp). Do chiếc giày của Tấm đánh rơi khi đi xem hội, mà hoàng tử tìm được Tấm. Thấy nàng đẹp, hoàng tử muốn lấy làm vợ, Tấm bảo về hỏi người mẹ ghẻ. Hoàng tử phái quan đến hỏi, Thị Cao thuận gả nhưng đến ngày cưới lại bảo Tấm đi chơi xa, rồi lấy áo quần Tấm mặc cho Cám, đưa Cám vào cung. Tấm về thất vọng nhảy xuống giếng chết. Hồn Tấm hóa thành chim vàng anh bay vào cung. Thấy Cám giặt áo cho hoàng tử, chim cũng dặn không được phơi bờ rào "rách áo chồng tao". Nghe nói thế, hoàng tử biết mẹ con Thị Cao lừa gạt, bèn hỏi chim: - "Có phải vợ anh chui vào tay áo". Chim bay ngay vào tay áo.

Truyện không nói đến những hành vi độc ác của Cám và mấy lần tái sinh của Tấm mà cho rằng Cám thấy chim, biết đó là chị nó thì sinh ra hối hận, bèn nhảy xuống giếng chết.

Duy-mu-chiê (Dumoutier) còn cho biết: người ta thờ chung cả hai cô vào một đền ở Lãm-sơn. Những lúc có hạn hán, dân làng đến đây cầu đảo thường nghiệm[9].

Đồng bào Chăm-pa có truyện *Ca-dong* và *Ha-lóc*.

Truyện này với truyện *Tấm Cám* (do người miền Nam kể) gần như là một.

Ngày xưa có hai nhà nọ có hai cô gái Ca-dong và Ha-lóc. Ha-lóc là con đẻ, còn cô kia là con nuôi. Nhưng hai cô cùng một lứa tuổi như nhau, không ai chịu nhường ai làm chị. Bà mẹ liền trao cho mỗi cô một cái giỏ bảo đi bắt cá, ai nhiều hơn thì được làm chị. Ca-dong bắt được độ nửa giỏ thì mệt, bèn lên bờ nằm ngủ. Ha-lóc bắt được ít, thừa dịp lấy trộm bỏ vào giỏ của mình. Khi Ca-dong dậy, hỏi ai lấy hết cá, Ha-lóc nói không biết. Biết là Ha-lóc lấy trộm, Ca-dong rất buồn. Xuống ao lần nữa, cô chỉ bắt được cọt con cá gia-rốc.

Trở về, Ha-lóc được làm chị. Ca-dong không nói gì chỉ nuôi con cá gia-rốc làm em, vì nghĩ nó cũng trợ trợ như mình. Ngày nào ăn cơm, cô cũng không quên đến giếng gọi: "Ơi cá! Lên mà ăn với chị!". Ha-lóc cũng đến rình và cuối cùng bắt cá về làm thịt ăn.

Ca-dong mất cá, khóc lóc ngày đêm. Cô chiêm bao thấy cá kể lại việc bị bắt và bảo hãy lấy xương bỏ vào gáo dừa đem chôn ở ngã tư đường, nơi hàng ngày cô cho dê qua lại. Ca-dong làm theo lời. Một hôm đi qua, cô thấy một đôi giày vàng. Cô chỉ nhặt được một chiếc, còn chiếc kia bị quạ tha đi mất. Quạ bay đến cung thả rơi chiếc giày trước mặt vua. Vua xuống chiếu cho các cô gái đến ướm thử, hứa sẽ lấy cô nào ướm thử vừa làm vợ.

Trong khi Ha-lóc soạn sửa ra đi, thì Ca-dong được mẹ giao cho một cuộn chỉ rối, bắt gỡ. Lại lấy một đấu vừng trộn lẫn với một đấu ngô bắt nhặt xong mới được đi. Ca-dong khóc. Thần hiện ra sai mọi giống chim, mối, kiến, bò cạp, gián vàng, gián đỏ đến nhặt giúp. Xong, Ca-dong lấy chiếc giày gói vào khăn ra đi một mình. Trong khi các cô gái giàu có sang trọng "kẻ thì mặt trắng rằm, người thì vú tròn như quả dưa" chen chúc ướm chân, thì Ca-dong ăn mặc rách rưới chỉ đứng nép bên ngoài cung điện. Mọi người ướm xong, không ai vừa chân cả. Vua hỏi còn ai nữa không? Người hầu cho biết chỉ còn Ca-dong đứng nép bên ngoài. Vua cho gọi vào ướm thử thì vừa như in. Vua sai người hầu đưa cô đi tắm và lấy làm vợ. Hỏi về gia đình, cô đáp là bố mẹ đẻ đều chết, ở với mẹ nuôi. Hỏi còn chiếc giày nào nữa thì cô đưa chiếc trong khăn ra. Vua biết đó là người có số làm hoàng hậu.

Ít lâu sau, mẹ Ha-lóc đến xin cho Ca-dong về nhà vài ngày kéo "nhớ lằm". Ca-dong về không được ăn, cũng không được ngủ trên chiếu. Sáng dậy Ha-lóc rủ Ca-dong đi trảy dừa. Ca-dong trèo cây thì Ha-lóc chặt gốc. Ca-dong chuyển sang một cây khác, Ha-lóc lại chặt cây kia. Ca-dong rơi xuống hồ hóa thành rùa vàng ở dưới hồ.

Mẹ Ha-lóc đưa con đến cung nói là để thế cho Ca-dong đi đâu mất không tìm thấy. Vua nhận, nhưng tỏ ý không vui. Một hôm vua đi săn đến hồ tự nhiên thấy người buồn bã, bèn bảo dừng lại, cho người lặn xuống hồ, và rất mừng khi thấy người ấy bắt được một con rùa. Vua ôm lấy rùa đưa về cung nuôi trong chậu vàng.

Một hôm vua đi chơi. Ha-lóc bắt rùa làm thịt, quẳng mai ở sau nhà. Từ cái mai mọc lên một măng tre. Thấy mất rùa, vua hỏi, Ha-lóc nói không biết. Vua hỏi

thầy bói. Ha-lóc mới thú thật rằng mình có mang nên thèm thịt rùa. Vua không nói gì, chăm chút cho măng tre, nhưng rồi Ha-lóc lại chặt măng nấu ăn khi vua đi vắng. Vua về hỏi, Ha-lóc lại đổ cho là vì có mang nên thèm ăn măng. Vua cũng không nói gì. Vỗ măng sau đó lại hóa thành chim bếch (sáo) đến hót ở cung. Vua bảo: "Có phải Ca-dong thì đậu vào tay áo". Chim đậu vào tay áo, vua giữ lại nuôi. Ha-lóc lại bắt chim làm thịt ăn, quăng lông ra đường cái. Lông chim mọc thành cây pen (thị). Vua hỏi, Ha-lóc đáp: - "Chim bay qua nồi canh đang sôi rơi vào, tôi vớt cho chó ăn". Vua cũng không nói gì.

Cây pen chỉ có một quả. Quả chín bay mùi thơm khác thường làm ai đi qua cũng thèm nhưng nhìn lên thì không thấy, trừ một bà già. Cũng như ở truyện Tấm Cám, bà già ước nó rơi xuống, và nó rơi ngay, bà đưa về rằm vào vại.

Từ đoạn này về sau đều y như truyện của ta, chỉ thêm một tình tiết là khi bà già mời vua tới ăn cỗ, vua ăn bánh thấy giống hệt bánh Ca-dong làm ngày trước. Hỏi bà già thì bà nói vì có nhiều người làm giúp nên không biết bánh của ai. Vua ăn trầu lại thấy giống hệt trầu của Ca-dong tằm. Vua thở dài. Ca-dong trong buồng cũng thở dài. Nghe tiếng, vua chạy vào thì gặp vợ. Một tình tiết khác nữa là khi Ca-dong bảo người hầu đưa mắm Ha-lóc về cho mẹ nó ăn có nhắn tin mời mẹ Ha-lóc đến chơi. Mẹ Ha-lóc đến, thấy Ca-dong lại tưởng là Ha-lóc, nói rằng: - "Có phải con mời mẹ đến chơi không?". Ca-dong đáp: "Không". Mẹ Ha-lóc mới biết là Ca-dong còn sống, thẹn trở về. Ăn gần hết mắm thấy có bàn tay (không phải đầu lâu), mục nhận ra chiếc nhẫn của con gái mình mới biết là con đã chết[10].

Người Khmer có truyện *Nàng Can-tóc và nàng Song Ang-cát* rất gần với truyện của ta và của Cham-pa, chỉ khác không có đoạn cuối:

Một người đàn ông góa vợ có một con gái tên là Can-tóc (xinh), lại lấy vợ kế có con riêng là Song Ang-cát (đầu mẩu củi). Ở đây cũng có tình tiết người bố bảo hai con bắt cá, ai được nhiều hơn thì làm chị. Song Ang-cát chỉ bắt được một con cá quả bằng ngón tay nhưng bằng mẹo xách hộ, hấn tráo lấy giỏ cá đầy của Can-tóc về trước để giành làm chị. Thấy Can-tóc khóc, một pháp sư hiện ra bảo thả con cá quả xuống ao, hàng ngày bỏ cơm cho ăn và gọi: "Quả đẹp quả xinh, lên ăn cơm lành, cho mau chóng lớn". Khi phát giác ra việc nuôi cá do con gái mách, người dì ghẻ giấu nồi cơm. Can-tóc phải ngậm cơm ở miệng đem cho cá. Dì lại bắt ăn xong phải há miệng. Can-tóc giấu cơm vào tóc. Mụ lại cấm không cho ra ao. Sau đó, mụ định bắt con cá, nhưng không làm sao gọi được nó lên, bèn thả lỏng Can-tóc để rình xem cách cô gọi cá. Nhờ vậy mụ mới bắt được. Mất cá, Can-tóc khóc lóc, vị pháp sư lại hiện ra bảo nhặt xương bỏ dưới gầm giường. Đặc biệt có tình tiết pháp sư hiện ra lần nữa bảo ở gầm giường có một đôi giày chỉ nên lấy một chiếc cất đi. Can-tóc làm theo. Chiếc kia bị Song Ang-cát nhặt nhưng không biết làm gì, bèn vứt qua hàng rào. Một con quạ bay qua cắp lấy bay đi, thả xuống sân nhà vua.

Thái tử theo tục lệ phải lấy vợ mới được lên ngôi. Nhân nhặt được chiếc giày đẹp, thái tử hứa ai đi vừa sẽ lấy làm vợ. Song Ang-cát đến thử không vừa. Nhận ra đó là giày của Can-tóc, hấn bảo mẹ không cho Can-tóc đi thử. Can-

tóc bị dì giam lại, nhưng lừa lúc mọi người ngủ say, cô trốn đi. Người bố cô về hòa với dì ghẻ hành hạ con. Cô bị bố đi tìm bắt về đánh đòn. Không chịu được, cô nhịn ăn. Người bố bèn rắc gạo đầy sân cỏ, bảo nhặt sao cho đầy bình sẽ cho đi. Trong hai ngày kiên nhẫn nhặt gạo, cuối cùng bố cô phải cho đi. Khi ướm chân vào giày thì vừa khít. Can-tóc mở gói lấy chiếc thứ hai ra. Lập tức thái tử rước vào cung làm vợ.

Nghe lời vợ xúi giục, bố Can-tóc viết thư xin vua cho hoàng hậu về thăm mình, rồi nhân lúc Can-tóc tắm, dội nước sôi vào người cô. Rồi ông bảo Song Ang-cát mặc áo của Can-tóc vào cung, giả làm hoàng hậu. Vua biết có sự lộn sòng, nhưng không nói gì. Từ đó vua trở nên buồn bã, thường đi chơi cho khuây khỏa.

Chỗ chôn Can-tóc mọc lên một cây chuối. Người bố chặt cây chuối nhưng lúc trở lại, ở chỗ gốc chuối đã mọc lên một cây tre. Sợ quá, hấn ngã xuống sông, bị sấu ăn thịt. Thấy tre có bóng mát, vua đến nghỉ. Tre rủ cành che và quạt cho vua ngủ. Vua quyiến luyến cây tre, ngày nào cũng đến đấy nghỉ. Can-tóc hiện ra khế chạm vào người vua mấy lần. Và cũng mấy lần vua tỉnh giấc. Cuối cùng hai vợ chồng gặp nhau, cùng nhau cười vui về cung. Thấy thế Song Ang-cát bỏ chạy vào rừng. Từ đấy không ai còn thấy mẹ con hấn[11].

Trước khi tìm hiểu một số dị bản khác của truyện *Tấm Cám*, cần phải thấy *Tấm Cám* là một trong những truyện cổ tích phổ biến nhất thế giới. Mê-lê-tin-xki (Mélétinski) trong *Nhân vật trong truyện cổ tích thần kỳ* xuất bản ở Mat-xcơ-va năm 1958 cho biết, con số dị bản của truyện *Tro bép* (tên nhân vật chính của loại truyện *Tấm Cám* ở châu Âu) trên thế giới đã lên đến năm trăm và còn có thể nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, theo chúng tôi, truyện của ta cũng như truyện của Cham-pa, v.v... cũng là loại dị bản đặc biệt. Nếu một truyện cổ tích có thể phân đoạn được thì truyện *Tấm Cám* của ta có thể chia làm ba đoạn, mỗi đoạn có một chủ đề với những hình tượng như sau:

1. Mâu thuẫn giữa dì ghẻ và con chồng tập trung quanh hình tượng chủ yếu là con cá bống và đôi giày.
2. Những cuộc tái sinh của Tấm xoay quanh hình tượng chủ yếu là con chim vàng anh và quả thị.
3. Cuộc báo thù của Tấm với hình tượng lọ mắm làm bằng thịt con Cám, trong đó có cái đầu lâu con Cám.

Những truyện của các dân tộc thường chỉ có một hoặc hai đoạn có thể kết hợp hay không với một vài hình tượng của truyện khác.

Trước hết, cũng nên nói đến một loạt dị bản mà trong đó sự khác biệt với truyện của ta là ở chỗ, trong đoạn đầu còn có thêm nhân vật bà mẹ cô Tấm. Bà cũng bị giết và hóa thành một bà tiên hay một con vật gì đó thỉnh thoảng lại hiện lên giúp Tấm vượt qua những khó khăn mà mẹ dì ghẻ gây ra cho nàng.

1. Truyện của đồng bào Tày *Tua Gia Tua Nhi* cũng có đủ ba đoạn như truyện của ta. Ở đây bà mẹ là nàng tiên.

Có hai chị em, chị là *Tua Gia* đẹp và hiền, em là *Tua Nhi* con gái riêng của dì ghẻ, thì trái lại. Mẹ *Tua Gia* là vợ cả bị chồng giết chết sau một chuyến đi bắt ếch (y bỏ ếch vào giỏ rách, ếch lọt ra ngoài hết, lại tưởng là vợ tham ăn, không để dành cho mình). Chỗ này giống như truyện *Nàng Khao Nàng Đăm* (Khảo dị truyện số 12, tập I). *Tua Gia* từ đấy bị dì đối xử tệ, thường đặt điều để hành hạ, như bảo đi múc nước bằng ống bưng thủng (nhưng nhờ quạ bảo giúp nên không việc gì), hay bảo bưng nồi cháo nóng (bong tay làm đổ hết thức ăn). Từ đấy về sau không được ăn no. Nhưng nhờ một nàng tiên bí mật hiện ra bảo các con vật mang thức ăn đến cho. *Tua Gia* ăn, nên nàng vẫn không gầy ốm. Một hôm nàng gặp hoàng tử trong khi đi chăn vịt, hai bên yêu nhau, cùng nhau hát lượn và tặng trầu. Lúc về thì dì thấy đỏ môi, hỏi thì đáp là "vì ăn cứt vịt". Dì bảo *Tua Nhi* giành lấy công việc chăn vịt để được như *Tua Gia*, nhưng *Tua Nhi* chẳng thấy môi đỏ tý nào. Chỗ này giống với truyện *Cô, cô gái mờ cô* (Khảo dị truyện số 12, tập I). Một hôm *Tua Gia* chăn vịt gặp một bà cụ nhờ nhổ tóc bạc. Thấy đầu cụ có sẹo, hỏi mới biết đó là mẹ mình. Mẹ đưa con về thủy phủ, cho con ăn ngon và cho một con gà về nuôi. Cũng như hình tượng cá bống, gà nuôi lớn, dì sai nàng đi lấy củi rừng xa, ở nhà bắt làm thịt ăn, quẳng xương ra bờ ao. Ra sông ngồi khóc, nàng lại gặp mẹ, mẹ trao cho một cái hộp nhỏ, bảo bỏ xương vào rồi chôn dưới chân giường. bảy ngày sau cô đào lên thì thấy có giày áo đẹp. *Tua Nhi* hỏi vì sao mà có, thì nàng đáp: - "Đem áo quần cho trâu ăn, rồi thò tay vào đít trâu sẽ lấy ra được đồ đẹp". *Tua Nhi* làm theo nhưng chẳng được gì, lại mất hết áo xống, trần như nhộng chạy về.

Hoàng tử nhớ *Tua Gia*, bèn cho mở hội "bắt cá" (bư-pia) buộc nam nữ đều phải tham dự. Vì dì bắt *Tua Gia* đi muộn nên hoàng tử không gặp. Lần thứ hai hoàng tử nhân hội chợ, lại ra lệnh cho mọi người đi dự. Mụ lại trộn vừng vào gạo bắt *Tua Gia* nhặt xong mới cho đi. Mặc dù có nàng tiên sai sóc xuống giúp, nhưng nàng cũng đến muộn nên lại không gặp. *Tua Gia* về qua cầu đánh rơi giày xuống suối. Hoàng tử nhặt được, cho người loan báo cho tất cả các cô gái đến ướm chân. Cuối cùng chỉ có *Tua Gia* ướm vừa, nhưng dì nàng không bằng lòng, bắt phải thử thêm bằng cách đặt cáng dưới mái nhà để cho hai cô lăn từ trên nóc xuống, ai rơi vào cáng thì lấy được hoàng tử. *Tua Nhi* thử trước, lăn bịch xuống đất. *Tua Gia* lăn đúng vào cáng, mụ dì đành để nàng lấy hoàng tử.

Sang đoạn thứ hai và thứ ba thì giống với truyện của ta, nhưng cũng có tình tiết khác: Một hôm bố ốm, dì nhấc *Tua Gia* về. Ở đây *Tua Gia* cũng trèo cây hái quả cho dì. Thấy bố chặt gốc, nàng van khóc, bố bảo cởi áo quần ném xuống thì thôi, nhưng tuy con đã ném xuống, bố vẫn cứ chặt. Cây đổ, *Tua Gia* chết. *Tua Nhi* đóng bộ vào giả làm *Tua Gia* đến với hoàng tử, nói là mình phải trông nom bố nên hốc hác. Mặc dầu con không nhận mẹ, và hoàng tử tỏ ý hững hờ, nhưng *Tua Nhi* cứ ở lại với hoàng tử.

Tua Gia hóa thành chim yểng bay đến hỏi người chăn ngựa xem hoàng tử có còn nhớ vợ cũ nữa không. Thấy yểng, hoàng tử cũng hỏi: - "Yểng à, có phải *Tua Gia*, chui vào tay áo", yểng bay đến, hoàng tử đưa về buồng. Yểng biến thành *Tua Gia*, kể lại mọi việc và dặn cứ để yên xem *Tua Nhi* làm những gì. Từ

đấy đêm là Tua Gia, ngày là yểng. Chỗ này khác với truyện của ta. Một hôm Tua Nhi nhìn vào buồng thấy Tua Gia thì nổi ghen, bèn chờ dịp giết chết yểng, vùi vào gốc tre. Từ đấy mỗi khi hoàng tử đi qua thì cây tre cúi xuống vuốt ve, còn Tua Nhi đi qua thì nó cào xước mặt mũi. Tua Nhi chặt tre làm cọc màn, cọc đâm vào tay mỗi lần mắc màn. Lại ném vào lửa, cọc tỏa khói làm cay mắt. Một bà lão đến xin lửa, cầm cọc màn chạy về. Chỗ này giống với tình tiết trong *Vợ chàng rắn* (Khảo dị truyện số 128, tập III). Đưa về nhà cọc biến mất, chỉ để lại hai quả trứng. Rồi cũng có hai cô gái từ trứng chui ra dọn dẹp, lo cơm canh cho bà lão mỗi lần bà lão vắng nhà. Bà lão cũng giả tảng đi vắng, bắt chọt nửa đường lộn về bắt gặp cả hai cô. Đó là Tua Gia và nàng hầu. Tua Gia bảo bà mời hoàng tử tới ăn cơm. Hoàng tử bắt phải trải lụa làm đường đi. Tua Gia bảo bà trải lá chuối rồi hóa phép biến thành lụa. Hoàng tử đến ăn thấy món ăn giống những thứ Tua Gia dọn cho mình ngày trước nhưng vẫn chưa gặp vợ. Nhờ có con mèo tha cái đùi gà, đưa con đuối theo chạy vào buồng thì nhận ra mẹ nó. Hai người gặp lại nhau. Đoạn sau Tua Gia giả làm cô hàng bánh, bày cho Tua Nhi làm đóm bằng cách nhảy vào nồi nước sôi. Và cũng như hình tượng của các truyện trên, Tua Gia cũng làm mắm Tua Nhi gửi về cho dì và bố. Một con quạ bay đến hỏi "ăn thịt con gái có thơm không?". Mụ sinh nghi, tìm thấy đầu lâu con, mụ lăn ra chết. Người bố cũng đi lang thang chết ở xó rừng[12]. Ở một truyện khác của Pháp, người mẹ cũng là bà tiên:

Một lãnh chúa góa vợ, có một con gái vì làm việc bên bếp gọi là Tro Bếp. Vợ kế của lãnh chúa có hai đứa con, thường cay nghiệt với con chồng. Mẹ đỡ đầu của cô này dặn nàng hãy chúng có sai bảo gì thì làm bộ bắt chấy rồi lén bỏ muối vào bếp cho nở lép bép, chúng sẽ dễ yên. Quả nhiên, chúng tưởng là chấy như sung nên hét lên: - "Chớ có đến gần chúng tao". Một hôm mẹ con mụ dì đi dự hội, Tro Bếp cũng muốn đi, nhưng mụ đã đổ một túi đậu giữa bếp và bắt nhật không được sót một hạt. Đang nhật thì mẹ cô là tiên xuất hiện. Bà dùng đũa thần làm cho những hạt đậu trở về túi. Lại dùng đũa chạm vào người cô, tự nhiên hóa thành một cô gái xinh đẹp, áo quần trang sức đắt tiền, giày bằng thủy tinh. Bà dặn con phải về trước khi lễ tan. Cô nghe lời, cho nên khi mẹ con mụ dì đi về thì cô đã làm việc dưới bếp như thường lệ. Chúng khoe với cô là có một cô gái áo quần đẹp lắm. Chủ nhật sau lại đi lễ, mụ dì lại đổ một túi tro khắp nhà bắt cô hốt sạch, nhưng bà tiên lại hốt hộ và ban cho mọi thứ để đi dự hội. Hoàng tử gặp, đuổi theo cô. Khi bước qua bậc thềm nhà thờ, cô đánh rơi một chiếc giày, hoàng tử nhặt được, hỏi khắp nơi không ai biết. Bèn sai người đi từng nhà ướm thử, hện ai vừa thì lấy làm vợ. Hai chị em con mụ dì cũng thử, cô chị đi không vừa, cô em cắt bớt gót, cố nhét chân vào. Lúc đưa cô này đến nhà thì hoàng tử nghe một con chim hót vạch rõ sự thật và chỉ chỗ Tro Bếp ở. Mụ dì nói: - "Đừng có nghe con chim chết tiệt!". Hoàng tử nghe chim hót lần thứ hai bèn tìm đến thì gặp Tro Bếp. Cô rút một chiếc giày kia ra đi vừa vặn. Trước khi hoàng tử rước cô, bà tiên mẹ cô lại xuất hiện, bà gỡ chiếc đũa, cô có áo đẹp rực rỡ[13].

2. Ở truyện *Con rùa* của Miến-điện (Myanmar) thì người mẹ là một con rùa: Vợ chồng một người đánh cá có một cô gái đẹp tên là Bé. Một hôm hai vợ chồng đi đánh cá. Bắt được con cá nhỏ, vợ bảo để cho con ăn. Lại được con

thứ hai, con thứ ba, vợ cũng nói như vậy. Chồng nổi giận đánh vợ một mái chèo. Vợ ngã xuống biển chết, sau đó hóa thành một con rùa lớn. Ít lâu sau, người đánh cá lấy vợ kể là một phù thủy, mục có cô con gái xấu xí. Thấy Bé đẹp, mẹ con mục ghen ghét ra sức hành hạ, nhưng người bố không quan tâm. Một hôm Bé ra bờ biển ngồi, bỗng con rùa nổi lên nhìn cô mà khóc. Bé đoán là mẹ, ôm chầm lấy rùa. Từ đó chiều chiều Bé ra biển thì rùa lại nổi lên. Mục dì ghẻ biết chuyện, bèn giả ốm, lấy bánh đa bỏ dưới chiếu nằm lên, nói là xương bị gãy, lại dứt tiền cho thầy lang, bảo thầy cứ nói ăn thịt rùa mới khỏi. Mục bảo chồng theo Bé ra bờ biển, lúc rùa nổi lên thì bắt giết thịt. Bé không ăn thịt rùa nhưng lại nhặt xương rùa đem chôn, khẩn xin một cây có quả vàng quả bạc. Cây mọc lên như lời. Một hôm vua đi qua thấy cây lạ, hỏi của ai. Mục dì ghẻ nói là của con gái mình, nhưng khi con gái trèo lên thì không sao hái được. Láng giềng cho vua biết đó là cây của Bé. Bé đến ngồi dưới gốc khẩn: - "Nếu cây này của ta thì quả rụng vào lòng ta". Quả vàng quả bạc liền rụng xuống. Vua bèn rước Bé về làm hoàng hậu. Mục dì ghẻ viết thư xin lỗi Bé và mời Bé về thăm nhà. Về đến nhà, Bé dặn lính hầu tháng sau đến đón. Ở nhà được mấy ngày, một hôm mục dì ghẻ giả vờ đánh rơi thìa trong bếp cho Bé cúi xuống nhặt rồi hắt nước sôi vào đầu. Bé chết, biến thành bồ câu trắng bay đi. Khi lính đến đón hoàng hậu thì con gái dì ghẻ làm Bé. Thấy hoàng hậu mặt rỗ, vua hỏi, thì đáp liều là mới bị bệnh đậu mùa, hỏi tại sao bây giờ trán lại dô ra, đáp là vì đầu óc luôn nghĩ đến vua, hỏi tại sao mũi lại dài, đáp là vì nhớ vua, khóc nhiều, phải vượt mũi luôn. Vua lại bảo thử dệt áo cho vua xem. Đang khi lúng túng vì không biết dệt thì bồ câu trắng (tức là Bé) thương chồng, dùng mỏ dệt thành áo đẹp. Nó chờ chim dệt xong, cướp lấy áo dâng vua, lại lấy thoi ném chết chim. Sai làm thịt đưa vua ăn. Vua thương bồ câu không nở ăn, những người hầu cũng không ăn, họ đem chôn. Hôm sau ở chỗ ấy mọc lên cây đu đủ. Có hai vợ chồng bà lão bán củi nghỉ dưới gốc, tự nhiên quả đu đủ rơi vào bọc bà lão, bà đưa về rằm, đợi chín xẻ ăn. Về sau một cô gái cũng từ quả đu đủ hiện ra, dọn nhà nấu cơm khi vợ chồng ông lão vắng mặt, rồi họ cũng giả vờ đi vắng, nhưng nửa đường bắt chợt lộn về giữ lấy cô gái. Sau đó họ đưa cô gái - tức Bé - vào cung tâu bày với vua mọi việc của mẹ con mục dì ghẻ. Hoàng hậu giả không nhận tội, xin vua mời thần linh phán xử theo tục lệ. Người ta trao cho bị cáo (hoàng hậu giả) một cây gươm sắt. Còn nguyên cáo (Bé) một cây gươm gỗ để đấu với nhau. Nhưng gươm sắt của hoàng hậu giả bỗng nhiên rơi xuống mềm nhũn, còn gươm gỗ của Bé lại biến thành gươm sắt bay ra chém đứt đầu đối phương. Đoạn cuối cùng giống truyện của ta: vua sai làm thịt hoàng hậu giả ướp muối đem biếu mục dì ghẻ. Mục cùng chồng ăn khen ngon. Bỗng mục kêu lên: - "Đây là ngón tay, giống tay con ta!". Rồi lại kêu: - "Kia là ngón chân, giống chân con ta!". Nhìn vào hũ mắm thấy cái mặt rỗ, mục thét: - "Đích là con ta!". Chồng cho là mục nói nhằm đánh cho một trận[14].

3. Truyện Thái Lan *Con cá vàng* cũng gần gũi với truyện Miến-điện. Người mẹ ở đây chính là con cá vàng.

Một người đánh cá có hai vợ và ba con gái. U-ay là con vợ cả. Ai và Le là con vợ lẽ. Một hôm, chồng cùng vợ đi đánh cá. Kéo mãi lưới chỉ được con cá nhỏ. Vứt đi, cũng lại con cá đó mắc lưới. Vợ xin đưa về cho con. Chồng ghét vợ sẵn,

cho là vợ xấu xí nên hôm nay không được gì, toan đánh thì vợ ngã xuống nước chết. Bố về, U-ay nghe nói mẹ chết thì khóc lóc. Từ đấy cô thường bị bố và dì ghẻ hành hạ.

Một hôm cô ra bờ sông ngồi khóc mẹ thì một con cá vàng nhỏ bơi lại tự nhận là mẹ. U-ay mang cá về nuôi ở giếng. Việc cũng xảy ra như truyện của ta: Ai biết chuyện, mách mẹ, mẹ bảo U-ay mai đi chăn bò đồng xa, rồi cũng bắt cá làm thịt ăn, xương xấu vứt cho chó mèo ăn sạch. Khi U-ay về thì một con vịt mách mọi chuyện và đưa cho cô một chiếc vảy cá còn sót lại. Đem chôn ở rừng, vảy mọc lên hai cây ma-khưa. Mụ dì hay chuyện, lại chặt lấy quả ăn, vứt hột. Vịt nhặt đưa cho U-ay. Đem gieo vào rừng sâu mọc lên hai cây bồ đề, một cây lá vàng, một cây lá bạc.

Vua đi săn thấy cây quý, cho người hỏi, mới hay là do U-ay trồng bèn lấy nàng làm vợ. Vua cho voi nhổ cây đưa về trồng như không nổi, chỉ có U-ay đến gần cúi lạy thì nhổ được ngay. Ở đây cũng có tình tiết mụ dì ghẻ nhẩn U-ay về thăm bố ốm, cô bị thụt sần rơi vào nồi nước sôi do mụ bầy, chết. Ai cũng mặc áo quần giả làm U-ay vào cung, Còn U-ay biến thành chim chào mào. Gặp vua, chim nói vào tai, trách vua say vợ mới quên cây bồ đề đã héo chết, rồi kể vua nghe mọi chuyện. Vua làm lồng vàng cho chim ở. Nhưng một hôm vua đi vắng, ở nhà Ai bắt chim làm thịt, ở đây chim giả vờ chết thoát được lọt vào hang một con chuột nhờ chuột đưa ra khỏi cung vua. Cuộc hành trình vất vả vì gặp con rắn toan ăn thịt, nhưng rồi cũng thoát nạn chạy được vào nhà một pháp sư. Nhờ phép của pháp sư, chim lại hóa thành U-ay. Pháp sư cho một đứa trẻ về kinh gặp vua, vua thấy ở cổ có một cái khăn quàng trên có ghi chép mọi việc về U-ay bèn cho người đi đón về. Ai và đầu bếp bị vua bắt uống thuốc độc chết. U-ay xin tha nhưng không kịp. Rồi vua cũng sai làm thịt Ai cho bố mẹ nó ăn. Ăn xong hai người sợ quá chạy vào rừng.

Một vị đạo sĩ cho vua biết kiếp trước của U-ay là kẻ đã giết một con gà mẹ, còn gà con thì bắt cho con chơi, đánh rơi vào nồi nước sôi nên phải chịu quả báo như vậy. Kiếp trước của bố nàng là một con vẹt và mẹ nàng là một con mèo. Vì ghen tức vẹt được chủ yêu, mèo bèn rình lúc vắng chủ vật chết vẹt, nên cũng chịu quả báo trên[15].

4. Ở một số truyện của người Thái, Tày, Nùng, thì mẹ cô gái nạn nhân của mụ dì ghẻ, đáng lý là rùa hay cá, lại là hổ. Ví dụ truyện *Ồ PênỒ Kín* của đồng bào Nùng:

Có hai chị em cùng cha khác mẹ làỒ Pên,Ồ Kín. MẹỒ Kín đẹp, lại được chồng yêu, trái lại mẹỒ Pên bị chồng ghét, bắt làm mọi công việc nặng. Sau đó, một hôm bà bị chồng đánh chết quăng lên rừng.Ồ Pên từ đó phải làm mọi việc, kể cả việc đêm đêm phải lên rừng canh nương. MẹỒ Pên hóa thành hùm tinh, thường đến giúp đỡ con, lại bắt thịt rừng cho con ăn.

ThấyỒ Pên nói nhờ hùm tinh mà lại trở nên béo tốt, dì ghẻ choỒ Kín đi canh nương thay, nhưng đã không được gì của hùm tinh, trái lại bị hùm tinh tát chết kéo vào buồng đắp chiếu lại. Một con quạ bay về báo tin: "Quạ quạ, con mày

chết đêm qua". Mẹ Ò Kín không tin, cho rằng con mình đang được hùm tinh cho thịt ăn và tặng mọi thứ. Qua bảo đến lần thứ ba, mẹ mới cùng chồng chạy lên. Khi biết sự thật thì hùm tinh đã nấp ở góc nhà ra cắn chết cả hai[16].

Ở truyện của đồng bào Thái *Ý Ủi Ý Noọng* cũng gần với truyện của Thái Lan (hình ảnh con hổ vẫn còn nhưng đã tách ra khỏi bà mẹ). Truyện có hai chị em cùng cha khác mẹ, chị là Ý Ủi, em là Ý Noọng. Ý Ủi cũng bị dì ghẻ hành hạ. Một hôm, người bố sai hai con đi xúc cá, hứa ai xúc được nhiều thì khen. Ý Noọng vừa xúc vừa chơi không được gì, lừa Ý Ủi: - "Đầu lằm cứt trâu, xuống gọi đi kéo về bố mắng". Rồi chờ cho Ý Ủi hụp xuống nước, cướp lấy giỏ cá về trước. Đến đây, truyện mở ra một hướng khác, gần giống truyện của người Nùng: vì không xúc được cá, Ý Ủi bị đánh đuổi, phải đem chó chạy vào rừng, đêm ngủ trong túp lều lợp bằng lá chuối. Có một con hổ tới đòi ăn thịt, và sau đó thương Ý Ủi, nó ăn chó thay người, lại dặn hãy tìm đến hốc đá, nơi nó thường ỉa. Sáng dậy, Ý Ủi tìm đến thì thấy có áo quần trang sức. Mặc xong, nàng gặp chúa đất "tạo" Khôn Chương (hay Khum Chương) đi săn. Tạo thấy đẹp đưa về làm vợ, sinh được một con trai.

Tiếp đến là đoạn Ý Ủi về thăm bố cũng bị mẹ con Ý Noọng xui tròe cây bò quân hái quả. Đang tròe thì mẹ dì chặt gốc, nàng hỏi cũng trả lời là "dì đuổi kiến cho con". Cây đổ, Ý Ủi rơi xuống ao chết. Xác bị cá rửa hết chỉ còn miếng phổi hóa thành chim gáy. Trong khi đó Ý Noọng mặc quần áo của chị đến với tạo. Chim gáy đến hót, tạo rút gươm hỏi: - "Có phải vợ ta thì đậu lên gươm". Chim đậu, tạo đem về nuôi trong một cái lồng đẹp. Chim nhieć Ý Noọng dệt vải hay đứt, bị Ý Noọng ném cái thoi chết, quẳng vào lửa. Một bà già đi xin lửa thấy chim tưởng là than, bèn cầm về, vô tình đánh rơi vào chậu nước, chim lại hóa thành người. Nàng ở với bà cụ dệt vải. Một hôm con tạo đi chơi qua gầm sàn, nàng bỗng đánh rơi thoi, thò tay xuống nhờ nhặt. Đứa bé thấy cánh tay, nhận ra mẹ mình bèn về mách bố. Hai vợ chồng lại sum họp (tình tiết này cũng giống truyện *Nàng Khao Nàng Đăm*). Kết thúc truyện giống hầu hết các truyện đã kể. Và cũng giống *Nàng Đăm*, Ý Noọng theo lời Ý Ủi tắm nước sôi cho được đẹp, bị chết bỏng, sau đó xác bị làm mắm gửi về cho mẹ nó. Ăn gần hết thấy đầu lâu con, mẹ ngã lăn ra chết[17].

Tóm lại, các truyện của Tày, Thái *Ý Ủi Ý Noọng*, *Ý Ủi Ý Ôi*, *Ý Đón Ý Đăm* cũng giống với *Ò Pên Ò Kín*, *Nàng Khao Nàng Đăm* đều cùng chung một cốt truyện và chi tiết đặc thù nổi bật trong đó, so với loại hình Tấm Cám nói chung, là sự có mặt của một bà mẹ hổ.

5. Ở truyện của người Mèo, *Gầu Nà* (gái cô) và nhiều truyện khác thì mẹ nhân vật lại là bò.

Mẹ Gầu Nà vì gia đình thiếu bò bèn hóa ra bò cho chồng cày ruộng. Hàng ngày ra đồng, bò hóa thành người, giúp đỡ con xe lanh, bắt chấy, tối lại hóa thành bò trở về nhà. Cho đến khi người bố lấy vợ kế, vợ kế ghét Gầu Nà vì nàng đẹp hơn và se lanh giỏi hơn con riêng của mình là Gầu Rềnh. Một hôm dì hỏi vì sao se lanh nhiều và đẹp. Gầu Nà cũng đáp như Côi trong truyện của người Thổ và Tua Gia trong truyện của người Tày: - "Bò đáì thì uống, bò ỉa thì ăn, tự nhiên lanh se hết". Nhưng Gầu Rềnh nuốt hết cứt đáì bò đến hết nửa mà lanh vẫn se không nên, bèn thọc tay vào đít bò, liền bị bò lôi đi khắp nơi đau không tả xiết.

Thấy thế, dì lòi Gầu Nà ra đánh, rồi giả ốm lấy lời thần bảo chồng phải giết con bò cúng thần mới lành. Thế là mẹ Gầu Nà bị giết.

Một hôm ngày hội, mẹ con Gầu Rềnh trước khi đi dự bắt Gầu Nà phải ngồi nhặt riêng đậu với gạo, xong mới được đi. Đang nhặt, nàng bỗng nghe tiếng gọi, một cái gói xuất hiện ở máng cỏ có đủ áo quần trang sức và giày. Chàng trai Nù Náng mấy lần gặp Gầu Nà nhưng lại mắt hút. Lần thứ ba, chàng rắc tro, Gầu Nà chạy vội rơi mất giày, Nù Náng nhặt được đem thử chân mọi người không vừa, mãi đến Gầu Nà mới vừa, bèn xin lấy làm vợ. Nhưng dì ghẻ lại tìm cách gièm pha (ví dụ lấy vừng rang nói Gầu Nà nhiều rận). Biết thế, Nù Náng trả miếng lại mụ (lấy hạt lanh rang nổ to hơn để nói rận Gầu Rềnh to). Ngăn trở không được, mụ tìm cách đánh tráo. Đợi hai người ngủ say, mụ bế Gầu Nà ra chỗ khác thay Gầu Rềnh vào, nhưng Nù Náng biết lại lén mang Gầu Nà về. Mụ dì không ngờ có việc ấy, bèn lấy sáp ong gắn mắt lại không biết đây là con mình. Mờ sáng hai người trốn đi, khi mụ dì biết con mình bị đánh tráo thì đã không kịp.

Đoạn thứ hai, nhờ quạ chỉ, Gầu Rềnh cũng tìm được đến với Nù Náng. Một hôm Gầu Rềnh rủ Gầu Nà ra suối tắm, rồi cầm dao đâm chết, khi về tự nhận mình là Gầu Nà. Ở đây Gầu Nà cũng hóa thành chim "là lầy" bay về với chồng và con. Lại bị Gầu Rềnh giết, rồi lại tái sinh làm ba cây bương. Bương lại bị chặt, đốt thành tro. Một bà già Đàng Pa (bà Ma) đến xin tro, về sàng nhặt được một cái nhãn, bèn bỏ vào hũ. Một cô gái cũng từ cái hũ hiện ra dọn cơm canh cho bà, về sau cũng bị bà rình bắt được. Bà đập vỡ cái hũ để cô khỏi biến đi và bắt đi chặn bò. Cô gái (tức Gầu Nà) gặp lại con, nhờ đó vợ chồng tái ngộ, nhưng bà Đàng Pa không cho lấy. Bụt vẽ cho cách cưới ngựa cướp vợ và tung tro ớt ra sau để cho bà Đàng Pa không đuổi được. Đoạn thứ ba kết thúc, cũng như các truyện trên. Gầu Nà bày cho Gầu Rềnh đổ nước sôi lên người cho đẹp. Gầu Rềnh chết. Gầu Nà cắt thịt làm cỗ mời dì đến ăn. Ăn xong, mụ vào thăm con gái, mở chiếu ra chỉ thấy một cặp vú và một con lợn, mụ lăn ra chết. Nhưng hồn mẹ con lập tức hóa thành hai cây gạo to ngăn cách hai vợ chồng Nù Náng không cho gặp nhau, hễ đục cây thì lỗ thủng liền lại ngay. Nù Náng bèn hóa thành cổ tù túa (một loại lanh), Gầu Nà hóa thành ong "mua", đừa con hóa thành chim lợc có mỏ dài. Loại chim này thường đến ăn mật ong mà ong không đốt vì theo người kể ong là mẹ nó[18].

Có nhiều truyện từ khắp Á, Âu, Phi có chung mô-típ mẹ cô gái mồ côi bị biến thành bò.

Truyện Trung-quốc:

Một cô gái bị dì ghẻ hành hạ. Mẹ cô bị biến thành bò cái. Cô phải làm nhiều việc lao động khó nhọc nhưng đều vượt qua được nhờ có bò giúp sức. Biết thế, mụ dì ghẻ cho giết bò ăn thịt. Cô gái theo lời bò, nhặt xương cất đi. Sau đó cũng nhân ngày hội, hai mẹ con dì ghẻ đi xem hội. Cô gái tìm thấy quần áo đẹp ở chỗ cất xương bò. Cô đi xem hội, gặp quan Trạng và được ông này lấy làm vợ.

Truyện Ấn-độ:

Một người đàn bà bị người vợ kế của chồng hóa phép biến thành bò. Nhờ mẹ bò, cô gái mò côi làm xong những việc khó khăn mà gì ghẻ giao cho. Kế đó cũng nhờ mẹ bò, cô có đồ trang sức đi dự hội nhưng nửa đường đánh rơi chiếc vòng đeo mũi xuống sông. Một con cá nuốt chiếc vòng về sau rơi vào tay đầu bếp của nhà vua. Khi vua ăn cá thì bắt được chiếc vòng. Vua cố tìm ra chủ nhân chiếc vòng, tìm được bèn lấy làm vợ. (Xem thêm một dị bản khác ở trang 1194 trong cùng Khảo dị).

Truyện của người Mô-rơ (Maures) châu Phi:

Một mục phù thủy biến người vợ trước của chồng thành một con bò cái rồi nói với chồng rằng vợ cả đã bỏ theo trai. Từ đó hai anh em con của người vợ cả bị di ghẻ hành hạ, ăn không đủ no. Nhưng nhờ bò ngày ngày cho bú nên chúng vẫn béo tốt. Mục phù thủy biết thế, bèn xui chồng giết bò ăn thịt rồi vùi xương ở vườn. Từ chỗ chôn xương mọc lên một cây cọ có quả giống như cái vú người. Hai anh em hàng ngày trèo lên bú quả đó. Con gái mục di ghẻ rình thấy thế, bèn về mách mẹ. Mẹ bèn chặt cây nhưng cây vẫn trơ trơ bất động. Sau cùng mục phải dùng phép nhỏ cây lên. Khổ quá, hai anh em trốn đi, đến một con suối. Hễ ai uống nước suối này vào đều bị biến dạng, mắt nhìn thấy vật gì thì biến thành vật đó. Người anh sau khi uống nước suối, vừa nhìn thấy con hươu nên hóa ra hươu. Cô em gái cùng hươu đi mãi đến một cái giếng. Hôm ấy hoàng tử đang làm lễ tắm gội ở giếng, thấy có cô gái đẹp bèn lấy làm vợ. Nghe tin, mục phù thủy đến, nhân lúc vắng đầy cô gái xuống giếng rồi đem con gái của mình thay vào làm vợ hoàng tử. Nhờ được thần giúp đỡ nên cô gái rơi xuống giếng nhưng không chết. Nhờ có hươu chạy quanh giếng gọi em nên hoàng tử gặp lại vợ và con mình. Truyện cũng kết thúc bằng hình ảnh một vạc nước sôi do hoàng tử nấu lên rồi ném mẹ con phù thủy vào đó.

Về tình tiết anh hay em cô gái hóa thành con vật (hươu hay chiên) xem truyện của người Ác-mê-ni (Arménie) (Khảo dị truyện số 12, tập I).

Truyện của Xéc-bi (Serbie):

Cô gái Tro Bép có một bà mẹ bị thuật phù thủy biến thành bò cái. Hàng ngày cô phải đi chăn bò và kéo một số sợi nhất định, nhưng nhờ có bò giúp, ngày nào cô cũng hoàn thành. Di ghẻ biết chuyện, liền giết bò. Trước khi chết, bò dặn cô thu thập xương chôn lại một nơi, về sau muốn gì thì đến đấy mà ước sẽ được. Sau đó cô tìm thấy ở đấy có áo quần trang sức mà cô đang ao ước để mặc đi xem hội, trong đó có cả một đôi giày. Cô cũng vô tình đánh rơi giày, hoàng tử nhặt được, mang giày đi thử khắp nơi. Khi hoàng tử đến nhà cô, người di ghẻ giấu cô dưới một đồng củi, chỉ cho con gái riêng ra tiếp mà thôi. Nhưng việc thử giày không có kết quả. Hoàng tử vừa bước chân ra cửa thì một con gà bông gáy lên: - "Cộc cộc cô, có cô gái dưới đồng củi khô". Hoàng tử phát hiện thấy Tro Bép, thử giày thì vừa vặn, hai người bèn kết duyên.

Ở truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) còn có cả bóng dáng bà tiên: Một bà thầy pháp mỗi ngày giao cho đám học trò gái mỗi người một gói bông buộc phải nhặt sạch bụi, sau ba ngày mang đến, nếu ai không làm xong thì sẽ biến mẹ người đó thành bò đen. Một cô không làm đúng hẹn, bị thầy rửa. Khi cô trở về thì mẹ mình đã hóa thành bò. Bố cô bèn tái giá với một người đàn bà có con gái riêng. Mẹ dì chửi mắng cô luôn, buộc cô phải làm nhiều việc. Cô khóc và ở bên cạnh bò. Một hôm, mẹ bắt bố giết con bò. Theo lời dặn của bò, cô góp xương lại chôn dưới một gốc cây tường vi. Thế rồi, dì và con gái được mời đi dự đám cưới. Cô gái bị đánh, đến khóc trước mộ bò. Tự nhiên xuất hiện một bà tiên gọi cô bằng "con gái ta" và cho áo đẹp cùng một cỗ xe. Cô đến dự đám cưới được mọi người ca ngợi. Lên xe trở về thì một chiếc giày rơi. Hoàng tử con vua nhặt được, đoán rằng chiếc giày đẹp chắc chủ nhân nó cũng đẹp. Bèn nhờ hoàng hậu đến từng nhà có con gái trong kinh thành để thử giày. Đến nhà vợ gái, cô bị mẹ dì bỏ dưới một cái máng. Một con gà trống gáy: - "Cộc cộc cô, chủ của chiếc giày đang ở dưới một cái máng". Hoàng tử cất máng thấy cô gái, thử giày thì vừa vặn bèn lấy làm vợ.

Truyện của Bun-ga-ri (Bulgarie):

Nhiều cô gái ngồi kéo sợi gần một cái lỗ thông xuống vực thẳm. Một ông già râu bạc hiện ra bảo họ: - "Hãy coi chừng, nếu ai để con quay rơi xuống đó, thì mẹ người ấy sẽ hóa thành bò cái". Nói xong ông biến mất. Do tò mò, các cô xúm lại nhìn xuống lỗ thông. Bất ngờ một cô đẹp nhất trong mấy cô đánh rơi mũi quay. Về nhà, quả nhiên mẹ cô đã biến thành bò. Như truyện của Thổ-nhĩ-kỳ trên, cô bị dì bạc đãi. Bò giúp cô kéo một số sợi lanh. Sau đó bò bị giết. Chỗ cô chôn xương bò, cũng nhặt được một hộp đầy áo quần. Ở nắp hộp có hai con chim bồ câu. Chúng giúp cô làm công việc nhà để cho cô đi lễ nhà thờ. Một hoàng tử mê mẩn nhan sắc của cô và sau đó nhặt được chiếc giày của cô rơi ra. Cũng có cuộc thử giày. Cũng có tiếng gà gáy mách cô gái đang bị mẹ dì giấu dưới đồng củi khô như các truyện trên.

Truyện Hy-lạp (Grèce) có đoạn mở đầu lạ hơn:

Có ba cô gái cùng kéo sợi với mẹ của họ. Họ giao ước với nhau nếu một trong bốn người để sợi đứt đầu tiên thì người ấy sẽ bị giết và bị những người kia ăn thịt (một dị bản khác kể hai người chị muốn trừ bỏ mẹ già thương yêu riêng con gái út nên giao ước như thế để giết mẹ vì bà già đã nhiều tuổi, sợi kéo thế nào cũng đứt. Một dị bản nữa kể rằng nhân có một nạn đói lớn, mẹ con giao ước ai đánh rơi mũi quay sẽ bị những người kia ăn thịt). Sợi của người mẹ đứt. Các cô nói: - "Lần này tha cho vì bà ấy có công mang chúng ta trong bụng". Lại tiếp tục kéo. Sợi của bà mẹ đứt lần thứ hai. Các cô lại tha, bảo: - "Vì có công nuôi ta bằng sữa của bà ấy". Sợi của bà mẹ lại đứt lần thứ ba, hai cô đầu bèn giết mẹ làm thịt nấu lên rồi ăn. Cô út không làm theo hai chị. Cô nhặt xương bỏ vào vại. Sau bốn mươi ngày cô thấy trong vại có áo đẹp, giày đẹp và ngựa đẹp. Cô đi cự hội ngày chủ nhật, giày bị rơi, hoàng tử cũng nhặt được, v.v...

Ở truyện của đảo Corse (Pháp) thì con bò đồng thời là tiên, mẹ cô gái:

Mẹ của Ma-ri-u-xen-la chết không ai biết. Bố nàng tái giá với một phụ nữ ác nghiệt, bắt nàng chăn bò và mỗi ngày kéo một gói lớn bông thành sợi. Không làm được, nàng khóc. Con bò cái đến gần bảo: - "Chớ khóc, ta là mẹ con, ta đã thành tiên, ta kéo cho". Khi phụ nữ biết, toan giết con bò. Bò bảo cô tìm trong ruột mình lấy ba quả táo, một đem ăn đi, một ném lên nóc nhà, một bỏ trong một hố ở vườn. Quả cuối cùng này mọc lên một cây đầy quả nhưng có gai, không ai dám đến. Quả thứ hai hóa thành con gà trống. Cũng có tình tiết hoàng tử yêu cô gái nhưng phụ nữ cũng đánh tráo con gái mình. Con gà trống gáy lên: - "Cộc cộc cô! Ma-ri-u-xen-la trong thùng, còn Đinh-ti-ơ-na (tên con phụ nữ) thì ở trên lưng ngựa đẹp!". Nhờ đó hoàng tử nhận ra người yêu.

Con bò trong truyện của người Ka-bi-lơ (Kabiles) đã không còn là người mẹ cô gái nữa, nhưng vẫn có liên quan đến người mẹ:

Một người có một trai, một gái. Vợ chết, dặn chồng đừng bán con bò cái đi: - "Đó là con bò của lũ con cô!". Chồng lấy vợ khác, hai người con bị đi bạc đãi không được ăn no, nhưng chúng lại bú sữa bò nên khỏe mạnh. Phụ nữ sai con mình đi dò. Một đứa con gái đi muốn bú bò nhưng bị bò cho một đá đuôi mất. Tức giận phụ nữ buộc chồng bán bò cho đồ tể. Hai đứa con khóc trên mộ mẹ, mẹ bảo lấy ruột bò bỏ trên mộ. Ít lâu sau bỗng mọc lên hai cái vú: một cho bơ, một cho mật ong, hai đứa lại được bú thỏa thích. Phụ nữ lại sai con đi dò, khi chúng ngậm vào đầu vú thì một bên hút ra sữa, một bên hút ra hắc ín. Phụ nữ giận, bằm vú quăng đi. Hai đứa lại khóc trên mộ mẹ. Mẹ bảo chúng bỏ nhà ra đi. Một hôm chúng đến giúp việc cho một ông vua. Sau đó vua lấy cô em làm vợ.

Ba truyện khác của Ấn-độ:

Một con bò cái (có nơi kể là con cá) giúp một cô gái bị đi ghẻ bạc đãi. Phụ nữ thấy cô gái được bò cho bú sữa, bèn tìm cách giết bò. Trước khi chết, bò cũng bảo cô nhặt xương da đi chôn chứ đừng ăn. Bảy giờ hoàng tử đang hạ lệnh cho các cô gái tới cung cho mình chọn vợ. Cô gái đẹp bị đi bắt ở nhà để nấu ăn, còn con đi thì được đưa tới lầu đài dự tuyển. Con bò tự nhiên sống lại, kiếm cho cô quần áo đẹp, giày vàng, v.v... Thấy cô xinh đẹp, hoàng tử đuổi theo, cô đánh rơi chiếc giày rồi trốn vào trong hầm. Khi hoàng tử đến, nhờ có con gà mới tìm ra, mang về làm vợ. Truyện cũng kết thúc bằng sự trừng phạt phụ nữ và đứa con gái.

Về con bò cái giúp cô gái mồ côi bị bạc đãi xem thêm các truyện sưu tầm ở Cô-ca-dơ (Caucase) và ở Thượng Ai-cập (Égypte). (Khảo dị truyện số 12, tập I). Ở các truyện này không thấy nói đến mẹ của cô là bò.

Truyện dưới đây thì người mẹ không hóa ra bò mà hóa chiên:

Một người đàn bà đuổi theo một con chiên lạc bầy gặp một phụ nữ Chàng. Phụ nữ dùng phép biến người ấy thành một con chiên. Sau đó phụ nữ lại hóa phép biến mình thành người đàn bà kia dắt chiên về nhà bà ta. Phụ nữ bảo người chồng rằng mình đã tìm được con chiên lạc, nhưng phải giết đi mới được. Cô gái chạy ra chuồng

báo cho mẹ nó - con chiên - biết tin chẳng lành. Con chiên bảo cô hãy chôn xương mình ở một chỗ nọ. Hàng ngày cô đến mộ chiên khóc lóc, chiên cũng giúp cho cô xinh xắn, được ăn ngon mặc đẹp, và cuối cùng cô cũng lấy được hoàng tử như một số truyện trên.

Ở một truyện khác sưu tầm ở Xri-na-ga thì người mẹ là con dê:

Một người Bà-la-môn dặn vợ đừng ăn khi mình vắng mặt nếu không sẽ hóa thành dê, vợ cũng dặn chồng như vậy nếu không sẽ hóa thành hổ. Một hôm, người vợ trong khi bón cho con, ném thử một miếng không nghĩ rằng lúc ấy chồng đang vắng mặt. Lập tức bị hóa thành dê. Chồng về chăm sóc cho dê. Ít năm sau, chồng lấy vợ khác. Người dì ghẻ tỏ ra nghiệt ngã với con chồng, không cho chúng ăn no. Dê nghe các con than thở, thấy con gầy guộc, dặn con khi nào đói thì lấy gậy gõ vào sừng mình, sẽ có ăn. Từ đó các con béo tốt khỏe mạnh.

Mụ dì có một cô con gái, mụ dặn khi chơi chú ý xem các con chồng ăn những gì. Nó về kể lại tất cả. Mụ mưu giết con dê bằng cách giả ốm rồi dứt tiền cho thầy thuốc (ha-kin) để nhờ thầy kê đơn thuốc có món thịt dê cho mình. Con thấy bố sắp giết dê thì kêu khóc, dê dặn con nhặt xương chôn xuống một nơi nọ, khi nào đói thì đến khấn, sẽ có ăn.

Ít lâu sau, trong khi các cô con gái nhà đó rửa mặt ở suối nước chảy qua trước nhà, chiếc vòng mũi của một cô rơi, bị cá nuốt mất. Con cá ấy sau bị làng chài bắt, rồi vào tay một bác đầu bếp nhà vua. Thấy chiếc vòng, người đầu bếp đem dâng vua. Vua cho rao ai mất vòng thì đến nhận. Em cô gái đến nói là vòng của chị mình. Vua cho gọi đến và khi thấy mặt cô, vua say vì nhan sắc, bèn lấy làm vợ (xem lại các trang 1189-1190).

Ở một số truyện khác nữa thì người mẹ cô gái lại hóa thành cây, ví dụ cây cam trong Pơ-ria Pơ-ró của dân tộc Chăm-hơ-roi:

Pơ-ria Pơ-ró là hai chị em cùng cha khác mẹ. Cũng như truyện trên, mẹ Pơ-ró được chồng yêu. Mẹ Pơ-ria chết, nàng ra mộ khóc, một buổi sáng thấy trên mộ mọc lên một cây cam có quả, còn nàng cũng trở nên đẹp hơn trước. Một hôm đang hái cam ăn thì có hoàng tử đi săn qua, hai bên yêu nhau. Pơ-ria được đưa về cung làm vợ hoàng tử. Đoạn thứ hai truyện này giống với truyện Tám Cám. Nhân khi Pơ-ria về dự lễ "bỏ mả" cha mẹ, dì ghẻ bảo nàng trèo cau. Nàng trèo lên ngọn cau thì mẹ con ra sức chặt gốc, nàng nhảy sang cây khác, cây này cũng bị chặt gốc, nàng đành phải nhảy chuyền mãi, sau ngã xuống chết. Người dì ghẻ lột lấy quần áo cho Pơ-ró giả làm Pơ-ria vào cung.

Pơ-ria chết được tiên cho hóa thành hoa "bung bay" mọc trên mộ mẹ. Một bà cụ hái về, hoa tươi mãi không héo. Ngày ngày khi vắng bà cụ, Pơ-ria hiện ra bồng cau tằm trầu, hề thấy bóng người thì biến mất (không có tình tiết rình bắt như truyện của ta). Hoàng tử đi qua nhà, thấy miếng trầu quen thuộc bỗng nhớ đến vợ. Một giọt nước mắt rơi vào bát nước. Thấy bóng vợ trong đó, hoàng tử ngất đi. Thương chồng, Pơ-ria hiện ra và hai người tái ngộ. Ở đây không có

câu chuyện báo thù mẹ con Pơ-ró, vì Pơ-ria xin tha tội chết cho chúng, nhưng hoàng tử cũng đuổi chúng lên núi cao. Sau đó mù di hóa thành điều hầu, con hóa thành hoa mơ-miêng hôi thối[19].

Trong một số truyện sau đây, hình ảnh cái cây tuy không phải là mẹ cô gái hóa ra, nhưng cũng có vai trò quan trọng trong sự phát triển của cốt truyện.

Truyện Pháp *Cô bé An-nét*:

An-nét, một cô bé mất mẹ từ hồi mười lăm tuổi. Người bố lấy một mù góa có ba con gái. Hàng ngày chúng được ăn trộn mặc trắng, còn An-nét thì phải làm mọi việc, trong khi đó chỉ được ăn mẩu bánh, khát thì vục tay vào nước suối uống. Một hôm nhớ mẹ, An-nét ngồi khóc. Bà thánh Đồng trinh hiện ra cho một chiếc đĩa bảo gõ vào con cừu đen sẽ có ăn. An-nét quả có bữa ăn thịnh soạn, nhờ đó ngày một trở nên béo tốt. Thấy lạ, dì ghẻ cho con gái thứ nhất đi theo để dò. Hai đĩa chơi chán, An-nét chải tóc cho nó và ru, dần dần nó ngủ quên. Về nói không có gì lạ. Đưa con gái thứ hai đi dò cũng thế. Đưa thứ ba cũng thế, nhưng nó lại có con mắt thứ ba không nhắm. Vì thế việc bí mật của nàng bại lộ. Mù di ghẻ giả ốm bảo chồng làm thịt cừu đen ăn mới lành.

An-nét báo tin cho cừu biết. Cừu bảo: - "Hãy xin miếng gan chôn ở sau vườn". Ở chỗ gan mọc lên một cây cao có quả ngon, nó thường sà xuống cho An-nét ăn. Một hôm hoàng tử đi qua muốn ăn, hứa cô nào trèo lên được thì lấy làm vợ. Chẳng một ai trèo lên được cả. Mù di ghẻ muốn cho con gái mình lấy hoàng tử bèn làm một cái thang dài, nhưng cây lại vươn lên cao. Mù với tay ra hái nhưng mắt thẳng bằng bị ngã gãy cổ. Hoàng tử thèm ăn rỏ dãi. An-nét lại gần cây, cây tự nhiên sà xuống cho cô hái đầy rổ. Cô trở thành vợ hoàng tử[20].

Một dị bản khác của Pháp: *Chuông vàng*. Cô gái trong truyện này lại là con vua. Hoàng hậu đau sắp chết bảo con chẵn một con chiên trắng. Lại dặn khi bị dì bạc đãi thì lấy đĩa gõ vào tai phải chiên, sẽ có một bàn ăn dọn sẵn, nếu gõ vào tai trái thì bàn ăn biến đi. Mù di cũng sai con gái đi dò. Cô gái bắt chấy cho nó nên nó ngủ quên, nhưng lần sau nó giả ngủ, thấy hết mọi việc. Mù di bèn giả ốm đòi ăn thịt chiên. Trước khi chết, chiên bảo nhặt xương chôn dưới cây lê, cành nó sẽ mọc chuông vàng, luôn luôn rung thành tiếng nếu tắt đi là có điềm chẳng lành. Cũng có ông vua đi qua trông thấy cây có chuông đẹp bảo ai hái được sẽ lấy làm vợ. Con gái mù di ghẻ trèo, mẹ ở dưới đỡ lên, nhưng càng trèo cây càng cao, không hái nổi. - "Còn cô nào nữa không?", vua hỏi. - "Có, nhưng nó chỉ chẵn chiên là giỏi". Vua cố gắng chờ. Cô gái về bảo cây cúi xuống cho cô hái rồi bỏ vào tạp dề cho vua. Vua bèn lấy làm vợ. Ít lâu sau, vua đi đánh trận, hoàng hậu đang đau, vua bảo mù di chăm sóc. Mù ném cô xuống sông rồi cho con thay. Chuông từ đấy không kêu nữa. Không nghe tiếng chuông, vua nhớ đến lời vợ dặn, trở về. Đi qua sông thấy một bàn tay thò lên mặt nước. Vua kéo lên thì ra đó là vợ mình vẫn còn sống. Đưa vợ về vua ra lệnh treo cổ mẹ con mù di ác nghiệt[21].

Hình tượng tái sinh nhiều lần của Tấm cũng là hình tượng quen thuộc trong nhiều truyện cổ tích của các dân tộc.

Người Xrê (Xré) (Tây Nguyên) có truyện Gơ-liu Gơ-lát (nồi lớn nồi bé):

Là hai chị em cùng cha khác mẹ cùng xinh như nhau nhưng Gơ-liu thì tính nết hiền hậu, còn Gơ-lát thì gian ác. Ở đây, truyện lược mất đoạn đầu, chỉ kể rằng một hôm có con quạ mang một đôi hài không phải của một trong hai cô gái mà là của hoàng tử Chăm thả xuống một nơi cho phụ nữ ướm chân, ai vừa thì hoàng tử lấy làm vợ. Gơ-liu ướm vừa chân, được đón về cung, Gơ-lát được phép theo chị. Một hôm trong lúc chồng đi đánh giặc, Gơ-liu bị Gơ-lát giết rồi phao tin chị chết bệnh. Gơ-lát xin thay Gơ-liu làm vợ, hoàng tử nhận nhưng tỏ ý ghét. Ở mộ Gơ-liu mọc lên một khóm trúc, hoàng tử cho là hồn vợ tái sinh, sai rào kín, nhưng cây bị Gơ-lát chặt mất trong khi chồng đi vắng. Hồn Gơ-liu lại nhập vào con chim nhỏ lông vàng, một hôm nó thả xuống trước mặt hoàng tử một hộp trầu. Thấy hộp trầu quen thuộc, hoàng tử cũng bảo: - "Có phải Gơ-liu thì xuống đây với ta". Chim bay xuống, nhưng khi hoàng tử đi vắng, Gơ-lát bắt làm thịt. Cũng như truyện của ta, lông chôn bên đường hóa thành cây thị chỉ có độc một quả. Một bà cụ đi qua nghe có tiếng gọi, một hộp trầu tự nhiên rơi vào tay bà, có tiếng gọi bảo bà đưa đến cho hoàng tử. Hoàng tử theo bà cụ đến bên cây thị thì quả thị rơi xuống như lời khẩn của bà cụ, rồi sau hóa thành Gơ-liu.

Đoạn sau, khi hoàng tử biết rõ chuyện, sai xẻ thịt Gơ-lát làm mắm gửi về biểu mẹ dì ghẻ. Mẹ ăn hết mắm đến thăm con vào lúc vợ chồng hoàng tử đang ăn mừng sum họp. Bị đánh đuổi và khi biết mình ăn thịt con, mẹ nhảy xuống sông chết. Ở đoạn kết thúc này, con quạ xuất hiện không phải để báo tin mà để rửa thịt mẹ[22].

Xem thêm truyện của người Mèo *Chàng rắn* ở Khảo dị truyện số 128, tập III. Truyện Ấn Độ sưu tầm ở cao nguyên Đê-căng (Deccan):

Một cô gái tên là Xuya-ri-a Bay được vua lấy làm vợ. Hoàng hậu cũ ghen sai ném cô xuống ao. Trong ao mọc lên một cây hoa vàng rất đẹp, mỗi khi vua tới ngắm thì hoa hướng về phía vua. Lấy làm lạ vua mê ngắm suốt ngày. Hoàng hậu lại ra lệnh bẻ hoa ném vào lửa. Hoa cháy ra tro, nơi đổ tro mọc lên một cây có quả rất đẹp. Không ai dám hái, còn dành cho vua. Một hôm mẹ Xuya-ri-a Bay là người vắt sữa nghèo đi qua nghỉ ở dưới cây, quả rơi vào bình sữa. Bà mang về giấu trong buồng. Khi lấy ra tự nhiên trong quả có một người đàn bà nhỏ đẹp bước ra, rồi lớn lên dần dần, và trở thành người thật, đó là con bà.

Một đoạn của truyện Băng-la-đex (Bangladesh):

Có hai đứa trẻ: anh trai, em gái bị giết theo lệnh của hoàng hậu là dì ghẻ của chúng, gan của chúng được ném vào một chỗ, về sau mọc lên ở đó một cây to có hai hoa to đẹp, kết thành hai quả đẹp. Hoàng hậu trèo lên hái quả, nhưng mỗi lần với tay thì hai quả lùì dần. Hoàng hậu sai người chặt cây, nhưng cây chống lại. Việc đó diễn ra trong mấy ngày. Vua được tin ra xem, hai quả cây tự nhiên rơi vào tay vua. Vua mang vào buồng để ở trên bàn gần giường nằm. Đêm lại, nghe một tiếng nhỏ phát ra từ một quả: - "Anh", và có tiếng đáp từ quả

kia: - "Em hãy nói nhỏ nhỏ chứ. Mai vua bỏ quả ra, nếu hoàng hậu biết thì mẹ sẽ giết chết. Trời cho chúng ta tái sinh ba lần, nếu chết đến lần thứ tư thì không thể thành người được nữa". Nghe đoạn, vua bỏ quả cây liền thấy hai đứa bé chui ra. Gặp lại con và nghe mọi việc, vua bèn giết người dì ghẻ.

Truyện của người Xắc-xông (Saxons) ở Tơ-răng-xin-va-ni (Transylvanie) mà người Ru-ma-ni (Roumains), người Di-gan ở Bu-cô-vin (Bucovine), ở Hung (Hongrie), ở Va-la-kơ (Valachie) và Xéc-bi (Serbie) đều kể như nhau:

Một hoàng hậu sinh được hai đứa trẻ tóc vàng. Một đứa hầu gái âm mưu chôn sống hai đứa bé trong đồng phân, khi vua về tìm cách vu cáo hoàng hậu và cuối cùng hẳn được lấy vua. Chỗ chôn hai đứa bé mọc lên hai cây thông vàng. Thấy thế, hoàng hậu mới - người hầu gái - làm bộ ốm đau, đòi nằm trên ván thông vàng mới đỡ. Vua sai chặt hai cây, cưa ván, một làm giường cho vua, một làm giường cho hoàng hậu. Đêm lại, giường này nói với giường kia: - "Anh bị con mẹ ác nghiệt nằm lên nặng quá!" - "Còn em thì cha ta nằm lên, rất nhẹ". Hoàng hậu nghe được câu chuyện, sai người đốt giường. Trong khi cháy có hai cái tàn bay vào mớ hạt mà người ta cho cừu ăn. Cừu mẹ ăn xong đẻ được hai con cừu lông vàng. Hoàng hậu lại đòi ăn tim cừu cho lành bệnh. Vua lại ra lệnh giết. Ruột cừu đem rửa ở sông có hai khúc trôi dạt vào bờ, hiện nguyên hình thành hai đứa trẻ sống.

Người Nga kể truyện này cũng giống như trên, chỉ hơi khác đoạn kết. Khi người ta giết hai con cừu thì họ ném ruột lên đường. Mẹ hai đứa trẻ ấy là hoàng hậu bị chồng đuổi, nhặt được, không biết ruột từ đâu tới bèn lấy nấu ăn, sau đó có mang đẻ được hai con trai. Lần hồi chúng lớn lên và được vào cung, tình cờ một hôm gặp vua cha, thuật lại gốc tích, v.v...

Hai truyện của Hy-lạp (Grèce):

1. Tro Bép được hoàng tử lấy làm vợ. Hai chị của Tro Bép dùng phép biến em thành chim. Chim bay tìm đến hoàng tử. Hai chị lại giết chim. Ba giọt máu của chim văng ra mọc lên một cây táo. Hai chị lại xui hoàng tử chặt cây táo. Đang chặt hoàng tử thấy một bà già đến xin: - "Cho tôi một quả táo". Hoàng tử cho một quả. Quả này trong có Tro Bép. Bà già mang về bỏ vào trong một cái hộp. Cũng như trong truyện Tám Cám, vắng bà già, Tro Bép hiện ra khỏi hộp, quét nhà nấu ăn cho bà. Bà già lấy làm lạ, nhưng vẫn chưa biết sự thật. Một hôm bà mời hoàng tử đến ăn tại nhà mình: - "Ngài hãy đến, tôi xin đãi một đĩa thức ăn ngọt và một quả táo ngon của cây táo của ngài". - "Bà còn giữ quả táo tôi cho à?" - "Vâng". Hoàng tử đến, bà già mở hộp ra và rất ngạc nhiên khi thấy cô gái xuất hiện từ quả táo: - "Sao con lại ở đây?". Tro Bép kể lại chuyện của mình. Bà già dọn cho hoàng tử những hạt quả rồi nói rằng: - "Quả táo mà hoàng tử cho tôi đã thối hết không dùng được nữa". Cuối cùng bà cũng cho hoàng tử gặp cô gái và hai người nhận ra nhau.

2. Một cô gái yêu một hoàng tử. Một nữ nô lệ có phép thuật biến cô thành cá vàng rồi tự thay địa vị của cô. Thấy hoàng tử thích ngắm cá vàng, nữ nô làm

bộ ốm đau, đòi ăn canh cá vàng mới lành. Người ta được lệnh giết cá. Có ba giọt máu rơi xuống đất. Chỗ ấy mọc lên một cây bạch dương. Nữ nô lại làm bộ ốm đau, bảo đốt cây thành tro như cấm không cho ai lấy lửa. Đang đốt một bà già từ đâu đến gần. Bà bị người ta xua đuổi nhưng một mảnh tàn đã dính chặt vào áo bà. Hôm sau bà đi vắng. Lúc về đã thấy nhà cửa quét dọn tử tế. Nhiều lần như vậy, bà nấp rình, bắt được. Bà nuôi cô làm con. Về sau cô gặp lại hoàng tử[23].

Một truyện khác của Pháp:

Một hoàng hậu trẻ bị giết theo lệnh của hoàng thái hậu. Xác bị ném vào hồ nước cạnh lâu đài. Một cô gái khác được bí mật đưa tới thay thế địa vị của hoàng hậu. Một hôm vua ngồi ở cửa sổ thấy trong hồ nước có một con cá kỳ lạ có ba màu: hồng đào, trắng và đen. Vua ngắm mãi khiến cho hoàng thái hậu bực mình giết con cá. Hoàng hậu giả lúc đó có thai đòi ăn. Bỗng chốc trước cửa sổ lâu đài có một cây ba màu mọc lên. Bà già sai đốt cây. Tro của cây bốc lên hóa thành một lâu đài rực rỡ có ba màu. Nhiều người trèo lên lâu đài nhưng không mở được cửa. Khi vua trèo lên thì mở được ngay. Vua bước vào thấy hoàng hậu vợ mình vẫn còn sống.

Một truyện khác của Hy-lạp (Grèce) tình tiết có khác nhưng vẫn cùng dạng người biến thành chim:

Hai người chị của hoàng hậu vốn ghen tỵ với số phận của em. Một hôm hai người vào buồng hoàng hậu khi bà này sinh con. Họ cắm vào đầu hoàng hậu một cái kim thần. Tự nhiên hoàng hậu hóa thành chim bay đi. Một trong hai chị lên giường thay em làm hoàng hậu. Vua vốn có thói quen ăn sáng ở vườn. Một hôm thấy có một con chim bay đến hỏi: - "Hoàng thái hậu, vua và hoàng tử đêm qua ngủ có ngon không?" - "Có" - "Mọi người ngon giấc nhưng hoàng hậu thì ngủ một giấc không dậy nữa".

Những người làm vườn xin vua giết con chim, Vua cản lại. Mấy ngày sau, chim lại tới đậu vào bàn ăn với vua. Nhìn thấy cái kim cắm trên đầu, vua rút ra. Chim lại hóa thành hoàng hậu.

Về hình tượng chiếc giày của Tấm rơi xuống chỗ lội, chúng tôi kể ra đây hai truyện biết được thời điểm sưu tầm (do đó mới có cơ sở đoán rằng kiểu truyện Tấm Cám đã được lưu hành từ khá xưa).

1. Truyện Ai Cập:

Một hôm có một kỹ nữ là Rô-đô-pix đi tắm ở sông Nin. Một con quạ tha một chiếc giày từ tay cô hầu rồi bay đến thành Mem-phix và thả rơi đúng tà áo của vua trong khi ông này đang xử kiện giữa một tòa án lộ thiên. Nhận thấy chiếc giày đẹp, vua bèn sai người đi tìm người đàn bà chủ nhân chiếc giày. Người ta tìm thấy Rô-đô-pix ở thành No-cra-tix dẫn về. Vua lấy làm vợ. (Truyện trên do Xtra-bông (Strabon) ghi chép vào thế kỷ 3 trước công nguyên. Hai thế kỷ sau một tác giả khác cũng người Hy-lạp là Ê-liêng (Éllien) kể lại có tô chuốt chút ít

và gán tên cho một nhân vật trong truyện là P-xam-mê-ti-quyx, vua có thật ở Ai-cập).

2. Truyện Nàng Diệp Hạp trong sách *Dậu dương tạp trở*[24].

Một người lấy hai vợ, một vợ có con gái là Diệp Hạp. Sau khi bố mẹ chết, nàng bị mẹ ghẻ hành hạ, bắt làm những công việc nặng nhọc và nguy hiểm. Một hôm bắt được một con cá vảy đỏ mắt vàng, nàng nuôi ở chậu, sau thả xuống ao vì cá mỗi ngày một lớn. Di ghẻ muốn bắt cá, nhưng hễ không thấy bóng Diệp Hạp thì cá không nổi lên. Một hôm mẹ bắt nàng đi gánh nước xa rồi lấy áo của nàng vừa thay mặc vào, đón bờ gọi cá. Cá tưởng Diệp Hạp, nổi lên, mẹ bắt làm thịt, xương chôn ở khu đồi. Thấy mất cá, Diệp Hạp khóc, một người hiện ra hỏi vì sao mà khóc. Nghe kể chuyện, người ấy bảo Diệp Hạp đem xương cất đi sẽ cầu được ước thấy. Nhờ đó, cô có áo quần đẹp, giày vàng. Đi xem hội cô là người đẹp nhất đám, nhưng cũng như truyện của ta, cô đánh rơi chiếc giày vàng. Dân bắt được chiếc giày đem bán cho vua Đà Hãn, Cũng xảy ra câu chuyện ước giày và cuối cùng Diệp Hạp đi vừa, được đón vào cung không quên mang theo nắm xương cá. Truyện kết thúc bằng cái chết của mẹ con mẹ di ghẻ do "phi thạch" trên trời rơi xuống đầu. Dân thương hại chôn cất và thờ làm thần se duyên (Môi thần). Về sau vì vua ước quá nhiều nên xương cá không còn hiệu nghiệm, bèn đem chôn cùng một trăm đầu hạt châu và vàng ở bờ biển, nhưng đến khi đào lên thì mọi thứ đều biến mất.

Cô-xcanh (Cosquin) trong *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây* dựa trên hình thức truyện *Cô Tro Bếp* (Cendrillon) phân thành ba loại: 1) Giày rơi xuống nước; 2) Giày rơi xuống đất; 3) Giày được đưa lên trên không để tìm dấu vết di chuyển của truyện này trên các khu vực địa lý khác nhau. Ông còn kể ra một số các truyện khác (không phải loại truyện *Cô Tro Bếp*) đều sưu tầm tại Ấn-độ, trong đó có hình tượng chiếc giày (hay một vật gì đó) làm môi giới. Ví dụ một số truyện sau đây:

Một truyện do Xo-đơ-va Ba-i (Sodeva Bair) sưu tập (truyện này có bà con với truyện *Cô Tro Bếp*):

Một chiếc giày rất đẹp và đắt tiền do một ông vua có thể lực, thường cho công chúa con gái mình. Một hôm công chúa đi dạo chơi, bị mất một chiếc. Vua sai người đi các nơi rao, bữa ai nhặt được sẽ có thưởng. Lời rao đó lọt đến tai một hoàng tử. Hoàng tử cố gắng đi tìm giày về, rồi cuối cùng được kết duyên với công chúa.

Một truyện của người Ca-na-ra (Canaras) (từng được ghi chép bằng chữ dân tộc):

Một nàng công chúa sau khi được giải thoát khỏi tay một người khổng lồ bèn lấy một hoàng tử. Một hôm công chúa đánh rơi chiếc giày trong một bể nước. Một người đánh cá bắt được đem bán cho một hàng xén. Người này thấy giày đẹp đem dâng vua. Đến lượt vua say mê chiếc giày, bèn hứa thưởng lớn cho người nào tìm ra chủ nó. Một bà già nhận lời và tìm được. Bà này còn tìm cách chiếm lấy lòng tin của công chúa, lọt được vào buồng công chúa, thừa dịp trộm lấy cái bùa hộ mệnh của chồng nàng. Thấy chồng chết, công chúa để mặc cho

người ta mang mình đến cung vua, mong tìm dịp báo thù cho chồng. Trong khi công chúa tìm kế hoãn binh để khỏi lấy vua, thì người em chồng nhờ một vật thiêng liêng đã đến đúng lúc, cứu được anh sống lại và giải phóng cho công chúa thoát khỏi tay vua.

Truyện sưu tầm ở Bắc Ấn:

Nhờ một chiếc nhẫn thần do một con rắn trả ơn, con của một lái buôn lấy được nàng công chúa làm vợ. Hai người ở chung trong một lâu đài bên bờ sông. Một hôm người vợ ngồi gần mặt nước đánh rơi một chiếc giày, chưa kịp vớt lên thì giày đã bị một con cá to nuốt mất. Gần đó có vương quốc của một ông vua (rất-gia). Những người làng chài đánh được con cá to đem dâng vua. Khi đầu bếp mổ ra thì bắt được chiếc giày đẹp, đem nộp. Vua cho truyền rằng ai là chủ chiếc giày sẽ rước về làm hoàng hậu. Bèn sai các bà già trong kinh thành mang giày đi ướm chân. Kết thúc cũng gần với truyện trên.

Một truyện sưu tầm ở Ca-sơ-mia (Cachemire) thì thay vào giày là chiếc lược: có một cô gái, một hôm chải tóc trước cửa sổ. Đang chải, cô để tạm lược trên bậu cửa thì bỗng một con quạ sà xuống quắp đi mất. Sau đó nó đánh rơi xuống biển, bị một con cá nuốt vào bụng. Cuối cùng chiếc lược cũng vào tay đầu bếp nhà vua. Vua lấy làm lạ, cũng muốn biết mặt chủ nhân của chiếc lược bèn cũng sai người đi tìm. Kết quả vua lấy cô gái tìm được làm vợ, v.v... Xem thêm truyện Ấn-độ ở trang 1191 và trang 1995 trong cùng Khảo dị. Ở đây vật bị cá nuốt không phải giày hay lược mà là một trang sức đeo ở mũi (nô-dơ-ring).

Mô-típ dì ghẻ đánh tráo con mình thay con chồng làm vợ vua (hay hoàng tử) cũng được sử dụng phổ biến trong một loạt truyện cổ khác với dạng truyện *Tấm Cám*. Dẫn ra sau đây một số truyện tiêu biểu:

Truyện Pháp *Cô Ma-ri ở túp lều trong rừng*:

Một người đàn bà có hai con gái: cô chị ở tỉnh còn cô em ở với mẹ trong rừng. Một hôm cô em đang kéo sợi, một ông vua đi săn ghé vào thấy cô đẹp muốn lấy làm vợ, nhưng mẹ cô ghét cô, chỉ muốn giới thiệu cô chị. Mặc dầu vậy, đám cưới vẫn cử hành. Ít lâu sau nhà vua đi đánh giặc. Hoàng hậu về chơi với chị, bị chị ghen tức nhảy xổ vào móc mắt, bẻ răng, cắt chân tay rồi bỏ vào rừng. Vì có khổ người giống em, nên cô chị đóng giả hoàng hậu vào cung. Hoàng hậu thật gặp một ông già được ông giúp cho ba điều ước tùy mình lựa chọn. - "Tôi chỉ ước được lành mắt, răng, tay và nếu được ước nữa thì cả chân", hoàng hậu nói. Ông già bảo một đứa trẻ mang một cái xa kéo sợi bằng vàng đến lâu đài của mẹ con hoàng hậu giả đổi lấy hai con mắt. Hoàng hậu giả trông thấy vật quý, hỏi mẹ, mẹ chỉ cho cặp mắt trong một cái hộp. Đưa về, ông già làm cho mắt hoàng hậu sáng trở lại. Ông lại lần lượt đưa những vật khác để đổi lấy răng, hai tay và hai chân, cuối cùng hoàng hậu hoàn toàn lành lặn như xưa. Ông già chỉ đường cho nàng ra khỏi rừng, rồi biến mất. Vua trở về thấy hoàng hậu giả hình dung đổi khác, tưởng vì vắng mình nàng buồn nên mới như vậy. Hoàng hậu giả đưa những thứ đổi được ra khoe với vua. Bỗng ông già nọ xuất hiện, được vua đón vào cung tiếp đãi. Vua hỏi thăm ông thấy gì ở dọc đường. - "Tâu bệ hạ tôi có gặp một người bị móc mắt, bẻ răng và bị chặt chân tay. Chị

của bà ấy đối với em như thế đấy! Tôi đã nhờ một em bé đem các vật quý đổi lấy mắt, răng, tay, chân về cho bà ấy. Nếu bệ hạ muốn cứ đến chỗ nọ sẽ gặp". Nhận ra vợ cũ vua đem về lâu đài, rồi ra lệnh cho xiềng mẹ và chị vợ quăng cho thú dữ.

Truyện của người Ka-bi-lo (Kabiles):

Một cô gái có nhiều tướng lạ, khi đi cỏ hoa nở dưới gót. Hoàng tử nghe tin, đón về làm vợ. Cô cùng mẹ con dì ghẻ ra đi. Dọc đường mẹ dì cho cô ăn rất mặn. Khát quá, cô đòi nước: - "Muốn uống phải chịu móc mắt mới được", mẹ dì bảo thế. Cô đành phải nghe theo. Mẹ dì sau khi móc mắt bỏ cô lại, cho con gái thay vào, nhưng cô này không có tướng lạ nên bị lộ và bị hoàng tử đuổi về. Còn cô gái mù được con điều trả cho cặp mắt, và qua nhiều phiêu lưu rắc rối cuối cùng gặp lại hoàng tử[25].

Truyện Ý (Italia):

Một cô gái nhận được một số quà tặng của một con rắn biết ơn. Sau đó cô được một ông vua chọn làm vợ. Hai chị cô ghen tỵ cắt tay, móc mắt cô, rồi một trong hai chị tìm đến lâu đài tự xưng mình là người yêu và được vua lấy làm vợ. Còn cô gái kia được người ta thương hại đưa về chăm sóc. Một hôm giữa mùa đông, có con rắn đến báo tin rằng hoàng hậu có mang đang thèm ăn quả vả, nếu tìm và đưa về thì có thể đổi lấy lại cặp mắt. Một lần khác, rắn lại đến bảo cô tìm quả đào để đổi lấy đôi tay. Nhờ thế cô gái được lành lặn, sau đó cô trở về lâu đài gặp vua.

Truyện khác của Ý sưu tầm ở Tô-xcan (Toscane):

Một bà hoàng thái hậu không ưa con dâu mình. Thừa lúc vua đi vắng, hoàng hậu sai đầy tớ dắt dâu vào rừng giết đi. Nhưng hai người kia động lòng thương, không giết mà chỉ móc lấy cặp mắt đem về cho hoàng thái hậu tin. Bị mù lòa, hoàng hậu gặp một ông già và nhờ ông giúp đỡ, nhận được ở một con rắn ba vật quý. Sau đó nàng nhờ người dắt về lâu đài. Với tám mạng che mặt, hoàng hậu đem hai vật quý đổi lấy hai mắt để được sáng lại như xưa. Lành rồi nàng lại đem vật quý thứ ba tặng mẹ chồng để được phép ngủ bên cạnh buồng nhà vua, do đó vua nhận ra nàng.

Truyện Nga:

Một cô gái là người yêu của vua, một hôm bị một nữ tỳ hóa phép làm cho ngủ say rồi móc hai con mắt. Đoạn hấn bỏ về cung thay chủ lấy vua. Về phía cô gái được một người chăn cừu già nuôi nắng chăm nom. Đêm đêm cô làm mũ đội theo kiểu mũ nhà vua, rồi bảo ông già lần lượt đem đi bán để đổi lấy đôi mắt, v.v...

Về đoạn kết mẹ ăn thịt con, một số truyện ở các nước cũng có những hình ảnh và mức độ trừng phạt tương tự. Sau đây là một số truyện:

Truyện Xi-xin (Sicile):

Một người dì ghẻ giết con gái của chồng vốn là vợ vua, rồi đem con mình thế vào, đại thế cũng gần với diễn biến của nhiều truyện trên. Sau đó mưu gian bị bại lộ. Vua sai cắt cô gái này làm ngàn mảnh đem ướp vào thùng, gửi về cho mẹ dì ghẻ nói là mắm cá thu của con gái. Khi mẹ bắt đầu ăn, một con mèo nói: - "Cho tôi chút gì tôi khóc giúp cho!". Mẹ đánh đuổi mèo. Nhưng khi sắp ăn hết thấy đầu lâu con, mẹ đập đầu vào tường mà chết. Con mèo nhảy lên hát: - "Mẹ không cho tôi gì cả, tôi chẳng khóc giúp đâu!".

Một truyện khác của người Ka-bilơ (Kabiles):

Một cô gái bị mẹ con người dì ghẻ làm cho cực khổ. Sau khi lấy chồng, cô vạch người chồng thấy tội ác của chúng và nhờ trả thù họ. Chồng hỏi: - "Trả thù như thế nào?" - "Buộc nó (em gái con dì ghẻ) vào đuôi ngựa, cho ngựa kéo qua các bờ bụi". Chồng làm theo. Sau đó, cô cắt thịt nấu lên gửi về cho mẹ nó và em nó. Đưa em, ăn đến con mắt, ngờ vực nói: - "Ô mẹ! Con mắt này là của chị con". Người mẹ không muốn tin. Một chốc sau, nó lại nói: - "Mẹ nhìn này, con đem miếng thịt này cho một người nào đó để họ khóc cho chị con một tý". Một con mèo nói: - "Vậy thì cho tôi miếng ấy, tôi sẽ khóc bằng một mắt".

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères):

Một đứa trẻ tên là Ba-gơ-di-đít bị mẹ chẳng bắt. Trong khi bận đi gọi khách đến dự tiệc, mẹ giao cho con gái mình ở nhà làm thịt đứa trẻ nấu ăn. Trong hang, Ba-gơ-di-đít hát lên. Cô gái muốn nghe tiếng hát, bèn kéo hán lên khỏi hang. Ba-gơ-di-đít xay hạt với nó rồi chơi trò chẵn lẻ, hện ai thắng thì được cắt tóc kẻ thua. Ba-gơ-di-đít thắng, cầm dao cắt tóc cô kia rồi bắt ngờ cắt cổ. Đoạn, mang bộ tóc và áo quần của nó vào để cải trang. Lại bỏ thịt vào nồi sau khi cắt cặp vú bỏ dưới chiếu. Khi mẹ mời khách về, ăn thịt con vẫn tưởng là thịt Ba-gơ-di-đít. Một con mèo nói: - "Thịt ấy có mùi sữa bà đấy!". Mẹ đánh đuổi mèo, nói: - "Đi ra mau, bố mẹ mày, bố mẹ giống nồi mày nói điều!".

Truyện ở Bắc Ấn:

Một đứa trẻ trèo cây hái quả. Sắp ăn thì một mẹ phù thủy đi qua làm bộ hỏi xin một quả. Nó vít nhánh xuống cho mẹ hái, bắt đồ mẹ chụp được tay, bắt bỏ vào bị. Dọc đường mệt quá, mẹ đặt bị nghỉ lại. Nó chui ra, lén bỏ đá và gai vào bị rồi trốn về. Mấy ngày sau, nó lại bị mẹ bắt được. Mẹ bảo con dâu chặt từng miếng bỏ vào nồi để mẹ còn đi mua tiêu muối. Sắp hạ thủ, con dâu ngấm thấy thằng bé xinh, bèn nói: - "Con mắt mày sao đẹp thế, đầu lại tròn...". Đáp: - "Mẹ tôi chăm chút lắm mới được thế đấy. Mẹ tôi lấy kim nung lửa rồi châm vào mắt, còn đầu thì dùng chày giã gạo sữa mãi mới được thế" - "Tao muốn được giống như mày". - "Khó gì". Em dùng chày bắt thành linh choảng cho nó chết rồi chặt khúc bỏ vào nồi. Đoạn mặc quần áo của nó ngồi ở góc buồng. Mẹ về nấu xong múc súp cho cả nhà ăn, cho con mèo một phần. Mèo nói: - "Nhỏ đi, mẹ chồng ăn thịt nàng dâu!". Mẹ hỏi: - "Mày nói cái gì?". Đứa bé nói: - "Để tôi ra ngoài

một tý rồi tôi sẽ nói cho mà biết!". Rồi chạy mất. Mụ chờ mãi không thấy, khi nhìn vào nồi mới rõ sự thật.

Người Ấn-độ còn có truyện kể một hoàng hậu hành hạ con chồng, cuối cùng giết chết nó. Về sau, hành vi của mụ bị vua phát hiện và xử vào tội chết, nhưng ở đây, mụ bị đốt cháy lầy xương gửi về cho mẹ mụ.

Ở truyện của người Tô-xcan (Toscane) thì mức độ trừng phạt nặng hơn, bằng hình ảnh mụ dì ghẻ tự tay mình đổ nước sôi vào con đẻ:

Một cô gái tên là Nê-na hàng ngày phải đi chăn bò, còn phải kéo cho dì ghẻ nửa cân len. Một bà già bảo con bò cái kéo giúp. Ngày hôm sau, mụ sai con mình đi theo để dò biết tại sao Nê-na làm tròn công việc. Bà lão bảo cô chải tóc cho em để nó ngủ say, rồi mới sai bò kéo len. Hôm sau, cô em lại đi nhưng giả bộ ngủ say, nhờ đó biết được sự thật và Nê-na bị dì đánh.

Hoàng tử đến hỏi Nê-na "cô gái đẹp" làm vợ. Mụ dì ghẻ đánh tráo con mình vào để thay thế, còn cô chị thì mụ bỏ vào thùng, định giới nước sôi cho chết. Một con mèo kêu lên: - "Meo, meo, cô gái đẹp thì ở trong thùng, còn cô gái xấu thì ngồi trên ngựa vua". Hoàng tử nghe ra, bèn đi tìm, quả thấy "cô gái đẹp". Lập tức bỏ cô kia vào thùng và đón Nê-na về. Mụ dì không biết việc đó, cứ giới nước sôi, thành ra chết con đẻ[26].

Trái với truyện trên, ở nhiều truyện của một số dân tộc khác, sự trừng phạt đối với mẹ con mụ dì ghẻ lại có vẻ nhẹ nhàng. Chẳng hạn như truyện của Ru-ma-ni (Roumanie) mà Hoàng Thị Đậu[27] có nhắc đến. Ví dụ truyện *Bồ câu của nàng I-lê-a-na Cô-sin-de-a-na* (không có việc trả thù); truyện *Con gái ông lão và con gái bà lão* (mụ dì ghẻ không bị phạt, chỉ cô gái mụ phải sống cô độc suốt đời, v.v...). Theo tác giả, nếu "chúng ta so sánh sự đối xử của mẹ con mụ dì ghẻ trong các bản khác nhau của Ru-ma-ni với những hành động tàn bạo của mẹ con mụ dì ghẻ trong các bản khác nhau của Việt Nam, ta sẽ thấy mức độ ác nghiệt, tàn bạo rất khác nhau; do đó mức độ trừng phạt cũng khác nhau. Tuy vậy, những truyện thuộc loại Tấm Cám của Việt-nam và của Ru-ma-ni đều biểu hiện chung tư tưởng là "ác giả, ác báo", "gieo gió thì gặt bão".

Cô-xcanh (Cosquin) trong sách đã dẫn, có trình bày một loạt truyện lưu hành ở các nước mà ông gọi là *Tro Bếp nam* (Cendrillon masculin), nhân vật chính không phải nữ mà là nam, lúc bé có vẻ lười biếng, ngây ngô, nằm mãi không dậy, lấm lem vì vùi trong tro, v.v... Nhưng đến một lúc nào đó trở nên có sức mạnh ghê gớm, ăn khỏe, làm nên những kỳ tích, v.v... (Xem Khảo dị truyện *Thánh Gióng*, số 134, tập III).

[1] Câu này theo *Bản khai của xã Diên Lễ*.

[2] Dựa theo Đỗ Thận. *Một truyện kể An-nam về cổ tích Tro bếp*, BEFEO, tập VII, q. 1-2 (1907), và lời kể của người miền Bắc.

[3] Theo bản khai của xã Hoàng-tràng.

[4] Theo *Loại cổ tích hay*, đã dẫn.

[5] Theo Phong Châu. *Tấm, Cám có thật ở Việt Nam không?* Tập san *Nghiên cứu Văn sử địa*, số 39 (1958).

[6] Theo lời kể của người vùng Dương-xá (Bắc-ninh).

[7] Tình tiết này theo Đinh Gia Khánh, *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện Tấm Cám*.

[8] Trong Tạp chí *Đông-dương*, tập XX (1913) và Lãng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

[9] *Một truyện Tro Bếp An Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu truyền thống dân gian* (tiếng Ý) *Pa-léc-mơ* (1896).

[10] Theo Lãng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Champa*.

[11] Theo Lê Trọng Khánh, An Ly, Đỗ Thiện. *Truyện dân gian Campuchia*.

[12] Theo *Truyện cổ Việt Bắc*, đã dẫn

[13] Theo Pha-ra (Pourra) sách đã dẫn, tập I. Truyện *Cô Tro Bếp* hay là *Chiếc hài cườm pha lê* phổ biến ở châu Âu cũng như ở Pháp lại kể như sau: Có hai chị em cùng cha khác mẹ. Dì ghẻ bắt con chồng làm việc nặng nhọc. Tuy rách rưới nhưng Tro Bếp (hay Lọ Lem) vẫn xinh đẹp. Một hôm hoàng tử mở dạ hội, cho mời những người danh giá tới dự. Hai cô chị được mời, ăn mặc rất choáng lộn, bắt Tro Bếp vắn tóc cho chúng, v.v... Khi chúng đi rồi, Tro Bếp ngồi khóc. Một nàng tiên (ở đây không nói là mẹ cô) xuất hiện bảo ra vườn hái một quả bí. Đoạn, gõ gậy vào, bí bỗng hóa thành một cỗ xe mạ vàng. Lại bắt sáu con chuột nhắt gõ gậy vào hóa thành sáu con ngựa, một con chuột cống hóa thành người đánh xe. Lại biến sáu con mối thành sáu người hầu, biến quần áo rách rưới của Tro Bếp thành áo bằng gấm vóc và cho thêm một đôi hài cườm pha lê. Sắp đi, nàng tiên còn dặn đến nửa đêm phải về, bằng không thì có chuyện không hay.

Hoàng tử nghe tin báo có một nàng công chúa đẹp và sang, vội chạy ra đón vào nháy. Lúc ấy trăm con mắt đều nhìn nàng trăm trờ. Cho đến 11 giờ, Tro Bếp nhớ lời nàng tiên, vội trở về thật nhanh. Đến khi hai chị về gõ cửa, Tro Bếp giả vờ dụi mắt bước ra. Đến hôm sau Tro Bếp lại đi dự, nhưng cô mãi mê thích thú quên cả lời nàng tiên dặn. Đồng hồ điểm 12 giờ mới vội chạy về, đánh rơi chiếc hài. Hoàng tử nhặt được và cũng có chuyện ướm chân. Hai chị ướm không vừa, còn chế giễu Tro Bếp, không ngờ Tro Bếp chẳng những đi vừa lại còn rút nốt chiếc hài trong áo ra đi nốt vào chân kia. Nàng tiên lại hiện ra hóa phép cho Tro Bếp có áo quần lộng lẫy. Hai chị mới biết nàng công chúa hôm nọ với Tro Bếp là một. Sau khi làm lễ cưới, Tro Bếp đem hai chị gả cho hai quan to trong triều (theo Pê-rôn (Perrault)).

[14] Theo *Miến Điện, dân gian cổ sự*.

[15] Theo Đinh Gia Khánh, sách đã dẫn.

[16] Theo *Truyện cổ Việt Bắc*, đã dẫn. Xem thêm truyện *Nàng Khao Nàng Đăm* ở Khảo dị truyện số 12, tập I, cũng có người mẹ hổ.

[17] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I, đã dẫn.

[18] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập I. Truyện này theo chúng tôi, người kể chắc bỏ sót một số tình tiết.

[19] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập II, đã dẫn.

[20] Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tê-nê-dơ (Ténèze). *Truyện cổ tích dân gian Pháp*, quyển II.

[21] Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập I.

[22] Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, tập II.

[23] Một truyện trong *Pen-ta-mơ-ron* giống truyện trên. Đại thể là: một cô gái yêu một hoàng tử bị một nữ nô hóa phép thành chim bồ câu rồi lấy hoàng tử thay cô gái. Bồ câu nhiều lần bay đến lâu đài hỏi đầu bếp mọi việc. Nữ nô ra lệnh cho đầu bếp bắt bồ câu làm món rô-ti. Chỗ quăng lông bồ câu mọc lên một cây quýt đẹp có ba quả. Vua hái một quả bóc ra tự nhiên thấy người yêu thật xuất hiện.

[24] Tác giả sách này là Đoàn Thành Thức (?-863). Truyện trên do ông sưu tầm "ở phương Nam". Đinh Gia Khánh, sách đã dẫn, đoán là vùng Ung-châu, tức là vùng dân tộc Choang (Quảng-tây, Trung-quốc).

[25] Người Hy-lạp (Grèce) kể chuyện này như sau: Một cô gái đi với người vú nuôi đến xứ người yêu để làm vợ một hoàng tử. Vì vú nuôi chủ ý cho ăn mặn nên khát quá, cô xin nước uống. Vú nuôi bảo: - "Ở xứ này nước đất, mỗi một ngụm đổi lấy một con mắt". Cô lần lượt chịu cho móc hai mắt để khỏi chết khát. Vú bèn bỏ nàng lại, đưa con gái đẻ của mình vào cung làm vợ hoàng tử. Cô gái mù được một bà già hảo tâm nuôi nấng. Cô vốn có tướng khi cười thì có hoa hồng hiện ra. Bèn sai bà già mang hoa hồng vào cung đổi lấy mắt. Cuối cùng mắt cô cũng sáng trở lại và được lấy hoàng tử.

[26] Phần nhiều những truyện kể trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren và Những truyện cổ tích Ấn Độ và phương Tây*, v.v...

[27] Trong bài *Một số tư liệu để tiến tới so sánh truyện Tấm Cám của Việt Nam và Ru-ma-ni* (*Tạp chí văn học*, số 3-1963).

My Châu – Trọng Thủy hay là Truyện Nỏ Thần

Ngày xưa trị vì cõi đất Âu-lạc có một ông vua tên là An Dương Vương. Vua có một nàng công chúa tên là My Châu. My Châu rất xinh đẹp và ngày ấy đã đến tuổi yêu đương. Vua chỉ có một mình nàng là con gái nên rất yêu thương chiều chuộng.

Vua An Dương Vương lại là người chăm lo việc triều chính. Từ khi bờ cõi mở rộng, vua nghĩ đến việc kinh doanh và phòng thủ đất nước, -"Phải có một tòa thành kiên cố thì mới giữ được giang sơn xã tắc lâu dài".

Nghĩ vậy, vua sai người đi chọn đất đặt kinh đô và ra lệnh cho đình tráng cả nước phải lần lượt về phục dịch việc xây thành. Nhưng điều làm cho mọi người ngạc nhiên là thành hễ xây lên cao quá đầu người, thì chỉ trong một đêm tự nhiên đổ sụp. Xây đi xây lại đã mười bận, lớp dân phu này về có lớp khác đến, ấy thế mà thành vẫn không xong.

Chắc là do trời làm, vua nghe lời các quan, bèn sai lập đàn rồi tự mình trai giới cầu cúng. Sau mấy ngày đêm, một buổi sáng bỗng thấy một cụ già từ biển đi vào báo cho vua biết là sẽ có thần Kim Quy là sứ giả của thần Thanh Giang đến giúp vua xây thành. Quả nhiên sáng hôm sau trong khi mọi người chầu chực ở Cửa Đông thì trên mặt nước, thần bỗng xuất hiện dưới dạng mạo của một con rùa vàng to lớn rực rỡ. Đặt chân lên đất, rùa liền tự xưng là sứ giả Thanh Giang. Thị vệ đã chực sẵn bèn đem đến một mâm vàng cho rùa trèo lên. Gặp vua, thần Kim Quy cho biết:

- Thành sở dĩ xây lên đổ xuống là vì có nhiều yêu quái phá phách. Chúng nó biến hóa thiên hình vạn trạng. Thấy nhà vua có lòng thành, tôi sẽ vì nhà vua tìm cách diệt trừ.

Chẳng bao lâu nhờ phép thần thông của thần Kim Quy, yêu quái bị tiêu diệt không còn một móng. Thần còn ngày đêm bảo cách cho nhà vua xây thành. Để bảo vệ hoàng cung, thành được đắp nhiều lớp vòng quanh theo lối tròn ốc chưa đâu có. Vì thế người ta gọi là Loa thành (thành ốc). Kẻ địch dù có vượt qua cửa

thành này cũng phải trả giá đắt nếu muốn lọt vào tận cung vua. Chỉ trong vòng nửa tháng, tòa thành đồ sộ xây xong. Vua An Dương Vương mừng rỡ, đãi thần rất mực cung kính. Trước khi thần từ biệt ra về, vua nói:

- Cảm tạ thần linh đã giúp cho việc diệt trừ yêu quái, xây xong tòa thành vững vàng này. Dân Âu-lạc đời đời không dám quên ơn. Nhưng một mai nếu có giặc ngoài đến vây đánh thì lấy gì mà chống?

Thần Kim Quy bèn rút một cái vuốt của mình trao cho vua và nói:

- Ta biếu nhà vua cái này, dùng nó làm lẫy nỏ thì không còn lo gì nữa.

Thấy vua vẫn còn tỏ vẻ lưu luyến, thần lại dặn tiếp:

- Nếu một mai có việc gì cần, thì cứ gọi "Sứ giả Thanh Giang" ba lần, ta sẽ đến giúp!

Nói đoạn, thần đi thẳng xuống biển. Vua An Dương Vương đưa vuốt cho viên tướng Cao Lỗ, bảo làm lẫy nỏ như lời dặn của thần. Nỏ làm xong, mỗi một phát bắn hàng ngàn mũi tên tua tủa bay vút ra, kẻ địch dù đông cũng khó lòng sống sót.

Hồi bấy giờ, ở phía Bắc Âu-lạc có nước Nam-việt của Triệu Đà là một nước cường thịnh. Cây cỏ đất rộng, dân đông, lại thiện chiến, Triệu Đà mấy lần kéo quân sang đánh, nhưng mỗi lần vượt cõi là một lần chuốc lấy thất bại. Bên này An Dương Vương sai đem nỏ thần ra bắn. Mỗi phát bắn ra, tên bay rào rào, quân Nam-việt chết như rạ. Thấy nhiều phen bị thiệt hại nặng nề, Triệu Đà đành phải gác chuyện can qua. Tuy vậy hấn vẫn còn căm tức, ngày đêm trù mưu tính kế để chiếm cho được Âu-lạc mới thỏa dạ.

Nghe nói vua An Dương Vương có cô con gái chưa chồng, Triệu Đà mượn cơ giảng hòa, cho sứ giả sang cầu hôn My Châu cho con trai mình là Trọng Thủy. Mục đích đích của hấn không phải là thắt chặt tình giao hiếu giữa hai nước mà để dò xét tình hình Âu-lạc. Thấy địch muốn chuyện cầu thân, đổi bụng hấn thù ra đường tình nghĩa, An Dương Vương vui lòng nhận lời. Cuộc hôn nhân không mấy chốc đã thành. Theo phong tục, chàng rể phải sang ở nhà bố vợ một thời gian, gọi là ở gửi rể. Hôm động phòng, tai tài gái sắc gặp nhau, tình cảm mặn nồng không nói hết.

Lấy được My Châu rồi, Trọng Thủy lân la hỏi vợ về nội tình Âu-lạc như lời bố mình dặn dò trước lúc đi làm rể. Chàng tỉ tê gạn vợ:

- Tại sao dân Âu-Lạc không đông, nhưng mỗi lần ra quân đều thu được thắng lợi?

My Châu trước chỉ mỉm cười không đáp. Nhưng ngày một ngày hai, thấy chồng thật lòng yêu thương, và nghĩ hai nước đã trở nên một nhà, nên nàng không còn nghi ngờ gì. Dần dần nàng cho chồng biết nào là việc yêu quái phá thành,

việc cầu được thần Kim Quy diệt trừ yêu quái, nào việc thần dạy cho cách xây thành, việc tặng cho vuốt thần để làm lẫy nỏ, v.v... Trong cơn say đắm, My Châu không tiếc gì cả. Nàng còn giấu cha mình dẫn chồng đến xem trộm nỏ thần ở một ngôi đền cạnh cung vua. Nhân vợ không để ý, Trọng Thủy bèn lấy trộm nỏ thần thật mà đánh tráo vào một lẫy nỏ giả.

Sau đó mấy hôm, Trọng Thủy nói dối với vợ và bố vợ rằng mình xa cha ngái mẹ đã lâu, nên xin phép được về thăm cho thỏa lòng mong nhớ, rồi ít lâu sau lại xin trở lại. Cả vợ chàng và An Dương Vương đều bằng lòng.

Lúc từ biệt vợ, Trọng Thủy tỉ tê:

- Chuyến đi này tôi nhớ nàng khôn xiết. Trong khi tôi về bên ấy, ngộ nhớ hai nước lại có chuyện bất hòa, Nam bắc cách biệt, tôi muốn đi tìm nàng thì biết làm thế nào để gặp được nhau?

My Châu đáp:

- Thiếp có cái áo lông ngỗng, lông nó sáng rực khác thường, thiếp sẽ mặc vào người, đi đến đâu rút lông rắc dọc đường. Chàng cứ theo dấu ấy mà tìm gặp.

Lại nói chuyện Triệu Đà vừa nắm được lẫy nỏ thần vào tay, lập tức hạ lệnh kéo quân xâm lăng Âu-lạc. Nghe tin biên giới báo về gấp, vua An Dương Vương cười ha hả mà rằng:

- Giặc Đà hết sợ nỏ thần của ta rồi hay sao?

Nói rồi vẫn một mực coi thường không lo lắng gì cả. Cho đến khi quân địch đã đến sát chân thành, vua mới sai đem nỏ thần ra bắn, thì ôi thôi lẫy nỏ đã bị đánh tráo, không còn màu nhiệm như trước nữa.

Thấy quân địch ào ào xông tới vây thành như kiến cỏ, vua An Dương Vương vội vã nhảy lên mình ngựa, bảo My Châu ngồi sau lưng, rồi nhân tối trời thoát ra khỏi thành cho phi một mạch về hướng Nam.

Trong khi quân Nam-việt chưa biết vua An Dương Vương chạy về hướng nào để mà đuổi thì Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng của vợ, bèn thúc ngựa đuổi theo sát nút. Phía trước, con ngựa chở cha con An Dương Vương cứ theo dọc bờ biển phi miết, luôn mấy đêm ngày. Một buổi sớm, ngựa đến sát dưới chân một hòn núi, cung quanh là làng xóm đông đúc. Vua hỏi một bô lão bên đường:

- Núi này là núi nào?

Bô lão đáp:

- Tàu bệ hạ, đây là núi Mộ-dạ, đã sắp đến vùng Nam-giới.

Thấy đã tới lúc cùng đường, vua sực nhớ tới lời dặn của thần Kim Quy, bèn ngựa cổ kêu lên mấy lần:

- Hỡi sứ giả Thanh Giang, mau mau trừ giặc giúp ta!

Bỗng nhiên từ biển cả, thần Kim Quy hiện kên sừng sững khỏi mặt nước, nói to:

- Người ở sau lưng nhà vua chính là giặc đó!

Vua An Dương Vương quay lại nhìn không thấy ai chỉ thấy My Châu, liền hiểu ra nông nỗi. Cơn giận bốc lên dữ dội, vua bèn tuốt kiếm chém chết con gái yêu. Đoạn vua tìm lại thần Kim Quy thì thấy thần đang rẽ nước cho mình đi xuống biển cả.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đến núi Mô-dạ thì chỉ còn thấy xác My Châu. Vừa thương vợ, vừa hối hận về việc mình làm, Trọng Thủy bèn ôm xác vợ than khóc hồi lâu, rồi cũng nhảy xuống một cái giếng tự tử.

Người ta nói máu My Châu chảy xuống nước, những con trai con hến ăn vào đều hóa thành ngọc. Ai bắt được ngọc ấy đem đến rửa ở giếng Trọng Thủy trẫm mình thì sắc ngọc tự nhiên rực lên[1].

KHẢO DỊ

Về tình tiết vua An Dương Vương trừ yêu quái phá thành, *Lĩnh-nam chí* chép như sau:

"Vua ra cửa đông chờ đợi, chợt thấy một con rùa vàng từ phương Đông lại, nổi lên mặt nước nói sõi tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang, thông tỏ mọi việc trời đất, âm dương, quỷ thần. Vua mừng rỡ nói: -" Điều đó chính cụ già đã báo cho ta biết trước". Bèn rước vào trong thành ngồi trên điện, hỏi vì sao xây thành không được. Rùa vàng đáp: -"Cái tinh khí ở núi này là con vua đời trước, muốn báo thù cho nước, lại có con gà trống trắng sống ngàn năm hóa thành yêu tinh ẩn ở núi thất diệp. Trong núi có ma, đó là hồn người nhạc công triều đại trước chôn ở đấy. Ở bên cạnh có một quán trọ cho khách vắng lai, chủ quán trọ tên là Ngộ Không. Ngộ Không có một người con gái. Lại có một con gà vốn là dư khí của quỷ tinh, phàm có khách qua đường nghỉ chân ở quán, quỷ tinh biến hóa thành muôn hình vạn trạng để làm hại. Vì thế người chết rất nhiều. Nay con gà trống trắng lại lấy con gái chủ quán. Nếu giết được con gà trống thì trấn áp được quỷ tinh. Quỷ tinh sẽ tự âm khí thành yêu, hóa ra chim cú ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn tâu cùng thượng đế xin phá thành. Thần sẽ xin bắn rơi lá thư, nhà vua tức tốc nhặt lấy, thành sẽ xây được".

Rùa vàng bèn bảo nhà vua giả làm kẻ hành nhân nghỉ trọ ở quán, đặt rùa ở phía trên khung cửa. Thấy có khách tới, Ngộ Không bảo: -"Quán này có yêu quái, đêm thường giết người. Hôm nay trời chưa tối, xin ngài đi mau, chớ nghỉ lại đây". Vua cười, nói: -"Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì được, ta không sợ". Bèn cứ nghỉ lại. Đến đêm quỷ ở ngoài vào, hét lớn: -"Kẻ nào sao chẳng mau mau mở cửa ra". Rùa vàng hét: -"Cứ đóng cửa thì mày làm gì?". Quỷ bèn biến hóa trăm hình vạn trạng, muôn kể nghìn phương để hòng dọa nạt, sau cùng cũng chẳng dọa nổi vua. Đến lúc gà gáy sáng, quỷ tinh chạy tản, Rùa

vàng cùng vua đuổi theo. Tới núi Thất-diệu, quỷ tinh thu hình biến mất. Vua bèn quay về quán. Sáng hôm sau, chủ quán sai người đến định liệm xác khách trọ để chôn. Thấy vua vẫn cười nói hớn hở, họ bèn cùng chạy tới lay vua mà nói rằng: -"Ngài được thế, tất là thánh nhân. Vậy xin ban thuốc thần để cứu sinh dân". Vua bảo: -"Nhà người giết con gà trắng để tế thần quỷ tinh sẽ tan hết". Ngộ Không y lời đem gà trắng ra giết, người con gái lập tức quay ra chết.

Vua bèn sai đào ở núi Thất-diệu lấy được nhiều nhạc khí cổ và xương cốt. Mới đốt tán thành tro, đem đổ xuống dòng sông. Trời gần tối, vua và rùa vàng lên đến núi Việt-thường, thấy quỷ tinh đã biến thành chim cú sáu chân, ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn. Rùa vàng liền biến thành một con chuột đen theo sau, cắn vào chân cú, lá thư rơi xuống đất. Vua vội nhặt lá thư đã bị nhấm rách quá nửa. Từ đó quỷ tinh bị diệt. Thành xây nửa tháng thì xong"[2].

Chúng tôi cho rằng đây là một truyện thần kỳ có thể khá lý thú, nhưng người chép ban đầu có lẽ không nắm được đầy đủ nội dung, bỏ sót tình tiết, hoặc giả sửa chữa đôi nét nào đó của truyện, vì vậy, rất tiếc là sự phát triển của câu chuyện có chỗ khó hiểu không được lô-gic.

Tạm lý giải câu chuyện trên như sau:

Nghe tin thần Kim Quy sẽ đến giúp, từ sáng vua An Dương Vương đã ra cửa đông đón. Chợt từ biển Đông tiến vào một con rùa vàng. Vào đến nơi, rùa tự xưng: -"Ta là thần Kim Quy, là Sứ Thanh Giang!". Vua mừng rỡ đón về cung, hỏi: -"Xin cho biết vì hầu xây lên lại đồ?" thần đáp: -"Đó là do âm hồn của một hoàng tử cốt báo thù việc nhà vua đã gôm thâu nước của y. Hoàng tử đã nhờ một con yêu tinh tên là Bạch Hùng Kê sống ngàn năm thành tinh, dùng núi Việt-thường làm sào huyệt. Nó thường hóa thành chim cú sáu chân, miệng ngậm một đạo bùa, đạo bùa này có liên quan đến sinh mệnh của nó. Đạo bùa này mà vào tay ai thì nó sẽ chết ngay. Để giúp hoàng tử, nó bay lên cây chiên đàn cao tận trời gọi hung thần về làm đồ thành. Nó còn hay đi lại núi Thất-diệu. Ở đây có con quỷ vốn là âm hồn một nhạc công thường biến hóa nhiều cách để làm hại khách qua lại. Yêu tinh và quỷ đã từng hãm hại rất nhiều người. Gần núi Thất-diệu lại có một cái quán, chủ quán tên là Ngộ Không. Ngộ Không tối tối thường không ở lại quán mà về nhà ở làng. Ngộ Không có một người con gái và một con gà trống trắng. Con gà này chính là một vía của Bạch Hùng Kê. Nó đã lén lút bắt cô gái làm vợ. Nếu giết được nó thì Bạch Hùng Kê sẽ yếu đi. Bây giờ tôi sẽ tìm cách làm cho Bạch Hùng Kê phải nhả đạo bùa. Nhà vua phải nhặt lấy, phá tan đạo bùa thì nó sẽ chết, Bạch Hùng Kê mà chết thì thành sẽ xây xong".

Nói đoạn, thần Kim Quy khuyên vua cải trang thành một khách bộ hành đến xin trọ ở quán Ngộ Không. Thần cùng đi với vua. Đến nơi thần giấu mình ở phía trên khung cửa. Thấy vua xin trọ, Ngộ Không nói: -"Quán này có quỷ, đêm thường hại người. Bây giờ hãy còn sớm, quý khách nên tìm trọ nơi khác, đừng nghĩ lại đây". Vua cười đáp: -"Sống chết có số. Nếu số ta chưa đến lúc chết thì ta sợ gì ma quỷ". Bèn cứ ở lại đóng chặt cửa. Đêm ấy vua nghe tiếng quỷ gọi

cửa âm âm. Vua vẫn im lặng xem quỷ làm gì. Không vào được, quỷ liền hóa hết phép này đến phép khác, nhưng vì có thần Kim Quy, cuối cùng vẫn không vào được. Cho đến gà gáy, quỷ đành rút lui. Thần Kim Quy cùng vua đuổi theo. Tới núi Thất-diệu chỗ có một cái gò, quỷ liền biến mất.

Sau đó vua trở lại quán của Ngộ Không. Sáng ngày ra, Ngộ không dẫn người nhà đến quán định để chôn xác người khách trọ hôm qua, nhưng y ngạc nhiên khi thấy vua còn sống, bèn sụp lạy và nói: -"Ngài hẳn là một vị Thánh. Xin ngài làm ơn ban cho phép thần để cứu sinh dân". Vua bảo: -"Người hãy về giết con gà trắng để làm lễ cúng thần, quỷ sẽ hết". Ngộ Không nghe lời, về bắt gà giết. Gà chết đưa con gái của Ngộ Không cũng chết theo. Vua ra lệnh cho đào chỗ gò ở núi Thất-diệu, tìm được các nhạc khí và xương cốt, bèn cho đốt thành tro đổ xuống sông.

Chập tối hôm ấy, vua cùng thần Kim Quy lên núi Việt-thường. Lúc bày yêu tinh đã biến thành chim cú sáu chân đang ngậm đạo bùa bay lên cây chiên đàn. Thần Kim Quy lập tức biến thành con chuột đen bò ngay lên cây, thoát chốc đã đuổi kịp cắn vào chân chim cú đang đậu ở cành. Cú đau quá há miệng đánh rơi đạo bùa xuống đất. Vua đã chờ sẵn, nhặt lấy hủy ngay, yêu tinh liền bị diệt.

Từ đó yêu quái trong vùng trừ xong, vua xây được thành[3].

Ngày ấy ở làng Nhội xuất hiện một bày yêu quái, cầm đầu là một con gà trắng hai mỏ (Bạch Kê) quấy nhiễu dân lành, làm cho mọi người vô cùng đau khổ. Làng Nhội vì thế trở nên xơ xác, người ta gọi là làng Ma-lôi. Khi vua An Dương Vương xây thành thì yêu quái đêm đến biến thành một bày lợn dữ dùng nang dũi đổ thành. Thấy thành xây mãi không xong, các nàng tiên thương hại, một đêm nọ đem quang sọt xuống đắp giúp. Sau khi đào đất chất đầy sọt, các nàng gánh tới định xây thành, nhưng Bạch Kê đã giả cất tiếng gáy. Nghe tiếng gà gáy các nàng tưởng là đã đến lúc phải về trời nên đổ vội đất dọc đường để về. Thế là việc giúp không xong. Ngày nay, chỗ các nàng tiên đào đất người ta gọi là Ngã ba Xà, đất đổ thành gò đồng, nay là đồng Nắm, đồng Mẹo, đồng Vẹo... và làng có tên là làng Tiên-hội.

Yêu quái từ đấy đắc chí phá phách mãi không thôi. Vua An Dương Vương lo sợ, bèn lập đàn cầu. Tự nhiên một hôm có một nhà đạo sĩ chống gậy đến gặp vua xin chỉ mình trừ yêu. Vua tiếp đón rất trọng thể. Tay cầm gậy, tay cầm kiếm, đạo sĩ thọc kiếm vào gò cuối cùng kéo ra cái đầu của Bạch Kê đưa cho vua và bảo: -"Thế là trừ xong, Bệ hạ cứ bêu cái đầu này lên, yêu quái sợ sẽ tránh xa". Vua lưu luyến hỏi: -"Xin người cho biết người từ đâu tới, nay về đâu?". Chỉ tay lên núi Thất-diệu, đạo sĩ nói: -"Ta tu luyện trên núi kia, cảm lòng thành của vua, đến giúp trừ yêu diệt quái để xây cho xong thành. Nay mọi việc đã xong, ta trở về". Nói rồi đạo sĩ về núi sau khi tặng vua cây gậy hình lông chim và nói: -"Đó là lông chim thần của thầy ta cho, nó có phép chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan, chỉ ngàn ngàn cháy". Khi vua An Dương Vương xây xong thành, liền lên núi lập đền thờ, phong là Trấn Thiên Huyền Võ Thiên Chân[4].

Trung quốc có chuyện *Rùa giúp Trương Nghi xây thành*:

Tần Huệ Vương muốn đánh xứ Thục mà không biết đường, bèn làm năm con trâu đá, lấy vàng dắt ở đuôi, phao tin là trâu đá ỉa ra vàng. Vua Thục nghe tin, lòng tham nổi lên, sai trai tráng tìm cách đem con trâu ấy về. Do đó họ san núi lấp khe làm thành lối đi. Vua Tần sai Trương Nghi và Tư Mã Thác cứ theo con đường sẵn ấy, kéo quân vào đánh nước Thục. Vì thế con đường ấy có tên là đường Thạch-ngưu (trâu đá).

Sau khi diệt được nước Thục, Trương Nghi cho xây ở đây một cái thành, nhưng thành hồ xây lên lại đổ. Sau đó từ chân hồ bỗng xuất hiện một con rùa lớn ra đi cho nganh quần. Trương Nghi bèn cho người noi theo dấu chân của rùa mà xây thành. Nhờ vậy mà thành xây xong. Vì thế thành có tên là Quy thành (thành rùa)[5].

Sự tích thần Bạch Mã đại vương thờ ở phường Hà-khẩu, Thăng-long, cũng có mô-típ tương tự. Khi nhà Lý xây dựng thành Đại-la của Cao Biền, đắp mãi không xong. Bỗng một con ngựa trắng từ trong đền xuất hiện rồi chạy theo hướng của nó một vòng, dấu chân in sâu xuống đất, cuối cùng lại chạy vào đền biến mất. Quan quân theo dấu đắp mà thành công[6].

Về chỗ lấy vuốt (hay móng) rùa làm lẫy nỏ và sự phản bội đất nước của My Châu, sách *Việt kiều thư* chép như sau:

Xưa, vùng các động người Man ở Nam-việt thời nhà Tần nổi tiếng có sức mạnh. Về phép dùng nỏ thì họ rất giỏi: mỗi một phát tên bằng đồng của họ bắn ra xuyên qua hơn 10 người. Vua Nam-việt là Triệu Đà sợ. Hỏi ấy vua Man có người con gái tên là Lan Châu xinh đẹp, lại giỏi nghề làm nỏ. Triệu Đà bèn kết hiếu với vua Man, cho con trai mình sang làm rể, lấy Lan Châu làm vợ. Sau ba năm làm rể, người con Triệu Đà học được phép làm nỏ. Lúc trở về, Triệu Đà bèn cử binh đánh bắt được vua Man.

Một truyện khác của Việt-nam tình tiết cũng y hệt như truyện *My Châu - Trọng Thủy*, nhưng ở đây nhân vật chính lại là Cáo nương và Nhã lang:

Triệu Quang Phục ở trong đầm lầy nhiều năm cầm cự với tướng nhà Lương. Trước tình thế khó khăn, Triệu bày đàn đốt hương cầu đảo. Bấy giờ mới có tiên Chử Đồng Tử cưỡi rồng đi qua, tiên bèn nhổ một cái móng rồng trao cho, bảo gắn lên trên mũ râu râu. Nhờ vậy trận nào Triệu cũng thắng lợi. Sau khi đuổi được quân Lương về bắc, Triệu làm vua ở thành Long-biên. Bấy giờ có Lý Phật Tử nổi nghiệp nhà Lý, đem quân năm lần đánh nhau với quân Triệu. Biết Triệu có phép lạ, không thể thắng được, Lý bèn giải hòa, hai bên chia địa giới ở bãi Quân-thần. Lý lại cho con trai là Nhã Lang lấy con gái Triệu là Cảo nương. Trong thời kỳ ở rể, Nhã Lang bảo vợ: -"Cha nàng có thuật gì đánh lui được quân cha ta?" Cảo Nương cả tin, cũng như My Châu, bèn lấy trộm mũ râu râu có móng rồng cho chồng xem. Nhã Lang bèn trộm móng rồng, rồi cũng xin phép trở về thăm bố mẹ. Được móng rồng, Lý Phật Tử đem quân đánh úp Triệu, Triệu thua, đưa con gái đi trốn và cùng nhảy xuống biển chết[7].

Thần thoại Hy-lạp (Grèce) có câu chuyện tương tự với các truyện trên:

Ni-xốt vua nước Mê-ga-rơ chống nhau với Mi-nốt vua xứ Cờ-rét. Con gái Ni-xốt là Xy-la lại là người yêu của Mi-nốt. Nhân lúc bố mình ngủ say, nàng bèn nhổ sợi tóc đặc biệt của bố (sợi tóc này màu đỏ mang sinh mệnh của Ni-xốt cũng như của cả nước Mê-ga-rơ). Nhưng Mi-nốt lại không nhận lễ vật (sợi tóc) của Xy-la mà dốc quân vây thành. Chiếm được thành, Mi-nốt ném Xy-la xuống biển. Thất vọng, nàng bơi theo tàu của cha bấy giờ đang trên đường đi trốn. Về sau, nàng hóa thành con cò, còn Ni-xốt hóa thành quạ biển. Quạ biển về sau thường đuổi theo cò, mổ vào đầu có để trị tội phản bội.

Pro-di-luyt-xki (przyluski) trong *Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần trong các truyền thuyết ở Đông Á* có ý xếp khá nhiều truyện cổ ở phương Đông, trong đó có truyện hoàng hậu vua của nước Phù-nam là một con rắn (nơ-gi) lấy Kôn-đi-ni-a, một người khách lạ được thần cho một cây cung kỳ diệu, nhờ đó chiếm được tình yêu của hoàng hậu và trở thành vua nước Phu-nam, coi như là một dị bản của truyện *My Châu - Trọng Thủy*. [8]

Về mô-típ dùng quan hệ hôn nhân để ăn cắp nỏ thần, người Thái còn có truyền thuyết: *Lạng Chương đánh Mường Muối*.

Lạng Chương mấy lần cho quân đánh chiếm Mường Muối, nhưng đều bị Ấm Poi, tù trưởng người Xá đánh bại. Bèn xin làm rể kẻ địch, lấy con gái Ấm Poi là Pha Nhắng. Và trong bữa tiệc cưới, Lạng Chương nói với bố vợ: -"Nay hai bên hòa hiếu, việc gì phải cầm giáo mác cung nỏ nữa cho nó kém vui. Xin đặt cả lên giá". Rồi y cho quân mình thực hành trước. Bên Ấm Poi cả tin làm theo. Không ngờ giá ấy có dây dòn lên xà nhà. Thành linh giữa bữa tiệc, giá được kéo lên cao. Bị tước mất vũ khí, Ấm Poi liền bị bắt sống và sau đó bị giết [9]. Xem thêm ở **Khảo dị** truyện số 62, tập II *Hai ông tướng Đá Rãi*.

[1] Theo Vũ Tường Khanh, *Truyện cổ Việt-nam*.

[2] Theo *Lĩnh nam chích quái*

[3] Phần nào có dựa theo Toan Anh. *Nếp cũ, hội hè đình đám*, quyển Thượng.

[4] Theo *Vùng ven sông Nhị*, tập I, Nhà xuất bản Hà-nội, 1979.

[5] Theo *Thủy kinh chú*.

[6] Theo *Bạch Mã đại vương thượng tự kinh lục bảo tập*. Truyện trên có lẽ cũng bắt nguồn từ một câu chuyện của Trung-quốc tương tự, nói về việc xây một phần của Vạn-lý trường thành.

[7] Theo Đông thanh tạp chí (1932).

[8] *Nghiên cứu của châu Á*, EFEO, t.II (1925).

[9] Theo Cẩm Trọng, Cẩm Quỳnh: *Quả tổ mươn*.

Nguồn: <https://www.sachhayonline.com/tua-sach/kho-tang-truyen-co-tich-viet-nam>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7400 TÁC PHẨM